

# HOÀNG TỤY

GIÁO DỤC: XIN CHO TÔI  
NÓI THẲNG



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

# Table of Contents

[Lời nhà xuất bản](#)

[Suy nghĩ về tình hình giáo dục hiện nay](#)

[Giáo dục và khoa học-một bài toán khó](#)

[Ước nguyện cuối thế kỷ: Một cơ chế thông minh để phát huy nội lực\[9\]](#)

[Đại học Việt Nam trước thềm thế kỷ XXI](#)

[Hiện đại hóa giáo dục để đi vào kinh tế tri thức](#)

[Cần bình đẳng về cơ hội học tập cho học sinh nông thôn](#)

[Những nghịch lý giáo dục](#)

[Chuyện chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư còn nhiều điều chưa ổn](#)

[Giải pháp tiền lương để cứu giáo dục](#)

[Cắt bỏ ba khối u dị dạng trên cơ thể giáo dục](#)

[Kiến nghị - 2004 Chân hưng, cải cách hiện đại giáo dục](#)

[Người thầy trong nhà trường hiện đại](#)

[Vấn đề trong năm mới: Giáo dục là hàng hóa?](#)

[Giáo dục đại học trước áp lực thương mại hóa](#)

[Tài năng trong thời kinh tế tri thức và toàn cầu hóa](#)

[Ngượng](#)

[Có nên đầu thầu các đề tài nghiên cứu khoa học](#)

[Gian lận thi cử có phải do bệnh thành tích?](#)

[Xã hội hóa hay là đẩy gánh nặng cho dân?](#)

[Học phí và đổi mới giáo dục](#)

[Khủng hoảng giáo dục: Nguyên nhân và lối ra trước thách thức toàn cầu hóa](#)

[Để có lớp trí thức xứng đáng](#)

[Kiến nghị - 2009 Cải cách, hiện đại hóa giáo dục](#)

[Giáo dục: Xin cho tôi nói thẳng](#)

[Gian, dỏm - chẳng phải chuyện nhỏ!](#)

[Tái cấu trúc và sửa lỗi hệ thống](#)

# GIÁO DỤC: **XIN CHO TÔI NÓI THẲNG**

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

*“Là người đã gắn bó với giáo dục 60 năm nay, qua đủ mọi cấp học, nếm trải đủ mọi khó khăn từ kháng chiến qua bao cấp, tôi hết sức lo lắng cho nền học của nước nhà. Hơn lúc nào hết trong lịch sử, khắp nơi trên thế giới người ta đều hết sức coi trọng giáo dục. Hơn nữa, ngành này đã thay đổi sâu sắc trong mấy thập kỷ qua. Ngày càng rõ, là chúng ta không chỉ tụt hậu mà nguy hiểm hơn là đang đi lạc khá xa con đường chung của thế giới. Tình hình nghiêm trọng đó được báo động từ 15 năm nay, nhưng chúng ta vẫn đứng đưng, tự ru ngủ bằng những thành giả và lún sâu vào khủng hoảng mà không hay biết. Nếu không sớm tỉnh ngộ để chấn hưng giáo dục thì hội nhập sẽ vô cùng khó khăn.”*

HOÀNG TUY

# Lời nhà xuất bản

Giáo sư Hoàng Tụy sinh năm 1927 tại Quảng Nam. Ông bác ruột<sup>[1]</sup> của Giáo sư là Tổng đốc Hà thành Hoàng Diệu. Khí phách bất khuất của người ông tuần tiết và tầm nhìn xa rộng của người chí sĩ đồng hương đã ảnh hưởng không nhỏ đến Hoàng Tụy. Với tư cách một nhà khoa học, Giáo sư là nhà toán học ứng dụng tầm cỡ quốc tế có công lao mở đường cho bộ môn khoa học mới “Lý thuyết tối ưu toàn cục” với công cụ toán học mà ngày nay mang tên ông: “Lát cắt Tụy” (Tuy’s cut).

Cũng với “tầm nhìn toàn cục” và “lát cắt sắc sảo” ấy ông đã phân tích, mổ xẻ những “ung bướu” đang ngày càng trở nên “quái dị” hơn trong nền giáo dục nước nhà mấy chục năm gần đây. Đồng thời với việc liên tục rung những hồi chuông cảnh tỉnh thông thiết, Giáo sư và các cộng sự cũng đã kiên trì đề xuất những phương án khắc phục những bất cập trong giáo dục một cách quyết liệt. Điển hình là hai bản kiến nghị của các nhà khoa học về cải cách Giáo dục năm 2004 (trang 118) và năm 2009 (trang 260) mà chính ông là người chủ trì và chấp bút. Tiếc thay những lời “kêu cứu” xót xa ấy chưa một lần được những cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc phản hồi một cách nghiêm chỉnh.

Để giúp bạn đọc hiểu thêm và chia sẻ với những trăn trở đầy tâm huyết, trí tuệ và trách nhiệm đối với vận nạn giáo dục của nước nhà mà Giáo sư nêu lên, Nhà xuất bản Tri thức trân trọng giới thiệu với bạn đọc Tuyển tập các bài viết của Giáo sư về giáo dục đã được công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng trong khoảng 15 năm gần đây dưới nhan đề *Giáo dục: Xin cho tôi nói thẳng*.

Qua tập sách này, chúng tôi hi vọng lời kêu gọi thiết tha của Hoàng Tụy về một cuộc “Cải cách toàn diện và triệt để” nền giáo dục nước nhà tiếp tục vang vọng; vẫy gọi tất cả những ai tự coi mình là người tử tế, có lương tri, tham gia vào cuộc Vận động Cách mạng giáo dục vì tương lai con cháu chúng ta, vì sự trường tồn của Dân tộc, vì sự phát triển bền vững của Đất nước.

Giám đốc - Tổng biên tập

CHU HẢO

## Suy nghĩ về tình hình giáo dục hiện nay<sup>[2]</sup>

1. Trong lịch sử một xã hội hiếm khi giáo dục là mối quan tâm sâu sắc của toàn dân như hiện nay trong xã hội Việt Nam. Có thể nói không ngoa rằng bất cứ ai, dù là người Việt ở trong nước hay đang sống ở nước ngoài, có chút tinh thần trách nhiệm đối với tương lai của dân tộc, đều cảm thấy lo lắng, không nhiều thì ít. Chỉ cần để ý sự phản ánh mạnh mẽ của dư luận qua báo chí thời gian gần đây đủ thấy tầm mức rộng lớn và sâu sắc bất bình thường của vấn đề. Điều đáng nói là mối lo lắng đó không hề giảm, trái lại cứ tăng dần theo thời gian, và ngày càng bộc lộ những cách nhìn khác biệt, những cách đánh giá trái ngược lẫn nhau về thực trạng giáo dục. Người thì cho rằng giáo dục của ta đang trên đà phát triển tốt, tuy trước mắt còn không ít khó khăn, nhưng thành tựu là chính. Người thì trái lại cho rằng giáo dục còn đang xuống cấp trầm trọng, đang tụt hậu ngày càng xa so với ngay cả vài nước chẳng lấy gì làm xuất sắc trong vùng. Vậy đâu là sự thật? Tôi thiết nghĩ tình hình như vậy đòi hỏi cấp thiết phải tổ chức đánh giá khách quan thực trạng giáo dục, trước khi quyết định nên làm gì. Nếu đánh giá đúng, thì cũng như có bệnh mà bệnh tình được chẩn đoán chính xác, vấn đề có thể coi như đã được giải quyết một nửa vì từ sự đánh giá mà các giải pháp sẽ sáng tỏ ra. Trên thế giới, vào những thời điểm khác nhau, nhiều nước khi giáo dục hoặc khoa học của họ có vấn đề nghiêm trọng, cần được đánh giá chính xác trước khi cải tổ để đáp ứng yêu cầu phát triển cấp bách, họ đã thành lập Hội đồng Đánh giá Quốc gia, do Tổng thống hoặc Thủ tướng chỉ định, gồm những chuyên gia đủ thẩm quyền chuyên môn và có khả năng đánh giá khách quan và chính xác, làm việc độc lập đối với Bộ Giáo dục hoặc Khoa học. Chẳng hạn Pháp đã làm như vậy năm 1985 đối với giáo dục đại học và Thụy Điển cách đây vài chục năm đối với khoa học, khi Thụy Điển nhận thấy do xu hướng dân chủ cực đoan mà nền khoa học vốn rất phát triển của họ có lúc đã chững lại. Thậm chí Chính phủ Thụy Điển đã không ngần ngại bỏ ra hàng triệu đô-la thuê hẳn các chuyên gia hàng đầu nước ngoài làm việc đánh giá, mặc dù họ không thiếu chuyên gia có thẩm quyền.

Tôi thiết nghĩ ta nên học tập kinh nghiệm đó của các nước mà sớm thành lập một Hội đồng Đánh giá Quốc gia, tuy chưa cần mời chuyên gia nước ngoài.<sup>[3]</sup>

2. Muốn đánh giá thực trạng giáo dục một cách bổ ích, không thể chỉ so sánh ta bây giờ với ta cách đây vài năm hay ta ngày trước, mà phải so với thế giới hiện tại, so với các nước xung quanh, và phải xuất phát từ yêu cầu bức thiết của sự nghiệp giáo dục trong thời đại đầy thách thức đối với tài năng và trí tuệ của các dân tộc. Cần phải bám sát mục tiêu giáo dục như đã nói rõ trong các văn kiện chính thức của Nhà nước: *nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*. Hình như về cả ba mặt đó đều nổi cộm nhiều vấn đề lớn và chắc chắn còn xa mới đáp ứng yêu cầu. Dù thế nào cũng cần có nhận định, đánh giá nghiêm túc một số vấn đề đặc biệt quan trọng thuộc về nguyên lý cơ bản của giáo dục, mà những năm qua dư luận xã hội đã có nhiều ý kiến:

*Các lớp chuyên, lớp chọn* ngay từ cấp tiểu học. Nhiều nhà khoa học và giáo dục ở các nước phản đối việc tổ chức các lớp chọn, một số người phản đối cả các lớp chuyên. Do hoàn cảnh của ta trong một giai đoạn nào đó, có thể tổ chức các trường trọng điểm và một số ít lớp chuyên về vài ngành, ở vài trường lớn trong cả nước, nhưng việc mở các lớp chọn và lớp chuyên tràn lan như hiện nay chắc chắn là không tốt.<sup>[4]</sup> Cùng loại với vấn đề này là chủ trương phân ban ở trung học, thể hiện một xu hướng coi nhẹ kiến thức văn hóa chung, đào tạo hạn hẹp. Trong tình hình xã hội còn bị ảnh hưởng nặng của thói quen tằm chương trích cú từ xưa để lại, mà lại chuyên ban quá sớm thì sẽ dễ làm cho con người phát triển lệch một số mặt, có nhãn quan hẹp hòi, cứng nhắc, tư duy kém uyển chuyển, khó thích ứng với môi trường khoa học, công nghệ, biến động nhanh. Trong khi trung học phân ban thì đại học lại có xu hướng phổ thông hóa (trung học hóa): ngoài việc lập riêng các trường đại học đại cương mà có lẽ chỉ Việt Nam mới có, cách dạy và học ở đại học cũng không khác ở phổ thông là mấy: truyền đạt, thụ động, ít phát huy tự học.

*Thi theo bộ đề-thi.*<sup>[5]</sup> Không đâu trên thế giới có chuyện kỳ lạ này. Bộ đề thi khuyến khích học tủ, học vẹt, tiếp thu máy móc, không khuyến khích phát huy năng lực độc lập suy nghĩ. Chưa kể nhiều tiêu cực gây ra xung quanh bộ đề thi.

*Quá nhiều kỳ thi, mà đề thi thường đòi hỏi cao hơn nội dung dạy ở lớp, không học thêm, không luyện tủ thì không đỗ được.* Thi lại ít nghiêm túc, gây nhiều tiêu cực, bất công, mà lại rất tốn kém. Trong khi đó rất coi nhẹ chế độ thanh tra thường xuyên.

*Phương pháp và cả nội dung giảng dạy một số môn có nhiều cái cũ kỹ,* lại nặng về nhồi nhét, ít chú ý rèn luyện khả năng tư duy độc lập, khả năng tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu. Nhiều lớp chuyên dạy theo cách luyện gà nòi, thường có xu hướng lệch, cần đánh giá lại hiệu quả thực tế của cách đào tạo ở nhiều lớp chuyên chỉ nhằm mục đích luyện giải toán để đi thi. Tôi không biết có người nào trở thành nhà toán học giỏi bằng cách học đi học lại đủ loại toán sơ cấp hóc hiểm ở chương trình phổ thông như những bài toán mà giờ đây đang khá phổ biến ở các trường Việt Nam?

*Dạy thêm, học thêm tràn lan,* giờ dạy chính thức kém hiệu suất, giờ dạy thêm ở ngoài mới là quan trọng, cho nên bắt buộc em nào cũng phải học thêm. Thầy cô giáo vì dạy thêm nên không còn thì giờ suy ngẫm công việc của mình để cải tiến, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nghiệp vụ. Thầy giáo đại học có rất ít thì giờ nghiên cứu khoa học, trong khi đó nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ hàng đầu của đại học. Vì vậy, đào tạo để làm nghiên cứu và đào tạo thông qua nghiên cứu đều rất yếu. Có hiện tượng dạy như cái máy, học cũng như cái máy.

*Sách giáo khoa là sự thể hiện tinh thần, nội dung, phương pháp giáo dục,* nhưng năm nào cũng in lại, mà nội dung cũng như cách trình bày thường ít cải tiến (ví dụ về toán, mấy chục năm hầu như vẫn vậy). Rót cục đầu tư nhiều, cả Nhà nước và dân đều tốn nhiều tiền của mà hiệu quả thấp, về hình

thức sách giáo khoa bây giờ còn chưa hấp dẫn bằng sách cách đây 60 năm thời Pháp thuộc.

*Trẻ em học ở lớp và qua bài giảng quá nhiều, ngoài giờ học chính thức phải học thêm ở ngoài hoặc với chính thầy cô giáo mình.* Không có thì giờ vui chơi, hoạt động theo nhu cầu của tuổi trẻ để phát triển toàn diện. Học đến暮 người đâu phải là lỗi học thông minh. Nhược điểm thường thấy của nhiều người Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài là xuất sắc ở các lớp dưới, các năm đầu đại học, hoặc khi thi Tiến sĩ. Càng về sau càng đuối. Ngay các nhà khoa học Việt Nam cũng vậy, khi mới bước vào ngành có thể xuất sắc, nhưng thường ít người kiên trì và tiếp tục giữ được vị trí xuất sắc ở tuổi ngoài 50. Có thể đó là nhược điểm do thói quen tằm chương trích cú qua bao đời học để đi thi, để đỗ đạt, để làm quan, cho nên khi đỗ đạt xong và làm quan rồi thì cũng nghỉ ngơi luôn, vì đã hết sức rồi, hoặc không còn hứng thú, say mê, không còn chí tiến thủ nữa. Nói đúng hơn là quay sang tiến thủ theo con đường siêu chuyên môn. Trái lại ở nhiều nước phát triển phương Tây, học sinh các lớp dưới vừa học vừa chơi, vừa mở mang tâm trí bên ngoài sách vở, biết dưỡng sức để sau này đi xa, đi rất xa, đến 60-70 tuổi vẫn còn tiến thủ. Giống như cuộc thi chạy marathon ở Tp. Hồ Chí Minh vừa qua, có anh số 40 vừa mới xuất phát đã mở hết tốc lực, nên dẫn đầu nhưng đến đoạn chót thì không còn thấy tăm hơi đâu cả vì rút lại sau quá xa. Đáng lẽ ta phải giúp cho học sinh thoát ra khỏi cái lối học khoa cử, học quá sức ngay từ tuổi nhỏ thì tất cả lối dạy dường như chỉ khuyến khích thêm cái nạn đó. Xem ra cha mẹ học sinh cũng có trách nhiệm, vì thường ai cũng thích có con học thật giỏi ngay từ các lớp dưới.

*Không thể đánh giá chất lượng giáo dục chỉ bằng những thước đo chủ quan của ngành, như: số học sinh lên lớp, số học sinh thi đỗ, số học sinh xuất sắc (vừa qua khi có chỉ thị miễn thi cho học sinh xuất sắc thì lập tức có lớp 90% xuất sắc) vì vừa đá bóng vừa thổi còi thì làm sao khách quan được.* Cũng không thể nói chất lượng giáo dục tốt vì mỗi năm học sinh ta đều đoạt nhiều giải trong các cuộc thi Olympic Quốc tế về toán, vật lý, tin học v.v., mặc dù bản thân việc đó rất đáng biểu dương và chúng ta đều tự hào.

*Chất lượng giáo dục được quyết định bởi đội ngũ thầy giáo.* Nhưng đội ngũ ấy được chăm sóc, bồi dưỡng như thế nào nếu gần hết thì giờ của họ là kiếm sống bằng dạy thêm, luyện thi, v.v.? Tất nhiên, phải nói rằng đội ngũ ấy hết sức cố gắng và vẫn có người xuất sắc, ngay trong hoàn cảnh ngặt nghèo vẫn vươn lên đạt trình độ cao. Nhưng có bao nhiêu người như vậy? Dư luận xã hội vẫn thắc mắc về các Tiến sĩ, Phó Tiến sĩ, Giáo sư, Phó Giáo sư, Viện sĩ giấy, có hay không, đến mức nào, vẫn là đầu đề đàm tiếu. Trước đây, các bạn Đông Âu đã cho biết rằng một số khá lớn các Phó Giáo sư và Tiến sĩ mà họ đào tạo cho ta là dưới mức trung bình, vậy những người ấy đã được tiếp tục bồi dưỡng như thế nào, họ có tham gia đào tạo ra hàng loạt Phó Tiến sĩ, Tiến sĩ mới những năm qua hay không, chỉ cần nhìn điểm đó cũng có thể đoán biết thực trạng chất lượng trình độ bằng cấp, học vị của ta. Vừa

qua có sự khẳng định rằng bằng Tiến sĩ, học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư của ta là hoàn toàn ngang trình độ quốc tế. Như thế rất đáng mừng, song có điều khó hiểu là các hội đồng xét học hàm đều có thành phần vừa đá bóng vừa thổi còi, và rất nhiều người bản thân còn xa trình độ quốc tế thì làm sao họ có thể đánh giá được trình độ quốc tế của các bạn đồng nghiệp? Phải chăng ta quá coi thường trình độ quốc tế?

Đó là mới nói về trình độ. Còn khả năng thực tế của đội ngũ thầy giáo thì là vấn đề còn phức tạp hơn nữa. Vì trong hầu hết các trường, phần lớn những người giỏi đều đã hoặc sắp đến tuổi hưu cả mà trong nhiều năm tới chưa có người trẻ thay thế. Ai cũng biết những hạn chế của người già đối với việc tiếp thu cái mới, mà trong thời đại khoa học, công nghệ biến chuyển cực nhanh như hiện nay, dù ai tài giỏi bao nhiêu cũng phải luôn luôn cập nhật hiểu biết của mình, hướng hồ sau thời gian đất nước mở cửa có bao nhiêu cái mới cần phải học. Vậy làm sao đội ngũ thầy giáo của chúng ta, với trình độ như thế, tuổi tác như thế, lại có thể bảo đảm tốt được nhiệm vụ giảng dạy bình thường, chưa nói những đòi hỏi rất cao và ngày càng cao để thích ứng với tình hình mới?

Cứ nhìn vào các giải thưởng của học sinh Việt Nam trong các kỳ thi quốc tế về toán, tin, vật lý, v.v., cứ nghe báo chí và truyền thanh truyền hình ca ngợi các “viện sĩ hàn lâm” trẻ tuổi của chúng ta (mà có người chưa kịp bảo vệ luận án Phó Tiến sĩ!), hoặc gần đây nữa là việc các hãng kinh doanh tiểu sử ở Mỹ và Anh tôn vinh hết người nọ người kia trong nước ta là “danh nhân thế giới”, “danh nhân châu Á-Thái Bình Dương”, v.v. (mà phần nhiều chỉ đòi một khoản ngoại tệ mấy trăm đô-la để đổi lấy sự tôn vinh đó!), cứ nhìn các học vị, chức danh Viện sĩ, Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Tiến sĩ, được giới thiệu trong mọi cơ hội theo một tôn ti trật tự rành rọt mà ở các nước phát triển rất hiếm thấy, ai dám bảo giáo dục và khoa học Việt Nam đang ở thời kỳ khó khăn hiểm nghèo. Nhưng tôi nghĩ ta không nên tự ru ngủ mình, mà nên can đảm nhìn vào sự thật, dù là sự thật khó chấp nhận, thì rồi mới có hy vọng tìm ra lối thoát.

3. Trở lên là một số vấn đề nói ra rất cực lòng. Có thể có người nghĩ tôi đã vẽ ra một bức tranh quá ảm đạm, đen tối. Không phải tôi muốn phủ nhận những điểm sáng trong nền giáo dục của ta, nhưng chúng ta đã quen nói với nhau toàn điểm sáng, khiến cho lượng thông tin trong các ý kiến đóng góp rất nghèo nàn, lâu ngày thành một thứ “ngôn ngữ gỗ”. Chứ thật ra, trong hoàn cảnh như vừa qua mà duy trì được một nền giáo dục chỉ xuống cấp đến mức thế này, có lẽ trên thế giới cũng chỉ có một nhân dân hiếu học, cần cù, thông minh và dũng cảm như nhân dân Việt Nam mới làm nổi. Song dù cho là nhân dân anh hùng đến mấy đi nữa, thì cũng có những giới hạn xuống cấp nguy hiểm không thể chấp nhận được (trong kinh tế xã hội có những hiện tượng gần như “không đảo ngược được” (ineversible), nếu xảy ra thì là đại họa). Vì vậy cần có thái độ trách nhiệm hơn đối với sự nghiệp giáo dục, những ai có tâm huyết hãy cứu tương lai con em chúng ta. Có điều là nói cho cùng các căn bệnh của giáo dục chỉ

có thể chữa trị trong bối cảnh toàn cục của xã hội. Nguyên nhân trực tiếp đưa đến sự sa sút không riêng của giáo dục, mà của cả y tế, khoa học, đạo đức xã hội, và cũng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tệ tham nhũng tràn lan và ngày càng khó chống hơn, đó là gì? Chính là chế độ trả công cho người lao động - một chế độ cực kỳ bất công, phi lý, trong đó cái gọi là tiền lương mà Nhà nước kiểm soát rất chặt thì không đủ để tái sản xuất sức lao động, chưa nói đến đãi ngộ tài năng hay khuyến khích năng suất, cho nên muốn tồn tại được mọi người đều xoay xở, xoay xở đủ kiểu, mạnh ai nấy làm. Rốt cục ai cũng xoay xở được cả, nhưng số thu nhập thêm do xoay xở hợp pháp hay phi pháp đó ở đâu ra, nếu không phải là của Nhà nước, của xã hội? Cuối cùng tổng số tiền chi ra để trả công thì vẫn vậy, nhưng một phần rất nhỏ là tiền lương thì được kiểm soát chặt, còn cái phần lớn nhất thì tùy thuộc tài xoay xở của mỗi người và mỗi cơ quan, chứ hoàn toàn không liên quan đến năng suất. Thầy giáo chỉ có một cách xoay xở là dạy thêm, còn cha mẹ học sinh thì phải xoay xở kiếm đủ tiền trả công cho thầy. Do đó dạy thêm, học thêm cứ thế phát triển, từ chỗ chỉ có cấp III, lan ra đến cấp I, dần dần trở thành một đại dịch có sức phá hoại khôn lường. Vậy chừng nào còn chế độ lương này, thì vẫn chưa có hy vọng vực giáo dục lên một cách cơ bản được, và ngày ấy tụt hậu còn là hiện thực chứ không phải nguy cơ.

# Giáo dục và khoa học-một bài toán khó

Giáo dục và khoa học đang là nỗi quan tâm lo lắng của toàn xã hội. Tuy có những ý kiến khác nhau về tình hình (do chỗ đứng và tầm nhìn không giống nhau) nhưng hầu như mọi người đều cho rằng *giáo dục và khoa học phải có chuyển biến thật sự mạnh mẽ* thì mới đáp ứng được yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Vậy làm cách nào tạo được chuyển biến mạnh mẽ trong giáo dục và khoa học? Tôi nghĩ muốn đưa giáo dục và khoa học tiến lên một bước cơ bản, có ba điều thiết yếu phải mạnh dạn thay đổi là: nhận thức, chính sách và tổ chức quản lý. Đồng thời để cho các biện pháp ấy thực sự khả thi thì cái nút phải gỡ là lập lại trật tự, kỷ cương và công bằng trong chế độ tiền lương, tiền thưởng và mọi khoản phân phối khác cho cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước.

Trước hết, về nhận thức phải nói rằng trên lý luận không ai phủ nhận vai trò then chốt của khoa học và giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nhưng trên thực tế, tình hình sa sút kéo dài của giáo dục và khoa học trong nhiều năm qua chứng tỏ nhận thức ấy chưa thực sự thông suốt trong xã hội ta. Nhiều người đổ lỗi cho cơ chế thị trường, song nhiều nước trên thế giới sử dụng cơ chế thị trường triệt để hơn ta mà giáo dục và khoa học của họ vẫn phát triển mạnh mẽ. Cái gốc, theo tôi, chỉ là do nhận thức chưa thông, không nhìn thấy hết tác dụng lâu dài và sâu xa của giáo dục và khoa học, nên khi cần giảm ngân sách thì trước hết nghĩ đến các khoản giáo dục và khoa học. Cái nguy hiểm là khi bắt đầu nhìn thấy được hậu quả tai hại của sự sa sút trên lĩnh vực này thì cũng là lúc đã quá muộn và phải tốn nhiều thời gian, công sức, tiền của, mới khắc phục được. Cho nên, hơn mọi lĩnh vực khác, giáo dục và khoa học đòi hỏi người lãnh đạo phải biết nhìn xa trông rộng. Trong một thời đại mà hơn bao giờ hết, chất xám là nguồn tài nguyên vô giá, đừng để cho con em một dân tộc văn hiến phải trả giá đắt cho sự thiển cận của chúng ta. Văn hóa khi đã xuống dốc thì tụt nhanh, mà hiện nay dù có lạc quan cũng phải nhận rằng giáo dục và khoa học của ta đang ở ranh giới bấp bênh giữa đi lên và đi xuống. Có nhận rõ tính chất bất bình thường đó của tình hình và ý thức được sâu sắc thời điểm then chốt này đối với tương lai đất nước, chúng ta mới có đủ quyết tâm tìm ra giải pháp đưa giáo dục và khoa học tiến lên.

Thứ hai, nhận thức cần phải được thể hiện qua các chính sách cụ thể. Xưa nay chính sách đúng chứ không phải những lời nói hay, quyết định hướng đi đúng của xã hội. Bởi vì hành vi tính toán của mỗi cá nhân, dù muốn hay không, đều chịu sự chi phối của các chính sách (trừ một số ít ngoại lệ, nhưng quản lý xã hội có thể nào chỉ dựa vào ngoại lệ). Khi nghề giáo được xếp vào hàng thứ 14 trong số 18 ngành nghề có thu nhập thấp nhất, còn đồng lương của giáo sư đại học thì bằng 3/4 mức thu nhập bình quân đầu người ở Tp. Hồ Chí Minh, khi vị trí xã hội của nghề giáo và nghề khoa học như vậy, làm sao

giữ được cho các ngành này khỏi xuống cấp?, làm sao thầy giáo và cán bộ khoa học có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của họ?, làm sao họ không xoay xở để kiếm sống, dù có khi vì thế mà mất đi một phần phẩm giá cao quý?, làm sao các nguyên tắc đạo đức trong xã hội, trong nghề nghiệp có thể giữ vững được?, làm sao những người trẻ có tài chịu đi vào giáo dục và khoa học? Vì vậy, mấu chốt để giải quyết những khó khăn hiện nay của giáo dục và khoa học là phải có một loạt chính sách mới về sử dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ các ngành này, bảo đảm cho họ một vị trí xã hội xứng đáng hơn với thiên chức các ngành tri thức trong xã hội văn minh hiện đại. Ở các nước phát triển, chuyên gia giỏi thường không ham chức vụ hành chính, vì họ biết rằng họ được kính trọng nhiều hay ít là do tài năng và đức độ chứ không nhất thiết vì mũ cao áo rộng. Nhưng ở nước ta, cơ quan tổ chức thường có quan niệm chuyên gia giỏi phải được “đề bạt” vào những chức vụ hành chính cao<sup>[6]</sup>, do đó tài năng và đức độ được đánh giá theo chức vụ, rồi mọi tiêu chuẩn đãi ngộ cứ theo đó mà thực hiện. Vì thế mới có chuyện nhiều bậc thầy lão luyện, nếu ở các nước phát triển thì cấp bậc chuyên môn đã tới hay gần tới nấc thang cuối cùng, nhưng ở Việt Nam, vì họ chỉ là nhà khoa học trơn, không chức, không quyền, nên phải phấn đấu thêm nửa đời người nữa là ít mới mong lên được tới cấp bậc đó. Chính cái chính sách sử dụng và đãi ngộ đó làm nảy sinh những hướng phấn đấu cơ hội, thực dụng không lành mạnh, khiến cho bộ máy hành chính dễ bị quan liêu hóa bởi những người không có khả năng hành chính thực sự, trong khi đó xã hội mất đi nhiều tài năng chưa kịp nảy nở đã lụi tàn vì chạy theo những giá trị giả tạo. Người nước ngoài đến Việt Nam có nhận xét rằng tiện nghi, nơi làm việc và phương tiện đi lại của cán bộ quản lý được cải thiện nhanh hơn, còn đời sống và điều kiện làm việc của đông đảo giáo viên và cán bộ khoa học, điều kiện học tập của học sinh, sinh viên thì chậm thay đổi tương xứng Xin kinh phí xây nhà, hoàn thiện trụ sở có thể đến hàng tỷ vẫn dễ hơn là xin mấy chục triệu cho thiết bị, sách vở, phương tiện nghiên cứu khoa học. Tiền phong bì đi họp ba bốn ngày đã bằng tiền lương cả tháng. Với những chính sách như vậy, dù tới đây có thêm đầu tư thì liệu bao nhiêu phần trong đó sẽ được chi đúng đúng địa chỉ, đó cũng là mối băn khoăn chưa giải đáp được của nhiều người.

Thứ ba, về tổ chức quản lý chỉ xin nhắc lại một điều hiển nhiên: đội ngũ cán bộ giáo dục và khoa học chỉ là cái vốn, tuy quan trọng nhưng cũng chỉ phát huy được tác dụng và ngày càng phát triển nếu được quản lý tốt. Ngược lại, quản lý không tốt thì chẳng mấy chốc chỉ còn lại con số không. Cái vốn đó càng khó quản lý vì nó quý hơn mọi thứ vốn quý khác, do nó là cái máy cái sản xuất ra nhân tài. Cho nên vai trò những người quản lý và tổ chức bộ máy quản lý là rất quan trọng. Để thắng được sức ỳ, mở đường cho những chuyển biến cơ bản, nhằm thích ứng giáo dục và khoa học với các yêu cầu của giai đoạn mới, nên chẳng bản thân tổ chức quản lý giáo dục và khoa học cũng cần được đổi mới. Đồng thời, trong điều kiện của ta, dù ai tài giỏi cũng khó có đủ sức một mình quyết định đúng những chủ trương lớn, cho nên muốn tránh những sai lầm tai hại kiểu như bộ đề thi, cần có Hội đồng Quốc gia về giáo dục và khoa học, gồm các Nhà giáo và Nhà khoa học có uy tín, không kiêm nhiệm những chức vụ

hành chính, để làm tư vấn và phản biện cho các cơ quan giáo dục và khoa học về những chủ trương và chính sách lớn. Trước mắt nhiệm vụ quan trọng của Hội đồng này là đánh giá thực trạng, đặc biệt về chất lượng, và góp ý kiến về quan niệm phát triển cùng hàng loạt chủ trương chuyên môn có ý nghĩa nguyên tắc mà dư luận xã hội đang có nhiều ý kiến (như các vấn đề lớp chuyên, lớp chọn, trung học chuyên ban, thi cử, bằng cấp,...)[\[7\]](#).

Sau cùng và quan trọng nhất là các giải pháp nêu trên đòi hỏi phải tăng đáng kể đầu tư, cho nên vấn đề đặt ra là: tiền để tăng đầu tư? Nếu căn cứ vào tình hình kinh tế thì rõ ràng không thể tăng nhiều, mà nếu tăng không đủ mức thì tình hình dù có được cải thiện đôi phần vẫn chưa thể thay đổi cơ bản. Như vậy phải chăng bài toán nan giải và thế hệ chúng ta đành chịu bó tay, để cho giáo dục và khoa học cứ tiếp tục xuống cấp và trở thành sức kìm hãm thay vì thúc đẩy kinh tế? Tôi không nghĩ như vậy. Có điều là cần phải **đặt lại vấn đề từ gốc và giải quyết vấn đề trên quan điểm toàn cục** của xã hội.

Nhìn sâu vào thực trạng xã hội hiện nay không thể không bất bình trước hàng loạt hiện tượng nghiêm trọng: không chỉ giáo dục, khoa học mà cả y tế, đạo đức xã hội cũng xuống cấp, trong khi đó tham nhũng và lãng phí tràn lan, trở thành quốc nạn mà mọi người đều lên án, nhưng trớ trêu thay, năm này qua năm khác vẫn không giảm được chút nào. Tất cả những hiện tượng ấy có liên quan với nhau và sở dĩ ngày càng khó khắc phục là vì đều phát sinh và phát triển dựa trên một nền tảng chung là chế độ phân phối bất công, vô lý, di sản của chế độ bao cấp biến tướng chưa thanh toán hết trong xã hội. Thử nghĩ xem: đồng lương chính thức không đủ sống, trong khi xã hội đầy cám dỗ vật chất, ai mà không tìm cách xoay xở kiếm thêm cho đủ sống?

Vì vậy tôi xin kiến nghị Nhà nước chấn chỉnh lại chế độ trả công cho người lao động, lập lại trật tự kỷ cương trong việc này, trên cơ sở đó mới có thể chống tham nhũng lãng phí có hiệu quả, đồng thời điều chỉnh sự phân phối các nguồn ngân sách để tăng đầu tư vào khâu yếu nhất trong giáo dục, y tế, khoa học, văn hóa. Dĩ nhiên đây là việc khó, rất khó, nhưng đâu sao cũng không khó bằng chuyển từ bao cấp sang thị trường. Trước đây mười lăm năm, khi nêu ra việc bỏ tem phiếu, nhiều người vẫn cho là khó quá, không làm nổi. Đến khi bỏ được tem phiếu, ai cũng thấy nhẹ nhàng và ngạc nhiên tại sao chúng ta có thời tự đầy đọa mình lâu như vậy. Nếu ý thức được rằng còn để cái ung nhọt này tiếp tục đục ruỗng nền kinh tế và hủy hoại đạo đức xã hội thì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh còn xa vời, chúng ta sẽ có đủ can đảm và quyết tâm thanh toán nó. Giáo dục và khoa học cũng chỉ có điều kiện phát triển tốt khi thanh toán được cái ung nhọt này.[\[8\]](#)

## Ước nguyện cuối thế kỷ: Một cơ chế thông minh để phát huy nội lực<sup>[9]</sup>

Còn hơn trăm ngày nữa bước sang thiên niên kỷ mới, nghĩ về đất nước, chúng ta cảm thấy bồn chồn như chính mình sắp đi qua một bước ngoặt hệ trọng trong đời. Bởi lẽ dù muốn hay không, tới đây sẽ là một thời kỳ trọng đại trong cuộc sống của các dân tộc. Khi trí tuệ đã trở thành nguồn lực quyết định sự phồn vinh thì đối với các nước nghèo, cơ hội tiến lên là đây, nhưng thử thách bất ngờ to lớn cũng từ đây. Sau mấy chục năm chiến đấu gian khổ dân ta đã rửa được cái nhục mất nước. Giờ đến lượt phải rửa cái nhục nghèo nàn lạc hậu. Gánh trên vai trách nhiệm lịch sử đó, thế hệ chúng ta không thể dừng dung khi cái mốc thời gian 2020 để làm việc này chẳng còn xa mấy, mà thế giới lại đang tiến quá nhanh. Nếu chỉ kể của cải vật chất thì các nước phát triển chỉ cần tăng trưởng 1% cũng đã đạt khối lượng khổng lồ, huống chi cái quan trọng nhất không phải là lượng mà là chất không phải của cải vật chất mà là của cải trí tuệ. Những gì ta thấy được chỉ mới là đoạn đầu của một cuộc cách mạng công nghệ đang khiến cho tư duy, cách sống của loài người thay đổi nhanh hơn bất cứ thời đại nào trong lịch sử. Internet, xa lộ thông tin, truyền hình số hóa, những thuật ngữ ấy từ vài năm nay không còn lạ ngay cả đối với dân ta. Rồi đây khi máy tính lượng tử<sup>[10]</sup> xuất hiện, chẳng ai biết rõ những đảo lộn gì sẽ đem đến cho sinh hoạt và lao động của chúng ta.

Sống trong một thế giới như thế, chậm chân là thua thiệt, nhưng để xảy chân một bước, như các nước Đông Nam Á trong cuộc khủng hoảng tài chính, cũng có thể mất cả chục năm đi vòng. Chưa bao giờ quy luật phát triển của một hệ thống con trong một hệ thống lớn rõ như lúc này. Vừa phải khẳng định và phát huy cao độ bản sắc của mình, vừa phải đạt tới sự đồng điệu với toàn hệ thống. Cho nên ra sức phát huy nội lực đi đôi với tăng cường hợp tác và hòa nhập quốc tế, con đường đó không phải chỉ riêng cho một dân tộc nào trong thế giới ngày nay.

Ta thường nghĩ người Việt Nam ta không thua kém ai về thông minh và dũng cảm. Một nghìn năm Bắc thuộc mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc, đó là cơ sở để ta có thể tin vào khả năng tự vệ trước những làn sóng dữ. Nhưng cũng chớ vội chủ quan, trước hết vì cái lẽ đơn giản, thế giới ở thời đại ta sắp bước vào không giống như ở thời kỳ ta bị Bắc thuộc. Vả chăng cái khả năng tự vệ cao đối với bên ngoài cũng dễ tiềm ẩn xu hướng bảo thủ, mà tính bảo thủ của người Việt Nam cũng đâu có kém ai: chính nó đã đưa dân tộc ta đến chỗ mất nước vào thế kỷ trước, trong khi Nhật Bản đã tránh được họa nhờ biết canh tân kịp thời.

Nội lực của một hệ thống phụ thuộc vào sức mạnh của từng bộ phận. Nhưng nó không phải là con số cộng tất cả các sức mạnh bộ phận. Napoléon (hay vị tướng Pháp nào?) đã từng nhận xét rằng một người lính A-rập có thể mạnh hơn một người lính Pháp nhưng mười người lính A-rập thì không bằng được mười người lính Pháp. Sự khác nhau đó chính là hiệu quả của tổ chức, cái nghệ thuật liên kết các sức mạnh bộ phận trong một cơ chế tương tác nhằm sản sinh ra *synergy* (“năng lượng gia tăng”) vượt

hơn nhiều lần sức mạnh của các bộ phận cộng lại. Cho nên nội lực không phải chỉ là những lực có sẵn bên trong, chỉ việc bóc nó ra để sử dụng như khai thác mỏ than hay mỏ dầu. Trong quản lý kinh tế xã hội, phát huy nội lực không phải chỉ có việc hô hào người dân đem hết của cải, sức lực ra đóng góp vào việc chung. Khai thác theo kiểu thiên cận đó thì công quỹ tạm thời sẽ được cộng thêm một khoản thu hay bớt đi một khoản chi, nhưng chẳng mấy chốc mọi thứ rồi sẽ cạn kiệt. Cái chính là xây dựng tổ chức, cơ chế như thế nào để phát huy được tính tích cực và sáng kiến của người dân, để tạo ra được synergy cần thiết, nhân lên và liên tục phát triển khả năng của từng cá nhân, từng bộ phận. Cái cơ chế đó chính là trí tuệ của hệ thống, là cái phần mềm để vận hành hệ thống một cách thông minh. Người quản lý tốt là người lo thiết kế cái phần mềm đó, chứ không phải chỉ đơn thuần nghĩ cách vận động người dân đóng góp, trực tiếp hay gián tiếp dưới các mỹ từ “xã hội hóa” nhiều khi được hiểu phiến diện và sai lệch.

Ở đâu và bao giờ, sự liên kết các bộ phận hợp thành của một hệ thống cũng đều dựa trên cơ sở thống nhất các mặt lợi ích, không phải sự thống nhất máy móc, thô bạo dẫn đến hạn chế và tiêu diệt sáng kiến, mà là thống nhất dựa trên sự thừa nhận và tôn trọng các lợi ích chính đáng của từng bộ phận hay cá nhân, và thiết lập một cơ chế giá trị sao cho khi mỗi phần tử, cá nhân hoạt động nhằm những lợi ích riêng của mình theo hệ giá trị đó thì cũng đồng thời thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của toàn hệ thống, tức là toàn xã hội. Trừ những tình huống đặc biệt, trong những giai đoạn đặc biệt mà sự sống còn của toàn hệ thống được đặt ra gay gắt, ví như đứng trước hiểm họa diệt vong, còn bình thường thì mỗi bộ phận, mỗi cá nhân, dù nói ra hay không nói ra, trong hành động đều có nghĩ tới lợi ích riêng của mình. Đó là lẽ đương nhiên của tạo hóa, không nên và không thể cưỡng lại. Kinh nghiệm của chúng ta trong quản lý nông nghiệp và nhiều hoạt động kinh tế khác từ lâu đã dạy như vậy, và cái bài học đó cho đến ngày nay vẫn còn ý nghĩa thời sự.

Nếu cái cơ chế buộc số đông trong bộ máy hành chính và dịch vụ công cộng (giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học,...) phải tìm nguồn sống chủ yếu bằng những hoạt động ngoài công việc và trách nhiệm chính của mình, thậm chí bất chính, phi pháp, thì dẫu ta có hô hào phát huy nội lực bao nhiêu cũng không thay đổi được tình hình một cách cơ bản, và phần chính nội lực vẫn nằm trơ đầu đó hay bị tiêu pha một cách lãng phí, thậm chí gây ra... synergy âm.

Thời gian không đợi ai, cầu mong thế hệ chúng ta sẽ có thái độ thực tế để phát huy được nội lực mạnh mẽ và mùa xuân sắp tới vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới.

## **0. Một nền đại học còn yếu kém về nhiều mặt**

Vài năm nay đại học của ta có được cải thiện ít nhiều, nhưng nhìn chung còn rất cách biệt với các nước. Chỉ một việc sau đây cũng phần nào gợi cho ta thấy khoảng cách giữa ta với thế giới: theo bảng xếp hạng của tuần san *Asiaweek* đầu năm nay thì Đại học Quốc gia của ta đứng thứ 62 trên 65 trong khu vực, sau cả một số đại học nhỏ của Philipines và Malaysia. Tất nhiên cách xếp hạng đó chưa hẳn đúng, song dù sao nó cũng cho thấy rằng trên nhiều mặt, từ nhiệm vụ, yêu cầu, cho đến tổ chức, nội dung và phương pháp giáo dục đại học, quan niệm của chúng ta đều khác các nước quá xa. Trong khi làn sóng cách mạng công nghệ đã và đang làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt đại học trên khắp thế giới, thì đại học của ta vẫn còn như cách đây mấy thập kỷ. Năm này qua năm khác chúng ta vẫn loay hoay với các quan niệm cũ kỹ xung quanh các vấn đề thi cử, học hàm, học vị, đào tạo hai giai đoạn, đào tạo sau đại học, Đại học Quốc gia, v.v. Vấn đề nào cũng có chuyện, tổ chức thì hết nhập lại tách, vừa lập ra xong đã tính chuyện giải thể, hết hội thảo quốc gia này đến hội thảo quốc gia khác, mà rồi ai nói cứ nói, ai làm gì cứ làm, hết thí nghiệm chương trình này đến thí nghiệm chương trình khác, mà chưa có thí nghiệm nào thật sự thành công, như thể sinh viên - tương lai quốc gia - là những con chuột bạch của phòng thí nghiệm to nhất nước mang tên... Giáo dục và Đào tạo.

Trong khi 50% cán bộ giảng dạy đại học chỉ có trình độ tốt nghiệp đại học và cả nước chỉ có... Giáo sư và Phó Giáo sư (mà cả trình độ đại học cũng như trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư so với trình độ Quốc tế cũng còn thấp) mà lại không quan tâm gì đến việc nâng cao trình độ của họ, chỉ chăm chăm luyện thi, dạy thêm, sản xuất nhiều bằng cấp rơm, thì làm sao đại học của ta có chất lượng được? Đáng ngờ là với cơ cấu trình độ như thế mà lại có đến 50% cán bộ giảng dạy làm nghiên cứu khoa học, và 30-40% công trình nghiên cứu khoa học đã được ứng dụng thì không rõ chuẩn mực các công trình nghiên cứu này như thế nào. Chỉ nhìn vào các số liệu thống kê cũng đủ thấy đại học của ta đang ở tình trạng SOS như thế nào rồi. Cái tai hại là toàn bộ nhân lực của ta trông cậy vào giáo dục mà giáo dục, đặc biệt giáo dục đại học như thế thì làm sao cạnh tranh nổi với ai khi hội nhập Quốc tế và đi vào kinh tế tri thức.

### **1. Thi cử. Vấn đề bức xúc nhất hiện nay**

Trong nhiều vấn đề bức xúc trước hết phải nói đến chuyện thi cử, tuyển sinh vào đại học, bởi vì đó là biểu hiện tập trung của những quan niệm lệch lạc và sự bất lực của một nền đại học dẫu gì cũng đã có hơn nửa thế kỷ lịch sử. Những cuộc thi cử cực kỳ cổ hủ, tốn kém, căng thẳng, bất công và gây nhiều hiệu quả tiêu cực tệ hại nhất nhưng lạ lùng thay vẫn được duy trì, không hiểu vì lợi ích của ai. Hàng năm hàng triệu thanh niên học hết Phổ thông Trung học bị tư tưởng khoa bảng lạc hậu đang lan tràn

trong xã hội đánh lạc hướng, đổ xô vào đại học để rồi hầu hết thất vọng thấy mình bị loại khỏi con đường học vấn một cách nghiệt ngã, phũ phàng.

Tình hình này càng kéo dài càng gây lãng phí trầm trọng, chẳng những đưa giáo dục đi chệch hướng, khiến nó ngày càng lạc điệu so với thế giới, mà còn có thể dẫn đến những hậu quả xã hội khó lường. Những thanh niên thi trượt đại học mà không có hướng giải quyết, nếu cứ ngày một tăng, tiềm ẩn một tâm lý bất bình với xã hội, chưa biết có thể dẫn một số trong họ đến con đường nào: ma túy, tội phạm, phá phách,...

Đâu phải đến bây giờ và chỉ ở nước ta mới có thi tuyển vào đại học. Ngay ở những nước mà đại học mở cửa cho mọi người, muốn vào các đại học danh tiếng cũng phải qua tuyển chọn. Có điều là họ biết cách tuyển chọn có hiệu quả, chứ đâu có thi ào ào ai cũng thi, cả nước đi thi như ta. Thật tội nghiệp cho thế hệ trẻ, họ là nạn nhân của một chế độ thi cử bảo thủ kiểu trung cổ. Trong kiến nghị “Một số giải pháp cấp bách về giáo dục” gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tháng 8 năm 1999 và sau đó có đăng trong báo *Văn nghệ* 4/9/1999 và *Tia sáng* số 9/1999, tôi đã có nêu ba vấn đề lớn (thi cử, dạy thêm tràn lan, sách giáo khoa) cùng với những đề nghị cụ thể về giải pháp. Tiếc rằng lúc ấy Bộ Giáo dục và Đào tạo đã không để ý gì bản kiến nghị này, thậm chí cũng không có hồi âm. Chỉ gần đây, sau khi ba vấn đề tôi đề cập trong kiến nghị được Thủ tướng Chính phủ chính thức yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu khắc phục sớm, và riêng vấn đề thi cử phải có giải pháp ngay trong năm tới, thì Bộ Giáo dục và Đào tạo mới bắt đầu có chút ít chuyển động. Tôi xin không nhắc lại nội dung cụ thể bản kiến nghị, chỉ xin bàn thêm chuyện tuyển thẳng. Vài ba năm trước, do áp lực của dư luận xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chấp nhận cho tuyển thẳng một số học sinh giỏi, nhưng khi đưa ra thực hiện chủ trương này thì năm đầu tiên làm không tốt, do phạm sai lầm ngớ ngẩn là chỉ dựa trên điểm thi tú tài, đề thi lại thống nhất cả nước mà chấm thi theo từng địa phương, nên tất yếu dẫn đến: 1) các địa phương cho điểm rộng hẹp khác nhau, kết quả không công bằng; 2) gian lận trong việc chấm thi do áp lực bệnh thành tích hoặc sự mua chuộc; 3) nơi nào công nghiệp dạy thêm học thêm phát đạt (xem bài phóng sự của Hoàng Tư Khoa trong *Tuổi trẻ chủ nhật* 8-14/10/2000), nơi nào điều kiện học tập đầy đủ hơn nghĩa là ở các thành phố lớn và các gia đình có tiền thì con em được nhiều cơ hội trúng tuyển, còn nông thôn (kể cả những vùng đóng góp kinh tế nhiều cho đất nước như Đồng bằng sông Cửu Long), các vùng cao và các tầng lớp nghèo gần như phải bỏ cuộc. Thật *trớ trêu* cho một nền giáo dục mà công bằng, dân chủ là phương châm đầu tiên. Sau thất bại đó, lại quay sang chỉ tuyển thẳng những học sinh có thành tích trong các kỳ thi học sinh giỏi, nghĩa là chỉ một số rất hạn chế mà cũng chưa phải đã chính xác. Vì sao? Theo tôi, những học sinh mà kết quả học tập ở hai năm cuối Phổ thông Trung học và kỳ thi tú tài được xếp vào số 5% giỏi nhất ở mỗi trường địa phương, thì dù ở bất cứ vùng nào, và có hay không có thành tích trong các kỳ thi giỏi toàn quốc, cũng phải có chỗ trong đại học: đó là quyền dân chủ của các địa phương, đó là lẽ công bằng của xã hội, hơn nữa đó còn là lợi ích quốc gia, vì nếu

không thể thì không thể phát huy hết tiềm năng trí tuệ của xã hội - điều cực kỳ quan trọng trong thời đại kinh tế tri thức này.

## 2. Sứ mạng xã hội của đại học trong thế kỷ XXI

Vấn đề thứ hai nổi cộm từ mấy năm nay là sự *mất cân đối* trong cơ cấu đào tạo nhân lực ở nước ta.

Trong một thời gian dài, người ta đã coi nhẹ đến mức gần như bỏ rơi Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, làm cho số công nhân có nghề và số cán bộ trình độ sơ, trung cấp đào tạo ra được quá ít, so với số kỹ sư, cử nhân, bác sĩ đào tạo ra (“hình chóp ngược” như có người đã gọi). Đương nhiên đó là một sai lầm lớn. Nhưng nay sự thể đã vậy rồi nếu xử lý không khéo lại sẽ rơi vào sai lầm mới không kém tai hại. Cần nhận thức cho đúng: đây không phải là chuyện thừa thầy, thiếu thợ như nhiều người quen nói, vì thật ra ta thiếu, và thiếu nghiêm trọng, cả thợ lẫn thầy. Ngay cả nếu thầy và thợ của ta đào tạo ra đạt đúng chất lượng đòi hỏi thì cũng vẫn thiếu, cái sự thừa đây chẳng qua là một vấn đề xã hội, và vì thầy không ra thầy, thợ không ra thợ, và hơn nữa vì quan niệm quá cũ về đại học. Chính vì cho rằng ta thừa thầy thiếu thợ nên có lúc các cơ quan hữu trách đã tính đến giải pháp đơn giản nhất là đảo ngược hình chóp nói trên bằng cách hăm bớt phát triển đại học để tập trung phát triển trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Mới nghe có vẻ logic, nhưng nếu thực hiện giải pháp này thì sẽ dẫn đến một xu thế đại học trái ngược hẳn với trào lưu chung hiện nay của thế giới khi bước vào thế kỷ XXI, đến khi nhận thức được tình hình đó để sửa chữa thì càng phải tốn kém gấp bội.

Hiện nay các nước đang ở cao trào phát triển đại học mạnh mẽ chưa từng có trong lịch sử. Trước đây 40-50 năm nhiệm vụ đại học chỉ thu hẹp trong việc đào tạo chuyên gia về các lĩnh vực văn hóa, khoa học, kinh tế, cho nên, như người ta thường nói chỉ dành cho một thiểu số chọn lọc. Hồi ấy, nước nào sớm thực hiện được phổ cập Trung học Phổ thông tạo ra lợi thế trong phát triển kinh tế. Ngày nay, với những đột phát mới của cách mạng công nghệ đang làm thay đổi tận gốc nền tảng sản xuất, chỉ phổ cập Trung học Phổ thông chưa đủ để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế. Mặt khác trong xã hội đang tiến lên trình độ văn minh trí tuệ ngày càng cao, người dân không có đủ tri thức sẽ cảm thấy lạc loài, thua thiệt, không hưởng thụ được những tiện nghi vật chất tinh thần mà nền văn minh mới đưa lại. Do đó, bên cạnh *sứ mạng văn hóa, khoa học, kinh tế*, ngày nay đại học còn có thêm *sứ mạng xã hội* là nhằm thỏa mãn nhu cầu dân trí đã trở thành một nhu cầu sinh hoạt thiết yếu trong xã hội thông tin hiện đại. Trong bối cảnh ấy các nước tiên tiến đã chuyển dần sang đại học cho quảng đại quần chúng. Giai đoạn đầu của Đại học (và Cao đẳng) gồm 2-3 năm sau Trung học Phổ thông đang trở thành phổ cập ở các nước ấy. Đồng thời tổ chức, nội dung và phương pháp đào tạo cũng thay đổi để có thể kết hợp tốt các yêu cầu: dân trí cho đại chúng, nhân lực cho kinh tế và nhân tài cao cấp cho khoa học, kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, trong thời đại kinh tế tri thức. Bên cạnh hình thức tập trung theo trường lớp chính quy, xuất hiện nhiều hình thức không tập trung rất đa dạng để đáp ứng yêu cầu học tập thường

xuyên của xã hội. Không chỉ có đại học công lập, đại học tư thục như ta thường hiểu mà nhiều hãng công nghiệp lớn cũng tự mở đại học riêng. Chi phí cho các hình thức giáo dục thường xuyên ở một số nước như Mỹ đã ngang bằng tổng chi phí cho giáo dục tập trung ở các trường lớp chính quy. Thêm vào đó, cái mới nhất hiện nay là xu thế toàn cầu hóa đang đẩy cả dịch vụ đại học vào hoạt động thương mại quốc tế, dẫn đến thị trường đại học quốc tế đang hình thành và phát triển, dù nhiều người vẫn phản đối xu hướng này (có nước qua xuất khẩu đại học thu được cả tỉ đô-la hằng năm). Qua Internet và công nghệ thông tin đã bắt đầu xuất hiện nhiều hình thức và phương tiện mới để phổ biến và, bán dịch vụ đại học trên mạng. Nói như thế để thấy rằng nếu ta cứ loay hoay trong những quan niệm cũ mà không sớm hiện đại hóa đại học thì rồi đây sẽ rất ngớ ngàng, lúng túng và bị động[\[12\]](#).

### **3. Khó khăn do tự tạo nhiều hơn là khách quan**

Vấn đề thứ ba: hiện nay ta có quá nhiều khó khăn về điều kiện vật chất, tài chính, làm sao có thể chấn hưng, hiện đại hóa đại học được?

Trả lời câu hỏi này nên thấy rằng nhiều khó khăn hiện nay thật ra đều do ta tự tạo ra cả. Nếu biết tận dụng nhân tài, vật lực đang có của bản thân ngành đại học thì không đến nỗi phải để cho đại học tiều tụy xơ xác như thế này.

Nói thẳng ra là việc sử dụng các nguồn lực phát triển của ta còn nhiều sự vô lý, thiếu thông minh. Trước hết ở khâu tổ chức và quản lý. Có biết bao điều lãng phí khó tưởng tượng nổi trong một đất nước còn rất nghèo. Thí dụ như tuyển sinh vào đại học đã nói ở trên, hằng năm tốn biết bao tiền bạc, thì giờ, tinh lực của hàng triệu người, tính cả Nhà nước và nhân dân thì lãng phí gấp mấy lần thiệt hại do lũ lụt. Tuyển được 10 sinh viên thì hao phí đủ nuôi 2-3 sinh viên ăn học suốt năm! Còn bao nhiêu lãng phí khác do cách tổ chức và quản lý sai lầm: Đại học - Cao đẳng, thi cao học và nghiên cứu sinh, nhập rồi tách trường,...

Không nên đổ lỗi cho nghèo. Thật ra là đầu tư không đúng địa chỉ, thất thoát vào túi cá nhân hoặc ném qua cửa sổ. Có một tâm lý rất lạ của người quản lý là thà vứt tiền đi chứ không để ai hưởng, nếu bản thân mình không được lợi. Từ đó đã xuất hiện ở nước ta một cách sử dụng thầy giáo hết sức kỳ quặc. Số lớn giáo viên đại học đều dạy đến 25-30 giờ mỗi tuần hay hơn nữa, nhờ đó, với thù lao giờ phụ trội và giờ dạy thêm ở ngoài, đời sống vật chất của họ tương đối dư dả, mặc dù đồng lương chính thức chưa đủ... trả tiền điện, nước, điện thoại, nói gì đến nuôi con ăn học. Cái giá phải trả cho sự vô lý ấy là không ai còn có thì giờ nghiên cứu khoa học cập nhật kiến thức, cho nên trình độ khoa học mòn mỏi dần. Lâu lâu cũng có một vài công trình gọi là có nghiên cứu nhưng chất lượng bèo bọt, thà không có còn hơn. Dạy bù đầu như thế thì có tài giỏi đến mấy cũng chỉ có thể dạy theo kiểu phổ thông, mà cũng chưa hẳn kiểu phổ thông hiện đại, nói gì đại học hiện đại. Cả một đội ngũ giáo viên bị lão hóa, tụt hậu, mà các cơ quan quản lý, kể cả những vị có trách nhiệm cao, vẫn rất thản nhiên từ năm này

qua năm khác, không hề bận tâm tự hỏi các cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ đào tạo ra sẽ cạnh tranh như thế nào đây với các nước? Người ta bàn đến kinh tế tri thức một cách sôi nổi khác thường, như một liều thuốc an thần, để quên đi tình trạng phản tri thức ở đại học là nơi có nhiệm vụ hàng đầu sản xuất tri thức.

#### **4. Sử dụng công nghệ thông tin trong giáo dục đại học**

Vấn đề thứ tư: một trong những cách để hội nhập nhanh với thế giới mà đỡ tốn kém là tận dụng các thành tựu Công nghệ thông tin trong giáo dục. Với những thiết bị và phương tiện kết nối Internet ngày càng hoàn thiện (tới đây là truyền thông đa phương tiện không dây), có thể thu nhận và trao đổi thông tin nhanh chóng, truy cập sách vở, tạp chí khoa học mới nhất một cách thường xuyên, với giá rẻ. Bây giờ phương tiện sao chụp, in ấn quá dễ dàng, chỉ cần biết tổ chức thì sinh viên có thêm bao nhiêu điều kiện tra cứu, học tập. Quan trọng nữa, nếu biết hợp tác Quốc tế tốt, nếu công tác nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh, thì các giáo viên có nhiều cơ hội đi ra nước ngoài, tiếp xúc với các đồng nghiệp nước ngoài, thỉnh giảng ở nước ngoài, và mời đồng nghiệp nước ngoài đến thỉnh giảng trong nước. Qua sự giao lưu đó nhu cầu, kinh nghiệm và cả điều kiện thực tế hiện đại hóa sẽ dần dần tới, dưới nhiều hình thức khác nhau. Viện Toán Hà Nội chủ yếu chỉ nhờ như thế mà nhiều ngành theo kịp được các nước.

Cũng nên nghĩ tới việc sản xuất các CD-ROM, băng video ghi bài giảng có chất lượng của một số Giáo sư giỏi về từng môn, từng ngành để dùng trong giáo dục từ xa, hoặc hỗ trợ cho các đại học thiếu Giáo sư giỏi. Những biện pháp như vậy có thể giúp nâng cao chất lượng đồng thời phát triển quy mô giáo dục đại học, nhanh chóng mà ít tốn kém.

#### **5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học vấn đề số 1 hiện nay của các đại học**

Vấn đề thứ năm: số lượng, chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá các đại học thời nay.

Có người muốn biết thực chất trình độ các đại học của ta như thế nào? Điều này khó trả lời cụ thể tuy nhiên hầu hết những Giáo sư các nước (và các nhà khoa học Việt kiều) có dịp tìm hiểu đều khẳng định rằng trình độ của ta còn thấp, nếu căn cứ trên nội dung các chương trình, số giờ dạy, cách dạy, thực tập, làm thí nghiệm, v.v. Có những ngành trong nước còn yếu vẫn đào tạo Tiến sĩ ào ào. Còn xét trình độ thực tế của sinh viên tốt nghiệp thì quả là còn yếu, một số ngành rất yếu. Về kiến thức, kỹ năng thực hành, tính chủ động, sáng tạo, về khả năng diễn đạt bằng viết hay nói, sinh viên ta đều kém, tuy cá biệt có những người rất xuất sắc, nhưng số này không nhiều. Cũng chẳng có gì lạ, vì nhiều nơi coi đại học là “học đại”. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh thêm rằng để đào tạo có chất lượng thì đại học, ít ra các trường lớn, nhất thiết phải kết hợp giảng dạy với nghiên cứu khoa học. Không phải chỉ những ai sau này sẽ làm công tác nghiên cứu khoa học mới cần học nghiên cứu khoa học, mà mọi sinh viên, dù sau này làm nghề gì cũng đều cần được đào tạo thông qua nghiên cứu khoa học. Có như thế ra đời họ mới

có tác phong nghiên cứu, thái độ khoa học, tinh thần chủ động, đầu óc tưởng tượng, sáng tạo, v.v. là những thứ tối cần thiết ngày nay để thành đạt, cho dù làm nghề gì. Vì vậy, một trong các tiêu chuẩn hàng đầu đánh giá chất lượng và trình độ một đại học là các thành tựu nghiên cứu khoa học. Về điểm này, ngay cả các đại học lớn của ta cũng còn rất xa yêu cầu.

## **6. Tư tưởng hư danh, đầu óc khoa cử là trở ngại lớn cho sự phát triển lành mạnh của các đại học**

Một trăm năm trước đây đã có những nhà Nho hô hào cắt tóc để bỏ cái búi tóc, coi nó là “cái ngu, cái đại” của chúng ta (Phan Khôi, “Về cắt tóc”). Thiết nghĩ ngày nay cũng đã đến lúc nên lên án tương tự cái đầu óc khoa cử, hư danh, nó chính là thủ phạm gây nên biết bao nhiêu điều đáng xấu hổ trên đất nước này.

Có hai nguyên nhân. Thứ nhất là nhược điểm cố hữu của người Việt Nam, từ bao đời quen lối học từ chương khoa cử, học để trở thành Ông Nghè, Ông Cử, để làm quan, để có danh vị này khác. Đáng buồn là cái tư tưởng chuộng hư danh, sinh bằng cấp lại đang có chiều hướng gia tăng, với sự tiếp sức của báo chí và nhiều nhà khoa học. Ở các nước, ít ai xưng hô âm ỉ các học vị; chức danh, còn ở ta cứ lật một trang báo là thấy đầy rẫy nào Thạc sĩ, Tiến sĩ, Viện sĩ, chẳng hiểu bao nhiêu phần trăm là thật. Do đó tạo ra cái ảo tưởng bằng cấp, học vị là những giá trị cao nhất trong xã hội hiện đại, và hướng thanh niên vào những mục tiêu hư danh viển vông hoặc thực dụng tầm thường. Cái khát vọng của tuổi trẻ tìm đến những chân trời tri thức mới lạ để mong lập kỳ tích trên mặt trận trí tuệ là mặt trận chính thời nay chạm vào cái thực tế xã hội đó làm sao khỏi bị biến dạng. Tất cả cuộc đời thu lại chỉ còn là học ngày học đêm, không kịp suy nghĩ sáng tạo gì hết, để giật một mảnh bằng đôi khi rất giả tạo, hay sao? Xây dựng đất nước vào thời đại trí tuệ mà như thế thì làm sao hưng thịnh được?

Thứ hai là lối giáo dục, thi cử, đánh giá của ta hiện nay, và nếu bàn sâu hơn nữa, là lối dùng người, chưa phân biệt được tài năng đích thực với tài năng rơm, còn nặng về trọng hư danh, nhẹ thực chất. Suy cho cùng chỉ có thể đào tạo nhân tài tốt khi nào có một môi trường xã hội biết quý trọng tài năng chân chính và nhân tài luôn có điều kiện phát triển. Các kiểu học hành, thi cử, đánh giá của ta hiện nay không thích hợp để bước vào xã hội thông tin và thế kỷ kinh tế tri thức. Nếu cứ tiếp tục kiểu này chúng ta sẽ thua cuộc trong cạnh tranh sắp tới.

## **7. Phân giai đoạn trong đào tạo đại học**

Vấn đề thứ bảy: đại học nên có mấy giai đoạn đào tạo?

Đúng là sau khi bỏ Đại học Đại cương (ĐHDC) vấn đề đào tạo giai đoạn 1 chưa thể coi là đã giải quyết xong. Liên quan với vấn đề này là xử lý mâu thuẫn giữa số lượng và chất lượng đối với giáo dục đại học.

Đặc điểm của thời đại chúng ta là đột biến công nghệ diễn ra liên tục, các nghề thay đổi mau chóng, có nghề hiện nay cần nhiều nhân lực, ít năm sau không cần nhiều nữa, hay mất hẳn, trong khi đó xuất hiện những nghề mới, và ngay trong một nghề thì kiến thức, kỹ năng cần thiết cũng không cố định mà luôn luôn thay đổi. Do đó đào tạo nghề hẹp và cứng nhắc không thích hợp. Nên có ba hệ thống đào tạo ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, ứng với ba giai đoạn: giai đoạn 1 đào tạo cơ bản về từng ngành (nhóm nghề gần nhau), giai đoạn 2 đào tạo nghề, và giai đoạn 3 là cao học và Tiến sĩ (sau Đại học). Để thỏa mãn nhu cầu học tập của quần chúng chuẩn bị bước vào thời đại kinh tế tri thức nên mạnh dạn mở nhiều trường cao đẳng hai năm, đào tạo giai đoạn 1, học xong có bằng tốt nghiệp có thể ra làm việc, nhưng cũng có thể học tiếp giai đoạn 2 ở đại học. Các trường cao đẳng sẽ là cơ sở sau này tiến lên trở thành phổ cập. Giai đoạn 1 cũng có thể học ở các đại học, khi kết thúc có bằng tốt nghiệp để có thể ra làm việc, hoặc học tiếp lên giai đoạn 2 lấy bằng cử nhân hay kỹ sư. Như vậy có phần nào giống ĐHĐC trước đây, nhưng cái khác cơ bản là không có trường ĐHĐC riêng và chương trình được học đầy đủ hơn (2 năm), học xong có bằng tốt nghiệp để đi làm, chứ không phải dở ông dở thằng, ra làm việc cũng lờ dở mà học tiếp cũng khó khăn. Đối với những nghề kỹ thuật và sư phạm, giai đoạn 1 đào tạo luôn cả nghề.

Nói chung giáo viên các trường cao đẳng không đòi hỏi có bằng Tiến sĩ (ở Mỹ chỉ có khoảng 2% giáo viên đại học cộng đồng có bằng Tiến sĩ), và cũng không đòi hỏi nghiên cứu khoa học (ở Anh các Polytechnic cũng rất ít nghiên cứu khoa học), có thể tuyển từ giáo viên giỏi THPT và những người có bằng Thạc sĩ. Với sự hỗ trợ chuyên môn qua các phương tiện CNTT như đã nói trên, các trường cao đẳng có thể bảo đảm một chất lượng tuy không cao nhưng đủ đáp ứng nhu cầu. Đồng thời với quan niệm như vậy hệ cao đẳng có khả năng phát triển mạnh, để giải quyết nhu cầu mở rộng quy mô, đáp ứng yêu cầu dân trí và nhu cầu nhân lực. Đi đôi với phát triển mạnh số lượng nhất thiết phải chú trọng bảo đảm và nâng cao chất lượng các đại học trọng điểm để dần dần đuổi kịp trình độ quốc tế (ở Mỹ các trường chất lượng cao chỉ chiếm 5% tổng số sinh viên).

## **8. Ý nghĩa hạn chế của các giải thưởng Olympic Quốc tế**

Vấn đề thứ tám: Các giải thưởng Olympic không thể là dấu hiệu khoa học, kinh tế phát triển lành mạnh.

Đúng như vậy, trong khi chúng ta có nhiều giải cao trong các cuộc thi Olympic Quốc tế về Toán, thì việc giảng dạy toán ở các cấp chưa phải là tiên tiến, thậm chí có mặt lạc hậu nhiều thập kỷ. Hai việc đó không mâu thuẫn. Tháng 8 vừa qua ở Tokyo có đại hội thế giới về giảng dạy toán. Trước đó tôi được Ban tổ chức mời trình bày một báo cáo toàn thể ở Đại hội. Người ta có ấn tượng về các thành tích của Việt Nam trong các cuộc thi Olympic toán và biết Việt Nam có một nền toán học không đến nỗi là số không trên quốc tế, nên họ muốn ta chia sẻ kinh nghiệm dạy toán với các nước. Tôi dẫn đo

mãi, cuối cùng đành từ chối, vì nếu mình báo cáo trung thực thì phải nói cả cái hay và cái dở, mà cái dở e còn nhiều. Vậy đó, người ngoài cuộc đánh giá cao, còn bản thân người trong ngành còn nhiều nỗi băn khoăn.

Tôi nghĩ ta không nên ngộ nhận về ý nghĩa các giải Olympic. Tất nhiên, thành tích là tuyệt vời, rất đáng phấn khởi và tự hào, vì nó chứng tỏ thanh niên ta đủ sức đua tranh với các nước. Nhưng cũng phải thấy rằng phần lớn các nước không chọn đội tuyển kỹ như ta, và cũng không tốn nhiều công sức luyện cho học sinh của họ đi thi như ta. Ta có lớp chuyên, lớp chọn, học sinh của ta được luyện tập hằng năm về những kiểu toán thường gặp trong các kỳ thi Olympic, hơn nữa có thể nói ta có cả nước tham gia chuẩn bị cho cuộc thi (tỉnh nào cũng có lớp chuyên, rồi nào thi thành, thi tỉnh, thi Quốc gia, v.v.) cho nên việc tuyển chọn có hệ thống, có tổ chức. Đó là những lợi thế mà nhiều đội khác không có. Các nước đều hiểu rằng cuộc thi Olympic là nhằm khuyến khích phong trào học toán ở trường học, chứ không ai dựa vào đó để xếp thứ tự trình độ khoa học toán học của các nước. Vì vậy họ không đầu tư vào đó nhiều.

Thi Olympic đòi hỏi trong một thời gian ngắn phải giải cho xong một số bài toán khó, muốn đoạt giải trong cuộc thi đó phải thông minh, nhanh nhạy và có kiến thức, kỹ năng vững. Tuy nhiên cũng cần thấy rằng có nhiều người giỏi nhưng không thể đạt được kết quả tốt trong những cuộc thi như vậy, vì họ chỉ quen làm toán trong điều kiện bình thường. Cho nên thi Olympic thật ra là chỉ thi một loại khả năng đặc biệt (nhưng biết làm sao, chỉ có thể thi như thế). Khả năng ấy đương nhiên rất quý, nhưng chưa đủ mà cũng không phải là điều kiện nhất thiết cần có mới có thể trở thành nhà toán học. Dù thế nào từ thành tích thi Olympic đến chỗ trở thành nhà toán học con đường còn dài.

Tôi là người 35 năm trước đã đề xuất ý kiến và xây dựng các lớp chuyên toán đầu tiên (hồi ấy gọi là lớp toán đặc biệt). Tôi cũng là người năm 1973 đã trực tiếp đề nghị các bạn đồng nghiệp Đức mời và tài trợ cho đoàn Việt Nam tham gia lần đầu tiên cuộc thi Olympic toán tổ chức năm 1974 ở Berlin. Vì thế tôi rất vui mừng ghi nhận những thành tích thi Olympic toán tốt của học sinh Việt Nam, và sự đóng góp tích cực của các lớp chuyên toán vào việc giảng dạy và nghiên cứu toán ở Việt Nam suốt mấy thập kỷ. Tuy nhiên, đối chiếu hiện tình với mục đích cũng như tổ chức và cách dạy các lớp này theo chủ trương ban đầu, thì đã có nhiều thay đổi. Chắc chắn có những thay đổi tích cực nhưng có lẽ cũng cần rút kinh nghiệm một số vấn đề cho thích hợp với các điều kiện mới. Một trong các vấn đề ấy chính là việc theo dõi quá trình phát triển về sau của các học sinh đoạt giải và học sinh các lớp chuyên toán để xem hiệu quả thực tế của công việc này. Có thể nói, ta đầu tư khá nhiều cho các lớp chuyên toán, và cho việc tham gia các cuộc thi Olympic. Trong khi đó thì bản thân toán học của ta lại lâm vào một tình thế có thể mô tả là “bi hùng”: một mặt, đã có một lớp những nhà toán học tài năng, đại diện xứng đáng cho đất nước trên Quốc tế, nhưng tuổi trung bình của lớp người này đã xấp xỉ 50, và hầu hết

họ chưa từng đoạt giải trong các cuộc thi Olympic, còn lại sau họ là một khoảng trống đáng sợ, nói lên rằng nếu tình hình này tiếp diễn thì trong những năm tới toán học Việt Nam đi dần đến suy sụp, chờ ngày bị xóa sổ. Mặt khác, việc giảng dạy toán ở Việt Nam, nhất là ở phổ thông đang lạc hậu nghiêm trọng so với thế giới. Trong khi đó ở những nước quanh ta, quang cảnh ngược lại đang diễn ra: họ ít hay không có thành tích thi Olympic quốc tế, nhưng họ đang có nhiều nhà toán học trẻ, mà một số đang làm việc say sưa và khá sung sức, việc giảng dạy toán học của họ ở các cấp học có quy củ, và chất lượng được nâng lên liên tục. Ai sẽ hơn ai sắp tới đây? Cho nên tôi thà đổi tất cả các giải thưởng Olympic để lấy một đội ngũ những người làm toán trẻ, có khả năng có tâm huyết, năng động và thật sự vì đất nước vì khoa học mà cống hiến, còn hơn có nhiều người đoạt giải cao mà sau đó mất hút hẳn hoặc trở thành những nhà toán học mờ nhạt.

## **9. Giải pháp đột phá cho giáo dục và đại học**

Vấn đề thứ chín: Nguyên nhân của mọi nguyên nhân là cơ chế quản lý.

Nếu vừa qua cả giáo dục và đặc biệt giáo dục đại học xuống cấp (ít ra theo nghĩa tương đối, nghĩa là có thể không xuống cấp tuyệt đối - cứ cho là thế đi - nhưng khoảng cách với các nước càng xa), thì không phải vì chúng ta không có người giỏi, mà nguyên nhân phải tìm trước hết ở cơ chế quản lý chưa thông minh của ngành đại học. Theo tôi nên bắt đầu từ tổ chức và quản lý, trước hết là chính sách cán bộ.

Tình trạng hiện nay là chính sách cán bộ quá bất cập: đãi ngộ không công bằng, khuyến khích tham nhũng, quan liêu, mất hết kỷ cương, gây ra nhiều tiêu cực không kiểm soát nổi, rốt cục thầy giáo và nhà khoa học chỉ chạy theo chức vụ hành chính để leo lên bậc thang quan trường, hoặc chạy theo tiền bạc theo kiểu “hy sinh đời bố củng cố đời con”, các chức vụ lãnh đạo, quản lý thì quá nhiều những kẻ cơ hội, vừa bất tài vừa thiếu đức, một số khác thì lằng nhằng, không có năng lực sáng kiến gì nổi trội, chỉ biết đi theo đường mòn, giữ cho cơ quan yên ổn, dù đó là sự chết chìm từ từ.

Với chính sách cán bộ như thế, cho nên để ra những tổ chức lom côm mà quản lý lại quá tập trung quan liêu, cái gì cũng muốn quản[13], muốn tự quyết định, coi thường mọi ý kiến đóng góp của dư luận quần chúng và xã hội, nên thường đưa ra nhiều quyết định sai lầm hoặc không khả thi. Các Đại học, các Viện nghiên cứu đâu có người giỏi, biết việc, cũng bị bó tay bởi những quy định kỳ quặc, nhiều việc biết là sai vẫn phải chấp hành, biết đúng vẫn không làm được, v.v. Ví thử các nhà quản lý là những nhà khoa học lớn có tài quản lý chẳng nữa cũng không thể quản lý tập trung bấy nhiêu đại học trong cả nước, huống chi ta đâu có những nhà quản lý như vậy.

Cho nên một việc đầu tiên cần làm là sửa đổi cơ bản chính sách cán bộ, thực chất là chính sách nhân tài, bao gồm tuyển dụng, bồi dưỡng, cất nhắc, đề bạt, trong đó lương bổng và kỷ luật lao động

đang là những điểm nóng. Thứ hai là chỉnh đốn bộ máy quản lý, bao gồm cả việc cải tổ hệ thống lãnh đạo (kể cả các Hội đồng và trao quyền tự quản rộng rãi cho các đại học), trước hết là các đại học lớn. Thứ ba là giải quyết những vấn đề cấp bách nhất nhằm đưa giáo dục đại học vào quy củ về các mặt: tuyển sinh, đánh giá, chế độ giảng dạy, nề nếp học tập, theo hướng nhích dần đến hiện đại. Thứ tư là tổ chức lại hệ thống đại học cho phù hợp yêu cầu tình hình mới, đảm bảo một mặt tiếp tục phát triển mạnh số lượng, một mặt chỉnh đốn chất lượng ở mấy trường trọng điểm và bậc sau đại học. Một núi vấn đề phải làm, không có một bộ tham mưu đủ trình độ và năng lực thì không làm nổi, thậm chí có thể gây rối thêm.

## Hiện đại hóa giáo dục để đi vào kinh tế tri thức<sup>[14]</sup>

Năm học mới đã bắt đầu, năm học đầu tiên của thế kỷ XXI. Giữa lúc suy thoái kinh tế và thất nghiệp đang đe dọa lan tràn khắp nơi, hầu hết các nhà trường trên thế giới vẫn minh văn tích cực bước vào hiện đại hóa giáo dục. Còn chúng ta thì sao? có cần hiện đại hóa không và hiện đại hóa như thế nào, tương lai đất nước phụ thuộc một phần khá lớn vào lời giải đáp cho câu hỏi này.

### 1. Vì sao cần hiện đại hóa giáo dục?

Ai cũng biết dân ta tha thiết với việc học như thế nào. Vậy mà từ nhiều năm nay giáo dục của ta vẫn ỉ ạch, chưa thoát khỏi tình trạng lạc hậu, với những khó khăn bế tắc tự gây ra và nhiều chứng bệnh tiêu cực kéo dài quá lâu, không biết đến bao giờ mới chấm dứt được. Tâm trạng của người dân, như đã được phản ánh qua các báo chí (*Tuổi trẻ, Lao động, v.v.*) nhân ngày khai giảng năm học mới, nói chung vẫn lo lắng nhiều hơn phần khởi.

Mà không lo lắng sao được: trong một thế giới toàn cầu hóa, cạnh tranh gay gắt hơn bao giờ hết, nước nào cũng xem giáo dục là vũ khí chiến đấu chính. Có chăng chỉ chúng ta còn mơ hồ về sức mạnh của vũ khí này, mặc dù Hiến pháp đã ghi rõ giáo dục là quốc sách hàng đầu.

Theo dự báo của một số học giả (tạp chí *The Economist*, 1993), nếu cứ như xu thế hiện nay thì đến khoảng 2020, sẽ có 9 trong 15 nước giàu có nhất hiện nay tụt xuống hàng những nước mà bây giờ ta gọi là đang phát triển. Ngược lại, một số quốc gia hiện chưa giàu có gì đặc biệt có thể vượt lên hàng những nước phát triển nhất. Trong cả hai trường hợp, yếu tố quyết định hàng đầu là giáo dục.

Có người nghĩ đơn giản rằng người Việt Nam chúng ta thông minh, hiếu học, cần cù thì chẳng có gì đáng lo khi thế giới chuyển sang lấy tri thức làm nguồn lực phát triển chủ yếu. Nhưng kinh nghiệm hai mươi năm qua là một bài học đắt giá: chúng ta càng tự nhận thông minh không kém bất kỳ ai thì càng tụt hậu dài dài trong nhiều lĩnh vực khoa học, giáo dục, ngay cả so với những nước chẳng phải xuất sắc gì trên thế giới. Nói ra đáng tủi hổ nhưng là sự thật, chỉ có các học vị, học hàm rôm, những Tiến sĩ, Viện sĩ giấy, những chức vị hư danh thì không nước nào trên thế giới sản xuất nhanh, nhiều, rẻ bằng ta. Mà khi những thứ này tràn ngập xã hội thì còn chỗ đâu cho trí tuệ chân chính phát triển.

Với một nền giáo dục yếu kém, chắc chắn kinh tế sẽ mất sức cạnh tranh. Các nước ASEAN vừa qua đã nhận định đúng đắn rằng vấn đề trung tâm hiện nay là nâng cao chất lượng và trình độ nhân lực. Dĩ nhiên muốn thực hiện điều này không có cách nào khác là nâng cấp, hiện đại hóa giáo dục, để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn kinh tế tri thức.

### 2. Giáo dục trong thế kỷ XXI

Như vậy, hiện đại hóa giáo dục là nhiệm vụ cấp bách nếu chúng ta không muốn bị thua thiệt khi hội

nhập và cạnh tranh quốc tế. Vấn đề là hiện đại hóa như thế nào và bằng cách nào?

Để trả lời câu hỏi này trước hết cần hình dung những nét chính, những yêu cầu của đời sống trong xã hội văn minh ở thế kỷ XXI.

Như đã rõ, xu hướng chung của thế giới ngày nay là tiến tới toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, dựa trên nền tảng sáng tạo khoa học và công nghệ. Đó là một thế giới đang trong quá trình thay đổi cực nhanh, cả về cuộc sống vật chất và văn hóa, theo từng đợt sóng cách mạng công nghệ liên tiếp, dồn dập như trước đây chưa hề thấy, dễ dàng bỏ lại hay nhận chìm các quốc gia không vượt qua được, không thích ứng nổi, hoặc thích ứng chậm với những đợt sóng ấy. Về phương diện liên quan trực tiếp đến giáo dục, đợt sóng mới về công nghệ thông tin, đặc biệt là số hóa và đa truyền thông không dây, sẽ có ảnh hưởng lớn lao đến quá trình phổ biến, tiếp thu, xử lý, vận dụng và sáng tạo tri thức. Cho nên nói đến giáo dục thế kỷ XXI là nói đến một nền giáo dục đặt trên cơ sở thích ứng với những điều kiện, khả năng và nhu cầu phát triển đó của xã hội mới.

Đối với dân tộc ta, muốn thực hiện các mục tiêu cơ bản: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, cũng không thể tách rời các xu thế chung của thời đại.

Trong bối cảnh đó, nhiều người khi nói tới hiện đại hóa giáo dục thường chỉ nghĩ đến việc vận dụng các phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, trong giảng dạy và học tập. Điều này đương nhiên quan trọng, song cái chính chưa phải ở đó. Cái chính là *thay đổi tư duy giáo dục, xác định lại quan niệm về mục tiêu, yêu cầu đào tạo của nhà trường, từ đó thay đổi cung cách dạy, học, và phương pháp, nội dung, tổ chức và quản lý giáo dục*, nhằm xây dựng một nền giáo dục phù hợp hơn với yêu cầu của xã hội và cuộc sống trong kỷ nguyên kinh tế tri thức.

Trong thời đại mà cơ may tồn tại và phát triển của các quốc gia dựa trên sự thông minh, tài trí của cộng đồng nhiều hơn là của cải, tài nguyên sẵn có, phương châm giáo dục không còn là cung cấp bừa bãi, nhồi nhét càng nhiều kiến thức càng tốt, mà là rèn luyện khả năng tư duy, khả năng thích ứng mau lẹ, rèn luyện đầu óc và nhân cách, để có những con người ném vào hoàn cảnh nào cũng xoay sở và vươn lên được, tự khẳng định mình đồng thời thúc đẩy cộng đồng tiến lên. Trước đây, nhà trường thường chăm chú đào tạo những lớp người theo những khuôn mẫu nhất định, ngoan ngoãn và cần mẫn làm việc theo những ước lệ và định chế sẵn có, quen được dẫn dắt, bao cấp, làm theo, hơn là độc lập suy nghĩ và tự chịu trách nhiệm. Những mẫu người như thế không thể là mục tiêu đào tạo của nhà trường khi bước sang thế kỷ XXI. Đương nhiên, thời nào, xã hội nào cũng cần những con người có nhân cách: trung thực, thẳng thắn, nhân ái, v.v., nên nhà trường không thể vin vào cơ thời đại khoa học công nghệ mà lơ là việc rèn luyện các phẩm chất đạo đức cơ bản đó. Song điều đáng nói ở đây là ngoài các phẩm chất đó, xã hội hiện đại còn cần những con người *có cá tính* (thời nay không cá tính thường đồng nghĩa với vô tích sự), *biết giao tiếp và hợp tác* (thời nay cá nhân đơn độc khó làm việc

gì thật có ý nghĩa), *có tư duy cởi mở với cái mới, thích dần thân, sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm, không ngại trả giá để có những thành công lớn*, và nhất là phải có đầu óc sáng tạo, yếu tố then chốt thúc đẩy xã hội tiến lên trong kỷ nguyên mới.

Trên quan điểm tổng quát đó, giáo dục ở thế kỷ XXI sẽ phải đặc biệt chú ý những vấn đề chính sau đây.

1) Trong thời kinh tế tri thức, đương nhiên tri thức là quan trọng, nhưng như trên đã nói, *yếu tố quyết định sức sống và vươn lên của một cộng đồng là khả năng sáng tạo, mà muốn sáng tạo thì chỉ có tri thức thôi chưa đủ, còn phải có đầu óc tưởng tượng*. Tri thức mà thiếu trí tưởng tượng thì không thể sử dụng linh hoạt và dễ biến thành tri thức chết, tri thức không phát triển được. Có tri thức mà thiếu đầu óc tưởng tượng thì chỉ có thể làm theo, bắt chước, không nghĩ ra được *ý tưởng mới*, mà trong xã hội ngày nay, dù là lĩnh vực kinh doanh, khoa học, công nghệ hay văn hóa, nghệ thuật, không có ý tưởng mới có nghĩa là vô vị, nhàm chán, không có sức thu hút, không đủ sức cạnh tranh. Thật không có gì tai hại hơn cho xã hội bằng chứng bệnh xơ cứng tư duy. Do đó giáo dục ở thế kỷ XXI *không thể chỉ coi trọng tri thức mà còn phải chú ý rèn luyện trí tưởng tượng, làm cơ sở cho tư duy sáng tạo*. Ngay từ tuổi nhỏ học sinh phải làm quen độc lập suy nghĩ, tập nghiên cứu, sáng tạo, tập phát hiện và giải quyết vấn đề, hơn là học thuộc lòng và nhồi nhét kiến thức (vì thế phải bớt giờ nghe giảng thụ động, tăng các hình thức dự án, khóa luận, tham luận, v.v.). Đặc biệt đại học càng phải coi trọng đầu óc, phong cách và kỹ năng nghiên cứu khoa học hơn bao giờ hết.

Đối với nước ta, phương châm này còn đáng chú ý thêm một bậc nữa vì dân ta vốn quen sao chép quá nhiều, trong hàng nghìn năm lối học tầm chương trích cú đã hạn chế ngạt ngào trí tưởng tượng của ông cha ta. Chỉ trừ trong đấu tranh chống ngoại xâm, còn trên mọi lĩnh vực khác, về triết học, tư tưởng, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, kinh tế, phải nhận rằng trí tưởng tượng Việt Nam không thuộc loại xuất sắc trên thế giới. Đó là điểm yếu, rất yếu của chúng ta, nếu giáo dục (và không phải chỉ giáo dục) không chú ý sớm khắc phục thì xã hội khó mà tiến nhanh được. (Ai không tin chỉ việc quan sát hàng đồ chơi đang bày bán khắp nơi cho trẻ em nhân dịp trung thu này: toàn là đồ chơi Trung Quốc, đâu phải cao siêu gì, nhưng phong phú về chủng loại, cách trình bày, v.v. còn đồ chơi Việt Nam thì nghèo nàn, ít hấp dẫn, năm này qua năm khác chỉ quanh quẩn mấy thứ trẻ em ta đã nhàm).

2) Công bằng, dân chủ là xu hướng của xã hội tiến bộ hiện đại, dù cho cách hiểu và cách thực thi còn nhiều điểm khác nhau tùy mỗi nước. Trong giáo dục *công bằng, dân chủ* có nghĩa là bảo đảm cho mọi công dân *quyền bình đẳng về cơ hội học tập và cơ hội thành đạt trong học vấn*. Bước vào kinh tế tri thức, đó không chỉ là một nguyên tắc đạo đức, đó còn là điều kiện tối cần thiết để bảo đảm sự phát triển của xã hội. Vì chỉ khi có công bằng, dân chủ trong giáo dục, chỉ khi mọi người, dù giàu nghèo, sang hèn, đều có cơ hội học tập và thành đạt ngang nhau, khi đó tiềm năng trí tuệ của xã hội mới

được khai thác hết. Trên thực tế điều đó có nghĩa là không để cho bất cứ ai chỉ vì nghèo khó mà không được học đến nơi đến chốn theo sở nguyện. Phải nói rằng từ mấy chục năm trước, dù còn khó khăn gian khổ nhưng nền giáo dục Việt Nam vốn rất tiên tiến về mặt này. Thật trớ trêu là hơn chục năm nay, từ khi nêu cao định hướng xã hội chủ nghĩa thì giáo dục của chúng ta ngày càng xa rời công bằng và dân chủ, đi ngược lại xu thế của thời đại, đi ngược lại lý tưởng cao quý của xã hội mà chúng ta đang hướng tới. Một thực tế rõ ràng là con em các tỉnh miền núi, các vùng nông thôn, hay con em nhà nghèo ở thành thị, đi học đã khó mà học lên cao càng khó hơn. Với chế độ học tập buộc phải học thêm ngoài giờ rất nhiều, phải đóng góp vô vàn khoản tốn kém ngoài học phí, hàng năm phải mua sắm sách giáo khoa mới, với chế độ đánh giá và thi cử tốn kém kỳ quặc bậc nhất trên thế giới như hiện nay, nhà trường của ta đã vô tình gạt ra ngoài cả một lớp trẻ thiếu may mắn vì trót sinh ra trong những gia đình nghèo hoặc không ở thành phố. Báo chí đã phản ánh quá đủ tình cảnh đáng thương của những trẻ em ham học mà chỉ vì thiếu tiền nên không thực hiện nổi mơ ước, dù chỉ là mơ ước rất khiêm tốn. Thế mà có người còn nói rõ: muốn học tốt phải mất tiền, sao lại đòi Nhà Nước lo!

3) Tùy theo cá tính, mỗi con người có những sở thích, sở trường, sở đoản riêng, sự đa dạng ấy làm nên cuộc sống phong phú và là mảnh đất để nảy nở tài năng sáng tạo. Cho nên giáo dục phải phóng khoáng, không hạn chế, hay kìm hãm mà trái lại *phải tôn trọng, phát triển cá tính*, và muốn thế không thể gò bó mọi người trong một kiểu đào tạo như nhau, một hướng học vắn như nhau, mà phải *mở ra nhiều con đường, nhiều hướng, tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho thế hệ trẻ phát triển tài năng*, đồng thời cho phép họ dễ dàng chuyển sang con đường khác khi thấy sự lựa chọn của mình chưa phù hợp. Chẳng hạn, vấn đề phân ban ở trung học phổ thông mà trước đây ba năm đã thành đề tài rất sôi nổi. Vừa qua có nhiều phản ứng gay gắt với cách phân ban của Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ yếu vì cách làm không tính đến điều kiện cụ thể trong nước và quan niệm về phân ban còn theo lối cũ, sinh ra mâu thuẫn với yêu cầu giáo dục phổ thông. Chứ thật ra, ở vài năm cuối trung học, nhu cầu cá biệt hóa việc học để tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho lớp trẻ cần phải được chú ý giải quyết thỏa đáng. Vấn đề là tổ chức quá trình giảng dạy như thế nào để làm tốt việc đó, để không hại đến yêu cầu học vắn phổ thông, đồng thời không cứng nhắc đến mức đã lỡ chọn ban nào rồi thì cứ thế phải theo ban đó cho đến hết, không thể thay đổi nửa chừng nếu thấy chưa thích hợp.

4) Cho đến giữa thế kỷ XX, các nước công nghiệp đều thực thi giáo dục tiểu học bắt buộc; từ giữa thế kỷ XX họ chuyển sang trung học bắt buộc. Còn đại học thì cho đến những năm 70 thế kỷ trước, vẫn còn dành riêng cho một thiểu số có tài năng để đào tạo thành tầng lớp chuyên gia cao cấp: kỹ sư, bác sĩ, giáo sư. Sau đó dần dần đại học mở rộng cửa, đón đông đảo thanh niên, và từ vài chục năm nay đã *chuyển sang đại học cho số đông, cho đại chúng, rồi gần đây đã trở thành phổ cập* ở nhiều nước phát triển. Ngay những nước công nghiệp mới cũng đã thực hiện đại học cho số đông và đang tiến tới phổ cập. Sở dĩ như vậy là do khoa học công nghệ tiến nhanh, một mặt các ngành hoạt động kinh tế ngày

càng yêu cầu lực lượng lao động phải có trình độ cao mới đảm bảo hiệu quả và năng suất, mặt khác trình độ văn minh hiện đại cũng đòi hỏi mọi thành viên trong cộng đồng phải có học thức cao mới hưởng thụ được đầy đủ cuộc sống của bản thân đồng thời đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng. Rất rõ ràng xã hội văn minh ngày nay đang tiến đến chỗ trình độ học thức hai năm đầu của đại học trở thành cần thiết cho mọi người, giống như trình độ học thức tiểu học cách đây một thế kỷ. Vì vậy, *phải tiến tới mở cửa đại học cho số đông, rồi cho tất cả mọi người trong độ tuổi, đó là xu thế của giáo dục ở thế kỷ XXI*. Xu thế này tất yếu sẽ đưa đến những thay đổi lớn về quan niệm cũng như tổ chức, quản lý giáo dục đại học mà đặc điểm chủ yếu là sẽ rất uyển chuyển và đa dạng.

Hiện nay giáo dục của ta còn nhiều khó khăn, chủ yếu vì sử dụng quá lãng phí các nguồn lực cho nên ngay đến phổ cập Trung học xem ra cũng còn là mục tiêu xa vời. Thế mà đã có tiếng kêu thừa thầy thiếu thợ, hàm ý quá nhiều người tốt nghiệp đại học mà không có mấy công nhân kỹ thuật. Thật ra, cả thợ và thầy đều thiếu. Ngay cả nếu thầy thợ của ta đào tạo thật đúng chất lượng thì cũng vẫn thiếu, cái sự thừa ấy chẳng qua là do quan niệm còn quá cũ về thầy, thợ. Dù thế nào, muốn hội nhập quốc tế mà không thua thiệt, phải mau chóng tăng số năm học trung bình của lực lượng lao động, dần dần đuổi kịp các nước trong khu vực (Thái Lan có lực lượng lao động với học thức trung bình hơn ta, thế mà mấy năm gần đây vẫn mất nhiều cơ hội thu hút đầu tư của nước ngoài, thì ta càng phải lo lắng hơn).

5) Trong khi nâng cao dân trí, mở rộng cửa nhà trường, kể cả đại học, cho đông đảo người dân, thì giáo dục không thể coi nhẹ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhân tài. Trái lại, phải rất *chú trọng tài năng, khắc phục bình quân và trung bình chủ nghĩa* vốn là nhược điểm thường thấy ở các nước nghèo. Xưa nay sự hưng thịnh của các quốc gia một phần rất quan trọng, nếu không nói là quyết định, là do bởi có nhiều tài năng xuất chúng được nâng niu, nuôi dưỡng và được tạo điều kiện phát triển đến tột độ. Tài năng quan trọng cho xã hội hiện đại đến mức *số lượng và chất lượng người tài được đào tạo là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá hiệu quả giáo dục*. Cho nên, hệ thống giáo dục, đặc biệt là đại học, phải có biện pháp hữu hiệu để đào tạo nhiều người tài, hơn nữa xã hội phải được tổ chức như thế nào để tài năng không tàn lụi sớm mà được khuyến khích phát triển ngày càng cao. Thật ra đó là truyền thống đã có từ xưa ở nhiều nước, chẳng qua trong thời đại kinh tế tri thức, nhu cầu về tài năng sáng tạo càng bức bách hơn bao giờ hết cho nên truyền thống đó được tiếp tục nâng lên và phát triển. Muốn giành ưu thế trong cạnh tranh, mỗi nước đều có biện pháp và chính sách đặc biệt xây dựng đội ngũ lao động sáng tạo tài năng trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, kinh doanh, quản lý. Thậm chí còn tìm mọi cách thu hút người tài từ các quốc gia khác. Kinh nghiệm các nước phát triển cho thấy giáo dục càng công bằng, dân chủ, số người được học càng đông, thì trong số đông đó càng dễ chọn được nhiều người tài xuất sắc. Cho nên công bằng dân chủ trong giáo dục không những không mâu thuẫn với việc chú trọng tài năng, mà còn là cơ sở để đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước. Cả ba mục tiêu về dân trí, nhân lực và nhân tài của giáo dục là thống nhất, không thể tách rời và càng

không thể đối lập cái nọ với cái kia.

6) Trong thời đại khoa học, công nghệ tiến nhanh như ngày nay, không ai có thể thỏa mãn với vốn kiến thức đã có của mình. Mọi người đều cần học tập, học thường xuyên, học suốt đời, cho nên *giáo dục thường xuyên (ngoài học đường) phải không ngừng mở rộng cả về phạm vi, quy mô, hình thức, đối tượng, và sử dụng những phương tiện kỹ thuật tiên tiến nhất: máy tính, Internet, đa truyền thông không dây*, để cho ai, ở đâu và bất cứ lúc nào cũng có thể học được dễ dàng và có hiệu quả. Đáng chú ý là ở nhiều nước chi phí của xã hội cho giáo dục thường xuyên đã ngang bằng, thậm chí vượt cả chi phí cho giáo dục theo trường lớp truyền thống.

Để thực hiện *xã hội học tập*, thì ngay từ nhà trường phổ thông, *phải giáo dục lòng ham mê tri thức và rèn luyện thói quen tự học, tự đọc, tự tham khảo sách báo, tư liệu, v.v.* Phải bớt đi những giờ giảng trên lớp, tăng giờ tự học ở lớp dưới sự giám sát và giúp đỡ của thầy giáo (chứ không phải tăng bài làm, bài học ở nhà, vì như thế con em các gia đình có văn hóa cao và có hoàn cảnh lao động phù hợp sẽ được bố mẹ hướng dẫn, thậm chí làm hộ, còn con em các gia đình mà bố mẹ phải đi làm đêm hoặc văn hóa thấp sẽ gặp khó khăn, tạo ra bất công). Đồng thời tăng bài làm độc lập ở nhà dưới hình thức tự đọc, làm dự án, khóa luận, v.v. là những việc mà người lớn không thể hay khó làm hộ.

7) Đặc điểm dễ thấy nhất của giáo dục thế kỷ XXI là *sử dụng rộng rãi Internet, công nghệ thông tin trong mọi khâu giáo dục, từ nội dung cho đến phương pháp, tổ chức*. Lý do dễ hiểu là vì một mặt công nghệ thông tin đã len lỏi vào mọi hoạt động kinh tế và đời sống trong xã hội hiện đại, khiến cho hiểu biết tối thiểu về tin học trở nên cần thiết cho mọi người, và mặt khác, máy tính, Internet, viễn thông, truyền thông không dây, đã trở thành những công cụ có thể hỗ trợ đắc lực việc giảng dạy và học tập theo các yêu cầu nêu trên. Hiện nay không phải ai cũng nhận thức được tầm quan trọng của các phương tiện kỹ thuật này đối với giáo dục, cho nên đầu tư cho lĩnh vực này thường chưa đủ mức tới hạn cần thiết và không đồng bộ để có thể phát huy đầy đủ tác dụng. Hơn nữa lĩnh vực này lại tiến quá nhanh, nếu không nhìn xa trông rộng thì có nguy cơ tốn kém nhiều mà vẫn luôn luôn bị lạc hậu.

8) Cuối cùng, muốn đem lại những thay đổi lớn trong giáo dục thì trước hết phải thay đổi cách quản lý giáo dục. Trong kinh tế tri thức, phát huy sáng kiến chủ động của mọi người là điều kiện cần thiết để tăng hiệu quả của mọi tổ chức. Điều đó càng đặc biệt đúng với các tổ chức giáo dục mà nhiệm vụ trực tiếp liên quan việc đào tạo con người. Vì vậy, bản thân hệ thống tổ chức, quản lý giáo dục cần phải được *phi tập trung hóa, các cơ sở giáo dục, nhất là các đại học, phải được trao quyền tự chủ rộng rãi*, về nội dung chương trình, về tổ chức, kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Hệ thống đó cần được *cải tổ thành mạng lưới, vận hành theo cơ chế mạng*, tận dụng các tri thức khoa học và phương tiện kỹ thuật về quản lý mạng, để tăng hiệu quả quản lý, phù hợp với xu hướng và yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại. Quản lý giáo dục cũng tức là quản lý các hoạt động

làm nền tảng phát triển trí tuệ, phát triển năng lực sáng tạo của xã hội, cho nên càng cần thiết phải hiểu biết những đặc điểm của loại hoạt động này để quản lý một cách thật sự thông minh, phát huy được trí tuệ của cả cộng đồng.

### 3. Chúng ta cần làm gì trong thập kỷ tới?

Trên đây tôi đã phác hoạ, theo hiểu biết của tôi, một số yêu cầu chính của giáo dục trong thế kỷ XXI. Vì phải tập trung thảo luận về quan niệm và xu thế, tôi chưa thể bàn kỹ về cách thực hiện các quan niệm, tư tưởng đó trong chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy. Còn rất nhiều vấn đề cần bàn, nhưng tựu trung cũng chỉ xoay quanh trục chính là làm sao bảo đảm xây dựng một xã hội năng động, đầy sức sống, có sức cạnh tranh cao, dựa trên tài năng sáng tạo khoa học và công nghệ, và hướng tới, chứ không đi ngược lại, văn hóa.

Soi lại tình hình Việt Nam, chúng ta có thể và cần làm gì để hội nhập nhanh nhất và thuận lợi nhất vào trào lưu chung đó? Rõ ràng không thể yên trí với con đường mòn ta đã đi từ hàng chục năm nay, mà phải thay đổi hẳn tư duy, chuyển sang con đường mới bằng những bước đi thích hợp. Trước hết trong vài ba năm tới cần *gấp rút chấn hưng giáo dục, kiên quyết loại trừ những xu hướng tiêu cực, lạc hậu, bệnh hoạn đang làm biến chất giáo dục*. Phải giải quyết bằng được ba vấn đề nhức nhối kinh niên, mà cũng là biểu hiện rõ nét nhất tính chất lạc hậu của giáo dục: 1) thi cử và đánh giá; 2) dạy thêm, học thêm tràn lan, luyện thi vô tội vạ; 3) biên soạn, xuất bản và sử dụng sách giáo khoa. Mục tiêu chấn hưng là nhằm đưa giáo dục trở lại quỹ đạo lành mạnh đúng đắn, tăng hiệu quả giáo dục, nói đúng hơn là khắc phục lãng phí để sử dụng tốt hơn các nguồn lực phát triển giáo dục, hướng nhà trường nhích dần đến yêu cầu hội nhập quốc tế và xu thế kinh tế tri thức, *chuẩn bị điều kiện tiến lên cải cách toàn diện, mạnh mẽ* ở giai đoạn sau. Cải cách là việc lớn, cần phải có kế hoạch nghiên cứu chu đáo, chuẩn bị tỉ mỉ và phải được thực hiện mạnh mẽ, kiên quyết nhưng không vội vã. Đặc biệt quan trọng là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Nhà Nước và sự hưởng ứng, tham gia của toàn xã hội.

Xưa nay trí tuệ Việt Nam đã qua nhiều thử thách lớn trong công cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, và đã chiến thắng vẻ vang nhiều kẻ địch hùng mạnh. Tuy nhiên tiềm năng trí tuệ ấy chưa được đánh thức trong xây dựng hoà bình. Hãy thông qua cải cách giáo dục đánh thức cái tiềm năng ấy, đó là trách nhiệm lịch sử nặng nề của thế hệ chúng ta khi bước vào thế kỷ XXI.

\*

### Tài liệu tham khảo:

Xu thế cải cách giáo dục trong thế kỷ XXI

(trích tài liệu: *Education in Japan 2000*, của Bộ Giáo dục, Khoa học, Thể thao và Văn hóa Nhật Bản)

... Trong thế kỷ XXI sắp tới, để phát triển Nhật Bản thành một nước có sức sống mạnh mẽ và xây dựng một quốc gia dựa trên nền tảng sức sáng tạo khoa học và công nghệ và một xã hội định hướng văn hóa, vai trò của giáo dục cực kỳ quan trọng, đó là nền tảng của mọi hệ thống xã hội. Trách nhiệm chúng ta là phải thường xuyên đưa ra các biện pháp cải cách hệ thống giáo dục.

Tháng Giêng năm 1997, Bộ Giáo dục, Khoa học, Thể thao và Văn hóa (GDKHTTVH) đã dự thảo “Chương trình Cải cách Giáo dục” nêu ra những điểm chính và kế hoạch cải cách giáo dục. Sau đó, tuy vẫn tôn trọng các bước thực hiện đang tiến hành, dự thảo đã được tu chỉnh hai lần, vào tháng 8 năm 1997 và tháng 4 năm 1998. Bộ GDKHTTVH đã tiến hành cải cách giáo dục với 4 điểm chính sau đã trong chương trình ấy:

(1) Tăng cường giáo dục xúc cảm (emotional education), rèn luyện nhân cách, nuôi dưỡng ý thức chân, thiện, mỹ, tinh thần nhân ái, lòng yêu đời và mong muốn cống hiến, bảo đảm mở rộng các con đường cho lớp trẻ trưởng thành.

(2) Thực hiện một hệ thống giáo dục học đường giúp trẻ phát triển cá tính, mở cho thanh thiếu niên nhiều khả năng chọn lựa khác nhau, thanh toán chủ nghĩa bình quân đã tăng lên quá mức từ sau chiến tranh.

(3) Cải tiến tổ chức trường học theo hướng tôn trọng quyền tự chủ của nhà trường, mở rộng phi tập trung hóa quản lý giáo dục, thực hiện nhà trường tự quản.

(4) Đẩy mạnh cải cách đại học và các hoạt động nghiên cứu khoa học, theo hướng nâng cao uy tín quốc tế, giữ vững khả năng cạnh tranh quốc tế và xây dựng một xã hội thật sự năng động, đầy sinh lực.

Đồng thời, đi đôi với hệ thống giáo dục học đường, phát triển giáo dục ngoài học đường (giáo dục xã hội, hay giáo dục thường xuyên), tạo cơ hội cho mọi người học tập suốt đời.

## **Cần bình đẳng về cơ hội học tập cho học sinh nông thôn<sup>[15]</sup>**

*Giáo sư đánh giá thế nào những khó khăn và cơ hội cho sinh viên nông thôn trong kỳ tuyển vào đại học?*

- Với chế độ học tập và thi cử như hiện nay, thí sinh thi vào đại học muốn có hy vọng đỗ phải học thêm ngoài giờ rất nhiều và mấy tháng trước ngày thi còn phải đi theo các lớp luyện thi để ôn luyện và học các thủ thuật làm bài thi. Ngay cả học sinh giỏi ở thành phố cũng phải học thêm và luyện thi, hướng chỉ học sinh ở nông thôn mà điều kiện về trường, lớp, thầy giáo nhiều nơi còn rất thiếu thốn. Bên cạnh, đó, còn phải kể biết bao chi phí trong quá trình học tập, cho nên đối với con em ở nông thôn, đi học đã khó mà học lên đại học càng khó nữa, gần như là một sự may mắn đặc biệt. Cơ hội vào đại học đã ít mà cơ hội thành đạt còn hiếm hơn: nhiều người, sau khi vất lộn với đời sống để đủ tiền đi thi, đến lúc đỗ rồi không đủ tiền ăn học, đành phải bỏ. Tình hình này ai cũng có thể nhận thấy, nhưng từ nhiều năm nay vẫn chưa được cải thiện. Nếu cứ tiếp tục lối học và thi cử như thế này mà không thay đổi thì chắc chắn ta mãi mãi lạc hậu so với cả những nước như Thái Lan, Philipines, nói gì đến Singapore, Hàn Quốc hay Malaysia.

Tiềm năng trí tuệ của người dân ở nông thôn chắc chắn không kém người dân ở thành thị nếu cơ hội học tập ở nông thôn được ngang như ở thành thị. Mà nông thôn chiếm 80% số dân cho nên khi việc học ở nông thôn còn khó khăn thì có nghĩa 80% tiềm năng trí tuệ của cả nước chưa được khai thác, bồi dưỡng, phát huy, và cũng có nghĩa 80% số nhân tài tương lai bị bỏ rơi một cách lãng phí. Vì vậy chúng ta cần nhận thức rằng chăm lo giải quyết các khó khăn để tăng thêm cơ hội học tập cho con em nông dân không chỉ là một đòi hỏi vì lẽ công bằng trong giáo dục, mà còn vì lợi ích lâu dài rất thiết yếu của đất nước.

*Theo Giáo sư, việc ra đề thi theo và đào tạo theo kiểu “gà nòi” ảnh hưởng gì đối với sự lựa chọn tài năng trẻ của chúng ta ở nông thôn?*

- Mấy năm trước, khi bộ đề thi được dùng để ra đề thi thì học tử gần như là một hiện tượng phổ biến, đặc trưng cho sự lạc hậu của việc học ở xứ ta. May sao bây giờ bộ đề thi không còn được phép sử dụng để ra đề, tình trạng ra đề thi theo kiểu đánh đố cũng đã bớt. Tuy nhiên, vì tất cả tương lai học tập của học sinh gần như phụ thuộc chủ yếu vào kết quả một kỳ thi mà số người dự thi rất đông nhưng tỉ lệ tuyển rất thấp, trong lúc đó các hiện tượng gian dối, quay cóp còn nhiều mà chưa có biện pháp ngăn ngừa thật sự hữu hiệu, thì tất nhiên việc học tử, học lệch, phó thác may rủi, là cách đối phó thường thấy. Toàn bộ hệ thống giáo dục của ta, kể cả việc thi cử, đánh giá, còn nặng về nhồi nhét trí nhớ, buộc học sinh vùi đầu vào học thuộc lòng thụ động mà ít chú ý phát triển tư duy độc lập, cho nên việc tuyển chọn cũng không thể ra ngoài cách đó và dễ dẫn đến thiếu chính xác. Chỉ có ở các thành phố mà công

nghiệp dạy thêm, luyện thi phát đạt thì học sinh mới được luyện làm bài mẫu, bài tủ, và học những thủ thuật, kỹ xảo làm bài thi. Do đó, với cách ra đề thi theo “tủ” và đòi hỏi những thủ thuật, kỹ xảo trong các lớp “gà nòi” thì nhiều người không giỏi, thậm chí kém, nhưng được luyện kỹ theo hướng đó vẫn được tuyển, trong khi ấy một số người giỏi có thể bị loại, mà dễ bị loại lại là những học sinh ở nông thôn, tuy giỏi nhưng không có điều kiện học thêm, luyện thi, nên không biết “tủ” và không thông thạo những thủ thuật kỹ xảo mà học sinh thành phố thường biết nhiều hơn.

Cần nói thêm là cách đào tạo theo kiểu “gà nòi” khá phổ biến ở các lớp chuyên, nhất là chuyên toán.

Vì quá lo lắng thành tích, nhắm mục tiêu thi đỗ cao và đoạt giải, cho nên dễ sa đà rèn luyện những kỹ xảo vụn vặt mà quên đi hay coi nhẹ điều cơ bản hơn là khả năng tìm tòi và đầu óc sáng tạo.

*Vậy theo Giáo sư phương hướng giải quyết nên như thế nào?*

- Phải đổi mới toàn bộ tư duy giáo dục, xác định lại cho đúng đắn mục tiêu nhà trường nhằm đào tạo những công dân như thế nào để có thể đưa đất nước mau tiến lên thịnh vượng, cạnh tranh được với các nước khác trong thời đại toàn cầu hóa, cách mạng công nghệ và kinh tế tri thức. Đã bước sang thế kỷ XXI, thì việc học không thể giống như ở các thế kỷ trước, càng không thể giống như lối học từ chương thời phong kiến. Tôi đã có phát biểu về vấn đề này trong nhiều dịp (xem bài “Hiện đại hóa giáo dục để bước vào kinh tế tri thức” đăng ở báo *Văn nghệ* số 41 - tháng 10 năm 2001). Ở đây chỉ xin nói thêm về vấn đề công bằng xã hội trong giáo dục, mà thực chất là bảo đảm cho mọi công dân quyền bình đẳng về cơ hội học tập và cơ hội thành đạt trong học vấn. Vấn đề nổi cộm từ nhiều năm nay là: gánh nặng chi phí học tập quá lớn đối với các gia đình ở nông thôn, có khi cả nhà lao động vất vả còn chưa lo nổi cho vài đứa con đi học phổ thông, nói gì học đại học. Vì cách tuyển sinh đại học chủ yếu chỉ dựa vào kết quả một kỳ thi chung và những tiêu chuẩn thống nhất cho mọi vùng, nên học sinh ở nông thôn mà điều kiện học tập khó khăn phải chịu thiệt thòi so với học sinh ở thành phố có điều kiện học tập thuận lợi hơn. Nói chung việc tuyển sinh đại học tuy đã có ít nhiều thay đổi nhưng về căn bản vẫn lạc hậu, tốn kém, mà ít hiệu quả. Nên kiên quyết bỏ một số kỳ thi không cần thiết (như thi tiểu học), giảm nhẹ các kỳ thi khác, và coi trọng hơn các kết quả học tập thường xuyên qua nhiều năm khi xét tuyển, như thế một mặt sẽ giảm bớt áp lực thi cử, mặt khác cho phép học sinh xuất sắc được tuyển thẳng lên cấp học trên mà không phải thi. Đặc biệt tôi muốn nhân đây nhắc lại một đề nghị là những học sinh thuộc 5% hay 6% giỏi nhất ở mỗi địa phương cần phải được tuyển thẳng vào đại học. Có người e ngại làm như vậy dễ bị những người giàu có hay có thế lực ở từng địa phương lợi dụng. Đó không phải là lý do, vì có nhiều cách để bảo đảm sự lựa chọn được khách quan. Trái với nhiều vị quản lý giáo dục tôi không nghĩ rằng học sinh ở nông thôn kém thông minh hơn học sinh ở thành thị. Cũng như tôi không nghĩ rằng người Việt Nam ta kém thông minh hơn người Mỹ hay người Nhật, chỉ vì

Việt Nam là nước đang phát triển, còn Mỹ hay Nhật là nước tiên tiến. Trong những điều kiện học tập như nhau tôi tin chắc người Việt Nam cũng sẽ chẳng thua kém người Mỹ hay Nhật, cũng như tôi tin chắc với những điều kiện học tập như nhau học sinh ở nông thôn không thể thua kém học sinh ở thành thị. Sự chênh lệch về trình độ kiến thức giữa học sinh giỏi ở nông thôn với học sinh giỏi ở thành thị chủ yếu là do điều kiện học tập khác nhau. Vì vậy, những học sinh giỏi ở nông thôn khi được vào đại học sau một thời gian thích nghi (một hai năm) có thể nhanh chóng đuổi kịp học sinh giỏi ở thành thị. Kinh nghiệm cho thấy trong việc học yếu tố quyết định không phải là trình độ ban đầu mà là tiềm năng trí tuệ. Cho nên tuyển sinh để đào tạo nhân tài không phải chỉ dựa vào trình độ hiện có (như chúng ta đang làm), mà quan trọng hơn còn phải xem xét tiềm năng trí tuệ (như các trường lớn ở các nước phát triển thường làm) là nguyên tắc lớn của mọi nền giáo dục tiến bộ. Suốt cả thời kỳ gian khổ kháng chiến, nền giáo dục Việt Nam đã thực hiện khá tốt nguyên tắc đó, có thể coi là một trong những biểu hiện cụ thể của chế độ dân chủ. Nhưng từ nhiều năm nay, dường như các quan chức giáo dục đã không còn xem trọng nguyên tắc ấy nữa, và dần dà có xu hướng biến giáo dục, nhất là đại học, thành một thứ dịch vụ tốn kém, vượt quá tầm với của khá đông người nghèo và nông dân nói chung. Tuy đời sống ở nông thôn nhiều nơi đã được cải thiện so với trước, nhờ vậy cơ hội học tập có tăng lên, nhưng điều đáng suy nghĩ là sự chênh lệch so với thành thị quá lớn và đang tăng nhanh, mà dường như những người có trách nhiệm vẫn chưa nhận thức ra sự bất công ấy. Vẫn biết giữa thành thị và nông thôn còn sự khác biệt lớn về điều kiện sinh hoạt thì thực hiện công bằng giáo dục ắt có nhiều khó khăn khách quan không thể một sớm một chiều mà giải quyết ngay được. Vì vậy không ai cực đoan đòi hỏi sự công bằng tuyệt đối, nhưng Nhà nước, mà cụ thể là các cơ quan quản lý giáo dục phải có ý thức tìm mọi cách hạn chế bất công, nhất là trong những chủ trương, biện pháp thuộc quyền chủ động của cơ quan quản lý.

Công bằng xã hội trong giáo dục, không phải chỉ vì quyền lợi của thanh thiếu niên nông thôn mà còn vì lợi ích sống còn của quốc gia. Vì sao? Ai cũng biết, ở thời đại này hơn bao giờ hết, sự phồn vinh của một đất nước là do ở tiềm năng trí tuệ của người dân được phát huy, mà tôi có niềm tin sâu sắc rằng nếu 80% số dân ta ở nông thôn, thì khoảng 70-80% tiềm năng trí tuệ trên đất nước ta cũng nằm ở nông thôn. Vấn đề là phải khơi dậy, bồi dưỡng cái tiềm năng to lớn ấy, để nó có thể phát triển và phát huy tác dụng. Nếu để nó mai một, tàn lụi vì thất học, vì bị gạt ra ngoài lề của xã hội tri thức thì đó là một thiệt thòi lớn, không phải cho riêng người nghèo và nông dân, mà cho cả nước. Tiếc rằng vẫn còn nhiều người tin rằng thanh thiếu niên nông thôn kém thông minh hơn thanh thiếu niên thành thị.

## Những nghịch lý giáo dục<sup>[16]</sup>

Thế là cả nước lại chính thức bước vào năm học mới, sau khi tiểu học tựu trường sớm mấy tuần. Giữa lúc dư luận xã hội còn nhiều băn khoăn, lo lắng về chương trình và sách giáo khoa cải cách, chưa mấy ai thật sự tin tưởng vào chất lượng giáo dục của nước nhà thì một tin đăng trên báo *Tin tức* của Thông tấn xã Việt Nam ngày 9-8 không khỏi làm nhiều người ngạc nhiên: theo kết quả khảo sát công bố trên một tạp chí Đức ngày 8-8 thì trình độ học vấn của học sinh tiểu học ở Hà Nội cao hơn ở Munich - nơi chất lượng giáo dục được đánh giá vào loại cao nhất nước Đức. Đó là kết luận bất ngờ mà hai nhà nghiên cứu Đức đã rút ra từ cuộc điều tra và phân tích ở 54 lớp tiểu học ở Munich và 20 lớp tiểu học ở Hà Nội. Hóa ra Việt Nam có một nền giáo dục tiểu học tốt bậc nhất trên thế giới, vượt cả Đức vốn được coi là nước có nền giáo dục phổ thông vào loại tiên tiến. Vậy phải chăng bao nhiêu lời phàn nàn, chỉ trích bấy lâu của dư luận xã hội đối với giáo dục đều thiếu cơ sở và chúng ta đã sai lầm khi đánh giá thấp chất lượng nhà trường mấy năm qua?

Theo nhận định của nhóm nghiên cứu nói trên, *“học sinh Đức có phần thông minh hơn, nhưng khả năng tập trung chú ý thì học sinh Việt Nam vượt trội. Đặc biệt, học sinh Việt Nam vượt trội hơn hẳn về môn toán, kể cả khi làm các bài toán khó cần có tư duy... Học sinh Việt Nam có tinh thần kỷ luật cao, tuyệt đối kính trọng thầy cô, thân ái đoàn kết với nhau, coi học tập là niềm vui”*.

Tôi không rõ sự khảo sát có được tiến hành trong những điều kiện bảo đảm khách quan hay không, và kết luận của họ thành thật đến mức nào. Song cứ theo cách đánh giá này, nếu là người Đức tôi chẳng có gì phải lo lắng, còn là người Việt Nam thì tôi không cảm thấy hãnh diện, trái lại càng thấy lo lắng nhiều hơn cho tương lai đất nước. Công bằng mà nói, trong các cấp giáo dục của ta thì tiểu học, ít ra ở các thành phố lớn, vẫn còn nề nếp, kỷ cương và ít lác hậu so với thế giới hơn các cấp học cao hơn như trung học phổ thông và đại học, đặc biệt là cấp đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ. Những ưu điểm kể trên của trẻ em ta là có thật và đáng biểu dương trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn thiếu thốn hiện nay. Ít ra chất lượng giáo dục tiểu học cũng còn nhiều điểm có thể tự hào. Vậy điều gì khiến ta lo lắng?

Vấn đề là ở chỗ những đức tính mà trẻ em ta vượt trội thì ở các nước người ta không đặt yêu cầu quá cao ở lứa tuổi tiểu học, vì điều quan trọng là giáo dục phải phù hợp và giữ gìn cho trẻ em tính hồn nhiên trong sáng của tuổi thơ. Cho nên họ khuyến khích trẻ em chăm học bằng cách tạo hứng thú học tập chứ không phải ép buộc học thêm lu bù. Giáo dục của họ có nề nếp nhưng không gò bó, không theo khuôn phép cứng nhắc mà để cho trẻ em được phát triển tự nhiên, phát huy tính năng động của chúng, do đó, làm cho trẻ em biết tự tin, chủ động, biết xoay sở, và càng lên lớp cao càng thông minh hơn, càng sung sức hơn, chứ không phải mòn mỏi dần do từ tuổi nhỏ đã tiêu hao hết sức lực vào những mục tiêu nông cạn và thiển cận.

Đó chính là nguyên nhân vì sao trẻ em Đức có phần thông minh hơn trẻ em ta. Nói chung, tôi vẫn tin rằng trẻ em sinh ra dù thuộc dân tộc nào và tầng lớp nào cũng thông minh ngang nhau, trừ những ngoại lệ mà ở đâu và lĩnh vực nào cũng có. Một số nghiên cứu ở Mỹ đã từng xác nhận điều đó khi họ so sánh trẻ em da đen và da trắng. Sự khác biệt trong phát triển trí tuệ phụ thuộc chủ yếu vào môi trường giáo dục, chứ không phải nguồn gốc dân tộc hay giai tầng xã hội. Vậy khi trẻ em Đức được đánh giá có phần thông minh hơn trẻ em Việt Nam, thì điều đó cũng có nghĩa giáo dục của ta chưa chú ý đầy đủ việc phát triển trí tuệ, mà còn nặng nề nhét kiến thức, gò bó cá tính, và ít khuyến khích phát triển tính năng động, sáng tạo. Có thể trẻ em ta biết nhiều thứ, nhưng chỉ khi được hỏi về những kiến thức có sẵn mới ứng đáp trôi chảy, còn khi đặt trước những tình huống mới, chưa được học tới ở lớp, mà phải vận dụng thông minh để xử trí, thì thường lúng túng, xoay sở kém; ngay các điểm cao về toán cũng chưa phản ánh khả năng thật, mà chủ yếu vì học nhiều, làm nhiều bài mẫu, luyện tập nhiều về các thứ mẹo vặt để giải các kiểu bài toán có tính đánh đố, mà nhiều khi cũng chỉ được hiểu một cách hình thức, giống như các máy tính biết đánh cờ giỏi vì đã được cài đặt những chương trình phức tạp.

Vài tuần trước tôi có xem truyền hình một buổi dạy toán cho học sinh tiểu học. Nội dung rất khó: tính diện tích của một hình đa giác bằng cách phân tích thành hình chữ nhật và tam giác. Tôi ngạc nhiên sao lại dạy khó như thế, nhưng hỏi ra thì đó là chương trình hiện nay tại các trường. Trước đây có lần thấy trên báo đầu đề bài toán trong một kỳ thi học sinh giỏi cấp tiểu học ở Tp. Hồ Chí Minh mà toàn ký hiệu  $a$ ,  $b$ ,  $x$ ,  $y$ , tôi cũng đã giật mình không hiểu dạy toán như vậy có ích gì. Điều chắc chắn là với cách học đó nhiều học sinh cảm thấy nặng nề, phải vất vả mới hiểu nổi mà chắc gì đã hiểu đúng, có lẽ chỉ tiếp thu hình thức. Cứ như thế năm này qua năm nọ, gồng lên mà chịu đựng sự căng thẳng, trách gì không dần dần mệt mỏi, đầu óc trở nên chậm chạp, kém nhanh nhạy so với trẻ em ở những nước có một nền giáo dục hợp lý hơn.

Một số quan chức giáo dục viện cớ trẻ em các nước học nhiều giờ hơn trẻ em ta để nói rằng học sinh ta học thế này hẳn còn ít chứ chưa phải đã quá tải. Đúng là giờ học ở lớp của họ nhiều hơn, song cần nhớ rằng trẻ em của họ phần lớn chỉ học ở trường, về nhà ít phải học thêm, làm bài thêm, trừ một số bài học thuộc lòng. Nhiều giờ ở lớp chỉ để học sinh tự làm bài tập, thầy có mặt chỉ để quan sát và giúp đỡ các em nào cần đến. Vì vậy trẻ em học nhẹ nhàng mà có hiệu quả hơn, đồng thời cũng tránh được sự bất công do khi ra bài làm ở nhà thì trẻ em các gia đình khá giả sẽ được thuận lợi vì có bố mẹ giúp đỡ còn trẻ em các gia đình nghèo và văn hóa thấp sẽ phải thiệt thòi.

Dù sao nhận xét của nhóm nghiên cứu Đức cũng đáng cho ta suy nghĩ vì nó giống thêm một hồi chuông cảnh báo mà nhiều người trong nước đã từng nhiều lần lưu ý các nhà lãnh đạo: với nền giáo dục kiểu này học sinh Việt Nam học giỏi, ngoan ngoãn, có kỷ luật ở các lớp nhỏ, nhưng càng học lên cao càng đuối sức dần vì đã không biết dành sức chạy đường dài. Khi nhà trường chỉ tập trung nhồi

nặng trẻ em theo một mẫu cứng nhắc thì nhiều đức tính có được chỉ là cái bề ngoài không sâu, không thực chất, khi lớn lên có thể dễ dàng mất đi hoặc biến dạng thành điều trái ngược. Mặt khác, sự gò bó quá mức ngăn cản sự phát triển tính năng động, tư duy độc lập, đầu óc tưởng tượng, cho nên sau này ra đời dễ bị hẫng hụt, và một khi không đủ tài trí thông minh để cạnh tranh lành mạnh thì có thể dễ dàng nảy ra xu hướng vươn lên bằng mảnh khỏe, lừa dối, gian xảo. Trong thời đại mà các ưu thế trí tuệ mới thật sự làm nên sự giàu mạnh của các quốc gia, nếu không có chủ bài trong cạnh tranh, thì phải nhường bước cho kẻ khác, và nhẫn nhịn đi theo sau, bắt chước họ, phục tùng họ, và nếu tự trọng không chịu ngửa tay xin mãi thì đành cam chịu cuộc sống nghèo hèn.

Cuối cùng cũng nên tự hỏi: vì sao con em ta giỏi toán mà đời sống kinh tế, xã hội ở nước ta về nhiều mặt lại thể hiện một cung cách làm ăn không hề biết tính toán - cứ xem chuyện mía, đường, xi-măng, xe máy, v.v. thì rõ - một trình độ dân trí (đúng hơn là quan trí) quá thấp so với cả những nước như Thái-lan, Malaysia, chứ nói gì Đức hay các nước phương Tây khác? Vì sao trẻ em ta có tinh thần kỷ luật cao, mà đời sống công cộng của người lớn trong xã hội lại biểu lộ một ý thức kỷ luật, trật tự thấp kém không thể chấp nhận được ở một nước cần hướng tới công nghiệp hóa và hiện đại hóa? Vì sao trẻ em được dạy bảo phải thật thà, trung thực, mà xã hội người lớn có quá nhiều gian dối, tham nhũng, buôn lậu? Bao nhiêu câu hỏi là bấy nhiêu nghịch lý nhức nhối. Nói như các nhà khoa học hệ thống: muốn hiểu đầy đủ các vấn đề của một hệ phức tạp như giáo dục, dù chỉ là giáo dục tiểu học, phải nhìn rộng ra hệ trên của nó, ở đây mới có thể tìm thấy lời giải đáp trọn vẹn. Xã hội mà còn xô bồ, thật giả lẫn lộn, kỷ cương phép nước không được tôn trọng, thì làm sao giáo dục tốt được. Tuy nhiên, lại cũng theo khoa học hệ thống, bất cứ hệ phức tạp nào cũng có tính độc lập tương đối của nó, thì giáo dục cũng vậy, cho nên dù khó khăn chung còn nhiều thì cái ngành hoạt động quốc sách hàng đầu này vẫn cần được sự quan tâm chăm sóc nhiều hơn của Nhà nước và xã hội để phát triển tốt. *Thua kém về gì chứ về trí thông minh sẽ khó được bù lại bởi những ưu thế khác*, nhất là ở thế kỷ tri thức này. Đó là quy luật khắc nghiệt sẽ trừng phạt chúng ta nếu cứ để cho giáo dục sa lầy trong những cuộc thi tôn kém vô lối và tàn nhẫn, những cuộc thí nghiệm chương trình và sách giáo khoa vội vã, hết cải tiến đến cải lùi, và những chuyện dạy thêm, học thêm, luyện thi tràn lan triền miên như không bao giờ chấm dứt được.

## Chuyện chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư còn nhiều điều chưa ổn<sup>[17]</sup>

*Đợt xét công nhận chức danh Giáo sư năm 2002 có một số thay đổi so với những lần phong tặng học hàm này trước đây. Giáo sư thấy những điều gì đã đạt được từ đợt công nhận chức danh này?*

- Trước hết có một tiến bộ đáng ghi nhận là đổi cách gọi **học hàm** Giáo sư (GS) thành **chức danh** GS. Thật ra, chỉ có ở nước ta và cũng chỉ từ giữa những năm 1980 trở đi mới coi GS là phẩm hàm để phong thưởng, chứ ở các nước khác, GS là chức vụ khoa học, với nội dung chức trách cụ thể, cần tuyển chọn người đủ năng lực để đảm nhiệm. Sự khác biệt không chỉ ở ngôn từ, mà ở mục đích và nội dung công việc. Do quan niệm học hàm theo kiểu phong kiến nên nhiều người chỉ có chức có quyền dễ dàng được phong GS, dù chẳng có trình độ gì, ngược lại nhiều nhà khoa học trẻ, rất xứng đáng thì trầy trật mãi vẫn bị loại. Cũng do tư tưởng phẩm hàm đó nên mới có quy định chính thức phải xưng danh - GS, PGS theo đúng học hàm học vị của họ y như quan lại ngày xưa phải đeo trên ngực thẻ bài ngà chỉ rõ phẩm trật. Thật trái ngược: ở các nước tiên tiến, người ta đâu thiếu học hàm học vị cao, nhưng chẳng mấy khi chung ra, còn chúng ta thì luôn cứ phải nghe xưng danh đủ loại PGS, TS; GS, TS; GS TSKH, thậm chí cả cái cụm từ kỳ quặc GS, VS, rồi ai chưa có thì cố “chạy” cho được. Một nền học mà cứ khuyến khích chức tước phẩm hàm kiểu ấy làm sao tiến lên hiện đại nổi. Hậu quả là ta có quá nhiều GS, PGS hữu danh vô thực, cách xa chuẩn mực quốc tế, đồng thời cũng mất đi không ít nhà khoa học trẻ tài năng mà lẽ ra nếu được công nhận vị trí xứng đáng đã có thể đóng góp nhiều cho đất nước. Vì vậy, rũ bỏ được quan niệm học hàm lạc hậu là một việc làm đúng hướng đáng hoan nghênh, vấn đề còn lại là phải đi vào thực chất, chứ không dừng lại ở ngôn từ.

Tiến bộ thứ hai là bắt đầu thực hiện hằng năm việc xét công nhận GS, PGS. Thật ra chủ trương thực hiện xét duyệt hằng năm đã được long trọng công bố từ đợt xét duyệt đầu tiên năm 1980, nhưng suốt thời gian từ đó đến nay chỉ có thêm 4 đợt nữa: 1985, 1991, 1996, 2002, đợt sau cách đợt trước 5-6 năm, mà chẳng bao giờ thật sự thông suốt. Có lần, sau một đợt xét duyệt, người ta huyênh hoang tuyên bố những GS, PGS được phong đợt ấy đều có trình độ quốc tế (!), nhưng sự thật đâu phải vậy nên sau đó công việc phải dừng lại nhiều năm. Mãi đến 2002, nghĩa là sau 23 năm, mới bắt đầu thực thi việc xét duyệt hằng năm. Thôi thì, dù quá muộn, nhưng thế cũng là một cố gắng đáng ghi nhận.

Sau cùng, cũng có thể nêu một tiến bộ khác là tổ chức xét duyệt đã không còn cảnh vừa đá bóng vừa thổi còi (vừa là ứng viên, vừa là thành viên hội đồng xét duyệt), hoặc sự ngược đời học trò ngồi xét duyệt bậc thầy như trong nhiều đợt xét duyệt trước đây. Các tiêu chuẩn mới do Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước (HĐCDGSNN) đưa ra đã bớt máy móc và cứng nhắc so với trước. Tuy nhiên về cơ bản vẫn còn nhiều điều chưa ổn.

*Thực tế vẫn có nhiều ý kiến không đồng thuận với cách thức chúng ta phong Giáo sư hiện nay, phong những người không đáng phong và loại những đáng được phong”. Thưa Giáo sư, thấy những tồn tại nào cần phải khắc phục?*

- Theo tôi, muốn hay không ta cũng phải **hội nhập quốc tế**, cho nên phải xây dựng đại học theo tiêu chuẩn như người ta. Khi phần lớn các nước đều làm giống nhau, theo những chuẩn mực giống nhau, thì ta nên tìm hiểu kỹ tại sao họ làm như vậy để cố gắng làm theo cho tốt đã, đừng nên vội vàng “sáng tạo” cách làm mới, thật ra chẳng “sáng” gì, chỉ “tạo” ra đầy chuyện vô lý.

Thứ nhất, không có nước nào có chức danh GS (hay PGS) *chung chung* như ta, mà chỉ có GS, PGS của một đại học hay viện nghiên cứu *cụ thể*. Chức danh GS, PGS chung chung như ta quan niệm hiện nay chẳng khác gì học hàm, vì dựa trên những tiêu chuẩn thống nhất như nhau cho mọi đại học hay viện nghiên cứu. Thành thử gọi chức danh thay cho học hàm chỉ là hình thức.

Ở các nước, mỗi đại học tuyển chọn GS, PGS theo nhu cầu và chuẩn mực của họ. Để giữ một chuẩn mực nhất định cho mọi đại học, một số nước lập ra Hội đồng Quốc gia để hằng năm xét công nhận những người đủ tư cách được ứng cử vào chức vụ GS, PGS ở các nơi có yêu cầu (*chỉ công nhận đủ tư cách ứng cử*, chứ không phải công nhận chức danh). Khi một đại học cần tuyển chọn GS, PGS thì mọi người đã được công nhận đủ tư cách ứng cử (và chỉ những người đó) đều có quyền ứng cử, sau đó đại học thành lập Hội đồng để xét tuyển. Trong hội đồng này có thể có nhiều thành viên quốc tế hoặc trong nước và thường có tham khảo ý kiến thẩm định của những chuyên gia am hiểu ở các đại học danh tiếng khác, trong hay ngoài nước. Như vậy, phải được công nhận đủ tư cách ứng cử mới được quyền ứng cử GS ở một đại học, đồng thời mỗi đại học được tuyển chọn, trong số những ứng viên đã được công nhận đủ tư cách, người nào đáp ứng tốt nhất các yêu cầu cụ thể của mình. Những đại học hay viện nghiên cứu lớn, có danh tiếng, thường có nhiều người giỏi ứng cử, cho nên sự tuyển chọn gắt gao hơn những đại học khác.

Thứ hai, không ai tuyển chọn GS như ta, dựa trên cơ sở tính điểm từng công trình, từng giáo trình, v.v. rồi cộng lại đủ số điểm mới được xét. Công trình khoa học đâu có thể cân, đo, đếm, thô thiển như vậy! Xét tuyển GS, PGS chứ đâu phải chấm thi trung học phổ thông! Các tiêu chuẩn định lượng bằng tính điểm của ta có vẻ chặt chẽ, khoa học, song kỳ thật là **máy móc, hình thức và phi khoa học**. Có người thấy các tổ chức quốc tế vẫn dựa trên tổng số công trình đăng trên các tạp chí khoa học, số lần tên các nhà khoa học được trích dẫn v.v. để xếp hạng hoạt động khoa học của các nước, cho nên nghĩ rằng cũng có thể làm như vậy để tuyển chọn GS, PGS. Nhưng nên nhớ rằng các số liệu đó chỉ dùng để so sánh hoạt động khoa học chung của một nước, một đại học hay một tập thể nghiên cứu lớn, vì khi ấy luật số lớn về xác suất sẽ dung hòa những dị biệt cá nhân, khiến cho thông tin định lượng có thể phản ánh trong chừng mực nhất định trình độ thực tế trung bình. Còn khi đánh giá cá nhân một nhà khoa học

thì các chỉ tiêu định lượng chỉ có ý nghĩa rất hạn chế, **không bao giờ có thể coi là cơ sở chủ yếu thay thế sự đánh giá định tính của các chuyên gia trong ngành.**

Hơn nữa cách tính điểm đưa ra cũng có quá nhiều điều bất hợp lý.

Tôi chỉ xin dẫn vài ví dụ, vì không có điều kiện đi sâu vào chi tiết.

Căn cứ vào đâu mà mỗi sách chuyên khảo (văn bản HĐCDGSNN ghi là monography, một từ chẳng phải tiếng Anh, chẳng phải tiếng Pháp) được tính từ 0 đến 4 điểm, mỗi sách giáo trình được tính từ 0 đến 3 điểm, mỗi bài báo được tính từ 0 đến 1 điểm, hoặc từ 0 đến 0.5 điểm, v.v.? và căn cứ vào đâu mà một công hình (sách hay bài báo) có  $n$  tác giả thì mỗi tác giả chỉ được  $1/n$  số điểm gán cho công trình? Tại sao 10 điểm thì được xét, còn 9,8 điểm thì bị loại? Hoàn toàn không có căn cứ khoa học nào cả, chỉ dựa trên cảm tính võ đoán, nhưng lại giả thiết cách tính điểm chính xác hơn cả máy.

Đó là chưa nói các mặt phức tạp khác: do đặc thù của mỗi ngành khoa học, có ngành hay phân ngành dễ viết và dễ đăng báo, lại cũng có ngành khó viết hơn, nếu tính điểm theo những tiêu chuẩn định lượng thống nhất cho mọi ngành thì tất yếu một số ngành được công nhận rất đông GS, PGS, không tương xứng với trình độ thực tế của ngành đó. Việc chủ trì các đề tài cũng vậy, trong từng ngành đều có chuyện nhếch nhác mà giữa các ngành lại càng khác nhau, thế nhưng chỉ cần chủ trì một đề tài cũng được tính điểm như 1 hay 2 công trình. Dĩ nhiên kết quả đề tài thể hiện ở các công trình, mà các công trình thì đã được tính điểm rồi, vậy tại sao còn tính điểm cho việc chủ trì đề tài nữa? Mà ai cũng biết đại đa số các đề tài đều được nghiệm thu “xuất sắc”, vậy căn cứ vào đâu để tính 0 điểm cho đề tài này, 2 điểm cho đề tài kia? Chưa kể có không ít đề tài do “chạy” được mà có, và trong số các chủ nhiệm đề tài khoa học cũng không ít “cai đầu dài”. Với cách tính điểm như vậy, chỉ cần chủ trì nhiều đề tài vớ vẩn, hướng dẫn nhiều luận văn tồi, đăng được nhiều bài báo kém, thì cũng đã thừa điểm một cách dễ dàng. Các phóng sự về “chợ luận văn” (xem báo *Lao động* ngày 27/4/2003) cho thấy có nhiều luận văn đã bảo vệ thành công ở một số đại học thật ra chỉ là mớ giấy lộn, thế nhưng những vị hướng dẫn các luận văn ấy sẽ thừa điểm để được công nhận GS, PGS. Chỉ cần hướng dẫn “thành công” theo kiểu đó một luận văn tiến sĩ thì tự khắc được tính 1 điểm, ngang điểm tối đa cho một bài báo khoa học nghiêm túc mà thông thường phải lao tâm khổ tứ cả năm trời mới hoàn thành được! Nghe nói có vị đã hướng dẫn tới 15 luận văn, chắc phải siêu GS. Hóa ra công nghiệp làm “luận văn giấy lộn” phát đạt là nhờ thế!

Đó là nói về công trình. Còn về kinh nghiệm giảng dạy thì cũng khá tùy tiện: thời gian tập sự giảng dạy, dạy đại học, học cao học và làm nghiên cứu sinh cũng được tính là giảng viên kiêm nhiệm (!) để cho đủ thâm niên giảng dạy đại học.

Điều không may là có những tiêu chuẩn định lượng vô lý nhưng lại là tiêu chuẩn “loại”, nghĩa là

không đạt thì tức khắc bị loại, bất kể năng lực thực tế như thế nào. Vừa qua cách tính điểm oan nghiệt này đã loại nhiều người trẻ có tài, chỉ thiếu một tiêu chuẩn: GS phải có sách chuyên khảo hoặc giáo trình - ở các nước phát triển không ai loại GS theo tiêu chuẩn này. Có lẽ nhiều người sẽ ngạc nhiên khi biết rằng ở các đại học một số nước GS không nhất thiết phải giảng dạy; thậm chí muốn ứng cử GS không cần cả bằng tiến sĩ (tuy phải có bằng TS mới được làm trợ lý GS!). Sở dĩ như vậy vì ở cấp bậc GS, năng lực hoàn toàn có thể đánh giá qua các công trình khoa học, không cần đến những tiêu chí khác mà ở ta được đưa lên hàng đầu. Mặt khác, các hoạt động khoa học quốc tế mà ở ta thậm chí không được kể đến thì ở các nước rất được coi trọng, như: tham gia biên tập các tạp chí quốc tế, được mời đọc báo cáo (nhất là báo cáo chính) trong các hội nghị quốc tế, tham gia ban chương trình quốc tế của các hội nghị, thỉnh giảng, hợp tác nghiên cứu, đào tạo tiến sĩ ở các đại học nước ngoài, v.v. Tại sao các hoạt động đó được coi trọng? Vì môi trường quốc tế là nơi thử thách những giá trị đích thực, ít ra đối với khoa học tự nhiên và công nghệ.

Tóm lại, bản thân các tiêu chuẩn định lượng bộc lộ quá nhiều bất cập, thể hiện một quan niệm còn quá thô sơ về GS, PGS. Vì tính điểm kiểu đó cho nên bất người ứng cử phải tốn nhiều thời gian vô bổ làm hồ sơ rất cặn kẽ, với nhiều bảng biểu theo mẫu phức tạp. Tôi đã có dịp tham gia thẩm định một số hồ sơ ứng cử GS, PGS ở nước ngoài, không thấy ở đâu có những hồ sơ nhiều kê rắc rối mà lại phiền diện như ở ta, chỉ nhằm phục vụ một quy trình xét duyệt chẳng giống ai cả.

*Việc công nhận chức danh Giáo sư cần phải cải tiến theo hướng nào thì mới có thể thực sự tôn vinh đúng những người có chân tài và nghiên cứu khoa học nghiêm túc?*

- Theo tôi, không phải chỉ cải tiến mà **phải thay đổi cơ bản**. Cần hướng tới cách làm của các nước phát triển, cải cách quy trình và tổ chức tuyển chọn GS, PGS để nhích dần tới các chuẩn mực thế giới. Cụ thể là:

1) Không quan niệm chức danh GS, PGS chung chung theo kiểu học hàm, mà gắn chức danh đó với một đại học hay viện nghiên cứu cụ thể. Do đó, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể về năng lực và sở trường của ứng viên GS, PGS có thể khác nhau tùy theo đơn vị sử dụng. Chẳng hạn một đại học đang có nhu cầu đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng về một ngành nào đó thì sẽ ưu tiên tuyển chọn ứng viên đáp ứng yêu cầu đó.

2) Các chỉ số định lượng chỉ được dùng để tham khảo, không chỉ số định lượng nào có tính chất loại. Việc xét duyệt, tuyển chọn dựa chủ yếu trên sự đánh giá định tính của các chuyên gia am hiểu, trên cơ sở hồ sơ và thẩm vấn nếu cần thiết<sup>[18]</sup>. Hồ sơ không cần theo bảng biểu rắc rối, chỉ cần kê khai đầy đủ công việc, chức vụ đã trải qua, danh sách và bản sao các công trình (bài báo, sách, v.v.), danh sách các Thạc sĩ Tiến sĩ đã hướng dẫn và đào tạo, các hoạt động khoa học và nghề nghiệp trong nước và trên quốc tế, các giải thưởng khoa học trong nước và quốc tế, v.v.

3) Hằng năm HĐCDGSNN xét duyệt để công nhận những người đủ điều kiện ứng cử vào các chức danh GS, PGS ở các đại học và viện nghiên cứu. Mục đích là để đảm bảo một trình độ tối thiểu cần thiết cho mọi GS, PGS dù ở đơn vị nào. Đồng thời để làm tốt việc này, HĐCDGSNN cũng như các Hội đồng ngành phải gồm những chuyên gia trình độ cao chứ không phải là những tổ chức mặt trận, trong đó mỗi đơn vị đều phải có đại diện cho có vẻ dân chủ (giống như bầu hiệu trưởng có lúc mọi công nhân viên chức đều đi bầu).

4) Trả lại cho các đại học và viện nghiên cứu quyền thành lập Hội đồng để xét tuyển và đề nghị bổ nhiệm GS, PGS theo yêu cầu của họ, sau khi được HĐCDGSNN thông qua. Hằng năm mỗi đại học hay viện nghiên cứu có nhu cầu tuyển GS PGS cần thông báo rộng rãi để cho mọi người đủ tư cách và muốn dự tuyển có thì giờ chuẩn bị hồ sơ chu đáo.

5) Mỗi “ghế” GS, PGS là một chức vụ (“ghế” theo nghĩa “chỗ làm”, chứ không phải theo nghĩa “chair”) cho nên mỗi đại học và viện nghiên cứu trong mỗi thời kỳ cần tùy theo nhiệm vụ của mình mà ấn định một hạn tối đa cho số GS, PGS của mình. Như vậy để tránh tình trạng một đại học nào đó có quá nhiều GS, PGS già, mà vì điều kiện biên chế có hạn, không thể nhận thêm cán bộ trẻ, dù có tài, để làm trợ lý và thay thế dần các đàn anh sau này (số trợ lý trẻ này là nguồn dự trữ rất cần thiết phải có thường xuyên). Đồng thời như thế sẽ có một số người giỏi, đủ trình độ GS hay PGS, nhưng vì tại đại học đó không còn hay chưa có “ghế” GS, PGS trống, sẽ ứng cử vào các đại học khác, nhờ đó các đại học này (thường là đại học nhỏ, ở các địa phương) mới có GS, PGS giỏi (những người này, sau khi phục vụ ở các đại học nhỏ một thời gian, lại có thể quay về ứng cử GS, PGS ở đại học lớn khi có chỗ). Đó là biện pháp điều hòa được sử dụng ở các nước, có lợi cho cả đại học lớn đại học nhỏ và cũng có lợi cho sự bồi dưỡng và phát triển các tài năng trẻ.

*Đã bao giờ Giáo sư trình bày những ý tưởng này với Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước? Hội đồng đó có nhận xét như thế nào về những ý kiến của Giáo sư?*

Cách đây không lâu tôi đã có dịp phát biểu trực tiếp những ý kiến trên với HĐCDGSNN, tuy chưa thành văn bản nhưng cũng đã rất cụ thể và rõ ràng. Tôi rất hoan nghênh thái độ chân thành lắng nghe của đồng chí Chủ tịch Hội đồng. Đó là một dấu hiệu tốt. Tuy nhiên tôi vẫn nhớ nhiều kinh nghiệm: cải cách chữ viết sai lầm phải 20 năm mới sửa được; thi theo bộ đề thi phải 8 năm mới chịu chấm dứt; dạy thêm học thêm tràn lan đến nay vẫn phát triển tuy đã có nghị quyết Trung ương phải chấm dứt từ 7 năm về trước; học hàm phải mất hơn 15 năm mới trở lại là chức danh. Toàn là những chuyện muốn làm khác người ta, rất sai mà cứ tưởng hay không chịu sửa. Cho nên phải kiên nhẫn chờ. Nhất là nhìn rộng ra xã hội thì chuyện lương, chuyện quản lý tài chính, chuyện đề tài khoa học, chuyện tham nhũng, v.v. bao nhiêu năm rồi vẫn thế. Tôi chỉ buồn là nếu cứ thế này thì vài mươi năm nữa chẳng biết sẽ ra sao đây.

*Cuối tháng 4 vừa rồi, lần đầu tiên Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước tổ chức hội thảo về chính chế độ cho các Giáo sư. Trong đó, hầu hết các ý kiến đều cho rằng nếu cải thiện mạnh về tiền lương như một pháp “sốc” thì sẽ cải thiện được tình hình nghiên cứu khoa học của chúng ta hiện nay. Theo Giáo sư, liệu đây có phải là giải pháp tối ưu để kích thích tinh thần nghiên cứu khoa học?*

- Cũng chưa hẳn là thế. Hiện nay có tình hình phức tạp là do lương trong một thời gian dài chỉ đủ 1/5 nhu cầu sinh hoạt theo mức chung của xã hội mà quản lý tài chính thì buông lỏng nên mọi người, ngoài lương, đều có những thu nhập khác (mà nguồn gốc cũng là công quỹ cả), nhờ đó thu nhập thực tế của phần đông GS, PGS đã ở mức khá cao trong xã hội (tất nhiên cũng có một số ít chỉ sống bằng đồng lương thuần túy thì quá khổ). Nhưng để có mức thu nhập đó GS, PGS thường phải dành phần lớn thời gian làm những việc không đúng với chức trách và năng lực của họ. Nhiều người dạy 25-30h/tuần hay hơn, có khi “dạy sô”, dạy ở tỉnh khác... Sử dụng GS, PGS làm những việc dưới năng lực của họ như thế vừa rất lãng phí vừa làm cho trình độ thực tế của họ sút kém dần. Dạy bù đầu như thế thì còn thì giờ và đầu óc đâu để cập nhật kiến thức, nói gì đến nghiên cứu khoa học. Vì vậy, đi đôi với cải cách chế độ lương, mấu chốt là phải tổ chức lại hệ thống giáo dục để buộc mỗi GS, PGS chỉ dạy không quá đơn tuần và tập trung thời giờ cho công việc chính của mình ở đại học. Nên thấy thực tế là việc này không thể một sớm một chiều mà giải quyết được, cho nên phải có lộ trình và phải giải quyết vấn đề một cách hệ thống nhưng cương quyết. Dù sao bước khởi động là phải cải cách ngay chế độ lương đi đôi với cải cách chế độ quản lý tài chính.

*Thưa Giáo sư, có một thực tế là không ít người sau khi được công nhận chức danh này đã xao nhãng nhiệm vụ chính là nghiên cứu mà tận dụng chức danh đó để tham gia dạy thêm và các hoạt động thương mại giáo dục khác. Vì vậy, đã có ý kiến đề xuất cần phải có quy định miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh này để tránh nhiều người tìm mọi cách chạy chọt, vận động kiếm được chức danh để sau này “kiếm sống” cho dễ?*

- Đó là thực tế đáng buồn, nhưng phải thấy rõ đây là hậu quả tất yếu của cơ chế quản lý của ta. Đương nhiên khi một GS, PGS tỏ ra không xứng đáng như vậy thì cũng nên bãi nhiệm. Có điều nếu thực hiện đúng biện pháp này thì phải thu hồi cả chức danh của tất cả những vị không xứng đáng, như thế ít ra có thể đến 1/3 số GS, PGS của ta bị thu hồi chức danh. Cho nên tôi thấy đề ra việc này có vẻ nghiêm túc chứ thực tế chẳng có ý nghĩa gì, vì đây chỉ là cái ngọn, còn cái gốc là tuyển chọn và sử dụng cho nghiêm túc thì ta lại không chú ý. Hãy so sánh với cách làm của các nước: tuyển chọn nghiêm túc, nhưng đã được bổ nhiệm GS, PGS rồi thì có chế độ đãi ngộ và sử dụng xứng đáng. Đồng thời được đảm bảo không thể bị miễn nhiệm, trừ trường hợp phạm tội hình sự hay phạm lỗi nghề nghiệp quá nặng. Như tôi đã có dịp giải thích trong một bài đã đăng trước đây ở báo *Tia sáng* và báo

*Tuổi trẻ* nhan đề “Chuyện tử tế trong cái cách hành chính”, đó là xuất phát từ tính chất đặc thù của lao động khoa học, đòi hỏi không thể quản lý máy móc và thô bạo. Trái lại, chúng ta tuyển chọn máy móc, không cẩn thận, để lọt và ưu ái người kém, lại loại ra những người thực tài, sử dụng những người đã được tuyển dụng thì bừa bãi, lãng phí, rồi lại đề ra ai không làm tốt thì bãi nhiệm! Thử hỏi cách quản lý nào hay hơn, có hiệu quả hơn, văn minh hơn?

*Đội ngũ Giáo sư, Phó Giáo sư đóng vai trò quan trọng trong hoạt động nghiên cứu khoa học, thế nhưng, hiện nay có một thực tế là trong các trường ĐH, chỉ có chưa đầy 50% giảng viên nghiên cứu khoa học. Có người cho rằng đây có phải là một vấn đề đáng báo động. Nhưng thực tế, ở nhiều trường ĐH khác trên thế giới, tỷ lệ giảng viên nghiên cứu khoa học đạt được như vậy đã là khả quan. Như vậy thực chất của con số 50% của chúng ta là như thế nào?*

- Theo tôi biết, nhiều đại học lớn ở các nước cũng chỉ đạt tỉ lệ khoảng 2/3 giảng viên có nghiên cứu khoa học thường xuyên. Đối với số đông đại học làng nhàng của họ thì hằng năm có 50% giảng viên nghiên cứu khoa học đã là khả quan. Còn ta thì trong các báo cáo chính thức tôi thấy có nhận định nghiên cứu khoa học ở các đại học ta còn yếu kém, vì chỉ... 50% giảng viên nghiên cứu khoa học và chỉ 30-40% công trình khoa học được áp dụng thực tế! Nghe thật sượng tai vì như vậy thì còn chê trách đại học Việt Nam nổi gì. Điều đó chứng tỏ có sự khác biệt rất lớn giữa ta và các nước trong quan niệm thế nào là công hình khoa học. Thậm chí ở nước ta muốn thi vào làm nghiên cứu sinh phải có hai công trình khoa học đã đăng ở các tạp chí quốc gia! Đương nhiên gọi là công trình khoa học ở đây phải hiểu theo tiêu chuẩn ở nước ta, nghĩa là rất thấp. Mà cũng đúng thôi vì các luận văn Thạc sĩ, Tiến sĩ còn có thể mua sẵn hay chế biến xào xáo ở các “chợ luận văn” kia mà. Tệ hại nhất là các bài báo ấy và những luận văn ấy rồi sẽ được tính điểm để công nhận chức danh. Cho nên, thiếu chuẩn mực, không giữ đúng chuẩn mực, bất chấp chuẩn mực quốc tế, đó là nguyên nhân gây ra tình trạng lộn xộn, thật giả lẫn lộn đang lan tràn hiện nay.

*Tại các trường ĐH, nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng song song với nhiệm vụ đào tạo nhưng thực tế công tác này vẫn còn yếu. Có ý kiến để thúc đẩy việc này, cần phải thành lập doanh nghiệp trong các trường học để ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học. Theo Giáo sư, đây có phải là giải pháp tối ưu?*

- Từ nhiều năm tôi vẫn không tán thành ý kiến đó vì ở đâu thì không biết chứ ở các đại học nghiêm chỉnh ở các nước tiên tiến tôi ít thấy có doanh nghiệp ngay trong đại học. Còn ở ta thì tôi cũng chưa được thuyết phục bởi hiệu quả thực tế của biện pháp này mà thường đó chỉ là biện pháp đôi phó để tăng thu cho các đại học. Nguyên nhân gì khiến cho các đại học ít nghiên cứu khoa học và các nghiên cứu khoa học ít được ứng dụng thì cũng đã rõ và không phải vì các đại học không có doanh nghiệp riêng. Trong mọi trường hợp tôi đều thấy cần khôi phục trật tự, xây dựng nề nếp giảng dạy nghiên cứu

ở các đại học theo chuẩn mực quốc tế, rồi mới có thể tiến lên vững chắc. Tuy nhiên đại học ở các nước cũng nhiều loại, và phát triển đại học như thế nào cho tối ưu, vừa có điểm thật mạnh vừa có diện thật rộng... là vấn đề phải nghiên cứu kinh nghiệm các nước một cách nghiêm túc mới tìm ra giải pháp thỏa đáng.

*Một xu hướng đang được ủng hộ hiện nay là việc đưa Viện nghiên cứu về các trường ĐH. Quan điểm của Giáo sư về vấn đề này như thế nào?*

- Tôi đã có nhiều dịp phát biểu vấn đề này. Nguyên tắc xử lý là phải đứng trên quan điểm lợi ích sự nghiệp khoa học và giáo dục, không được đứng trên quan điểm cục bộ của ngành nào, đơn vị nào. Phải thấy rằng xây dựng được một Viện hay một Đại học xuất sắc, có bề dày truyền thống và có uy tín khoa học là rất khó, còn xóa sổ nó thì quá dễ. Hiện nay có những Viện nghiên cứu không hiệu quả thì nên tính chuyện giải thể hơn là sáp nhập vào đâu, còn những Viện khác đã nghiên cứu tốt thì phải được giao nhiệm vụ đầy đủ để đào tạo Cao học và Tiến sĩ. Đồng thời xây dựng quan hệ hữu cơ giữa Đại học và Viện nghiên cứu, làm sao cho công tác nghiên cứu khoa học của Đại học cũng được chú ý như ở các viện và công tác đào tạo của các Viện cũng được chú ý như ở các Đại học. Khi ấy, sáp nhập hay không sáp nhập là tùy, không thành vấn đề quan trọng. Đó là cách giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại, còn phương hướng đúng đắn sắp tới thì không nên xây dựng tách rời Đại học với Viện nghiên cứu.

**LÊ HẠNH thực hiện**

## Giải pháp tiền lương để cứu giáo dục<sup>[19]</sup>

*Chỉ khi nào giáo viên được hưởng đồng lương hợp văn minh, công bằng, khi đó có một nền giáo dục lành mạnh, văn minh và thật sự có hiệu quả.*

*Vì tương lai con em, chúng ta hãy dũng cảm vượt qua những trở ngại tâm lý, tư tưởng, cùng nhau góp sức chấn hưng nền giáo dục trước khi quá muộn.*

Chất lượng giáo dục sút kém là điều nhức nhối mà mấy năm nay kỳ họp nào của Quốc hội cũng thảo luận sôi nổi nhưng chưa đưa ra được giải pháp làm yên lòng người dân. Giữa lúc khắp nơi trên thế giới đâu đâu giáo dục cũng phát triển mạnh, tuy người ta không nói giáo dục là quốc sách hàng đầu nhưng thực tế họ coi trọng giáo dục còn hơn ta, thì sự tụt hậu của giáo dục Việt Nam hàng chục năm nay là một điều rất đáng lo cho đất nước và hơn nữa là nguy cơ tiềm ẩn có thể dẫn đến thất bại trong cuộc hội nhập quốc tế. Muốn chấn hưng giáo dục trước hết cần phải nhìn thẳng vào căn nguyên sâu xa sự sa sút của nó rồi trên cơ sở đó mới tìm ra đủ hiệu lực cứu nó thoát khỏi sa lầy.

Vậy căn nguyên sự sa sút giáo dục ở đâu? Phải chăng vì quản lý bất cập, vì đội ngũ giáo viên yếu kém năng lực, vì đạo đức xã hội suy đồi? Hay tại chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy lạc hậu? Rõ ràng các nguyên nhân ấy đều có, và cũng đã được nêu lên từ nhiều năm qua để khắc phục. Song đến nay tình hình vẫn chưa khả quan, vì sao? Công bằng mà nói, những điều bất cập về thi cử, sách giáo khoa, chương trình... thì ngành giáo dục không thể chối bỏ trách nhiệm, nhưng còn việc dạy thêm, học thêm tràn lan, mà điều này mới là chuyện nhức nhối nhất, có thể nói là nhân tố chính gây ra chất lượng thấp kém của sự học, thì lại không thể đổ lỗi cho riêng ngành giáo dục được.

Sự thật khá đơn giản, nhưng nói ra có vẻ phạm tục quá, nên nhiều người không muốn công khai thừa nhận. Đã đến lúc cần nói thẳng: nếu đồng lương nghiêm chỉnh hơn, phản ánh đúng đắn hơn công lao và trách nhiệm xã hội gửi gắm vào người Thầy, thì chất lượng giáo dục sẽ khác hẳn, chí ít không thể tồi hơn nhiều nước trong khu vực. Biết bao chuyện tiêu cực nhức nhối đã thành phổ biến trong nhà trường, nào là bán chữ, bán điểm, đạo văn, bán bằng cấp, rồi những cái chợ phao, chợ luận văn v.v., truy đến cùng đều có dính dáng đến cái gốc là sự giả dối của tiền lương. Gọi là lương mà không phải lương, thì tất yếu, theo đúng quy luật cuộc sống, dẫn đến sự dạy mà không phải dạy, giáo dục mà là phi giáo dục, phản giáo dục, vô giáo dục. Nghĩ cũng khổ tâm cho nhà giáo vì trừ một số ít con sâu làm rầu nồi canh, còn ai đã đứng trên bục giảng, trước bao nhiêu gương mặt đang hăm hở tìm đến tri thức, mà nỡ quay lưng lại, nói gì phản bội họ. Chẳng qua vì sự lựa chọn nghiệt ngã: hoặc bỏ nghề, bỏ lớp, hoặc ở lại với nghề với lớp thì phải dạy thêm cho đủ sống, dầu biết rằng đó là hạ sách, nhưng phải đành vậy, còn hơn trốn chạy.

Có người bảo dạy thêm có ích, câu nói đó chỉ nên hiểu theo nghĩa vừa nói. Chứ thật sự, dạy thêm

trần lan như đang phổ biến hiện nay là rất phản sư phạm, là lối giáo dục kém hiệu quả nhất; bắt học sinh học theo những kiểu học ngu dốt; mà thầy giáo thì không còn thì giờ nghỉ ngơi và suy ngẫm, học hỏi thêm để nâng cao chuyên môn. Đó là cách dạy để kìm hãm thay vì phát triển tài năng, để tiêu diệt thay vì khuyến khích sự năng động, sáng tạo.

Mà tại sao ta phải băn khoăn nhiều: nếu thật sự trả lương ít cho thầy, để rồi thầy phải dạy thêm tràn lan là hay thì thiên hạ chắc đã phải làm từ lâu rồi, đợi gì đến ta. Trên thực tế, nhờ dạy thêm, thu nhập ngoài lương của các giáo viên hiện nay không quá thấp (trừ làm ra vẻ tự nguyện mà thật ra phần lớn là bắt buộc. Đó có phải là sự giả dối không?, từ sự giả dối đó mới dần dần sinh ra, theo những cơ chế riêng, mọi thứ giả dối khác trong nhà trường.

Tóm lại, sở dĩ chất lượng giáo dục sút kém nguyên nhân quan trọng, nếu không muốn nói chủ yếu, là do đồng lương của giáo viên quá thấp, từ lâu đã làm phát sinh nhiều vấn đề phức tạp, nhưng không được xử lý sớm nên dần dần phát triển vượt khỏi tầm kiểm soát. Đương nhiên điều này cũng đúng với mọi ngành, nhưng đặc biệt tệ hại đối với giáo dục. Cho nên, muốn cứu giáo dục, điều kiện tiên quyết là phải đảm bảo cho thầy giáo mức sống đàng hoàng trong xã hội mà không phải dạy thêm, luyện thi hay làm những việc phụ khác. Chỉ khi nào giáo viên được hưởng đồng lương hợp lý, văn minh, công bằng, khi đó mới có một nền giáo dục lành mạnh, văn minh và thật sự có hiệu quả.

Điều đáng tiếc là giải pháp tiền lương vừa được trình ra Quốc hội chưa đáp ứng yêu cầu đó. Nói thật ra, nó chẳng đáp ứng yêu cầu của ngành nào cả. Tình hình thực tế như mọi người đều biết, là “ai cũng kêu lương thấp, nhưng ai cũng sống đàng hoàng”, vậy mục tiêu cần đặt ra đâu phải là nâng lương để ai cũng sống được bằng lương, mà lẽ ra phải là giải quyết theo hướng tích cực cái nghịch lý trên, bằng cách điều chỉnh sự phân phối để đảm bảo cho tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu. Vì đặt sai mục tiêu nên vấp ngay khó khăn là không đủ tiền ngân sách để thực hiện. Thử nghĩ xem: mọi khoản thu nhập khác của công chức ngoài lương thật ra đều có nguồn gốc từ công quỹ cả (khi học sinh nộp tiền học thêm cho giáo viên, tiền đó ở đâu ra nếu không phải phần lớn đều rút ra từ công quỹ, dưới hình thức bổng lộc hay thu nhập ngoài lương - chính đáng và không chính đáng - của cha mẹ họ), cho nên nếu vẫn giữ những khoản thu nhập đó mà lại nâng lương thì ngân sách làm sao gánh nổi. Còn như hy vọng khi lương được nâng lên đủ sống người ta sẽ thôi bòn rút công quỹ thì đó là hy vọng không thực tế chút nào. Vả lại, giá thử cứ làm theo mục tiêu đó thì cũng giống như uống thuốc để chữa bệnh, phải đủ liều lượng mới có tác dụng, chứ cứ từ từ thì chẳng có ý nghĩa gì, vì đối với một mức sống thực tế hiện nay khoảng 5 triệu/tháng, nếu có tăng thêm mấy trăm nghìn thì thấm thía gì và thực ra cũng chỉ đủ bù sự trượt giá sau vài năm. Như vậy, sau vài năm, tình hình quay trở lại như cũ, gây thêm thất vọng và mất tin tưởng, còn những con nợ ngân sách thì vẫn tiếp tục phá hoại, tham nhũng tiếp tục hoành hành, đạo đức xã hội tiếp tục sa sút, giáo dục, y tế, khoa học tiếp tục xuống cấp.

Cho nên mục tiêu đúng đắn cải cách tiền lương phải là quy hết mọi thu nhập, bổng lộc vào lương và lập lại trật tự kỷ cương trong việc sử dụng công quỹ. Đồng thời xác định lại bước đi, không phải mọi ngành cùng giải quyết một lúc, ngành nào cũng tăng lương từ từ, giống như tất cả dàn ngang mà tiến thì dù cho từ từ cũng làm sao tiến được. Vì không đủ liều lượng nên chẳng có mấy tác dụng, ngân sách chi ra một khoản tiền lớn mà vấn đề vẫn không giải quyết được một cách cơ bản. Theo tôi phải thay đổi hẳn cách làm, trước hết tập trung giải quyết một vài ngành, và ngành nào đã làm thì phải làm mạnh, đủ liều lượng, để gây được chuyển biến thật sự, trong lúc đó các ngành khác cứ tạm để yên hay chỉ giải quyết một vài yêu cầu quá cấp bách. Làm xong mấy ngành, rồi làm tiếp những ngành khác. Như vậy cũng là từ từ, không gây xáo trộn lớn, nhưng không phải dàn ngang.

Những ngành cần chọn và có khả năng giải quyết sớm là giáo dục, khoa học, y tế. Riêng về giáo dục, tuy nói là học phí thấp mà thực tế học sinh phải nộp nhiều khoản lu bù, nếu gộp cả tiền xây dựng trường, lớp, tiền học thêm, v.v. có thể đến mấy trăm nghìn đồng một tháng. Chính nhờ có khoản thu thêm này mới bù đắp được sự thiếu hụt của đồng lương và đảm bảo phần chính cho thu nhập của thầy, cô giáo. Cũng là một giải pháp để khỏi đóng cửa trường, chỉ có điều làm như thế không thống nhất, người này được nhiều, người kia được ít, mà sự nhiều ít ấy không phải hoàn toàn công bằng. Hơn nữa giáo viên phải lao động quá vất vả do phải dạy thêm, kèm theo đó biết bao sự tiêu cực như trên đã nói. Vậy tại sao không gộp hết lại, quy thành học phí chính thức (theo những mức thích hợp với từng vùng, và kèm theo chính sách học bổng cho học sinh nghèo), Nhà nước lấy khoản thu ấy, bù thêm một khoản ngân sách, trả lương chính thức cho giáo viên một cách đàng hoàng, đủ bảo đảm cho họ mức sống trung bình ngang mức thực tế hiện nay họ đã có được nhờ dạy thêm. Đồng thời sẽ tuyệt đối cấm dạy thêm (chỉ khi đó lệnh cấm mới khả thi), để giáo viên tập trung dạy thật tốt các giờ chính khóa, dành thì giờ còn lại để học thêm, chăm lo cải tiến chuyên môn và giúp đỡ (phụ đạo) các học sinh kém hoặc hướng dẫn học sinh tự học (giờ phụ đạo hay hướng dẫn học sinh tự học thuộc trách nhiệm của nhà trường, học sinh không phải trả tiền thêm). Như thế, vừa giải quyết được vấn đề đời sống cho giáo viên, chấm dứt nạn dạy thêm tràn lan, nâng cao vị trí người thầy, bảo đảm chất lượng giáo dục, mà công quỹ không tốn thêm một khoản lớn. Chỉ như thế mới có điều kiện thực thi các phương pháp giáo dục tiên tiến, phát huy tính năng động tích cực của học sinh, đồng thời đưa lại cho giáo viên cơ hội tiếp cận các kinh nghiệm giáo dục của thế giới, tận dụng Internet và các phương tiện công nghệ thông tin hiện đại, làm cho giáo dục tiến lên kịp trào lưu chung của thế giới.

Tôi tin rằng nếu làm được việc này thì một thời kỳ mới sẽ mở ra cho giáo dục. Vì tương lai con em, chúng ta hãy dũng cảm vượt qua những trở ngại tâm lý, tư tưởng, cùng nhau góp sức chấn hưng nền giáo dục trước khi quá muộn.

## Cắt bỏ ba khối u dị dạng trên cơ thể giáo dục<sup>[20]</sup>

Gần đây nổi bức xúc về chất lượng giáo dục đã tăng thêm do những sự cố về sách giáo khoa tiểu học và điểm thi của thí sinh trong các kỳ tuyển sinh đại học và cao đẳng. Tuy nhiên cần thấy rằng sự sút kém chất lượng giáo dục chưa đáng lo ngại bằng tình hình căng thẳng kéo dài giữa nhu cầu học tập ngày càng tăng của xã hội và khả năng đáp ứng hạn chế của giáo dục. Cơ hội tìm việc và học nghề không đủ, mà cánh cửa đại học và cao đẳng quá hẹp, khiến cho số đông thanh niên đành phải ngậm ngùi rời ghế nhà trường đang lúc còn khao khát học tập. Rời nhà trường đi đâu, hay lang thang đây đó rồi chán nản, mất phương hướng, nhân cư vi bất thiện, đó là hiểm họa không thể coi thường và dễ biến thành vấn đề xã hội phức tạp nếu không sớm khắc phục.

Do đó mở rộng nhanh chóng quy mô giáo dục cũng là nhu cầu cấp thiết không kém việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhưng trong điều kiện vật chất hạn hẹp hiện nay giải quyết vấn đề này như thế nào là câu hỏi lớn đang đặt ra cho ngành giáo dục.

Dưới đây xin trình bày một số suy nghĩ xung quanh vấn đề đó.

**1. Trước hết cần thấy rằng trong khuôn khổ tổ chức quản lý giáo dục hiện hành, không thể nào phát triển mạnh mẽ quy mô mà vẫn bảo đảm được chất lượng.** Hay nói cách khác, với kiểu làm giáo dục như ta hiện nay, bài toán quy mô và chất lượng không có cách nào giải quyết thỏa đáng trong năm, mười năm tới. **Để khắc phục khó khăn, chỉ có một cửa thoát duy nhất là hiện đại hóa giáo dục.** Hiện đại hóa để hội nhập quốc tế, để phát triển mạnh mẽ quy mô, đồng thời nâng cao chất lượng, đó là con đường duy nhất tránh cho giáo dục khỏi tụt hậu xa hơn nữa.

Tại sao như vậy? Vì thời đại này đòi hỏi phải có bước nhảy vọt về quy mô giáo dục và chất lượng đào tạo mới mong đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội. Không phải một xã hội trù tượng chung chung, mà là một xã hội cần hội nhập thế giới sau một thời kỳ dài bị cô lập. Không phải một thế giới đứng yên để chờ ai mà là một thế giới biến chuyển với tốc độ chóng mặt như chúng ta đều cảm nhận hàng ngày. Trong cơn lốc của cuộc cách mạng công nghệ này, ngay những quốc gia rất năng động, vốn đã có một nền giáo dục không tồi, như Singapore, cũng tự cảm thấy cần phải hiện đại hóa giáo dục để khỏi bị bỏ rơi, huống chi chúng ta.

Nói cho đúng, từ ngày đất nước mở cửa, giáo dục cũng đã có khá nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực. Vài năm lại đây cũng đã bắt đầu một số cải cách. Tuy nhiên những thay đổi hay cải cách đó cũng giống như những sự sửa chữa coi nói ở các khu nhà tập thể xây dựng từ thời bao cấp. Thực chất vẫn là cái nhà cổ lỗ ấy xây dựng từ ba bốn mươi năm trước, càng sửa chữa coi nói càng dị dạng, nhà chẳng ra nhà, bỏ thì thương vương thì tội.

Giáo dục của ta cũng giống như cái nhà ấy, nó rất khác mọi nền giáo dục bình thường ở các nước.

Được xây dựng và quản lý theo những quan niệm cũ kỹ, nó không giống ai, không theo quy củ thông thường, cho nên rốt cục rất tốn kém, càng phát triển càng đòi hỏi đầu tư phi lý vì quy mô và chất lượng hầu như đã đạt tới mức tới hạn trong các điều kiện vật chất cho phép hiện nay của đất nước. Đã như vậy mà cứ loay hoay sửa chữa và coi nói thì tất yếu phải gặt hái những kết quả như đã thấy mấy năm qua.

**2. Để hiện đại hóa giáo dục, cấp thiết phải cắt bỏ ba khối u dị dạng của nó:** 1) thi cử nặng nề, có vẻ chặt chẽ, tưởng như bằng cấp phải có giá trị lắm nhưng không phải, học giả, bằng giả, cử nhân, tiến sĩ dỏm đầy rẫy; 2) cả nước lao vào dạy thêm, học thêm với một cường độ và quy mô hiếm thấy, tưởng như chất lượng đào tạo phải cao lắm, nhưng không phải, chất lượng thấp kém đáng kinh ngạc; 3) sách giáo khoa thường xuyên được chỉnh lý hay biên soạn mới, huy động những nguồn tài chính khổng lồ, năm nào cũng in với số lượng lớn, tưởng chừng phải thúc đẩy giáo dục phát triển hết cỡ, nhưng không phải, chất lượng sách vẫn ỉ ạch mà giá sách cứ cao ngất ngưởng.

Ba khối u này đã mọc lên và sống tầm gửi trên cơ thể giáo dục từ nhiều năm nay. Không cẩn thận, chúng sẽ biến thành u ác tính có sức huỷ hoại ghê gớm không kiểm soát được. Còn tồn tại ba khối u đó thì không biện pháp cải cách nào có thể thành công. Vì vậy phải cắt bỏ ba khối u đó, tẩy cho sạch những loại tầm gửi, ký sinh đang sống bám vào giáo dục, trả lại cho giáo dục môi trường hoạt động bình thường thì mới có thể tiến lên hiện đại hóa.

Điều cơ bản là phải nhận thức rõ hiểm họa khôn lường nếu cứ tiếp tục cho phép những hiện tượng dị dạng ấy phát triển. Không phải bây giờ mà từ nhiều năm nay, những người quan tâm đến việc học của con em đã cảnh báo sự phát triển bệnh hoạn của giáo dục do ba khối u đó. Năm 2001 Thủ Tướng Chính Phủ cũng đã nhắc nhở Bộ Giáo dục và Đào tạo, thế nhưng thật đáng tiếc, sau 7 năm đã có nghị quyết Trung ương về Giáo dục, chúng ta vẫn chưa làm được gì nhiều để trả lại cho giáo dục môi trường hoạt động bình thường như ở các nước văn minh và như ở Việt Nam trước đây.

Tệ hại nhất là việc dạy thêm, học thêm tràn lan. Xin nói ngay rằng khi lên án việc này tôi không hề có ý chê trách anh chị giáo viên. Thành thật mà nói, ai ở trong hoàn cảnh đồng lương không đủ sống chắc cũng phải dạy thêm, vì dẫu sao dạy thêm một cách có trách nhiệm cũng còn hơn bỏ lớp, bỏ trường. Vấn đề cần được nhận thức dứt khoát là phải nhanh chóng xóa bỏ việc này, còn xóa bỏ như thế nào mà vẫn bảo đảm mức sống đàng hoàng cho giáo viên thì đó là trách nhiệm của nhà cầm quyền. Có người lập luận rằng học thêm là nhu cầu có thật của một bộ phận học sinh giỏi và kém, cho nên dạy thêm là một cách đáp ứng nhu cầu chính đáng đó. Tôi không nghĩ như vậy. Cả đời tôi từ khi đi học, cho đến khi đi dạy và làm khoa học, tôi chưa hề thấy, chưa hề gặp ở đâu một người nào khi đi học phải dự đều các lớp học thêm, các lò luyện thi, phải chúi đầu chúi mũi học cả ngày lẫn đêm, mà nhờ thế ra đời đã thành đạt. Cũng không hề thấy ở đâu học sinh kém ngồi học chung với mọi học sinh khác trong các

lớp dạy thêm mà tiến bộ được. Cho nên bảo rằng dạy thêm đáp ứng nhu cầu có thật của học sinh giỏi và kém chỉ là một cách nguy hiểm. Cái tội lớn của một nền giáo dục hư đốn chính là tạo ra nhu cầu giả tạo buộc học sinh phải học thêm ngoài giờ, tập cho họ thói quen dựa dẫm vào thầy, ngại tự học, ngại tìm tòi, suy nghĩ độc lập, cho nên cứ rời thầy ra, rời nhà trường ra là y như những con gà công nghiệp mới ra khỏi chuồng đã luống cuống tìm cách chui lại vào chuồng.

Hậu quả của những khối u dị dạng nói trên là chi phí giáo dục phình to, hiệu quả đầu tư cho giáo dục ở Việt Nam rất thấp. Có thể nói không quá đáng, trên thế giới hiếm có nền giáo dục nào xài công như chúng ta. Không kể những sự lãng phí công quỹ mà một số báo như Lao động, Tuổi trẻ, An ninh thế giới gần đây đã nêu lên, những sự lãng phí ấy dù to lớn đến đâu vẫn không thấm gì so với những sự lãng phí khác đáng sợ hơn nhiều: lãng phí công sức của hàng vạn thầy giáo, vì phải dạy thêm lu bù, dưới hình thức tăng tiết hoặc dạy thêm ngoài giờ, hoặc luyện thi, v.v. không còn thì giờ nghiên cứu, học thêm để cải tiến công việc của mình; lãng phí tài năng sáng tạo và tuổi trẻ quý giá của hàng triệu học sinh vì phải chạy theo những cái đích giả tạo, hoang phí sức lực vào những giờ học thêm, luyện thi vô bổ để sau này ra đời hối tiếc vì phải trả giá đắt. Sự tổn thất vô hình đó mới đáng kể nhất vì nó ảnh hưởng lớn đến năng lực sáng tạo, sự thông minh và tính năng động của toàn xã hội trong thời đại mà ai cũng biết những đức tính ấy cực kỳ quan trọng.

**3. Mấy biện pháp cấp bách để cứu giáo dục ra khỏi nguy kịch.** Tôi nói nguy kịch không phải để rung tiếng chuông báo động giả, mà để diễn tả đúng thực trạng khủng hoảng mà nền giáo dục đang trải qua. Một cơ thể đeo trên mình nó ba khối u lớn đằng đằng cả chục năm mà không sao cắt bỏ được có phải là bình thường không? Một nền giáo dục mà triền miên là mối lo của toàn xã hội từ chục năm, mặc dù chi phí bỏ ra tăng liên tục đến mức phi lý (kể cả tiền vay ở các dự án), có phải là một nền giáo dục bình thường không? Hay chúng ta điếc không sợ súng?

Cơn sốc gây nên bởi số điểm thấp qua hai kỳ tuyển sinh đại học và cao đẳng 2002-2003 đã làm cho dư luận xã hội tập trung vào chất lượng giáo dục phổ thông, song nói cho đúng, đáng lo nhất hiện nay chưa phải là chất lượng giáo dục phổ thông mà là **chất lượng dạy nghề, đại học và sau đại học**. Đây mới chính là nơi mà quy mô và chất lượng đều kém và cũng đang có mâu thuẫn gay gắt nhất với yêu cầu của xã hội.

Cả về số sinh viên đại học và cao đẳng trên một vạn dân, số cơ sở đào tạo nghề, số công trình nghiên cứu đạt chuẩn mực quốc tế, thứ hạng trong bảng xếp hạng các đại học trong khu vực, cả về chất lượng và trình độ lao động được đào tạo, mức độ thỏa mãn của các công ty ngoại quốc đối với lao động kỹ thuật trong nước - ta đều đứng sau xa đại bộ phận các nước trong khu vực. Nghĩ mà buồn cho một nền đại học cách đây không quá lâu còn được đánh giá tốt trong khu vực.

Cho nên nói hiện đại hóa giáo dục là hiện đại hóa toàn ngành, và cái đích cuối cùng phải đạt được

là có một nền đại học thật sự hiện đại sánh vai được với các nước phát triển. Nhưng dù sao cũng phải bắt đầu từ cấp học phổ thông là cấp cơ sở, vì vậy trước hết phải xử lý các khối u trong vấn đề thi cử, dạy thêm, và sách giáo khoa.

Để tiến tới xóa bỏ các khối u này, tôi đề nghị mấy biện pháp cấp bách. Đây chỉ là **những đề nghị có tính ý tưởng**, nghĩa là tuy nói cụ thể nhưng cái cốt lõi là tinh thần, ý tưởng, nếu xem xét thấy đúng thì những việc cụ thể nêu ra trong đề nghị có thể thay đổi, châm chước cho phù hợp hơn với thực tế, miễn là dựa trên tinh thần, ý tưởng đã được chấp nhận. Sở dĩ cần nói điều này vì khi xét một đề nghị nào đó nhiều quan chức thường không chịu tìm hiểu kỹ tinh thần, ý tưởng, thực chất, mà chỉ quan tâm những chi tiết vụn vặt không có tính nguyên tắc, rồi dựa trên tư duy bảo thủ sẵn có của mình để chấp nhận hay bác bỏ. Với một thái độ như thế sẽ không bao giờ cải tiến được công việc.

### **1) Cải cách thi cử theo kinh nghiệm các nước tiên tiến**

Không đâu trên thế giới có hệ thống thi cử nặng nề, tốn kém mà ít hiệu quả lại gây lăm chuyen tiêu cực như ở nước ta. Tại sao không nghĩ đến việc bỏ hẳn một số kỳ thi và thay đổi cách tuyển sinh đại học, lại cứ loay hoay mãi với những chuyện hai chung, ba chung, nguyện vọng 1, nguyện vọng 2, thi trắc nghiệm hay tự luận, v.v.? Theo tôi, nên mạnh dạn học tập nhiều nước, bỏ hết các kỳ thi tốt nghiệp tiểu học, THCS, THPT, mà tăng cường kiểm tra nghiêm túc thường xuyên trong quá trình học, nhất là ở các lớp cuối cấp, rồi xét kết quả học để phát bằng tiểu học, THCS, hay tú tài. Như vậy giá thử có tỉ lệ 90% học sinh học hết lớp 12 được phát bằng tú tài cũng bình thường, vì giá trị của bằng này chỉ là xác nhận đã học hết THPT với những kết quả ghi trong học bạ. Còn để tuyển vào đại học thì cần có một kỳ thi toàn quốc, nhưng không phải để tuyển ngay, mà chỉ để kiểm tra trình độ tối thiểu cần thiết cho việc theo học đại học. Vì chỉ cần kiểm tra trình độ tối thiểu cần thiết, nên có thể thi trắc nghiệm. Sau đó chỉ những người đã qua được kỳ thi này mới có thể dự tuyển vào các đại học, còn việc xét tuyển như thế nào thì do từng đại học tự tổ chức theo cách nào thích hợp nhất (chẳng hạn xét tuyển theo hồ sơ, kết hợp với phỏng vấn).

Làm được như vậy thi cử sẽ nhẹ nhàng như ở các nước, góp phần giải quyết hàng loạt các khó khăn hiện nay. Sẽ không còn, hoặc giảm hẳn xu hướng học để thi, các lò luyện thi sẽ mất dần tác dụng, việc học sẽ dần dần đi vào thực chất, gian lận thi cử sẽ bớt vì không còn đất phát triển, việc giáo dục tính trung thực nhờ thế sẽ dễ dàng hơn, tạo điều kiện cải thiện môi trường đạo đức học đường hiện nay đang xuống cấp. Đồng thời, sẽ bớt đi áp lực của các cấp chính quyền địa phương buộc nhà trường phải bảo đảm bằng mọi giá một tỉ lệ thi đỗ cao để tránh đối mặt với những phức tạp xã hội do việc học sinh hỏng thi quá đông.

### **2) Cải cách tiền lương và xóa bỏ dạy thêm**

Như trên đã phân tích, chuyện dạy thêm gắn liền với tiền lương không đủ sống, vì vậy không thể xóa bỏ được cái u bấu này bằng chỉ thị hành chính đơn thuần, mà phải thay đổi chính sách tiền lương để tối thiểu bảo đảm cho giáo viên một mức sống đàng hoàng theo trình độ tăng trưởng của kinh tế. Có người nói dạy thêm không hoàn toàn do lương thấp mà chủ yếu do sự sa sút lương tâm nghề nghiệp, vì trước kia đời sống còn khó khăn hơn nhiều mà có ai dạy thêm đâu. Nói như thế là không thấy rằng trước kia dù có khó khăn nhưng tiền lương vẫn đảm bảo cho giáo viên mức sống đàng hoàng theo tiêu chuẩn xã hội thời đó, còn bây giờ với đồng lương giáo viên dưới mức sống thấp trong xã hội mà nói lương tâm thì trước hết xin hãy nói lương tâm của những ai có bổng lộc cao, có mức sống đầy đủ, mà một mực đòi hỏi người lương thấp không đủ sống phải toàn tâm toàn ý với nghề nghiệp.

Cho nên điều kiện tiên quyết để chấm dứt dạy thêm tràn lan là phải giải quyết đúng đắn tiền lương cho giáo viên. Trong khi chưa thể giải quyết tiền lương cùng một lúc cho tất cả các ngành, vẫn có thể tập trung giải quyết trước hết cho giáo dục. Một biện pháp khả thi là căn cứ tình hình thực tế ở các địa phương quy định một học phí chính thức thay cho toàn bộ các khoản mà học sinh phải đóng góp trực tiếp cho nhà trường hay gián tiếp qua các lớp học thêm (dĩ nhiên học phí phải khác nhau tùy địa phương, và kèm theo phải có chính sách học bổng cho học sinh nghèo). Số học phí đó, cộng thêm một khoản ngân sách thích hợp, là nguồn tài chính để trả lương cho giáo viên đủ cho họ có một mức sống tử tế mà không cần phải dạy thêm hay làm những việc ngoài chuyên môn khác. Sau đó, nghiêm túc thực hiện cấm dạy thêm, để giáo viên dành thì giờ rồi học thêm, trau dồi thêm chuyên môn, và chăm sóc, giúp đỡ học sinh tự học. Với sự mở rộng quy mô và hình thức đào tạo sẽ được thực hiện kèm theo giải pháp này, trình độ giáo viên sẽ được nâng cao và những giáo viên giỏi ở từng cấp sẽ có cơ hội được tuyển lên dạy cấp cao hơn, gián tiếp tạo thêm những nguồn nhân lực mới cho sự phát triển quy mô giáo dục. Như vậy, vừa đảm bảo chất lượng học tập ở mỗi cấp, vừa mở đường tiến thủ cho giáo viên và tận dụng khả năng tự có của ngành để phát triển mạnh quy mô giáo dục ngay trong tình hình đầu tư vật chất chưa thể tăng đột biến.

Điều quan trọng nhất khi xóa bỏ được dạy thêm là việc học sẽ dần dần trở lại lành mạnh để đạt hiệu quả cao hơn vì tránh được lối học nhồi nhét, thụ động. Với sự hướng dẫn của thầy mà từ nay sẽ có nhiều thì giờ tập trung chăm lo cải tiến phương pháp, học sinh sẽ chủ động tích cực hơn trong học tập, biết động não, suy nghĩ, tập tự học, tra cứu tài liệu, v.v., đồng thời có đủ thì giờ vui chơi thoải mái theo nhu cầu tuổi trẻ, tham gia các hoạt động thể thao, văn nghệ theo sở thích, làm công tác xã hội, phục vụ cộng đồng, v.v. Ngoài ra, thay vì tổ chức các lớp học thêm, nơi nào có điều kiện có thể mở các câu lạc bộ về từng lĩnh vực công nghệ thông tin, văn, toán, v.v., là những hình thức trau dồi kiến thức, bồi bổ kỹ năng nhưng trong đó người tham gia đóng vai trò chủ động.

### **3) Cải cách việc biên soạn, xuất bản và sử dụng sách giáo khoa**

Trong cuộc cải cách giáo dục ở Miền Bắc năm 1956, chúng ta chỉ cần sáu tháng để soạn hết các chương trình mới, viết và in sách giáo khoa mới, đủ cung ứng nhu cầu<sup>[21]</sup>. Sách thời ấy cũng ổn định khá lâu và không đắt. Ngày nay ta có những điều kiện vật chất và chuyên môn thuận lợi hơn gấp bội, không lý gì lại tốn nhiều thời gian, tiền bạc, công sức đến như vậy mà kết quả lại quá thấp so với yêu cầu. Vậy cần chỉnh đốn cách làm cho thích hợp, và trong việc này cũng nên học nghiêm túc kinh nghiệm của các nước về cả tổ chức, phương pháp và kỹ thuật, khắc phục sự xơ cứng tư duy và những quan niệm và thói quen không còn phù hợp với cung cách biên soạn và xuất bản ở thời đại này. Tiến đến sách giáo khoa ổn định, được in đẹp, hấp dẫn, hợp với từng lứa tuổi học sinh, và về hình thức cũng như nội dung đều sánh được với các nước phát triển nhất trong khu vực. Để hạ thấp chi phí sử dụng, sách giáo khoa phải được các trường mua và cho học sinh thuê là chủ yếu thay vì mỗi năm học sinh đều phải mua sách mới, rất tốn kém.

Trên đây là những biện pháp cần và có thể thực hiện ngay để mở đường hiện đại hóa giáo dục. Trong các giải pháp đó thì việc cải cách tiền lương là mấu chốt nhất nhưng lại đòi hỏi Nhà Nước phải trực tiếp can thiệp. Mà đã đến lúc phải có sự can thiệp trực tiếp ấy mới cứu được nền giáo dục của chúng ta ra khỏi sa lầy, để nó vươn lên thực hiện đầy đủ vai trò quốc sách hàng đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tôi tin rằng sau khi trả lại cho nhà trường nề nếp hoạt động bình thường theo những phương hướng trên thì một luồng sinh khí mới sẽ thổi vào ngành giáo dục, và với tiềm năng sẵn có được đánh thức chẳng bao lâu giáo dục sẽ thay da đổi thịt để ngăn chặn bước cùng bạn bè khắp năm châu bốn bể.

# Kiến nghị - 2004

## Chấn hưng, cải cách hiện đại giáo dục

Mùa xuân năm 2004, trước tình hình yếu kém triền miên của giáo dục, một số trí thức trong nước và Việt kiều đã họp lại trong một seminar để suy nghĩ, thảo luận, đánh giá khách quan thực trạng, trên cơ sở đó tìm đường ra và những giải pháp cấp bách giúp cải thiện tình hình một cách cơ bản.

Seminar được tổ chức 5 buổi, từ đầu tháng 3/2004 cho đến cuối tháng 5/2004. Kết thúc seminar, các ý kiến đã được tổng hợp lại thành bản kiến nghị sau đây gửi lên Trung ương Đảng và Chính phủ.

Thành viên seminar đã ký tên vào Kiến nghị gồm có 24 người: *Lê Văn Cường*, GS, ĐH Paris 1 (Pháp); *Phan Đình Diệu*, GS, ĐH Quốc gia Hà Nội; *Hồ Ngọc Đại*, GS, Trung tâm Thực nghiệm Giáo dục; *Nguyễn Văn Đạo*, GS, nguyên Giám đốc ĐH Quốc gia Hà Nội; *Phạm Huy Điển*, PGS, Viện Toán học; *Nguyễn Xuân Hãn*, GS, ĐH Quốc gia Hà Nội; *Hoàng Ngọc Hiến*, GS, ĐH Quốc gia Hà Nội; *Phạm Duy Hiến*, GS, Bộ Khoa học và Công nghệ; *Nguyễn Đăng Hưng*, GS, ĐH Liège (Bỉ); *Hà Huy Khoái*, GS, Viện Toán học; *Phan Huy Lê*, GS, ĐH Quốc gia Hà Nội; *Bùi Trọng Liễu*, nguyên GS, ĐH Paris 5 (Pháp); *Nguyễn Ngọc*, nhà văn; *Hoàng Xuân Phú*, GS, Viện Toán học; *Việt Phương*, nhà văn hóa; *Tôn Thất Nguyễn Thiêm*, GS, United Business Institutes Brussels (Bỉ), Atlanta & Boston (Mỹ); *Trần Văn Thọ* GS, ĐH Waseda, Tokyo (Nhật); *Nguyễn Cảnh Toàn*, GS, nguyên Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; *Lê Dũng Tráng*, GS, ICTP, Trieste (Ý); *Lê Ngọc Trà*, GS, ĐH Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh; *Trương Nguyên Trân*, GS, ĐH Bách Khoa, Paris (Pháp); *Nguyễn Đình Trí*, GS, ĐH Bách khoa Hà Nội; *Ngô Việt Trung*, GS, Viện Toán học; *Hoàng Tuy*, GS, Viện Toán học, Chủ trì seminar.

Bản kiến nghị này gồm ba phần. Phần đầu phân tích thực trạng của giáo dục để tìm ra cái gốc các khó khăn và bất cập hiện nay. Phần thứ hai đề xuất phương hướng hiện đại hóa giáo dục để khắc phục các khó khăn và bất cập một cách cơ bản. Phần thứ ba trình bày một số giải pháp cấp bách cần thực hiện để trả lại môi trường hoạt động bình thường cho giáo dục, và mở đường chuyển dần sang cải cách, hiện đại hóa toàn hệ thống.

### I. Thực trạng giáo dục

Ai cũng biết vai trò quan trọng then chốt của giáo dục đối với tiền đồ dân tộc. Thế nhưng, từ nhiều năm, chúng ta đã để cho giáo dục Việt Nam tụt hậu khá xa so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Chưa bao giờ tình hình giáo dục trở nên bức xúc như hiện nay. Nhìn chung cả nước, hệ thống giáo dục chưa ra khỏi trạng thái lộn xộn bất bình thường, hoạt động không theo quy luật khoa học, hiệu quả kém, chất lượng thấp, đang có nguy cơ bị thương mại hóa theo xu hướng ngược với lý tưởng công

bằng và dân chủ của xã hội. Về cả ba phương diện dân trí, nhân lực và nhân tài, những bất cập đều quá rõ:

- **Dân trí** thấp, biểu hiện trên lối sống và suy nghĩ, tập quán, tác phong, tư tưởng, ý thức... Đạo đức bị xói mòn, thói **gian dối, thiếu trung thực** đang tác động nặng nề đến mọi mặt của đời sống xã hội.

- **Nhân lực** không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế. Yếu kiến thức, kém kỹ năng thực hành, **ít khả năng xoay xở, thiếu đầu óc tưởng tượng và năng lực sáng tạo**, đó là những đặc trưng chất lượng lao động khiến sức cạnh tranh rất thấp.

- **Nhân tài** tuy không đến nỗi quá thiếu nhưng **phát hiện và bồi dưỡng kém**, thiếu cơ hội và điều kiện phát triển. **Chất xám bị lãng phí nghiêm trọng** dưới nhiều hình thức khác nhau.

Đương nhiên, đây không chỉ là vấn đề của giáo dục, mà là vấn đề của toàn xã hội, nhưng trong đó trách nhiệm và vai trò của giáo dục rất lớn.

Tình trạng sa sút của giáo dục là một thực tế khó chấp nhận, nhưng cần được nhìn thẳng mới có thể thấy được đường ra. Hoàn toàn không nên so sánh với thời bao cấp hay mấy năm đầu đổi mới để dễ dàng bằng lòng với bước tiến chậm chạp đã có, mà cần mở tầm mắt ra thế giới bên ngoài, để cảm nhận rõ hơn sự tụt hậu ngày càng xa của chúng ta. Cách so sánh với quá khứ đầy khó khăn trước đây là liều thuốc an thần nhưng thiếu trách nhiệm, vì thật ra **sự sút kém của giáo dục hoàn toàn không xứng với tiềm năng của dân tộc, cả về tinh thần, trí tuệ, vật chất cũng như vận hội**.

Từ 1966 đến nay, TƯ đã có nhiều nghị quyết đúng đắn mà chưa được thực hiện nghiêm túc, cho nên tuy chúng ta đã có nhiều cố gắng để vực giáo dục lên, song những căn bệnh chính của nó không hề giảm, trái lại ngày càng trầm trọng và kéo dài chưa biết đến bao giờ. Điều đó cho thấy nguyên nhân trì trệ không phải chỉ do những sai lầm cục bộ về điều hành quản lý (tuy phần trách nhiệm của bộ máy quản lý không nhỏ), mà chủ yếu là sai lầm từ gốc, sai lầm từ nhận thức, quan niệm, tư duy cơ bản. Nói vắn tắt, là sai lầm **có tính chất hệ thống, sai lầm thiết kế**, không thể khắc phục bằng những biện pháp điều chỉnh chắp vá, sai đâu sửa đó, càng sửa càng rồi, mà cần phải cương quyết xây dựng lại từ gốc. Đó là mệnh lệnh cuộc sống, nếu chúng ta không muốn tụt hậu thêm nữa.

## **II. Con đường ra: cải cách, hiện đại hóa giáo dục**

Muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tất yếu phải bắt đầu bằng việc hiện đại hóa giáo dục, mà sự lạc hậu của nền giáo dục của chúng ta chung quy là ở chỗ nó rất xa lạ với kinh nghiệm lịch sử của chúng ta và kinh nghiệm giáo dục trên thế giới, trong lúc chúng ta đang cần hội nhập để phát triển. Vì vậy con đường ra khỏi những khó khăn là xây dựng lại giáo dục từ gốc để tiến tới một nền giáo dục phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc và xu thế chung của thế giới, tạo điều kiện cho cuộc hội

nhập thành công. Đó chính là **nhiệm vụ hiện đại hóa giáo dục, với nội dung và phương hướng như sau.**

**1. Để xây dựng lại giáo dục từ gốc, trước hết cần thay đổi tư duy giáo dục, xác định lại quan niệm về mục tiêu, yêu cầu đào tạo và chức năng của nhà trường,** từ đó mới thấy rõ cần thay đổi cung cách dạy và học, thay đổi nội dung, phương pháp, tổ chức quản lý giáo dục, như thế nào để đạt được mục tiêu đó. Nên rà soát lại để dứt khoát từ bỏ đào tạo những mẫu người chỉ biết ngoan ngoãn chấp hành, quen được dẫn dắt, bao cấp cả về tư duy và hành động, hơn là biết suy nghĩ độc lập và tự chịu trách nhiệm. Cần coi trọng rèn luyện các phẩm chất đạo đức cơ bản của con người hiện đại có cá tính nhưng bao dung, biết giao tiếp và hợp tác, biết làm việc có hiệu quả, có tư duy cởi mở với cái mới, thích dần thân, không ngại đương đầu với thách thức, khó khăn, sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm vì mục đích lớn, và nhất là **trung thực và có đầu óc sáng tạo**, là những đức tính tối cần thiết trong đời sống xã hội hiện đại. Đồng thời cần quan tâm đến giáo dục thẩm mỹ, giáo dục cảm xúc, đào tạo toàn diện con người có tâm hồn và thể chất khỏe mạnh.

**2. Từ quan niệm bao quát nói trên phải xem xét lại toàn bộ tổ chức quá trình giáo dục, bao gồm cả nội dung chương trình, phương pháp từng cấp học, sao cho phù hợp với mục tiêu chung.** Chẳng hạn phải giảm bớt đáng kể giờ lên lớp nghe giảng, tăng giờ thực hành, giờ học theo phương pháp tương tác, dành thì giờ cho việc tự học, tùy lứa tuổi tập tham khảo sách báo, tư liệu, thảo luận seminar, thuyết trình, tham luận, viết tiểu luận, làm dự án, ... Ngay từ nhỏ học sinh cần tập dần để biết suy nghĩ, ham thích tìm tòi, ham thích khám phá, sáng tạo từ dễ đến khó, tập phát hiện và giải quyết vấn đề, hạn chế học thuộc lòng, chống nhồi nhét kiến thức máy móc tuy không xem nhẹ rèn luyện trí nhớ. Giảm, bỏ, hoặc thay đổi hẳn nội dung và phương pháp dạy những điều có tính chất kinh kệ, để tăng các kiến thức thiết thực, hoặc đòi hỏi vận dụng tư duy nhiều hơn. Đối với nước ta, điều này càng quan trọng vì tàn tích lối học từ chương khoa cử, tinh thần hư học cổ lỗ cho đến bây giờ vẫn còn rất nặng trong xã hội ta và ngay cả trong giới trí thức ta. Đặc biệt đại học càng phải coi trọng đầu óc, phong cách và kỹ năng nghiên cứu khoa học.

**3. Công bằng, dân chủ là xu hướng của xã hội tiến bộ hiện đại, tuy cách hiểu và thực thi còn nhiều điểm khác nhau tùy mỗi nước. Trong giáo dục công bằng, dân chủ có nghĩa là bảo đảm cho mọi công dân quyền bình đẳng về cơ hội học tập và cơ hội thành đạt trong học vấn.** Ngày nay, đó không chỉ là một nguyên tắc đạo đức mà còn là điều kiện để bảo đảm sự phát triển của xã hội. Chỉ khi có công bằng, dân chủ trong giáo dục, chỉ khi mọi người, dù giàu nghèo, sang hèn, đều có cơ hội học tập và thành đạt ngang nhau thì tiềm năng trí tuệ của xã hội mới được khai thác hết. Hiện nay ở nước ta con em các tỉnh miền núi, các vùng nông thôn, hay con em nhà nghèo ở thành thị, đi học đã khó mà học lên cao càng khó hơn. Với chế độ học tập buộc phải học thêm ngoài giờ rất nhiều, phải đóng góp vô vàn

khoản tốn kém ngoài học phí, hàng năm phải mua sắm sách giáo khoa mới, với chế độ đánh giá và thi cử tốn kém như hiện nay, nhà trường của ta đã vô tình gạt ra ngoài cả một lớp trẻ thiếu may mắn vì trót sinh ra trong những gia đình nghèo hoặc không ở thành phố.

4. Tùy theo cá tính, mỗi con người có những sở thích, sở trường, sở đoản riêng, sự đa dạng ấy làm nên cuộc sống phong phú trong xã hội hiện đại và là mảnh đất để nảy nở tài năng sáng tạo. Cho nên giáo dục phải phóng khoáng, không hạn chế, hay kìm hãm mà trái lại **phải tôn trọng, phát triển cá tính**, và muốn thế không nên gò bó mọi người trong một kiểu đào tạo như nhau, một hướng học vắn như nhau, mà phải **mở ra nhiều con đường, nhiều hướng, tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho thế hệ trẻ phát triển tài năng**, đồng thời cho phép họ dễ dàng chuyển sang con đường khác khi thấy sự lựa chọn của mình chưa phù hợp. Đó là tư tưởng chỉ đạo để giải quyết vấn đề phân ban ở các năm cuối trung học phổ thông, phát triển nhiều loại hình đại học và cao đẳng đáp ứng nhu cầu đa dạng của tuổi trẻ, đồng thời bảo đảm sự liên thông tối đa giữa các cấp học và các loại trường học khác nhau để không ai bị lâm vào ngõ cụt trên con đường học vấn.

5. Do bước tiến nhanh của khoa học và công nghệ, các ngành hoạt động kinh tế ngày càng yêu cầu lực lượng lao động phải có trình độ hiểu biết cao mới **đảm bảo hiệu quả và năng suất**. Hơn nữa trình độ văn minh hiện đại cũng đòi hỏi mọi thành viên trong xã hội phải có học thức cao mới **hưởng thụ được đầy đủ cuộc sống** của bản thân và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng. Trước tình hình đó, xã hội văn minh đang tiến đến chỗ trình độ học thức hai năm đầu của đại học trở thành cần thiết cho mọi người, giống như trình độ tiểu học cách đây một thế kỷ. Vì vậy, **xu thế tất yếu là phải tiến tới mở cửa đại học cho số đông, rồi cho đại bộ phận dân chúng**. Điều này đòi hỏi những thay đổi lớn trong quan niệm về sứ mạng, nhiệm vụ cũng như tổ chức, quản lý giáo dục đại học. Đặc biệt, với trình độ phát triển hiện nay và với cơ cấu nhu cầu lao động trong thời gian tới, cần chú ý phát triển loại hình đại học ngắn hạn 2 năm (về kỹ thuật hay các nghiệp vụ du lịch, kế toán, ngoại ngữ, ...).

6. Trong khi nâng cao dân trí, mở rộng cửa nhà trường, kể cả đại học, cho đông đảo người dân, thì giáo dục không thể coi nhẹ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhân tài. Trái lại, phải rất **chú trọng tài năng, khắc phục bình quân và trung bình chủ nghĩa** vốn là nhược điểm thường thấy ở các nước nghèo như ta. Trong thời đại kỹ thuật số hơn bao giờ hết, sự hưng thịnh của các quốc gia một phần rất quan trọng, nếu không nói quyết định, là do bởi có nhiều tài năng xuất chúng được nâng niu, nuôi dưỡng và được tạo điều kiện phát triển tốt độ. Tài năng quan trọng cho xã hội hiện đại đến mức **số lượng và chất lượng người tài được đào tạo là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá hiệu quả giáo dục**. Cho nên, hệ thống giáo dục, đặc biệt là đại học, phải có biện pháp hữu hiệu để đào tạo nhiều người tài, hơn nữa xã hội phải được tổ chức như thế nào để tài năng không tàn lụi sớm mà được khuyến khích phát triển ngày càng cao. Kinh nghiệm các nước phát triển cho thấy giáo dục càng công

bằng, dân chủ, số người được học càng đông, thì trong số đông đó càng xuất hiện nhiều người tài xuất sắc. Vì vậy công bằng, dân chủ trong giáo dục không những không mâu thuẫn với việc chú trọng tài năng, mà còn là cơ sở để đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước.

7. Trong thời đại khoa học và công nghệ tiến nhanh như vũ bão, không ai có thể thỏa mãn với vốn kiến thức đã có của mình. Mọi người đều cần học tập, học thường xuyên, học suốt đời, cho nên **giáo dục thường xuyên phải không ngừng mở rộng cả về phạm vi, quy mô, hình thức, đối tượng**, và sử dụng những phương tiện kỹ thuật tân tiến nhất: máy tính, Internet, đa truyền thông không dây, ..., để cho ai, ở đâu và bất cứ lúc nào cũng có thể học được dễ dàng và có hiệu quả. Vai trò của giáo dục thường xuyên trong xã hội hiện đại ngày càng tăng lên đến mức ở một số nước tổng chi phí của xã hội cho giáo dục thường xuyên vượt cả tổng chi phí cho giáo dục theo trường lớp truyền thống.

Để thực hiện **xã hội học tập** theo quan niệm đó, cần gây dựng và duy trì trong mọi tầng lớp và ở mọi môi trường xã hội một **tinh thần hiếu học mới, lòng ham chuộng tri thức, thói quen tự học, tự hoàn thiện hiểu biết và nhân cách để sống và làm việc tốt hơn**. Với cách nhìn ấy, cần khuyến khích phát triển các trung tâm học tập cộng đồng như đã hình thành gần đây trong khuôn khổ Hội Khuyến học.

8. Đặc điểm quan trọng của giáo dục hiện đại là **sử dụng rộng rãi Internet, công nghệ thông tin trong mọi khâu giáo dục, từ nội dung cho đến phương pháp, tổ chức**. Lý do dễ hiểu là vì một mặt công nghệ thông tin đã len lỏi vào mọi hoạt động kinh tế và đời sống trong xã hội hiện đại, khiến cho hiểu biết tối thiểu về tin học trở nên cần thiết cho mọi người, và mặt khác, máy tính, Internet, viễn thông, truyền thông không dây, đã trở thành những công cụ có thể hỗ trợ đắc lực việc giảng dạy và học tập theo các yêu cầu nêu trên. Đặc biệt phải biết tận dụng khả năng công nghệ thông tin, phát triển mạnh giáo dục từ xa để đáp ứng một cách tiết kiệm, linh hoạt và hữu hiệu nhu cầu học tập ngay tại nơi lao động và sinh hoạt của đông đảo người dân.

9. Dựa trên các nguyên tắc vừa nêu cần **cải tổ toàn bộ hệ thống giáo dục**. Về bậc **Tiểu học và Trung học cơ sở**, trong nước đã có hệ thống thực nghiệm giáo dục được nghiên cứu từ hơn hai mươi năm nay và đã được áp dụng trên nhiều vùng đất nước, cần có sự thẩm định và đánh giá khách quan, nghiêm túc, để nếu cơ bản nó đáp ứng các yêu cầu nêu trên thì có thể mở rộng thực hiện trong cả nước, coi đó cũng là một nét đặc thù của giáo dục Việt Nam. Về bậc **Trung học phổ thông** cần nghiên cứu lại việc phân ban theo tinh thần tiến tới tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho thế hệ trẻ trên cơ sở bảo đảm một mặt bằng văn hóa chung thích hợp, đồng thời tổ chức đủ mềm dẻo để cho phép điều chỉnh những sự lựa chọn chưa phù hợp. Về đại học và kỹ thuật trung cấp, hiện nay cả thế giới đều hướng tới xây dựng một hệ thống giáo dục tương đồng với nhau về cấu trúc và cả nội dung đào tạo để thuận tiện cho việc hợp tác và trao đổi quốc tế (như tú tài +3 năm cho chương trình cử nhân, tú tài +5 năm cho chương trình thạc sĩ, kỹ sư, tú tài +8 năm cho chương trình tiến sĩ). Ta cần sớm chủ động hội nhập vào

xu thế chung đó.

10. Cuối cùng, muốn cải cách thành công phải **cải tổ quản lý giáo dục**. Trước hết cần có sự chuyển biến mạnh mẽ ngay trong bộ máy lãnh đạo và quản lý về quan điểm giáo dục như đã nêu trên, trên cơ sở đó thay đổi, cải tiến tổ chức, phương pháp quản lý, nhằm phát huy sáng kiến chủ động của các cấp, từng bước **khắc phục bệnh tập trung quan liêu**. Cần **cải tổ Hội đồng giáo dục quốc gia** thành một hội đồng thật sự có năng lực tư vấn cao ở tầm chiến lược, tăng cường **bộ máy thanh tra** đi đôi với **mở rộng quyền tự chủ, trong khuôn khổ quy định, cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các đại học lớn**, về mọi vấn đề thuộc phạm vi chương trình, tổ chức, kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Quản lý giáo dục cũng tức là quản lý các hoạt động làm nền tảng phát triển trí tuệ, phát triển năng lực sáng tạo của xã hội, cho nên liên quan khăng khít với quản lý các hoạt động khoa học, công nghệ. **Tiến tới chấm dứt tình trạng ngăn cách giữa các đại học và các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ**. Hệ thống quản lý giáo dục cần được cải tổ thành mạng lưới, vận hành theo cơ chế mạng, tận dụng các tri thức khoa học và phương tiện kỹ thuật về quản lý mạng, để tăng hiệu quả quản lý, phù hợp với xu hướng và yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại.

### III. Một số vấn đề cấp bách

Cải cách giáo dục theo phương hướng hiện đại hóa như trên là việc lớn, có ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ xã hội nên **cần có kế hoạch chu đáo, được nghiên cứu và chuẩn bị kỹ để thực hiện từng bước, từng bộ phận**, trong một lộ trình thống nhất do Quốc hội thông qua, tránh đột ngột và xáo trộn gây căng thẳng trong xã hội. Nhưng trong thời gian chuẩn bị (vài ba năm), phải **giải quyết ngay một số vấn đề cấp bách** để tạo cơ sở và mở đường chuyển dần sang cải cách.

#### *Về giáo dục phổ thông:*

Mâu thuẫn lớn trong giáo dục phổ thông hiện nay là một mặt ta lên án bệnh học vẹt, học vẹt vì mảnh bằng, và luôn hô hào cải tiến phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, học đi đôi với hành, v.v., nhưng mặt khác vẫn duy trì cách thi cử cổ lỗ, vẫn dung túng, thậm chí khuyến khích (vô tình, bằng chế độ lương phi lý) dạy thêm, học thêm tràn lan, mà không thấy rằng chính những việc đó, cộng thêm chương trình và sách giáo khoa bắt cập, là nguyên nhân trực tiếp tạo ra nếp dạy và học lạc hậu trong nhà trường, cũng là nguyên nhân gây ra mất công bằng, dân chủ, làm cho môi trường học đường ngày càng bị ô nhiễm, giáo dục lún sâu vào xu hướng hư học, đi ngược hẳn các phương châm giáo dục tiến bộ. Vì vậy phải kiên quyết xóa bỏ tình trạng tiêu cực, lạc hậu trong các khâu thi cử, dạy thêm, và sách giáo khoa.

**1. Cải cách thi cử và đánh giá.** Nên bỏ các kỳ thi tốt nghiệp từng cấp học (tiểu học, THCS, tú tài) mà thay vào đó, thực hiện thi, kiểm tra nghiêm túc thường xuyên, đều đặn, từng chặng, từng phần của

từng môn học, đến cuối cấp xét các kết quả học tập để đánh giá tổng hợp và cho tốt nghiệp. Chỉ giữ hình thức thi tốt nghiệp cuối cấp THPT cho những người vì lý do này khác không có điều kiện theo học bình thường ở nhà trường. Cần hiểu đây không phải là bỏ thi như một số người hiểu nhầm, mà thi như thế nào để đạt hiệu quả thực chất, nghiêm túc và tránh áp lực nặng nề không cần thiết, lại tốn kém và có hại đối với tâm lý học sinh.

**2. Xóa bỏ dạy thêm, học thêm tràn lan.** Đây là tệ nạn kéo dài quá lâu, đã đến lúc không thể nhân nhượng thêm nữa, mà **cần dứt khoát xóa bỏ**. Cần xem đây là trách nhiệm của chính quyền và đi đôi với giảm nhẹ áp lực thi cử, phải có giải pháp tiền lương thỏa đáng, để bảo đảm cho giáo viên có thể tập trung làm tốt nhiệm vụ giảng dạy chính, khỏi lo kiếm sống hoặc tăng thu nhập bằng việc dạy thêm, dẫn tới nhu cầu giả tạo buộc học sinh phải học thêm lu bù. Cần cương quyết cấm tăng tiết, tăng giờ lên lớp nghe giảng, rà soát lại chương trình theo hướng giảm tải, **đổi mới phương pháp giảng dạy**, không chỉ bằng cách cải tiến cách giảng bài, mà còn **cải tiến cả tổ chức quá trình giảng dạy**: tăng số giờ thực hành, dành thời gian hướng dẫn học sinh tự học, tự đọc sách, tham khảo tài liệu, tập thuyết trình, thảo luận, tham gia các hoạt động vui chơi, thể thao, văn nghệ, v.v. Mặt khác, phải bảo đảm cho bản thân giáo viên có thời gian và điều kiện tự học và thực hiện các kế hoạch định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục.

**3. Chỉnh đốn việc biên soạn, xuất bản và sử dụng sách giáo khoa.** Từ nhiều năm nay sách giáo khoa chậm được cải tiến về chất lượng nội dung, hình thức trình bày, mà giá vẫn cao đối với phần lớn gia đình có con em đi học, lại được sử dụng rất lãng phí (hàng năm in sách mới). Nên học tập kinh nghiệm các nước về cả tổ chức, phương pháp và kỹ thuật, đổi mới quan niệm về biên soạn sách giáo khoa theo những quan điểm giáo dục hiện đại, đổi mới quan niệm về xuất bản, sử dụng sách giáo khoa, tiến đến sách giáo khoa **không chỉ bảo đảm về chất lượng, nội dung, mà còn phải bền, chắc, hấp dẫn, hợp với lứa tuổi và ổn định trong nhiều năm** để có thể sử dụng sách cũ và chủ yếu cho học sinh thuê sách để học. Nhà nước không thu lãi trên sách giáo khoa, không coi việc xuất bản sách giáo khoa là ngành kinh doanh, nhưng cần tạo ra cơ chế khuyến khích các nhà giáo dục, nhà khoa học tích cực tham gia vào công tác biên soạn.

### *Về giáo dục đại học:*

Trong thời đại cách mạng công nghệ, đại học có vai trò chủ đạo trong toàn bộ hệ thống giáo dục của một nước. Nhưng so với thế giới và khu vực, giáo dục đại học của ta còn quá yếu kém, tụt hậu còn xa hơn giáo dục phổ thông. Trước đây ta xây dựng đại học theo mô hình Liên xô cũ, nay nền đại học đó không còn thích hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước, song những biện pháp sửa đổi chấp vá thời gian qua đã phá vỡ tính hệ thống của nó, rốt cuộc tạo ra cảnh tượng lộn xộn, không còn chuẩn mực, không theo quy củ, tùy tiện, và kém hiệu quả. Muốn thoát ra khỏi tình trạng này, cần có thời gian

và **một lộ trình hiện đại hóa thích hợp**. Trước mắt, để tạo điều kiện thuận lợi cho toàn bộ công cuộc hiện đại hóa, nên tập trung **chỉnh đốn một số khâu then chốt** đang tác động tiêu cực đến sự phát triển bình thường của đại học. Đồng thời **xây dựng mới một đại học thật sự hiện đại, làm hoa tiêu** hướng dẫn và thúc đẩy sự đổi mới trong toàn ngành.

1. Trước hết, cần **cải cách mạnh mẽ việc thi cử và đánh giá**, chuyển toàn bộ việc học theo **hệ thống tín chỉ; thi, kiểm tra nghiêm túc từng chặng trong suốt khóa học**, thay vì dồn hết vào một kỳ thi tốt nghiệp nặng nề mà ít tác dụng. Về tuyển sinh đại học và cao đẳng, nên bỏ kỳ thi hiện nay, nặng nề, căng thẳng, tốn kém, mà hiệu quả thấp, để thay vào đó một **kỳ thi nhẹ nhàng** chỉ nhằm mục đích sơ tuyển, để loại những học sinh chưa đủ trình độ tối thiểu cần thiết theo học đại học. Sau đó, việc tuyển chọn vào đại học nào **do đại học ấy tự làm**, chủ yếu dựa trên hồ sơ học THPT và thẩm vấn hoặc thi nếu cần thiết.

2. **Chấn chỉnh việc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ**. Bằng thạc sĩ và tiến sĩ phải theo chuẩn mực quốc tế, không thể tùy tiện, đào tạo cầu thả, chạy theo số lượng, mà phải lấy chất lượng, trình độ, làm tiêu chí hàng đầu. Thạc sĩ và tiến sĩ là lực lượng lao động khoa học cốt cán, nếu trình độ quá thấp, đào tạo đối trá, thì không chỉ tai hại cho giáo dục, khoa học, mà còn ảnh hưởng tiêu cực lâu dài đến nhiều lĩnh vực hoạt động quan trọng khác, nhất là trong một xã hội còn quá chuồng bằng cấp như chúng ta. Vì vậy cần **chỉnh đốn từ gốc, rà soát lại để hạn chế chặt chẽ số đơn vị, ngành được phép đào tạo, đơn vị nào, ngành nào còn yếu thì cương quyết dừng lại việc đào tạo trong nước** để gửi ra đào tạo ở nước ngoài và chuẩn bị thêm điều kiện. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, lập lại trật tự, kỷ cương, **chống gian dối và cầu thả trong việc đào tạo và cấp bằng**. Đồng thời những cơ sở đại học nào được phép đào tạo **cần có đủ quyền chủ động** từ việc tuyển nghiên cứu sinh, lựa chọn chương trình, cử người hướng dẫn cho đến tổ chức phản biện, bảo vệ và cấp bằng, để có thể tự chịu trách nhiệm hoàn toàn trước xã hội về chất lượng đào tạo.

3. **Chấn chỉnh công tác chức danh GS, PGS**. Đây là một trong những khâu then chốt để bảo đảm chất lượng cho đại học, nhưng trong một thời gian dài cho đến hiện nay, ở nước ta đã thực hiện khá tùy tiện và còn quá nhiều bất cập. Một trong những nguyên nhân đóng góp vào sự trì trệ kéo dài của đại học chính là ở công tác này, thể hiện khá tập trung những khuyết điểm về chính sách nhân tài. Do đó để mở đường hiện đại hóa đại học, cần sớm chấn chỉnh công tác chức danh GS, PGS, trước hết **cải tổ “Hội đồng chức danh GS” thành một hội đồng** không trực tiếp công nhận các chức danh mà **chỉ xét duyệt hàng năm, định kỳ, để công nhận những người đủ tư cách ứng cử vào các chức danh GS, PGS ở các đại học và viện nghiên cứu**. Hàng năm các đại học và viện nghiên cứu công bố nhu cầu tuyển GS, PGS [với sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền] để cho bất cứ ai đã được công nhận “đủ tư cách” đều có thể dự tuyển. Còn việc xét tuyển được **trả lại cho các hội đồng tuyển chọn của từng**

**đại học và viện nghiên cứu**, hội đồng này gồm một số chuyên gia thuộc biên chế đơn vị đó và có thể thêm một số chuyên gia ở ngoài. Quyết định của Hội đồng được trình lên cấp trên có thẩm quyền thông qua trước khi thực hiện.

**4. Cải thiện chính sách sử dụng giảng viên đại học.** Tình trạng phổ biến hiện nay ở các đại học là giảng viên **dạy quá nhiều giờ** (25-30 giờ mỗi tuần không phải là hiếm), kể cả giờ dạy trong trường, ngoài trường, dưới nhiều hình thức khác nhau, dạy “liên kết” ở các địa phương, dạy tư, luyện thi, “dạy xô”, v.v.), do đó, ngay ở các đại học lớn, cũng **rất ít nghiên cứu khoa học**, và nhiều người đã lâu không có thói quen cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ nhưng lại sản xuất đều đều cử nhân, thạc sĩ, thậm chí cả tiến sĩ. Trình độ GS, PGS của ta nói chung khá thấp so với quốc tế, cả nước số GS đã được công nhận mới chiếm tỉ lệ chưa tới 0,1%, số PGS chưa tới 5%, trong toàn bộ số giảng viên đại học. Nếu kể cả những người thực tế có năng lực nhưng chưa được công nhận GS, PGS do cách tuyển chọn chưa hợp lý, đội ngũ giảng viên đại học vẫn **rất yếu về trình độ và số lượng, mà tuổi tác lại khá cao**, đó là tình trạng không thể chấp nhận được, **cần có biện pháp cải thiện nhanh**, nếu không sẽ di hại qua nhiều thế hệ.

**5. Đổi mới các trường sư phạm và chính sách đào tạo giáo viên phổ thông.** Cần nghiên cứu lại chủ trương xây dựng những trường sư phạm trọng điểm, vì theo kinh nghiệm các nước, chỉ giáo viên mẫu giáo, tiểu học mới cần được đào tạo kỹ về nghiệp vụ sư phạm, còn giáo viên THCS và THPT trở lên thì **trước hết phải được đào tạo vững vàng về chuyên môn khoa học rồi mới bổ túc kiến thức và kỹ năng sư phạm**. Do đó phải thay đổi cách đào tạo ở các trường sư phạm, chú trọng nhiều hơn phần chuyên môn khoa học, đồng thời phải **mở rộng đối tượng tuyển dụng giáo viên phổ thông** từ các cử nhân hay thạc sĩ, sau một khóa bổ túc ngắn hạn về nghiệp vụ sư phạm. Các đại học sư phạm nên dần dần chuyển thành đại học đa ngành, trong đó có khoa sư phạm (giáo dục) chuyên lo về nghiệp vụ giảng dạy và khoa học sư phạm.

**6. Xây dựng “mới” một đại học đa ngành hiện đại, làm “hoa tiêu” cho cải cách đại học sau này.** Song song với những biện pháp cấp bách kể trên, cần bắt tay xây dựng ngay một đại học đa ngành thật hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế và sánh kịp các đại học tiên tiến nhất trong khu vực, để làm hoa tiêu cho toàn bộ công cuộc hiện đại hóa đại học. Cần xây dựng **hoàn toàn “mới”** đại học này, nghĩa là không phải ghép chung lại một số đại học đã có sẵn (theo kinh nghiệm không thành công như đã làm cho tới nay), mà toàn bộ giảng viên và sinh viên tuyển vào đều là “mới”. Lúc đầu không nhất thiết đủ hết mọi ngành, và quy mô có thể hạn chế trong số mấy trăm sinh viên, nhưng đại học mới này phải **được xây dựng theo đúng các chuẩn mực quốc tế về mọi mặt**: cơ sở vật chất thiết bị, điều kiện ăn ở, học tập của sinh viên, phương pháp, nội dung chương trình, trình độ giảng viên (lúc đầu một số ngành có thể mời giảng viên nước ngoài hoặc Việt kiều), sinh viên lấy vào, v.v. Đại học mới này sẽ

đào tạo theo ba cấp học: cử nhân (tú tài+3-4 năm), thạc sĩ, kỹ sư (tú tài + 5năm), tiến sĩ (tú tài+8 năm).

**7. Tăng đầu tư cho đại học, đi đôi với chấn chỉnh việc sử dụng đầu tư.** Cần cải cách chế độ lương và phụ cấp, bảo đảm cho giảng viên đại học một mức thu nhập phù hợp với năng suất và trình độ từng người để họ có thể dồn tâm lực vào nhiệm vụ chính trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà không phải lo toan, xoay xở cho đời sống quá nhiều, tạo mọi điều kiện cho họ có thể cập nhật tri thức theo kịp khoa học công nghệ thế giới và khu vực. Tăng học phí hợp lý phải đi đôi với tăng tích cực chất lượng đào tạo, đồng thời có chính sách học bổng rõ ràng, thiết thực, để giúp đỡ có hiệu quả người nghèo và những người trong diện cần nâng đỡ.

Trên đây là một số vấn đề cấp bách về giáo dục phổ thông và đại học. Thật ra, còn một vấn đề rất cấp bách nữa chưa được đề cập đến trong bản kiến nghị này là giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, mà sự yếu kém do thiếu quan tâm của chúng ta trong thời gian dài là một trong các nguyên nhân chủ yếu khiến thanh niên không còn con đường nào khác, phải đổ xô vào đại học, làm trầm trọng thêm các vấn đề phổ thông và đại học. Lĩnh vực này cũng cần đầu tư thích đáng để hiện đại hóa thì mới đáp ứng được các yêu cầu phát triển của đất nước trong những năm tới. Đặc biệt, song song với mở rộng hệ thống các trường dạy nghề, trường trung cấp kỹ thuật, cần tích cực phát triển loại hình đại học 2 năm như đã nói ở mục II.5.

Bao trùm trên hết là chính sách phát triển nguồn nhân lực và tài năng để phục vụ công cuộc phát triển của đất nước, thể hiện trong việc hiểu và thực thi chủ trương coi phát triển giáo dục và khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu. Khâu yếu nhất vẫn là **chính sách đối với lao động trong giáo dục và khoa học**, hai ngành hoạt động liên quan khăng khít với nhau, mà sự tụt hậu của một ngành luôn gắn liền với sự tụt hậu của ngành kia. Những bất cập trong chính sách này đã được nêu lên từ lâu, đến nay vẫn còn chờ sự quan tâm và giải quyết của Nhà nước và xã hội.

## Người thầy trong nhà trường hiện đại<sup>[22]</sup>

Xã hội ta từ xưa đã có truyền thống tôn sư trọng đạo. Những bậc thầy như Chu Văn An thời nào cũng được nhân dân ngưỡng mộ và kính trọng. Ngay trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt mấy chục năm trước đây, khó khăn trăm bề, mà ngành giáo dục vẫn hoạt động có hiệu quả, xứng đáng là bông hoa đẹp của đất nước, cũng là nhờ cái tinh thần trọng thầy, ham học, chuộng tri thức của người dân.

Thế nhưng, từ vài chục năm lại đây, cùng với những khó khăn kinh niên của giáo dục, vị thế người thầy trong xã hội ta xuống thấp đáng lo ngại. Tất nhiên ngày nay, hoàn cảnh xã hội, điều kiện giảng dạy, học tập, đã khác trước nhiều thì những quan niệm về người thầy cũng phải thay đổi, không thể cứ giữ mãi những khuôn mẫu cứng nhắc của mấy chục năm về trước. Nhiều vấn đề mới xuất hiện cần phải được nghiên cứu, xem xét, nhìn nhận lại, để kịp thời điều chỉnh chủ trương, chính sách cho thích hợp. Trong đó đặc biệt quan trọng là nhận thức về người thầy trong nhà trường hiện đại. Tôi nói nhà trường hiện đại vì muốn hiện đại hóa đất nước thì phải bắt đầu bằng việc hiện đại hóa giáo dục, không thể tiếp tục để cho nhà trường tụt hậu thêm nữa.

Có người cho rằng, do sự bùng nổ cách mạng công nghệ thông tin, hàng loạt phương tiện kỹ thuật ra đời hỗ trợ đắc lực cho việc học, thì vị trí ông thầy lui dần xuống hàng thứ yếu, hay ít ra người thầy không còn giữ vai trò quyết định then chốt trong nhà trường như trước đây nữa. Ý kiến này mới nghe xem ra có lý, nhưng đã không được khoa học và kinh nghiệm thực tiễn xác nhận. Trong số các nghiên cứu khoa học đáng chú ý về vấn đề này có công trình của J. Hattie<sup>[23]</sup> trong đó, dựa trên những dữ liệu về hơn 50 triệu học sinh mọi lứa tuổi và thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, và dùng phương pháp phân tích nhân tố để khảo sát ảnh hưởng tương đối của các yếu tố khác nhau đến chất lượng giáo dục, như: trình độ, khả năng tiếp thu, tinh thần ham học của người học, năng lực, phương pháp giảng dạy của thầy, chất lượng và sự phong phú các phương tiện hỗ trợ học tập, đặc biệt là về công nghệ thông tin, v.v... tác giả đã đi đến kết luận là ngay cả trong nhà trường hiện đại, với sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ thông tin, thì **vai trò quyết định nhất đối với chất lượng giáo dục vẫn thuộc về các yếu tố liên quan trực tiếp tới người thầy**. Thầy giỏi vẫn là nhân tố quyết định nhất đối với hiệu quả giáo dục trong nhà trường hiện đại.

Cũng có người nghĩ rằng theo phương pháp sư phạm tiên tiến phải lấy học sinh làm trung tâm, đề cao việc tự học, phát huy tối đa tính tích cực tự giác của học sinh, cho nên học sinh chứ không phải thầy giáo là nhân vật trung tâm trong nhà trường. Thật ra các yêu cầu vừa nói về phương pháp giáo dục tiên tiến đã được nêu ra từ nhiều thế kỷ trước, sở dĩ gần đây được nhấn mạnh đặc biệt là do bước vào kinh tế tri thức việc rèn luyện tính năng động sáng tạo cho học sinh được nhìn nhận là cấp thiết hơn bao giờ hết. Nhưng đó chỉ là nói nhiệm vụ của thầy, những việc thầy cần làm, các phương pháp thầy cần áp dụng để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chứ không phải vì những việc ấy mà giảm nhẹ vai trò của

thầy. Chính vì thế trong một tài liệu giới thiệu khá đầy đủ về phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm, tác giả R. Batliner<sup>[24]</sup> đã khẳng định ngay ở trang đầu: **“giáo viên là yếu tố chủ chốt quyết định việc dạy và học có chất lượng”**. Mà cũng dễ hiểu thôi: loại trừ những trường hợp xuất chúng đặc biệt, còn đối với số đông học sinh, từ tiểu học cho đến đại học, muốn phát huy và phát triển nội lực mà không có thầy giỏi thì làm sao được. Đành rằng khi đã có thầy tốt thì đối với mỗi học sinh, kết quả học tập phụ thuộc chủ yếu vào cố gắng của bản thân, song khi bàn đến chất lượng giáo dục thì phải xem xét cái phần gia tăng của nội lực nhờ tác động của giáo dục mà phát huy và phát triển thêm được, cái đó mới là thước đo chất lượng, hiệu quả của giáo dục, chứ không phải bản thân cái nội lực sẵn có của học sinh. Cho nên, dù có nhiều cách học không cần có thầy trực tiếp, song theo kinh nghiệm của bản thân tôi cũng như của nhiều người đã từng tự học là chính, thì cách học hiệu quả nhất, tiết kiệm thời gian, công sức nhất, vẫn là học với thầy giỏi. Ít ra có thầy giỏi thì tránh được những đường vòng không cần thiết và đỡ mất công mò mẫm tìm hướng đi giữa các rừng kiến thức. Đương nhiên thầy không phải là nhân tố quyết định duy nhất, nhưng xét cho kỹ có thể nói không có nhân tố đơn lẻ nào quan trọng hơn.

Sứ mạng của nhà trường, của thầy là phải thông qua giáo dục mà đánh thức cái tiềm năng trong mỗi học sinh, khơi dậy và phát triển cái nội lực đó của họ. Sứ mạng đó thật cao quý và quan trọng. Thầy không chỉ dạy cho học sinh học, mà còn phải từng bước dạy cho học sinh biết tự học, tự đọc sách, tìm tòi, tra cứu, phát hiện ra điều mới, và ở bậc đại học hay nghiên cứu thì tập dượt sáng tạo ra tri thức mới, nghĩa là phát huy tích cực nội lực của mình để thông qua tri thức mà phát triển trí tuệ, phát triển tư duy, rèn luyện nhân cách, chứ không phải chỉ tiếp thu tri thức một cách thụ động, dù là tri thức tiên tiến.

Gần đây cũng có ý kiến cho rằng không phải thầy, mà chương trình đào tạo mới là yếu tố quyết định nhất đối với chất lượng đại học. Nếu quả vậy thì vấn đề chất lượng đại học quá đơn giản, vì chỉ cần cải tiến chương trình đào tạo, thậm chí bê nguyên xi chương trình đào tạo của một trường nổi tiếng ở nước ngoài vào là giải quyết được. Tiếc thay không có thầy giỏi thì làm sao xây dựng được và thực hiện được chương trình đào tạo tốt. Có lẽ trên thế giới chỉ duy nhất các đại học của ta mới không xem trọng trình độ, năng lực thực tế của đội ngũ thầy giáo và do đó trong hàng chục năm không hề đặt nặng vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn thầy giáo, mặc dù sự hụt hẫng của đội ngũ này đã được báo động từ lâu. Trong khi đó thì tuyển chọn và công nhận GS, PGS làm rất tắc trách, gây thêm nhiều lo lắng cho chất lượng đại học. Còn ở các nước tiên tiến thì trái lại họ đặt tất cả uy tín, danh tiếng (chứ không phải “thương hiệu”, như một số người bắt đầu nói đến) của một đại học trước hết vào việc xây dựng một đội ngũ giảng dạy có chất lượng, trình độ cao. Chỉ cần biết có bao nhiêu giáo sư nổi tiếng dạy ở một trường là đủ cho người ta tin tưởng trường đó, không phải vì người ta ít quan tâm chương trình đào tạo mà vì người ta cho rằng có nhiều thầy giỏi thì mới có chương trình đào tạo tốt. Còn

không có thầy giỏi thì đầu chương trình đào tạo hay bao nhiêu họ cũng tin rằng chất lượng đào tạo chẳng ra gì (tất nhiên không loại trừ cá biệt có sinh viên học trường đó mà vẫn rất giỏi). Cái điều đơn giản này mà chúng ta còn mơ hồ thì e rằng sẽ dẫn đến hậu quả tất yếu là nhiều đại học tụt dần xuống “phổ thông cấp 4” như nhiều người đang lo ngại.

Tóm lại, câu nói: “không thầy đồ mày làm nên”, cũng như “học thầy không tày học bạn” đều có phần chân lý của nó và đều không nên hiểu một cách cực đoan, máy móc. Bất kể thế nào, không có thầy giỏi, về cả hai mặt năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức, thì khó có thể có một nền giáo dục thật sự có chất lượng, dù cho người học thông minh, có đầy đủ nội lực, và dù cho chương trình đào tạo tiên tiến.

Như vậy **muốn có thầy giỏi, thầy ra thầy, trong nhà trường hiện đại thật không dễ chút nào**. Càng không dễ trong một xã hội và một thế giới đang chuyển biến chóng mặt, ở đó nhiều vấn đề, nhiều kiến thức, nhiều quan niệm mới hôm qua còn được chấp nhận, hôm nay đã có thể không còn thích hợp nữa. Trong lúc đó mục tiêu giáo dục không phải chỉ nhằm đào tạo con người làm ngay được một nghề nghiệp, một công việc cụ thể trước mắt mà còn phải nhìn xa hơn, đào tạo những con người có khả năng thích ứng linh hoạt với những hoàn cảnh, những nghề nghiệp, những công việc luôn luôn thay đổi sau này, những con người thạo việc, năng động, sáng tạo, biết lo cho bản thân, cho cộng đồng, đồng thời cũng là những công dân có trách nhiệm với xã hội, với đất nước.

Kỳ vọng của xã hội đối với người thầy như thế cao quá chăng? Đúng là vậy, song tôi nghĩ chỉ khi nào một xã hội có can đảm đặt lên vai người thầy một sứ mạng rất trọng đại, và **làm hết trách nhiệm** của mình để tạo điều kiện đầy đủ cho người thầy thực hiện sứ mạng đó thì khi ấy xã hội mới không còn phải lo lắng nhiều đến tương lai. Còn trái lại, kỳ vọng quá thấp ở người thầy, hoặc chỉ biết đòi hỏi mà không chăm lo một cách có trách nhiệm để cho thầy có đủ điều kiện vật chất và tinh thần làm trọn sứ mạng cao cả của mình, thì chưa biết các thế hệ đời sau sẽ nghĩ gì về thế hệ hôm nay.

Nhân ngày Nhà Giáo tôi xin gửi gắm mấy suy nghĩ và vài lời tâm sự với các bạn đồng nghiệp gần xa. Mặc dù kỳ vọng rất cao ở đội ngũ thầy giáo của chúng ta và rất tin tưởng ở tiềm lực cũng như tâm huyết của đội ngũ ấy, trong lòng tôi vẫn day dứt một câu hỏi: khi nào thì các khó khăn của các thầy, các cô mới được thông cảm và tháo gỡ hết, có cách gì để tâm huyết và tài năng của các thầy, các cô, không bị lãng phí vào những chuyện phi lý mà tôi tin chắc phần lớn các thầy, các cô đều không mong muốn, để tất cả chúng ta cùng chung sức chấn hưng giáo dục, vì tương lai con em, vì đất nước ngàn năm văn hiến của chúng ta?

## Vấn đề trong năm mới: Giáo dục là hàng hóa? [\[25\]](#)

Chưa bao giờ giáo dục được cả xã hội quan tâm và góp nhiều ý kiến xây dựng như trong năm qua. Nhờ đó chúng ta đã nhận thức rõ hơn mức độ yếu kém bất cập của giáo dục và yêu cầu bức thiết cần phải *đổi mới mạnh mẽ tư duy giáo dục*, từ bỏ những cách suy nghĩ, nhận thức, quan niệm cũ kỹ và lệch lạc về hàng loạt vấn đề cơ bản để có thể hiện đại hóa giáo dục theo kịp thời đại. Tuy nhiên, vấn đề hệ trọng nhất là đổi mới tư duy giáo dục như thế nào thì đến nay quan niệm nhiều người vẫn chưa rõ. Trong khi đó dường như có ý kiến muốn quy toàn bộ tư duy giáo dục mới về một vấn đề chủ yếu: xem giáo dục là hàng hóa và, thay vì lên án việc thương mại hóa giáo dục, cần công nhận giáo dục là hàng hóa và mạnh dạn thị trường hóa giáo dục.

Có người xem đây là cốt lõi để có bút phá trong giáo dục. Tôi không nghĩ như vậy. Trái lại, cần thận trọng trong vấn đề phức tạp này. Có người bảo: cả thế giới đều coi giáo dục là hàng hóa, tại sao ta không làm như họ? Tôi có cảm tưởng chúng ta quá liều, dựa trên những thông tin thiếu chính xác, chưa đầy đủ, để suy đoán. Thật ra, “giáo dục là hàng hóa” thì có nhiều cách hiểu khác nhau, cho nên khó nói sai hay đúng. Điều quan trọng, theo tôi là dưới cái vỏ những danh từ, thuật ngữ đó, chung quy ta muốn gì? Nếu là khuyến khích phát triển trường tư, chuyển bớt gánh nặng tài chính cho nhân dân thúc đẩy xã hội hóa giáo dục để mở rộng quy mô đại học, đáp ứng yêu cầu học tập của người dân, nếu là mạnh dạn mời gọi các nhà đầu tư, kể cả nước ngoài, mở thêm đại học tư, cải cách cơ chế quản lý; tạo ra động lực cạnh tranh, để tăng hiệu quả các hoạt động giáo dục, nếu là trao quyền tự quản rộng rãi cho các đại học, khắc phục cách quản lý tập trung quan liêu hiện nay, thì chắc chắn ai cũng đồng tình vì đó là những việc không chỉ cần thiết mà hết sức cần thiết, lẽ ra phải làm từ đời bộ trưởng trước chứ không phải đợi đến bây giờ mới nêu ra (tôi còn nhớ hồi 1988, tôi cùng với bốn anh chị khác từng mất nhiều buổi đi hầu các cơ quan quản lý giáo dục để xin mở trường tư đầu tiên sau 1975, mà cuối cùng chỉ được mở “trường dân lập” - TTĐH Thăng Long - và chẳng phải dễ dàng gì). Vậy những việc đó chưa làm được do trở ngại gì, có phải do giáo dục không được thừa nhận là hàng hóa, hay do những nguyên nhân nào khác? Còn nếu, nói thẳng ra, coi giáo dục là hàng hóa để mua, bán (tradable commodity), với mục đích kiếm lời, như những thứ hàng hóa khác, nếu hiểu thị trường hóa giáo dục theo nghĩa kinh doanh thông thường, có cầu thì có cung, thuận mua vừa bán, giá cả lên xuống theo luật cung cầu, v.v. - như hiện nay một số giới ở nước ngoài đang chủ trương thì chắc khó chấp nhận, vì như thế rất nhiều hiện tượng tiêu cực trong giáo dục mà nhân dân đang bất bình sẽ có cơ sở pháp lý và đạo đức để phát triển. Đương nhiên, từ lâu những sản phẩm như sách vở, các phần mềm hỗ trợ việc học, bàn ghế thiết bị, công cụ học tập, v.v. có thể mua bán tự do, đó là những hàng hóa theo đúng nghĩa. Nhưng các văn bằng, chứng chỉ về học tập chẳng hạn thì không thể là hàng hóa. Ở Mỹ người ta vẫn rao bán trên mạng những thứ ấy với giá rất rẻ cho ai cần, tuy đó là hàng dỏm, ở Mỹ không đánh lừa được

ai, nhưng có thể đặc dụng ở những nước nghèo như Việt Nam ta. Và cũng đương nhiên giáo dục không thể quay lưng với kinh tế thị trường, theo nghĩa là giáo dục phải chú ý các nhu cầu của xã hội, của thị trường lao động để tìm cách đáp ứng tốt nhất các nhu cầu ấy - tuy rằng giáo dục còn phải nhìn xa hơn, phải chú ý nhu cầu phát triển lâu dài của xã hội, và không chỉ nhu cầu vật chất, mà quan trọng không kém là nhu cầu tinh thần, không chỉ nhu cầu quốc gia mà cả nhu cầu nhân loại. Điều tệ hại nhất đối với giáo dục, như đã thấy ở ta, là không chỉ quay lưng với thị trường mà còn để cho thị trường không chế mù quáng. Vì lẽ nói chung cơ chế thị trường rất tốt trong ngắn hạn, còn lâu dài thì phải có tầm nhìn thông minh, sáng suốt; cạnh tranh cũng vậy, là công cụ cần thiết, hết sức cần thiết, nhưng không phải là tất cả, và không phải bất cứ lĩnh vực nào cạnh tranh mạnh đều tốt. Đó là kinh nghiệm sơ đẳng của các nước văn minh. Do đó ở các nước mà thị trường cực kỳ phát triển như Mỹ tuy hầu như cái gì cũng mua bán được, nhưng động tới giáo dục người ta đều phải đắn đo, thận trọng. Trong mọi xã hội đây là vấn đề rất nhạy cảm.

Có người nghe nói nhiều đại học nổi tiếng ở Mỹ đều là trường tư, và học phí ở các trường đó rất cao, tưởng ở Mỹ trường tư là chính, và trường tư ở Mỹ kinh doanh lãi to. Thật là nhầm. Theo thống kê năm 2003, đại học tư ở Mỹ chỉ chiếm tỉ lệ 23%, (về số sinh viên), còn trung học và tiểu học thì còn ít nữa[26], cho nên *giáo dục ở Mỹ chủ yếu vẫn là công lập* và, dù công hay tư, phần lớn các trường ở Mỹ là những tổ chức *bất vụ lợi*, tiền lãi nếu có chỉ để đầu tư cho sự phát triển của trường chứ không đem chia cho ai cả, vì không có cổ phần viên. Trường tư ở Mỹ khác trường công chủ yếu ở chỗ không thuộc Nhà nước quản lý (tài chính của họ có khi rất lớn, như Harvard năm 2000 có 17 tỉ USD, năm 2004 hơn 22 tỉ!). Thường xuyên họ tổ chức đánh giá và xếp hạng các đại học theo chất lượng nên tạo được sự cạnh tranh mạnh, và giữ mối liên hệ chặt chẽ giữa đại học với doanh nghiệp. Còn ở châu Âu thì rất ít trường tư và học phí trường công không đáng kể, có nước coi giáo dục, kể cả đại học, là một dịch vụ miễn phí. Các đại học ở Mỹ được quản lý gần như doanh nghiệp, gần đây cuộc cải cách quản lý đại học ở Nhật và châu Âu cũng đi theo hướng đó để tăng hiệu quả hoạt động (đó chính là vận dụng cơ chế thị trường nhưng không phải là tư nhân hóa theo cách ta thường hiểu, tức là chuyển sở hữu cho tư nhân). Nếu trường tư mà như vậy thì càng nhiều càng tốt, sao lại không hoan nghênh, vấn đề là ta có quan niệm trường tư như thế không và có điều kiện thực hiện như thế không? Hay là ta quan niệm trường tư phải thu lợi, hơn nữa lãi suất phải hấp dẫn mới có thể khuyến khích trường tư phát triển? Ở Mỹ hay các nước nói trên, vì trường tư không vụ lợi nên Nhà nước có tài trợ bao nhiêu cũng không ai thắc mắc, còn ở ta nếu cho phép thu lợi, nghĩa là kinh doanh (thậm chí có người còn muốn “siêu lợi nhuận”), mà đòi hỏi Nhà nước hỗ trợ đất đai, tài chính, v.v. thì có ổn không? Hơn nữa ở các nước trường tư được tự do quyết định nội dung, chương trình, tổ chức giảng dạy, nếu xã hội chấp nhận thì tồn tại, không thì chết. Ở ta có thể chấp nhận như thế chăng? Hay là, như đó xảy ra cho trường Đông Đô trước đây và trường Hùng Vương mới gần đây, trường tư mà cả Hội đồng quản trị hay Hiệu trưởng

đều do Bộ dành quyền chỉ định khi thấy cần thiết? Chỗ này phải sòng phẳng, nếu không xã hội hóa mất hết ý nghĩa.

Tóm lại, ở các nước tiên tiến, trường tư thực hiện đúng chức năng xã hội hóa, và do kinh tế thị trường phát triển, từ hàng trăm năm nay người ta vẫn quan niệm Nhà nước phải có trách nhiệm chính cung ứng dịch vụ giáo dục, chứ không coi giáo dục là một ngành kinh doanh có thể phó mặc cho thị trường chi phối. Vậy tại sao mấy năm gần đây chính từ một số ít các nước ấy xuất hiện quan niệm giáo dục là hàng hóa và thật sự đã có sự vận động để quan niệm ấy được chấp nhận trong quan hệ buôn bán giữa các nước? Điều này không phải khó hiểu lắm. Nguyên do là toàn cầu hóa dẫn đến trao đổi giáo dục xuyên quốc gia, đồng thời Internet phát triển, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh giáo dục trên mạng, đặc biệt là xu hướng phổ cập tiếng Anh dẫn đến nhu cầu thực tế của các nước nghèo muốn nhập khẩu trực tiếp giáo dục của các nước tiên tiến, chủ yếu các nước nói tiếng Anh (Mỹ, Anh, Úc, New Zealand). Do đó các nước này không bỏ lỡ cơ hội, ra sức tuyên truyền và biện minh cho việc tự do hóa dịch vụ giáo dục. Cũng như toàn cầu hóa, việc tự do hóa giáo dục kiểu này không phải không có những mặt tiêu cực cần đề phòng. Dù sao cũng nên biết rằng quan điểm coi giáo dục là hàng hóa đó nảy ra và được tuyên truyền chủ yếu ở các nước nói tiếng Anh, để biện minh cho việc xuất khẩu giáo dục từ các nước ấy sang các nước nghèo.

Việt Nam mới chuyển sang cơ chế thị trường chưa lâu, sự cạnh tranh lành mạnh còn chưa quen lắm, dân trí cũng như mức sống còn thấp, những tiền đề để thị trường hóa giáo dục lành mạnh ngay trước mắt chưa có đủ. Trong tình hình ấy, tôi không nghĩ rằng sẽ là khôn ngoan nếu ta còn muốn đi xa hơn cả những nước phát triển nhất, nâng tỉ lệ trường tư lên 40-50% (về số học sinh), chuyển một số trường công ra ngoài công lập, cổ phần hóa các đại học, v.v Nghĩ rằng như thế sẽ tạo ra một thị trường giáo dục sôi động, phát huy hiệu quả như một “Khoán 10” đối với giáo dục, e rằng ảo tưởng và có phần mạo hiểm. Thị trường hóa giáo dục kiểu đó có thể gây nhiều rủi ro, bất ổn, hại nhiều hơn lợi.

Về nguyên tắc, nếu giáo dục là hàng hóa thì cũng phải là một hàng hóa đặc biệt. Song tôi nghĩ dù có quan niệm như vậy, đây cũng chưa phải là việc cấp bách nhất lúc này, mà thay vào đó cần nghiên cứu gấp một kế hoạch tổng thể, toàn diện, cùng với một lộ trình hợp lý về hiện đại hóa giáo dục, đồng thời giải quyết dứt điểm một số vấn đề gay gắt như đã nêu trong bản kiến nghị chúng tôi đã gửi lên Trung ương và Chính phủ. Tất cả những gì ta muốn dựa vào thị trường hóa giáo dục để thực hiện, đều có thể làm được, chỉ cần có quan niệm đúng đắn và quyết tâm; chứ đâu nhất thiết phải thị trường hóa giáo dục theo kiểu sơ khai (còn theo kiểu lành mạnh thì chưa khả thi). Nguồn lực là quan trọng, nhưng biết sử dụng nguồn lực còn quan trọng hơn. Sự yếu kém của giáo dục từ hàng chục năm nay chủ yếu không phải do thiếu nguồn lực, mà do *không biết sử dụng nguồn lực*, do sử dụng nguồn lực quá lãng phí. Nghèo mà xài lãng phí như ta về giáo dục, đó là điều không thể chấp nhận khi đẩy mạnh xã hội hóa.

Tiềm năng của giáo dục còn nhiều, không ra sức khai thác phát huy tiềm năng ấy mà chỉ nghĩ đến xã hội hóa không thôi thì khác nào gió vào nhà trống.

Trong lúc số lớn các doanh nghiệp Nhà nước làm ăn thua lỗ triền miên mà vẫn chưa cổ phần hóa được, trong lúc những hạn chế trong tự do kinh doanh còn chưa được gỡ bỏ hết, và độc quyền còn ngự trị phi lý trong nhiều lĩnh vực, trong lúc nạn dối trá tham nhũng còn đầy rẫy, cái gì cũng mua được, bán được, và nhân dân còn bất bình với biết bao chuyện tiêu cực đã và đang làm tha hóa một bộ phận giáo dục, nay nếu lại tiến xa thêm nữa theo hướng thương mại hóa, thì không biết người dân sẽ nghĩ gì?

Ở các nước, người ta chỉ nói tới ***danh tiếng, uy tín*** của các đại học, còn ở ta, danh tiếng chưa có, uy tín chưa lo, mà đã vội bàn đến ***thương hiệu***. Ở các nước, thầy giáo có thể tập trung làm nhiệm vụ chính của mình là giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cập nhật kiến thức để giảng dạy tốt hơn, còn ở ta họ phải làm thêm nhiều việc phụ khác mới đủ sống, mà những việc phụ này thật ra trở thành chính vì là nồi cơm, đó mới là việc cấp bách đáng lo và cần giải quyết nhất, vẫn biết đó là việc khó, không phải khó vì thiếu tiền, mà khó vì tâm lý, vì sức ì, vì thiếu quyết tâm của lãnh đạo. Nhưng giải quyết được việc này sẽ giải phóng một nguồn lực lớn, mở đường cho những cải cách làm biến đổi nhanh chóng diện mạo nền học nước nhà. Và tôi tin rằng đó mới thật sự là “Khoản 10” cho giáo dục, trả lại uy tín, danh dự cho nhà trường, mà không cần phải thương mại hóa trái với bản chất giáo dục. Năm mới đó là mong ước thiết tha nhất của người dân đối với giáo dục.

Thời gian gần đây trong nước đã nảy ra nhiều cuộc tranh luận xung quanh vấn đề **giáo dục hàng hóa** mà thực chất là **thị trường hóa, thương mại hóa giáo dục**. Trước đây đã có một thời rộ lên chuyện kinh tế tri thức, được chào đón như cơ hội nghìn vàng để đi tắt đón đầu, đưa đất nước mau chóng vươn lên giàu có, thịnh vượng, nhưng rồi, sau những rạo rực ban đầu và nhiều mơ mộng trên mây, khi trở về thực tại, mọi sự lại lắng xuống, im ắng một cách dễ sợ, mặc cho giáo dục, khoa học là những thứ cốt tử trong kinh tế tri thức cứ tụt hậu dài dài. Nay lại đến lượt chuyện tự do hóa giáo dục đại học được coi như phép màu có khả năng cứu nền đại học của ta giống như Khoản 10 đã cứu nông nghiệp trước đây vậy. Dù hưởng ứng hay phản đối ý kiến này cũng nên thấy đây là vấn đề hệ trọng, không thể dựa theo cảm tính hời hợt để xét đoán mà cần bình tĩnh, xem xét nhiều mặt một cách nghiêm túc mới có thể có quyết sách đúng đắn, thích hợp.

### 1. Cải tổ giáo dục đại học trên thế giới mấy năm gần đây

Trong khi ở nước ta giáo dục đại học (GDĐH) ịch từng bước nhọc nhằn, thì khắp nơi trên thế giới các đại học đang trải qua những biến động sâu sắc chưa từng có để thích ứng với toàn cầu hóa và cạnh tranh quốc tế quyết liệt.

Cộng đồng châu Âu, Nhật Bản, và ngay cả một vài nước ASEAN, đang nỗ lực cải tổ GDĐH nhằm tăng hiệu quả hoạt động của các đại học, gắn kết đại học chặt chẽ hơn với doanh nghiệp, trao quyền tự chủ rộng rãi và tự chịu trách nhiệm cho các đại học. Các nước trong Cộng đồng Châu Âu tổ chức lại nền đại học của họ theo những nguyên tắc đã thống nhất trong tuyên bố chung Bologna năm 1999 (chẳng hạn, tổ chức lại đại học theo khung 3-5-8 cho tương đồng với đại học Mỹ). Bên cạnh những trường bình thường, người ta đặt trọng tâm xây dựng những trung tâm xuất sắc, nhằm tăng uy tín và sức hút để cạnh tranh với các đại học Mỹ và giảm bớt, tiến đến chấm dứt dòng chảy chất xám sang Mỹ. Theo hướng đưa các phương pháp quản lý trong khu vực doanh nghiệp tư nhân vào khu vực GDĐH, các đại học được tăng quyền tự trị về mọi mặt, kể cả về tài chính và nhân sự, để hoạt động gần như một doanh nghiệp, tuy vẫn do Nhà nước cấp kinh phí nhưng có thể tự tìm thêm những nguồn tài chính bổ sung khác. Nhật là nước thực hiện các cải cách này triệt để nhất. Bắt đầu từ tháng 4/2004, các đại học công của Nhật trở thành những đơn vị có quy chế pháp nhân của những tổ chức hành chính độc lập và từ nay giáo chức và nhân viên hành chính ở đại học công sẽ không còn thuộc biên chế công chức Nhà nước nữa. Một tổ chức đánh giá chất lượng được thiết lập và kinh phí cấp cho từng đại học sẽ căn cứ trên hiệu quả hoạt động theo sự đánh giá đó, nhằm buộc các đại học muốn tồn tại và phát triển phải quan tâm nhiều hơn nữa đến hiệu quả và chất lượng.

Ở châu Âu có rất ít đại học tư. Ở Nhật và Mỹ đại học tư nhiều hơn, nhưng ở Mỹ cũng chỉ chiếm

khoảng 23% (về số sinh viên). Hầu hết các đại học tư ở các nước đều là tổ chức phi lợi nhuận (non-profit), không có cổ phần, nên cũng được Nhà Nước cấp một phần kinh phí. Dĩ nhiên họ được tự chủ hoàn toàn, như vậy, sau khi cải tổ, các đại học công sẽ chỉ còn khác các đại học tư chủ yếu ở chỗ vẫn do Nhà nước quản lý, dù sự quản lý này đã được nói lỏng rất nhiều (như Hiệu trưởng vẫn do chính quyền bổ nhiệm). Vì thế cũng có khi sự cải tổ này được gọi là tư thực hóa (privatisation), hay nửa tư thực hóa (semiprivatisation), dù không hề có chuyện cổ phần hóa hay bán lại các đại học công cho tư nhân. Ở Mỹ, xu thế tư thực hóa kiểu đó cũng đã bắt đầu: năm 2004, đã có vài đại học công lâu đời (như đại học Virginia, đại học William and Mary, Virginia Tech) xin hưởng quy chế tự trị giống như đại học tư, và để đổi lại họ chịu rút bớt kinh phí tài trợ của Nhà nước.

Trước tình hình đó, dư luận xã hội ở các nước phản ứng ra sao? Tất nhiên có người hoan nghênh, nhưng không phải ai cũng thích thú. Tuy sự cần thiết cải cách thì đã rõ, song cải cách như thế đã đúng chưa thì vẫn còn nhiều nghi ngại, nhất là đối với những nơi chưa hội đủ các điều kiện kinh tế xã hội cần thiết. Đã có nhiều ý kiến hoài nghi, phản đối hay ít ra, bày tỏ sự dè dặt, thận trọng. Ở Mỹ, nhiều người nói thẳng: giáo dục là vô cùng quý giá, nó còn đáng giá hơn là một hàng hóa nhiều, và chắc chắn không thể là một món hàng bán kèm, một thứ để khuyến mãi (xem chẳng hạn J.W.More: Education: commodity, come-on, or commitment?, *Journal of Chemical Education*, 77(2000), 805). Trong một báo cáo gần đây (tháng 2/2005) của nhóm nghiên cứu “Futures Project: Policy for Higher Education in a Changing World” ở Đại Học Brown, các tác giả viết: “Giáo dục đại học đang có nguy cơ từ bỏ sự cam kết truyền thống đối với các nhu cầu lâu dài của xã hội để chạy theo những lợi ích ngắn hạn. Đã đến lúc cần đảo ngược xu hướng này trước khi trượt đến một tình thế mà rồi sẽ rất khó khăn, nếu không phải là không thể thay đổi...”

Nhiều người vẫn quan niệm sứ mạng giáo dục đại học không chỉ là đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ lao động để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, mặc dù đó là nhiệm vụ căn bản, mà ngoài ra còn phải quan tâm đến sự phát triển toàn diện con người, giúp cho sinh viên ý thức được vai trò của họ là những công dân và những thành viên có trách nhiệm của cộng đồng. Cho nên “tuy các phương pháp quản lý và hạch toán của doanh nghiệp rất có ích cho quản lý giáo dục đại học, song không thể biến giáo dục đại học thành một doanh nghiệp mà vẫn giữ được cho nó cái khiến nó khác biệt và đáng giá trước hết...” (Laura Couturier and Jamie Scurry: “How we can restore the ideals of public education in a market-driven era”, trong sách *The future of higher education: rhetoric, reality, and the risks of the market*, www.josseybass.com).

## **2. Do đâu có trào lưu tự do hóa giáo dục Đại học?**

Có mấy nguyên nhân dẫn đến trào lưu tự do hóa GDĐH:

- Sự gia tăng mạnh số sinh viên đại học, khiến các đại học từ chỗ chỉ dành cho số ít đã chuyển

thành cho số đông. Đối mặt với sự bùng nổ qui mô đó, khả năng tài trợ của Nhà nước ngày càng bị hạn chế, trong khi chi phí GDDH không ngừng tăng, buộc Nhà nước phải tăng quyền tự chủ của các đại học công, cho phép họ tự tìm thêm mọi nguồn tăng thu, kể cả bằng cách xuất khẩu hay thu hút sinh viên ngoại quốc.

- Cuộc cách mạng công nghệ thông tin và xu thế kinh tế tri thức làm gia tăng nhu cầu tri thức cùng với khả năng mua bán tri thức qua mạng, và nhiều phương tiện điện tử khác, mở đường cho xu thế thương mại hóa một bộ phận giáo dục.

- Trào lưu tân tự do (neoliberalism), khởi phát từ học thuyết của nhà kinh tế Mỹ Milton Friedman, chủ trương hạn chế đến mức thấp nhất vai trò của Nhà nước, sử dụng mạnh mẽ cơ chế thị trường trong quản lý GDDH.

- Sự gia tăng vai trò quốc tế của tiếng Anh, khiến nhiều nước chậm phát triển có nhu cầu nhập khẩu giáo dục từ các nước Anh ngữ, và các nước này không bỏ lỡ cơ hội xuất khẩu giáo dục, tìm cách dỡ bỏ các rào cản trao đổi giáo dục xuyên quốc gia.

- Song tác động quyết định là ***vai trò của các tổ chức quốc tế*** như WB, IMF, WTO, OCDE, ... trong khung cảnh ***toàn cầu hóa***. Quá trình xác định lại (redefinition) sứ mệnh đại học khởi sự từ đầu thập niên 90 thế kỷ trước, đã dần dần phát triển thành những quan niệm nền tảng cho các cải cách hiện nay. Trong công cuộc đó, các tổ chức quốc tế nói trên đã đóng vai trò đầu tàu khởi xướng, mặc dù không phải là những tổ chức có nhiệm vụ trực tiếp với giáo dục. Hầu hết các kế hoạch cải cách GDDH hiện đang thực thi đều đã được vạch ra trong các khuyến cáo của các tổ chức nói trên cho các nước thành viên. Chẳng hạn, WTO đã chủ trì các cuộc bàn thảo về giáo dục là hàng hóa và dịch vụ mua bán được (tradable) và ký kết thỏa ước chung về trao đổi thương mại các dịch vụ (GATS, General Agreement on Trade in Services). Điều đáng chú ý là giáo dục là khu vực mà các thành viên WTO còn ngại tự do hóa nhất (theo OECD 2002, trong số 146 thành viên WTO chỉ có 42 thành viên đồng ý cam kết về ít nhất một khu vực giáo dục).

### 3. Những bài học cho GDDH Việt Nam

Đương nhiên, trong một thế giới không ngừng thay đổi, GDDH cũng phải thay đổi để thích ứng. Cải cách là cần thiết, chỉ có điều không đơn giản và điều cần bàn là cải cách như thế nào là hợp lý và hiệu quả. Về cả hai phương diện khoa học và thực tiễn quản lý đã nảy ra không ít câu hỏi khó trả lời về tính chất hàng hóa của giáo dục nói chung, và đại học nói riêng. Như trên đã thấy, ngay cả các nước phát triển cũng còn nhiều, rất nhiều ý trái ngược nhau.

Ở Việt Nam, tuy nền đại học của ta còn rất lạc hậu, làn sóng tân tự do cũng đã lan tới. Đã có ý kiến cho rằng đổi mới tư duy giáo dục hiện nay chính là phải đổi mới cách nhìn đối với việc thương mại

hóa giáo dục, chính thức nhìn nhận giáo dục là hàng hóa, khuyến khích mạnh mẽ tư nhân đầu tư kinh doanh giáo dục, phát triển đại học tư, tiến tới cổ phần hóa một bộ phận đại học công, lấy đó làm giải pháp “Khoán 10” cởi trói giáo dục đại học.

Riêng tôi nghĩ cần thận trọng hơn, vì đây là vấn đề rất nhạy cảm của xã hội. Muốn làm gì thì trước hết cũng phải hiểu vấn đề cho thấu đáo. Muốn dùng trường tư làm giải pháp đột phá cho đại học ư? Ít ra cũng phải hiểu cho đúng trường tư ở các nước như thế nào, có phải là trường tư theo cách hiểu của ta không?

Để tránh tình trạng cãi nhau vô ích về từ ngữ, cần xác định trong các cụm từ như “giáo dục là hàng hóa”, “thương mại hóa giáo dục” hay “kinh doanh giáo dục”, v.v. từ “giáo dục” được dùng theo nghĩa dịch vụ giáo dục, tức là hoạt động giảng dạy, đào tạo. Trong các ngữ cảnh trên, tiếng Anh cũng chỉ dùng từ “education”, không kèm thêm từ gì khác. Còn “hàng hóa” nói đây thì ám chỉ hàng hóa hay dịch vụ mua bán được (tradable commodity). Khi có người chống việc thương mại hóa giáo dục, không nên đổ cho họ coi thương mại là xấu hay gán cho thương mại một nội hàm tiêu cực, vì cái họ phản đối đâu phải thương mại nói chung mà chỉ là thương mại hóa giáo dục (hàm ý biến giáo dục thành một ngành kinh doanh kiếm lời). Cũng không cần thiết phải phân tích rạch ròi hàng hóa hay dịch vụ, vì xung quanh mấy từ đó các nhà kinh tế cũng chưa thống nhất ý kiến. Nên bàn thẳng vào thực chất vấn đề: để thích ứng với kinh tế thị trường trong điều kiện toàn cầu hóa, cần có những chính sách mới gì về quản lý đại học?, cần vận dụng cơ chế thị trường như thế nào, đến đâu và đặc biệt, có nên chấp nhận kinh doanh giáo dục đại học không và chấp nhận như thế nào, đến mức độ nào?

Qua sự trình bày ở trên, có thể thấy rõ ta nên tỉnh táo trước vấn đề phức tạp này. Chống mù quáng thì không nên, nhưng nhắm mắt đón nhận vì tin rằng cả thế giới đều nhất trí như vậy, thì cũng quá liều. Thiết thực hơn, hãy xét xem kinh nghiệm của các nước đi trước ta cho phép rút ra những bài học gì cho Việt Nam?

Theo tôi, bài học tổng quát là trong khung cảnh toàn cầu hóa, cần duyệt lại, xác định lại **sứ mệnh (nhiệm vụ) GDDH, đường lối (triết lý, quan niệm, phương châm)**, sao cho phù hợp nhất với điều kiện mới của thế giới, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Điều này là cần thiết vì những thiếu sót bất cập của nền đại học của ta suy cho cùng bắt nguồn từ những mơ hồ về sứ mệnh và đường lối GDDH trong tình hình mới.

Trước mắt cần phải cố gắng cao nhất *tập trung hóa quản lý, tăng tính tự chủ và tự trách nhiệm của các đại học*. Rõ ràng giáo dục đại học Việt Nam vừa rất lạc hậu trong cách quản lý quan liêu bao cấp nặng nề, bảo thủ, vừa có cả những yếu tố thương mại hóa tiêu cực, kinh doanh đơn thuần thiếu lành mạnh. Tôi không muốn nhắc lại đây những chuyện mà mọi người đều biết cả, báo chí cũng như dư

luận đã nêu lên từ lâu nhưng đến nay vẫn chưa có dấu hiệu giảm bớt. Các đại học trên thế giới vốn đã được tự trị khá cao từ lâu mà vẫn thấy bức thiết phải tăng cường tự trị thêm nữa mới bảo đảm hiệu quả hoạt động trong kinh tế thị trường ở thời toàn cầu hóa, thì ở Việt Nam, trong hàng chục năm qua, mặc cho nhiều kiến nghị của những người tâm huyết, cung cách quản lý đại học vẫn hết sức cũ kỹ. Đã đến lúc không nên chần chừ nữa mà phải khẩn trương phi tập trung hóa (phân cấp) mạnh mẽ quản lý, trao quyền tự quản rộng cho các đại học lớn, đồng thời thiết lập một cơ chế hậu kiểm và đánh giá có hiệu quả để thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh. Bộ và các cơ quan trung ương không nên ôm hết mọi việc lớn nhỏ để rồi xử lý rất quan liêu, trên hình thức thì quá chặt chẽ dẫn đến trói buộc sáng kiến của những đơn vị nghiêm túc, trên thực tế lại quá lỏng lẻo, tạo sơ hở dễ bị lợi dụng. Đó là lý do cho cảnh tượng hỗn loạn về bằng cấp, chức danh, và bao nhiêu những tiêu cực khác, không thể kiểm soát được ngày nay. Cần phải nói lỏng rất nhiều quy định cứng nhắc về tuyển sinh vào đại học, tuyển nghiên cứu sinh cao học, tiến sĩ, quản lý tài chính, nhân sự; công nhận tuyển dụng GS, PGS, v.v. cần phải trả về cho các đại học quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm trong hàng loạt các vấn đề đó, làm sao cho quyền tự quản của các đại học lớn của Việt Nam không quá thấp so với các đại học ở nước ngoài. Không thể viện cớ các đại học của ta chưa đủ trình độ tự quản, vì thực tế trình độ, năng lực của những tổ chức cấp trên đâu có gì hơn họ. Cần phải giữ đúng nguyên tắc: cái gì, việc gì mà đại học có thể giải quyết tốt nhất thì họ phải được quyền quyết định, Bộ hay cấp trên không nên ôm lấy để rồi phạm nhiều sai lầm, như công nhận GS, PGS, quản lý thống nhất việc thi cử, đào tạo TS, v.v. thời gian qua[28].

Một vấn đề mấu chốt là việc ***quản lý, sử dụng đội ngũ giảng dạy***. Trong cơ chế thị trường, có một nguyên tắc cần tôn trọng là đánh giá đúng năng suất người lao động và trả lương công bằng hợp lý. Nhưng hiện nay, thầy giáo đại học của ta lương chính thức thấp xa so với mức sống hợp lý theo tính chất và vị trí công tác của họ trong guồng máy xã hội, cho nên bắt buộc họ phải xoay xở làm việc gấp 3-4 lần số giờ bình thường: dạy thêm, dạy sô dạy liên kết v.v., mới có được mức sống ấy. Đó là cách sử dụng lao động chẳng những bất công mà cực kỳ lãng phí. Với chế độ lương như thế khó ai có thể tập trung vào công việc chính của mình. Dạy đại học mà hầu như không có thì giờ nghiên cứu khoa học, năm này qua năm nọ, trình độ vẫn không nhích lên nổi, thì làm sao có chất lượng được. Chính vì cách sử dụng như vậy nên đội ngũ giảng dạy đại học ngày càng già nua, lạc hậu với khoa học thế giới, chất lượng đào tạo quá thấp, không đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế, mà chưa thấy rõ khả năng có thể cải thiện nhanh. Hơn nữa, đó cũng chính là một nguyên nhân hạn chế khả năng phát triển quy mô đại học và đa dạng hóa các loại hình đại học theo nhu cầu của xã hội. Bài toán: chất lượng, quy mô, công bằng, với ba yếu tố không phải lúc nào cũng đồng hành nhip nhàng - bài toán đó không thể có giải pháp thỏa đáng chừng nào còn chế độ sử dụng và trả lương cho giáo chức đại học bất công và lãng phí như hiện nay.

#### **4. Vấn đề phát triển đại học tư: giải pháp nào hợp lý cho Việt Nam?**

Một bài học lớn qua kinh nghiệm thế giới là vấn đề phát triển đại học tư mà gần đây thường mang dáng vẻ rất hàn lâm: giáo dục là hàng hóa.

Trong lúc nhiều vấn đề mấu chốt nêu trên của đại học còn chưa được giải quyết mà nhiều người đã muốn đặt cược tất cả vào giải pháp tự do hóa giáo dục đại học, phát triển đại học tư, cổ phần hóa đại học công, thì e rằng không thực tế và nếu không cẩn thận, kết quả dẫn đến có thể đẩy GĐĐH tụt hậu thêm nữa. Dù trong ngắn hạn có thể tạo được sự năng động nào đó thì lâu dài sự năng động ấy có nguy cơ sẽ thoái hóa thành rối loạn, đưa đến hậu quả tai hại khôn lường.

Tại sao như vậy? Để hiểu rõ điều này cần biết ta muốn phát triển đại học tư theo kiểu nào. Nếu là kiểu **trường tư vô vị lợi**, như hầu hết trường tư ở các nước phát triển thì ngàn lần nên, và Nhà nước có chính sách tài trợ bao nhiêu cho những trường tư đó cũng đúng, không ai có thể nói gì. Đó là cách xã hội hóa đúng nghĩa nhất, tức là để xã hội chia sẻ với Nhà nước chi phí, công sức, phục vụ cộng đồng. Trường tư như vậy phải được tự quản ngang như các trường tư ngoại quốc được phép mở ở Việt Nam, nghĩa là tự quản cả về nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục, tuyển sinh, cấp phát văn bằng, và dĩ nhiên cả tài chính và nhân sự, bao gồm chế độ trả lương thầy giáo và thù lao cho các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, cũng như liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước thực hiện các chương trình đào tạo cần thiết. Với mức độ tự quản cao đó, trường tư sẽ có cơ hội thực hiện nhiều sáng kiến đổi mới về quản lý, tổ chức, nội dung, phương pháp đào tạo, mà trước mắt, do sự công kênh của bộ máy giáo dục công lập, các đại học công khó bề thực hiện tốt. Chẳng hạn trường tư sẽ không bị bắt buộc phải dạy những kiến thức vô bổ, có khi chiếm tới 20% thời lượng học ở trường công; sẽ dễ dàng thực hiện phương pháp, đào tạo theo tín chỉ, học trình, mà hiện ở trường công tuy biết là tốt vẫn chưa làm được nhiều; sẽ có quyền trả lương cho thầy giáo đúng với công sức để thầy giáo tập trung vào nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao để thường xuyên nâng cao chất lượng, đáp ứng các yêu cầu đào tạo. Tóm lại, trường tư kiểu đó sẽ có điều kiện hoạt động đúng với đòi hỏi của đại học và những trường tốt nhất sẽ đóng vai trò tiên phong trong công cuộc cải cách nền đại học để tiến lên hiện đại.

Còn nếu ta quan niệm trường tư phải *được lợi nhuận* (trường tư vị lợi), và kinh doanh giáo dục như hàng hóa (dù là hàng hóa ít nhiều đặc biệt chẳng nữa), thì vai trò trường tư sẽ khác. Có thể chấp nhận các trường tư ấy, nhưng không nên coi việc phát triển mạnh các loại trường tư ấy là chính, mà nên coi các trường tư ấy cũng như các loại doanh nghiệp khác để họ tự lo, không nên đòi hỏi Nhà nước phải hỗ trợ đất đai, kinh phí, v.v. Chuyện này cần rõ ràng, sòng phẳng, minh bạch để đảm bảo công bằng. Sự bình đẳng giữa công và tư chỉ nên hiểu là các bằng cấp đại học có giá trị đến đâu là tùy thuộc vào uy tín, chất lượng của từng trường, không phân biệt công hay tư. Đồng thời trường tư, dù vị lợi hay vô vị lợi, cũng nên được quyền tự quản như các doanh nghiệp tư nhân. Không nên như hiện

nay, một mặt trường tư vì lợi nhuận vẫn được Nhà nước hỗ trợ và ưu đãi, mặt khác lại chịu sự quản lý quá chặt chẽ và khi thấy cần thiết chính quyền có thể can thiệp sâu vào công việc quản trị nội bộ của họ (như cách chức, bổ nhiệm hiệu trưởng, giải thể, thành lập hội đồng quản trị, dù là tạm thời). Theo tôi quy chế trường tư vừa được ban hành có nhiều điểm chưa thật hợp lý, cần được xem xét lại và sửa đổi kịp thời.

Chúng ta nên thận trọng và dù thế nào cũng không thể hiểu xã hội hóa giáo dục là biến giáo dục thành một ngành kinh doanh, phó mặc cho cơ chế thị trường tác động và khống chế. Ít ra cũng vì cái lẽ cơ chế thị trường rất tốt nhưng thường chỉ tốt trong tầm nhìn ngắn hạn, còn về lâu dài thì Nhà nước phải có tầm nhìn sáng suốt, thông minh, chứ không thể nhắm mắt chạy theo thị trường. Đừng để đục nước béo cò, dẫn đến cạnh tranh thiếu văn minh, không lành mạnh, trong giáo dục.

Còn một **lý do kinh tế** quan trọng khác, khiến **giải pháp trường tư vì lợi nhuận khó có tương lai lâu dài**, đó là trong hoàn cảnh thực tế hiện nay của Việt Nam lợi nhuận mà trường tư có thể thu được, nếu phân tích kỹ ra, chủ yếu là do dựa vào chế độ lương bất công đối với giáo chức đại học công như trên đã nói. Ta thử nghĩ xem: với chế độ trả lương hiện nay ở các đại học công, một giáo sư đại học phải lao động gấp 3-4 lần số giờ bình thường, mới có thu nhập tương xứng với năng suất, trình độ, năng lực của họ. Nay một trường tư chỉ cần trả lương cho giáo sư của họ gấp vài ba lần thu nhập thực tế trung bình ở trường công thì với mức học phí hiện nay, trường tư cũng đã có thể thu lãi khá cao, tuy chưa chắc có thể bảo đảm một chất lượng ngang với trường công. Sở dĩ như vậy là do chưa tính hết, tính đúng mọi chi phí, chứ nếu tính đúng, tính hết mọi chi phí, kể cả đất đai, và những ưu đãi khác, thì trường tư muốn bảo đảm được một chất lượng ngang trường công, tổng chi phí sẽ rất cao, do đó muốn có lãi, học phí sẽ phải tăng cao quá mức chấp nhận được, và sẽ không thể thu hút được sinh viên. Như thế có nghĩa, với mức học phí và chất lượng đào tạo chấp nhận được, cái lãi của trường tư thật ra đã do xã hội, Nhà nước gián tiếp bù vào nhiều khoản chi phí. Đó là một sự bất công trá hình, có nên và có thể kéo dài mãi được không?

Về vấn đề này, đã có một nghiên cứu rất xác đáng của TS. Vũ Quang Việt, chuyên gia kinh tế Việt kiều đang sống và làm việc ở Mỹ (“Giáo dục tư hay công, nhìn từ góc độ kinh tế”, <http://www.vast.ac.vn/hvgd>). Theo nghiên cứu này, ở Mỹ, chi phí đào tạo trung bình cho một sinh viên là 40-75 ngàn USD một năm, học phí ở đại học công là khoảng 3-5 ngàn USD ở đại học tư 15-35 ngàn USD. Như vậy, ở Mỹ đại học tư muốn có lãi thật sự mà bảo đảm một chất lượng trung bình ắt phải thu một học phí rất cao (không ít hơn 35 ngàn USD), vượt quá mức chấp nhận được, và trường sẽ không thể hy vọng có đủ sinh viên để tồn tại. Đó là lý do giải thích một phần vì sao ở Mỹ, tuy trường tư vì lợi nhuận vẫn được phép mở, mà hầu hết các trường tư đều vô vị lợi (chỉ trừ một số ít trường đào tạo nghề cụ thể). Và cũng chính vì lý do tương tự, ở Việt Nam, giải pháp trường tư có lợi nhuận về lâu dài

sẽ đưa đến một trong hai kết cục: hoặc là chất lượng giáo dục ngày càng tụt thảm hại, hoặc là ngày càng có nhiều trường tư đóng cửa vì lỗ.

## **5. Kết luận**

Còn nhớ hồi thảo luận về kinh tế tri thức, tôi có nhấn mạnh một ý: nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong điều kiện toàn cầu hóa và kinh tế tri thức phải bắt đầu từ việc nâng cao sức cạnh tranh về các lĩnh vực công nghệ thấp và vừa của nền nông-công nghiệp truyền thống, và phải hết sức chăm lo giáo dục và khoa học. Cần lợi dụng cơ hội kinh tế tri thức tìm đường đi tắt, nhưng trước hết phải chuẩn bị những bước cơ bản để không vấp ngã ngay bên sân nhà khi ta phải mở cửa thị trường cho sự xâm nhập quốc tế. Về giáo dục cũng vậy, cần gấp rút chấn hưng, cải cách, hiện đại hóa giáo dục, nhưng trước khi muốn áp dụng những điều mới mẻ mà ngay ở các nước tiên tiến cũng đang còn mò mẫm như việc thị trường hóa, thương mại hóa giáo dục hiện nay, xin hãy quan tâm những vấn đề thiết thực, sơ đẳng mà ta còn chưa làm được, hãy cố gắng khắc phục lãng phí, tham nhũng, cùng những xu hướng thương mại hóa tiêu cực đang làm nhân dân rất lo lắng và bất bình.

Các vấn đề của giáo dục phải giải quyết một cách hệ thống và toàn diện, không thể cứ gặp đâu làm đó, thí điểm đi rồi thí điểm lại, hết cải tiến đến cải lùi, cứ thế năm này qua năm khác, học sinh, sinh viên phải giờ lưng ra làm vật thí nghiệm mà chưa biết bao giờ mới được hưởng một nền giáo dục sánh được với các nước.

## 1. Nhân tài qua các thời đại

Từ nhiều thế kỷ trước ông cha ta đã từng khẳng định vai trò to lớn của nhân tài đối với sự tồn vong của dân tộc. Câu văn “hiền tài là nguyên khí quốc gia” mãi mãi còn vang lên như một lời kêu gọi đối với những ai thiết tha với vận mệnh tổ quốc.

Thời phong kiến mà đã có được những ý tưởng tiên tiến như vậy, thật đáng tự hào. Giá như cái ý tưởng đó được truyền tụng và thực hành nghiêm chỉnh qua các thế hệ thì đâu đến nỗi dân ta phải rơi vào vòng nô lệ ngót cả thế kỷ và ngày nay còn phải phấn đấu gian khổ nhiều năm mới thoát khỏi được nghèo nàn lạc hậu.

Đất nước ta từng có nhiều trang sử sáng chói, hào hùng, đó là những lúc “thế nước mạnh” nhờ “nguyên khí thịnh”, anh hùng hào kiệt nơi nơi, làm rạng rỡ non sông. Nhưng cũng có những trang sử ảm đạm khi “thế nước yếu” vì “nguyên khí suy” những thời mà, như Nguyễn Trãi đã mô tả trong bản Bình Ngô đại cáo, “tuần kiệt như sao buổi sớm nhân tài như lá mùa thu”.

Ngày nay, chúng ta cũng đang đứng trước một thời kỳ lịch sử đầy trách nhiệm. Sau khi giành được độc lập, thống nhất, chúng ta đã chậm trễ nhiều so với các dân tộc khác, cho nên muốn đuổi kịp thiên hạ, xây dựng một nước Việt Nam hiện đại, phồn vinh thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thế hệ chúng ta phải nỗ lực phi thường. Kinh nghiệm nhiều nước lại chỉ rõ, trong thời đại này, khó khăn lớn nhất để thực hiện mục tiêu đó chưa phải là vốn, kỹ thuật hay tài nguyên, mà trước hết là nhân tài, cái yếu tố “nguyên khí quốc gia” mà cha ông ta đã từng nhắc đến.

Vì vậy, hơn lúc nào hết, ***chiến lược nhân tài nhằm động viên tổng lực mọi trí tuệ, tài năng của dân tộc cho nhiệm vụ chấn hưng đất nước*** có ý nghĩa hết sức trọng đại.

## 2. Ai là nhân tài?

Còn nhớ trước đây mấy năm có lần tôi được nghe trình bày một dự thảo về chính sách đối với trí thức, trong đó bắt đầu đưa ra một định nghĩa khá chặt chẽ về trí thức, chặt chẽ đến mức nhiều người ngồi nghe, trong số đó có tôi, cũng không dám chắc, có được coi là trí thức hay không theo định nghĩa đó. Cuối cùng thì bản dự thảo cũng phải xếp lại và cho đến bây giờ vẫn chưa thấy sửa chữa, hoàn chỉnh.

Từ kinh nghiệm ấy, tôi nghĩ ta không nên mất nhiều thì giờ tìm một định nghĩa về người tài, mà nên bàn thẳng vào một số vấn đề có ý nghĩa thực tiễn hơn trong tình hình hiện nay của ta.

Trước hết, tuy không cần một định nghĩa chính xác cho khái niệm nhưng trên thực tế cũng nên bàn về các cách nhận diện người tài, tức là về cách đánh giá, tuyển lựa nhân tài, đúng hay không đúng,

trong xã hội.

Thời xưa, đồ đại khoa là dấu hiệu tài năng lớn và điều đó có cái lễ của nó. Cách đánh giá tài năng qua bằng cấp còn tồn tại nặng trong xã hội ta ngày nay, chỉ tiếc cái lễ xưa không còn. Trong xã hội phương Tây người ta cũng không coi nhẹ bằng cấp, chỉ khác ta ở hai điều rất cơ bản: 1) họ không dùng bằng giả, mà chỉ dùng bằng thật, và nói chung giá trị thật của mỗi thứ bằng cao hay thấp đến đâu đều rõ ràng, phân minh; 2) họ xem bằng cấp tuy quan trọng vẫn chưa đủ để đánh giá tài năng, mà năng lực thực tế mới quyết định. Từ đó thấy rằng cái hại không phải là dùng bằng cấp làm một căn cứ xem xét tài năng, mà là gán cho bằng cấp một giá trị giả tạo, thúc đẩy cả xã hội chạy đua sản xuất bằng giả lẫn bằng thật, mà giả, nhiều hơn thật, làm mất hết giá trị của bằng cấp, gây ra nghi ngờ và coi thường mọi thứ bằng cấp.

Ngoài bằng cấp, còn có nhiều thứ danh hiệu xác nhận hoặc tôn vinh những thành tích văn hóa khoa học vượt trội, như: giải thưởng các loại (cao nhất là giải thưởng Nobel), danh hiệu “thành viên” các tổ chức danh dự (như Viện hàn lâm Quốc gia của một số nước tiên tiến). Ở nước ta gần đây xuất hiện nhiều danh hiệu được sử dụng giống như những “nhãn mác chất lượng” dán trên bao bì các hàng hóa. Đương nhiên chẳng có gì đáng trách trong việc dương danh với những danh hiệu tôn vinh tài năng. Vấn đề là danh hiệu phải rõ ràng, minh bạch, và nhất là phải trung thực, không nhập nhằng có thể đánh lừa người thiếu thông tin. Đáng tiếc, cái đạo đức cơ bản này thiếu hẳn ở nước ta, do đó nhiều tổ chức nước ngoài lợi dụng tình hình đó để trục lợi bằng cách tung ra quảng cáo đủ loại danh hiệu rất kêu để rao bán cho bất cứ ai cần nhãn mác để phô trương, nào là “danh nhân thế giới”, nào là “viện sĩ” này, nọ, v.v.[\[30\]](#) Cùng với các bằng thạc sĩ, tiến sĩ giả đủ loại rao bán công khai trên mạng, các loại danh hiệu giả danh khoa học này đang gây ra tình trạng rất lộn xộn, khiến cho việc đánh giá tài năng trong xã hội ta rất khó khăn. Lỗ bịch nhất là trong khi khoa học tụt hậu thì đã xuất hiện mấy tá “viện sĩ”, làm đề tài đàm tiếu cho thiên hạ, mà dẫn đầu về số viện sĩ dỏm lại là: các cơ quan cầm cân nảy mực về văn hóa, khoa học giáo dục.

Sau bằng cấp, danh hiệu thì các chức vụ chức danh, lẽ ra cũng phải phản ánh đúng năng lực thực tế. Khổ nỗi, ở nước ta việc đánh giá năng lực thực tế khá tùy tiện, ít dựa vào hiệu quả khách quan mà dựa chủ yếu vào cảm tính chủ quan của cấp quản lý. Ngay cả về nhiều ngành khoa học có tính chất quốc tế mà các chức danh GS, PGS cũng chỉ phản ánh năng lực theo cách nhìn thiếu chuyên nghiệp ở trong nước, nên không ít trường hợp ông A, ông B được tung hô là tài năng tầm cỡ thế giới mà trên quốc tế không có chút tên tuổi gì.

Nhiều cán bộ, công chức chỉ cần chăm chỉ làm việc, tuân thủ kỷ luật, không bị kêu ca quá mức, không để xảy ra tai tiếng, lại biết “quan hệ” tốt với cấp trên, thế là được đánh giá có năng lực, chứ chẳng cần sáng kiến, thành tích gì đặc biệt. Công tác tổ chức vì thế phạm nhiều sai lầm khi xem xét con

người. Dẫn đến tình trạng phổ biến là trong bộ máy lãnh đạo các cấp có quá nhiều người thiếu tài, đôi khi cả nhân cách cũng kém, nhưng cứ thăng quan tiến chức đều đều. Mà thủ trưởng kém cỏi thì làm sao đánh giá đúng năng lực các cấp dưới, rốt cuộc *căn bệnh làng nhàng lây lan ra cả hệ thống: trên làng nhàng, dưới làng nhàng, cả đơn vị, cả cơ quan, cả hệ thống làng nhàng*.

Một nhầm lẫn tai hại khác là cứ tưởng giỏi chuyên môn thì sẽ giỏi quản lý, do đó đề bạt chuyên gia giỏi làm những chức vụ quản lý cao để rồi biến họ thành những nhà quản lý tồi, đến khi thôi quản lý thì khả năng chuyên môn cũng mai một nốt. Thật là thất bại kép, khi ăn năn thì sự đã rồi.

### 3. Đất lành chim đậu

Vì sao các nước nghèo đều rất ít nhân tài, phải chăng dân họ kém thông minh?

Hoàn toàn không phải. Tôi nghĩ rằng Hàn Quốc, Singapore có nhiều người tài hơn ta, đâu phải vì dân họ thông minh hơn mà vì nguyên nhân khác.

Ngẫm ra, tài năng là một thứ tài nguyên đặc biệt, rất khó tính ở chỗ nếu không được sử dụng, không có đất để dụng võ, thì nó không phát triển và mau chóng tàn lụi, cho nên nếu không dụng võ được ở một nơi nào, dù cho nơi đó là quê hương, thì nó có xu hướng tìm đến một nơi khác có thể dành cho nó điều kiện phát triển thuận lợi hơn. Đừng bảo như thế là không yêu quê hương vì thật ra tìm nơi làm việc để cho tài năng phát triển tốt độ của nó có khi còn giúp ích cho quê hương nhiều hơn là để tài năng mai một hay bị chôn vùi ở một nơi không cần, hay chưa cần, đến nó.

Chính vì cái đặc điểm ấy mà nhiều nước nghèo không biết, hay không sử dụng được tài năng, thường để mất dần tài năng, rồi do đó tiếp tục nghèo, tụt hậu rồi càng tụt hậu càng khó giữ nổi tài năng và tụt hậu thêm nữa, cứ thế cái vòng luẩn quẩn này trói chặt đất nước trong sự nghèo nàn, lạc hậu như một chiếc vòng kim cô khó thoát. Trừ phi, như Nhật Bản hồi cuối thế kỷ 19, như Hàn Quốc, Singapore cách đây vài ba thập kỷ, hay Trung Quốc gần đây, họ quyết tâm thay đổi cách nghĩ về người tài và có chính sách sử dụng thích đáng nhân tài trong nước, do đó dần dần thu hút nhân tài từ ngoài về.

Chừng nào nhân tài trong nước còn chưa được sử dụng thích đáng, còn gặp quá nhiều khó khăn không đáng có trong đời sống và công việc, thì chưa thể khuyến khích nhân tài đang ở ngoài nước quay về quê hương. Chỉ hô hào, động viên không thôi chưa đủ. Nên ***quan niệm nhân là tài sản quý của quốc gia, coi việc tạo điều kiện cho họ cống hiến là lợi ích thiết thân của cộng đồng***, khi nào thuận lợi thì khuyến khích họ về giúp nước, chưa thuận lợi thì cứ để họ ở nước ngoài làm dự trữ cho tương lai. Đưa một người tài về chỉ để trang trí rồi để tài năng họ mòn mỏi dần, không chỉ là một sự lãng phí lớn, mà còn có tác dụng ngược lại là cắt đứt đường về đối với những người tài khác đang còn làm việc ở nước ngoài và đang mong mỏi có dịp trở về quê hương.

### 4. Giành giật tài năng trong thời toàn cầu hóa

Ở các nước văn minh, giá trị của tài năng thường được đánh giá đúng nên ý thức quý trọng nhân tài ăn sâu trong các tầng lớp xã hội, buộc người lãnh đạo phải đủ bản lĩnh quy tụ nhân tài mới làm cho đất nước hay công ty của mình phát triển. Tập quán đó đã thành truyền thống trong xã hội công nghiệp đến thời kinh tế tri thức và toàn cầu hóa thì ***việc thu hút, sử dụng, gìn giữ, phát huy và phát triển tài năng càng là ưu tiên số một trong cuộc cạnh tranh sống mái giành giật thị trường***. Kinh tế tri thức nói gọn lại là kinh tế dựa chủ yếu vào tài năng. Còn toàn cầu hóa dẫn đến tự do hóa sự di chuyển vốn, mà vốn quý giá nhất lại là tài năng. Cho nên xu thế tất yếu là, với toàn cầu hóa, tài năng sẽ ngày càng di chuyển tập trung đến các nước giàu mạnh. Xu thế ấy đang làm cho các nước đã giàu càng giàu thêm, còn những nước nghèo mà buông xuôi hay không biết chủ động ứng phó thì sẽ ngày càng thua thiệt. Càng nghèo càng khó có điều kiện giữ chân được nhân tài của mình, nói gì thu hút nhân tài từ các nước khác đến.

Đó là những khó khăn, phức tạp không thể coi thường khi xây dựng chiến lược nhân tài cho đất nước trong thời toàn cầu hóa và kinh tế tri thức. Thật ra không riêng gì những quốc gia kém phát triển mới lo lắng. Ngay cả nhiều nước tiên tiến ở châu Âu cũng đang báo động về làn sóng chảy máu tài năng này sẽ chẳng mấy chốc đi đến một thế giới đơn cực, mà trọng đời sống văn hóa, khoa học thì xu thế đơn cực dễ dẫn đến độc quyền là thứ mà trong lĩnh vực nào cũng tai hại.

Cùng với toàn cầu hóa, việc giành giật nhân tài giữa các nước, giữa các công ty trong cùng một nước, giữa các công ty đa quốc gia, ngày càng trở nên gay gắt, tuy diễn ra dưới nhiều hình thức tinh vi không dễ dàng nhận ra được ngay. Trong khi nhiều nước nghèo chưa ý thức được hết hậu quả sự tụt hậu giáo dục của mình, thì các nước giàu, vốn đã có một nền học thuật phát triển, lại đang tích cực cải cách giáo dục. Mục đích của họ là vừa để nâng cao tính cạnh tranh kinh tế, vừa để thu hút ngày càng nhiều sinh viên, giáo sư, các nhà công nghệ giỏi từ các nước khác, nhất là từ các nước tuy nghèo nhưng được đánh giá có tiềm năng trí tuệ. Trước mắt sự cạnh tranh giữa các đại học quốc tế mở ra nhiều cơ hội du học cho thanh niên các nước nghèo. Tuy nhiều người trong số đó sau khi du học thành tài có thể không trở về quê hương, song cũng không nên quá lo lắng về vấn đề này. Thật ra trong đám người ở lại có thể một số đặc biệt xuất sắc sẽ tiến lên đỉnh cao khoa học, đó là vinh dự cho đất nước, còn số khác, sau khi làm việc một thời gian ở nước ngoài sẽ đem theo về nước nhiều kinh nghiệm tốt và cả một số vốn tích lũy được để giúp vào kinh tế của đất nước. Vấn đề đáng lo hơn là làm sao sau này có cơ hội thu hút trở lại số nhân tài tạm thời thất thoát này.

## **5. Gửi người đi du học được gì, mất gì?**

Một nước lạc hậu muốn đào tạo nhân tài đương nhiên phải gửi người đi du học ở các nước tiên tiến. Đó là chủ trương cần thiết, không cần bàn mà lẽ ra phải thực hiện từ lâu, vì chỉ bằng cách đó mới có hy vọng mau đuổi kịp được các nước.

Tôi vừa nói ta không nên quá lo lắng việc nhiều người học xong không trở về nước ngay. Tuy nhiên cũng phải nhìn thấy một mặt trái của việc này là khi số lớn người giỏi đều đi du học hết thì trước mắt các đại học của ta sẽ lâm vào tình trạng khan hiếm sinh viên giỏi theo học, do đó sẽ mất đi một động lực thúc đẩy nâng cao chất lượng. Như ai cũng biết, có thầy giỏi mới có trò giỏi, nhưng ở đại học phải nói thêm: có trò giỏi mới kích thích được thầy giỏi. Đó là thực tế vì trong nghiên cứu khoa học, không chỉ có trò học thầy mà nhiều khi thầy cũng học trò không kém nếu trò xuất sắc, chưa kể trò giỏi còn là trợ thủ đắc lực cho thầy trong nghiên cứu. Tôi tin chắc một học trò như Ngô Bảo Châu<sup>[31]</sup> học ở thầy nhiều, song sẽ không phải là xúc phạm ai nếu nói rằng các thầy của anh cũng đã học được không ít ở anh. Cho nên khi các đại học lớn ở nước ngoài sốt sắng tiếp nhận sinh viên hay nghiên cứu sinh xuất sắc đến từ các nước khác, đó không chỉ vì ý tốt muốn giúp cho các nước này mà cũng có phần vì lợi ích của chính họ. Chưa kể nhiều người sau khi học thành tài ở lại làm việc cũng đóng góp thêm cho họ một lực lượng nhân tài đáng giá.

Do đó, bên cạnh cái lợi hiển nhiên của việc gửi người đi đào tạo ở nước ngoài, nếu không thấy hết mặt trái để có đối sách thích hợp thì rốt cuộc cũng chẳng khác gì nhà nghèo mà bao nhiêu của quý đều đem cống hết cho thiên hạ. Cách tốt nhất để tránh tác dụng tiêu cực đó, như chúng tôi đã kiến nghị<sup>[32]</sup>, là ***xây dựng trong nước một vài đại học thật sự hiện đại, tương đối đủ điều kiện nghiên cứu, học tập như các trung tâm quốc tế***, vừa để thu hút một số chuyên gia giỏi người Việt và người nước ngoài đến làm việc thường xuyên hay từng thời kỳ, vừa có thể giúp một phần đào tạo nhân tài tại chỗ ít tốn kém hơn. Một đại học như thế đồng thời sẽ đóng vai trò một cửa ngõ khoa học quốc tế và một đầu tàu thúc đẩy hiện đại hóa toàn nền giáo dục.

## **6. Cốt lõi của chiến lược nhân tài: quy tụ và sử dụng**

Như vậy, một kế hoạch đào tạo nhân tài mà đơn thuần chỉ tính toán gửi bao nhiêu người giỏi đi học ở các nước tiên tiến là rất thiên cận. Đào tạo nhân tài không đơn giản như sản xuất máy bay hay xe hơi để có thể quy hoạch chặt chẽ mấy năm đào tạo được mấy trăm nhân tài. Một ngành công nghiệp khi cho xuất xưởng một sản phẩm thì nó đã ở dạng hoàn thành, chỉ xuống cấp dần trong quá trình sử dụng. Còn người đỗ bằng cấp cao nhất, dù ở đại học nổi tiếng nhất, thường cũng phải trải qua công việc sau khi ra trường một thời gian mới được xác lập như một tài năng hoàn thành. Đương nhiên vẫn có những tài năng lỗi lạc không từng học đại học nào nhưng đó chỉ là ngoại lệ, không nằm trong khuôn khổ quy hoạch.

Nói chung, việc đào tạo ở đại học dù ở bậc cao nhất cũng chỉ nhằm cung cấp một hành trang cơ bản về hiểu biết, kỹ năng, năng lực tư duy, đủ để làm việc độc lập ở trình độ nhất định rồi tùy theo khả năng từng người và điều kiện cụ thể sau này mà tài năng được phát triển nhiều hay ít, nhanh hay chậm, hoặc mai một hẳn. Thật ngậm ngùi nếu coi những học sinh đoạt giải cao trong các kỳ thi Olympic quốc

tế đều đã là nhân tài, và quan niệm việc đào tạo nhân tài chỉ là mở nhiều lớp chuyên, lớp năng khiếu, luyện học sinh như luyện gà nòi để đoạt giải cao rồi sau đó chẳng theo dõi, giúp đỡ, khuyến khích các mầm tài năng phát triển, lại hỏi các nhân tài ở đâu hết, và cứ thế lặp lại cái quy trình vô duyên ấy. Không phải việc phát hiện kịp thời và nuôi dưỡng các năng khiếu thành tài năng thật sự không cần thiết, nhưng việc đó sẽ ít hiệu quả, nếu đánh trống bỏ dùi và không chuẩn bị sẵn môi trường tiếp nhận và phát triển các năng khiếu một cách liên tục.

Suy cho cùng, điều quyết định là phải ***có tư duy chiến lược, nhìn xa trông rộng, trong chính sách nhân tài, mà trung tâm là vấn đề quy tụ và sử dụng nhân tài.*** Tài năng là do trời phú, nhưng không phải cứ tự nhiên phát triển, mà chỉ có thể nảy nở trong môi trường thuận lợi. Bi kịch thường thấy ở những nước nghèo là không biết đánh giá đúng tài năng, xem xét con người một cách phiến diện, dựa trên các giá trị giả tạo được phô trương lòe loẹt ra ngoài, nên dễ bị mê hoặc bởi những tài năng nửa vời, tài năng rơm, mà không nhìn thấy các giá trị thật, các tài năng chân chính. Thói thường, có tài hay có tật, mà cái tật khó chịu nhất lại là quá tự trọng nên không phục những kẻ bắt tài mà vô đức, không quen nịnh mà hay nói thật, nói thẳng, dễ làm phật ý lãnh đạo. Nhất là khi xung quanh lãnh đạo có nhiều kẻ cơ hội là những loại tài năng nửa vời và tài năng rơm thì các tật nhỏ dễ biến thành tội lớn không thể dung thứ, không thể chấp nhận.

Thành thử, muốn đất nước mau giàu mạnh, bản lĩnh quan trọng của lãnh đạo là biết đánh giá đúng và mạnh dạn sử dụng người tài, kể cả người tài hơn mình. Chỉ có ở đâu, ngành nào, đơn vị nào mà tài năng chân chính được ưu ái, thì ở đó, ngành đó mới quy tụ được nhân tài, và tài năng mới có điều kiện thuận lợi để nảy nở và phát triển. Còn ở đâu mà tài năng chân chính bị lãng quên, ở đâu mà người giỏi không được dùng, thậm chí còn bị đổ kị hay mặc cảm, thì ở đó không có chỗ cho nhân tài phát triển đã đành, mà cũng không có đất cho những mầm tài năng trẻ nảy nở. Không gì tai hại hơn cho tương lai bằng một chính sách nhân tài thiển cận. Đặc biệt, trong thời kinh tế tri thức, khi trí tuệ chứ không phải tài nguyên thiên nhiên hay của cải vật chất là nhân tố quyết định nền thịnh vượng của một nước, thì bất cứ ở đâu mà chất xám bị rẻ rúng thì đạo đức cũng dễ suy đồi và nếu không ngăn chặn kịp thời thì sớm muộn sẽ khó tránh khỏi sự lụi bại toàn diện.

## **7. Vai trò của giáo dục**

Thời gian gần đây khắp nơi trên thế giới đều tiến hành cải cách giáo dục mạnh mẽ, nhằm một mặt đem tri thức đến mọi tầng lớp nhân dân, mặt khác tăng cường tiềm lực sáng tạo trong xã hội, chú trọng đặc biệt đào tạo, phát triển, thu hút tài năng trong mọi lĩnh vực. Điều đó không phải ngẫu nhiên, mà vì người ta nhận thức rõ vị trí hết sức quan trọng của giáo dục trong chiến lược nhân tài thời nay.

Điều đáng ngạc nhiên là ở Việt Nam ngay từ thế kỷ 19, vua Minh Mạng triều Nguyễn đã từng nhận xét việc học theo lối cử nghiệp thời bấy giờ “không có mấy người thực học, trách nào mà nhân tài ngày

một kém đi”[\[33\]](#). Chỉ tiếc do hoàn cảnh lúc bấy giờ nhà Vua tuy có ý thức nhưng không đủ quyết tâm cải cách nền giáo dục. Đến triều Tự Đức khi những bản điều trần liên tiếp của Nguyễn Trường Tộ và nhiều người khác đều không được nghe thì chính nền giáo dục hủ bại ấy đã trở thành một lực cản quan trọng cho sự canh tân quốc gia, cuối cùng đã dẫn đất nước đến sự sụp đổ.

Ngày nay, tình hình đất nước sáng sủa hơn rất nhiều, và môi trường thế giới cũng đã có những thay đổi rất cơ bản. Chúng ta đang sống trong một thời đại mà, như trên đã nói, hơn bao giờ hết, khan hiếm nhân tài, chứ không phải tài nguyên, của cải vật chất, là trở ngại lớn nhất cho sự phát triển của các nước nghèo, và cũng hơn bao giờ hết thiếu một nền giáo dục tốt tức là thiếu điều kiện cơ bản để cạnh tranh thắng lợi trong thế giới toàn cầu hóa. Thế nhưng, mặc dù những tiến bộ đã đạt được, giáo dục Việt Nam hiện nay vẫn đang tụt hậu xa so với thế giới. Từ bao năm vẫn là một nền hư học cổ lỗ với những căn bệnh kinh niên: học nhồi nhét để đi thi, học tách rời với hành, chạy theo những giá trị ảo, các hư danh. Phải có một cuộc *cải cách mạnh mẽ, đổi mới đường lối, tư duy cơ bản, để mau chóng hiện đại hóa giáo dục*, mới mong đào tạo được những công dân năng động, có trách nhiệm, biết dân thân, biết giao tiếp và hợp tác, biết làm việc có hiệu quả, và nhất là trung thực và giàu khả năng sáng tạo để xây dựng đất nước tiến lên giàu mạnh, văn minh.

## **8. Thay lời kết: nhân tài và tính năng động sáng tạo của xã hội**

Cuối cùng xin có một nhận xét tổng quát để thay lời kết. Khi một xã hội biết trọng tài năng thì sẽ xây dựng được tâm lý không chịu thỏa mãn với những khuôn sáo tầm thường, luôn luôn săn tìm ý tưởng độc đáo, không ngừng cải tiến, đổi mới, vươn lên các đỉnh cao sáng tạo, nuôi hoài bão, nuôi tham vọng lớn, và cái tâm lý đó chính là *nguồn động lực mạnh mẽ cho một nền kinh tế có tính cạnh tranh cao*. Còn trong một xã hội sống quen với cái làng nhàng, bằng lòng với cái tầm thường, thì cái tâm lý yên phận, trung bình chủ nghĩa, ưa lối mòn, ngại đổi mới, sợ rủi ro, sẽ chi phối hoạt động của người dân, kể cả trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất, làm cho nền kinh tế thiếu tính năng động cần thiết. Thật đáng buồn biết bao khi cái đất nước đã từng đưa ra ý tưởng hiền tài là nguyên khí Quốc gia lại chịu thua kém thiên hạ chỉ vì chưa thật quý trọng chất xám, trí tuệ tài năng.

Hơn 20 năm đổi mới (từ năm 1986), Việt Nam đã có bước phát triển kinh tế vượt bậc, nhưng giáo dục và khoa học tụt hậu ngày càng xa so với thế giới. Trong thời đại toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, sự tụt hậu đó phải xem là một thất bại.

### **Dừng đổ lỗi cho trí thức**

Đi tìm nguyên nhân thất bại đó, nhiều người thường trách trí thức chưa làm tròn trách nhiệm, chưa thật sự dấn thân mà còn đứng bên lề công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế. Tôi không phủ nhận sự yếu kém của đội ngũ trí thức, song thiên nghĩ nếu chỉ dừng ở đó hoặc chỉ nhấn mạnh điều đó thì e rằng sẽ không thấy được lỗi ra, ít nhất trong tình hình hiện nay.

Tôi vẫn nhớ chuyện Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi về thăm một địa phương, nghe ông bí thư nơi đó báo cáo dân quê tôi rất lạc hậu cho nên việc gì ở đây cũng khó, Thủ tướng nói ngay: Đồng chí chê dân lạc hậu, vậy đồng chí lãnh đạo ai? Sau đó ông bí thư này mới hiểu ra rằng phải xem lại sự lãnh đạo trước khi đổ lỗi cho dân.

Liên hệ câu chuyện đó với sự tụt hậu của giáo dục và khoa học, tôi vẫn nghĩ rằng tuy đội ngũ trí thức của chúng ta còn nhiều yếu kém và khuyết điểm, nhưng về tiềm năng trí tuệ chắc không thua kém trí thức Hàn Quốc hay Singapore... Vậy tại sao tiềm năng ấy không phát huy được như ở các nước này, đó mới chính là vấn đề cần suy ngẫm, mới chính là cái nút phải giải tỏa trước hết để chấn hưng giáo dục, khoa học, và rộng hơn, chấn hưng đất nước.

20 năm đổi mới, chúng ta chỉ mới đổi mới tư duy trên lĩnh vực quản lý kinh tế, chưa đổi mới được gì về tư duy, cách nhìn, chính sách đối với trí thức, mà trớ trêu thay, lại là trí thức trong thời đại kinh tế tri thức.

### **Chất xám bị lãng phí tệ hại**

Việt Nam không thiếu người tài. Tuyệt đại đa số trí thức VN dù ở trong nước hay hải ngoại, đều rất yêu nước. Do điều kiện sinh hoạt và nghề nghiệp, họ nhận rõ hơn ai hết nỗi nhọc đất nước nghèo nàn, lạc hậu nên không có nguyện vọng nào tha thiết hơn là dành hết trí tuệ, công sức để giúp rửa nỗi nhọc này. Nhưng để thực hiện được điều đó họ cần có những điều kiện làm việc và môi trường thích hợp, mà ở đây, sự tự do tư tưởng, tự do sáng tạo được bảo đảm.

Tôi nghĩ phần đông họ (những trí thức chân chính) không đòi hỏi nhiều về vật chất, mà quan tâm trước hết các giá trị tinh thần. Họ không ngại những khó khăn khách quan do đất nước còn nghèo, song rất dễ nản lòng trước những khó khăn giả tạo, không đáng có, dựng lên chỉ do bất công, giả dối, quan liêu. Chẳng hạn, điều khó hiểu đối với họ là trong lúc Nhà nước long trọng coi phát triển giáo dục,

khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu thì trong thực tế chất xám bị lãng phí tệ hại. Bất cứ ai, kể cả người trí thức, khi làm công ăn lương đều muốn sống được bằng đồng lương của mình, và đồng lương ấy trong chừng mức nào đó phải tương xứng với năng suất, đó cũng là nguyên tắc sơ đẳng trước kia cũng như trong cơ chế thị trường hiện nay. Nếu không thì... hết gạo phải “chạy rông”, ai cũng vậy thôi. Khổ tâm nhất đối với người trí thức không phải ở chỗ phải chạy rông, mà ở chỗ không lý giải nổi khó khăn đó, trong khi chỉ cần giảm bớt 1% thất thoát do lãng phí, tham nhũng cũng thừa đủ cho họ đỡ nổi khổ phải chạy rông. Thậm chí, như trong giáo dục, chỉ cần chịu khó quản lý tài chính hợp lý hơn, cũng đủ.

Hơn mười năm trước, tôi đã chứng kiến trong một cuộc họp có Tổng Bí thư tham dự, một nhà khoa học nữ đã thẳng thắn nói lương chị quá thấp, chưa bằng một nửa lương con chị mới ra trường. Bây giờ khi cháu nội tôi mới tốt nghiệp đại học đi làm, bản thân tôi cũng ở trong cảnh y như vậy. Có người trách trí thức sao cứ nói mãi chuyện lương tiền, mà không hiểu cho rằng đối với trí thức, chỉ một lần lặp lại chuyện này đã thấy ngượng. Ngượng cho mình thì ít, ngượng cho đất nước mới là nỗi day dứt không nguôi.

## **Có nên đấu thầu các đề tài nghiên cứu khoa học<sup>[35]</sup>**

Đầu năm 2006, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) công bố dùng ngân sách cấp kinh phí cho 95 đề tài khoa học cấp Nhà nước thuộc các lĩnh vực KH&CN. Sau khi công bố danh mục các đề tài ấy và mời các nhà khoa học tham gia đăng ký xin thực hiện các đề tài, Bộ KH&CN tổ chức đánh giá các hồ sơ đăng ký và chọn hồ sơ xứng đáng nhất để cấp kinh phí. Cách làm này gọi tắt là “đấu thầu” được Bộ KH&CN xem như một sự đổi mới có tính đột phá để cải tiến phương thức đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

Thật ra đây không phải là lần đầu tiên phương thức đấu thầu được áp dụng trong việc phân phối kinh phí thực hiện các nghiên cứu khoa học. Chẳng qua trước đây làm không nghiêm túc, lần này chỉnh đốn lại cách đấu thầu để thật sự tạo cơ hội cho các nhà khoa học trẻ có năng lực được tham gia chủ trì các đề tài Nhà nước trên cơ sở cạnh tranh bình đẳng với các “cây đa cây đề”. Đó là một cố gắng rất đáng hoan nghênh của Bộ KH&CN, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước đầu tư cho khoa học.

Tuy nhiên, vấn đề không ở chỗ đấu thầu như thế nào để đạt được yêu cầu “chọn mặt gửi vàng” mà là cần suy nghĩ kỹ hơn, xét xem ngay cái việc chọn 95 đề tài KHCN cấp Nhà nước để đưa ra đấu thầu có gì vướng mắc không, và liệu việc đưa ra đấu thầu vài chục nhiệm vụ khoa học cấp Quốc gia theo đề án Bộ KH&CN dự định trình Chính phủ phải chăng là chính sách thích hợp để thúc đẩy khoa học, công nghệ phát triển trong tình hình hiện nay?

Ngày nay, nghiên cứu (nghiên cứu khoa học) có vai trò to lớn trong đời sống kinh tế, văn hóa, chính trị của mỗi quốc gia. Hoạt động nghiên cứu được tiến hành ở các đại học và viện nghiên cứu, dưới hình thức các đề tài khoa học mà việc thực hiện thường đòi hỏi phải có kinh phí, đôi khi khá lớn. Không kể mỗi trường hay viện có những khoản ngân sách riêng cho nghiên cứu, Nhà nước còn dành một khoản ngân sách quốc gia để hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu trong cả nước. Ngân sách này do một cơ quan trung ương (Bộ KH&CN hoặc tương đương) nắm giữ và quản lý. Hoạt động nghiên cứu muốn có hiệu quả cần dành sáng kiến, chủ động tối đa cho từng nhà khoa học, cho nên ở cấp quốc gia thường chỉ xác định một số hướng khoa học ưu tiên để tập trung đầu tư, còn những đề tài cụ thể cần nghiên cứu trong từng lĩnh vực thì họ để cho các chuyên gia trong lĩnh vực ấy ở từng trường và viện được chủ động lựa chọn. Nhà nước không áp đặt, không chọn thay, chỉ kiểm tra hiệu quả đầu tư qua kết quả thực hiện từng đề tài để điều chỉnh sự đầu tư nhằm tác động tích cực đến hoạt động nghiên cứu. Sở dĩ như vậy vì kinh nghiệm cho biết chỉ có chuyên gia trong từng lĩnh vực, chứ không phải các quan chức hành chính, mới biết được chính xác cần nghiên cứu cụ thể đề tài gì và nghiên cứu như thế nào. Không nước nào thực hiện quản lý bằng cách cơ quan trung ương ban hành danh mục các đề tài cụ thể cần nghiên cứu trong từng ngành KHCN rồi chọn người giao nhiệm vụ và cấp kinh phí thực hiện qua

cơ chế đấu thầu hoặc tuyển trực tiếp. Kiểu làm đó, về thực chất, không khác gì kế hoạch hóa tập trung quan liêu trong quản lý kinh tế mà hiệu quả thấp kém như thế nào chúng ta đã biết.

Mặt khác, cho dù việc lựa chọn 95 đề tài là chính xác đi nữa (một khả năng có xác suất thấp), thì bản thân việc đấu thầu các đề tài khoa học cũng tiềm ẩn những yếu tố tiêu cực khó tránh.

Xây dựng một nhà máy, làm một con đường cao tốc... là những việc mà công nghệ cơ bản đã được biết, chỉ có chất lượng tốt hay xấu và giá thành đắt hay rẻ tùy theo phương án, cho nên có thể đấu thầu để lựa chọn phương án tốt nhất, rẻ nhất, hiệu quả nhất. Điều đó hoàn toàn hợp lý và là cách làm phổ biến trong kinh tế. Còn nghiên cứu khoa học là dò dẫm, tìm cái chưa biết, phát triển tri thức mới để giải quyết một vấn đề chưa có giải pháp sẵn, đó là một quá trình sáng tạo không chắc chắn 100%, thường có những yếu tố bất ngờ, nếu nhà khoa học bị buộc phải hứa hẹn kết quả thì họ sẽ hứa vơ vạ hoặc chỉ hứa chung chung, không ích lợi gì.

Vì lý do đó, trong quản lý khoa học ở các nước tiên tiến, người ta không đấu thầu để giao kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu định sẵn. Khi nhà khoa học xin tài trợ cho một đề tài do họ tự đề xuất, họ cũng không bắt buộc phải hứa hẹn kết quả này nọ, mà chỉ cần giải trình rõ nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng và tính khả thi của đề tài. Còn đối với những đề tài có tính cấp thiết quốc gia (như liên quan đến an ninh hoặc quốc phòng) thì phải giao việc nghiên cứu cho những chuyên gia hay tổ chức mà năng lực thực tế đã được kiểm chứng, hoặc treo giải thưởng cho thành tích nghiên cứu xuất sắc về đề tài đó nếu có thể công khai được.

Một vấn đề quan trọng khi chấm thầu là các tiêu chí đánh giá. Cách chấm thầu như đã công bố (cho điểm từng mặt theo một hệ thống tiêu chí khá chi tiết) cũng na ná như cách chấm điểm để xét chọn GS, PGS, tưởng là chặt chẽ nhưng thật ra khó đảm bảo chính xác được. Ở các nước tiên tiến, khi xét các hồ sơ xin tài trợ nghiên cứu người ta căn cứ vào sự thẩm định của những chuyên gia giỏi trong cùng ngành, ở trong nước hoặc trên quốc tế (peer review), và phải dành đủ thời gian cho các chuyên gia này xem xét kỹ từng hồ sơ. Cách làm đó chưa hẳn hoàn toàn tốt, song dù sao cũng bảo đảm hơn là đưa ra xét chọn trong một hội đồng mà nhiều thành viên không phải là chuyên gia thật sự am hiểu và không loại trừ có thể có quan hệ đặc biệt với một số tác giả hồ sơ. Tiếc thay, đây là cách làm phổ biến ở nước ta, từ việc đánh giá luận án tiến sĩ, xét duyệt GS, PGS đến hàng loạt hội đồng đánh giá khác, hầu như ở đâu cũng có bóng dáng, xa hay gần, của văn hóa “vừa đá bóng vừa thổi còi”.

Trên đây là giả thiết việc đấu thầu diễn ra đàng hoàng, trong sạch, không có chuyện “đi cổng sau” hay “cảm tình riêng”. Trong tình hình của ta ở giai đoạn này, khi mà ngay cả tòa án, thanh tra, công an, cũng không hoàn toàn miễn dịch với tham nhũng, lối quản lý tập trung bao hàm cơ chế xin-cho, dù ở dạng nào, cũng tiềm ẩn những yếu tố thử thách không dễ vượt qua đối với tính trung thực của nhà khoa học (dự thầu) lẫn cơ quan quản lý (chấm thầu). Ta đã có quá nhiều bài học, và theo kinh nghiệm, nên

tránh sự cám dỗ hơn là đương đầu với nó.

## **Gian lận thi cử có phải do bệnh thành tích?[\[36\]](#)**

Một tháng nay dư luận xã hội còn chưa hết ngỡ ngàng vì những biểu hiện nương tay với tham nhũng lộ rõ qua kỳ họp Quốc hội thì tiếp đến là những tin tức dồn dập về gian lận thi cử ở Hà Tây, Tiền Giang, và nhiều nơi khác trong mùa thi.

Năm nào cũng vậy, cứ sau mỗi buổi thi THPT và ĐH-CD là sân trường ngập trắng các phao mà kỹ nghệ sản xuất của Việt Nam thì từ lâu không nước nào sánh kịp (sau thi THPT tại Hà Nội còn phát hiện mấy tạ phao chưa bán hết!). Chuyện thí sinh quay cóp, giám thị tiếp tay đã trở nên quá đỗi bình thường, có vẻ như thiếu cảnh đó thì không còn là thi cử trên cái xứ nghìn năm văn hiến này.

Tuy nhiên, năm nay có điểm khác với mấy năm trước là gian lận thi cử bắt đầu sử dụng công nghệ cao (điện thoại di động), và nhất là đã đạt đến trình độ tổ chức bài bản, mua được cả hội đồng thi, hay chuẩn bài giải sẵn một lúc cho cả hàng trăm thí sinh. Và không chỉ học sinh phổ thông quay cóp, gian lận, mà cả nhiều quan chức, cán bộ lãnh đạo (nghe nói có cả ủy viên Trung ương Đảng) cũng quay cóp, gian lận, nhờ người thi hộ, thi kèm, dĩ nhiên không phải thi THPT mà ở những kỳ thi quan trọng hơn.

Đáng lo hơn nữa là trong lúc tệ nạn gian lận phát triển mạnh thì người dân vẫn chưa được thấy rõ sự nghiêm minh của pháp luật. Trái lại có nhiều dấu hiệu cho phép nghi ngờ rằng quan chức cấp càng cao thì hành vi gian lận càng được bao che, xử lý qua loa cho có chuyện.

Cái nét mới ấy của gian lận thi cử mới là chuyện quan trọng. Nó khiến người ta không thể bằng lòng ở cách giải thích nguyên nhân xem đó là do bệnh thành tích, và người dân, phụ huynh học sinh, cũng là đồng tác giả của mọi tiêu cực trong nhà trường. Phải đi xa hơn, phải phân tích sâu hơn, để truy tìm cho ra bản chất căn bệnh này thì mới có hy vọng chữa trị được.

Khi mà ngoài xã hội sự gian dối, với biểu hiện tệ hại nhất là tham nhũng, đang lộng hành ở hầu hết mọi lĩnh vực hoạt động và có vẻ như ngày càng lôi cuốn được nhiều quan chức ngấm ngấm đồng tình, dung túng, ủng hộ, thì thật tình tôi chưa thấy ánh sáng trong đường hầm tăm tối của cuộc chiến chống gian lận thi cử. Muốn chống tiêu cực trong giáo dục, cần phải thấy hết cái nguyên nhân xã hội đó.

Chừng nào quản lý xã hội còn duy trì những cơ chế làm phát sinh, khuyến khích tham nhũng, chừng nào chính quyền còn chưa thật sự nghiêm với tham nhũng, thì xã hội chưa trong sạch, mà rất khó có nhà trường trong sạch trong một xã hội chưa trong sạch. Tuy cũng có khi có thể nói ngược lại: Muốn xã hội trong sạch trước hết phải có nhà trường trong sạch. Nhưng trong hoàn cảnh thực tế hiện nay của ta thì trong mối quan hệ qua lại giữa nhà trường và xã hội theo tôi cần thấy sự trong sạch của xã hội là quyết định.

Thứ hai là ngay bản thân hệ thống giáo dục được xây dựng trên cơ sở hư học, học vẹt, học theo lối

từ chương, khoa cử, lại đầy rẫy giả dối trong phương thức và nội dung giáo dục. Làm sao trong một nền giáo dục như thế mà thi cử có thể nghiêm túc, học hành có thể nghiêm túc, làm sao không quay cóp, không chạy điểm, không chạy bằng. Trước mắt, cách thức thi cử lạc hậu cũng là một nguyên nhân trực tiếp đẻ ra tiêu cực. Vậy nên cải cách thi cử cũng là biện pháp hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục, giảm bớt và hạn chế tiêu cực trong giáo dục.

Thứ ba là chế độ và cung cách quản lý giáo dục, vô tình tạo ra (và tôn vinh) sản phẩm giả, sản phẩm dỏm. Hai việc kỳ lạ không thấy có ở đâu trên thế giới là chế độ trả lương cho thầy giáo và chế độ thi đua, khen thưởng trong giáo dục. Đồng lương chính thức như hiện nay thì làm sao cấm những nguồn thu nhập phụ khác gây ra tiêu cực, còn chế độ thi đua như hiện nay thì vừa hình thức, vừa tốn kém, vừa khuyến khích làm dối báo cáo hay và đẩy nhà trường ra khỏi mọi chuẩn mực hoạt động lành mạnh bình thường. Ở Liên Xô những năm ba mươi thế kỷ trước đã từng có kinh nghiệm thi đua trong nhà trường y như ta hiện nay, và họ đã có kết luận không những không có lợi mà còn có hại về nhiều phương diện cho nên đã bãi bỏ. Thiết tưởng ta cũng nên suy nghĩ. Đương nhiên thi đua theo kiểu hiện nay không phải là nguyên nhân duy nhất sinh ra bệnh thành tích, nhưng chí ít nó cũng nuôi dưỡng căn bệnh này. Vì vậy đã đến lúc cần xem xét dừng hẳn bãi bỏ thi đua và thay bằng những phương thức quản lý tiên bộ hơn, không chỉ trong giáo dục, mà cả trong các ngành khác. Làm sao có thể hài lòng với thi đua khi có những đơn vị bê bối mà vẫn được nhận Huân chương cao quý Hồ Chí Minh?

## Xã hội hóa hay là đẩy gánh nặng cho dân?[\[37\]](#)

Sắp bước vào năm học mới, trong khi cả xã hội chưa hết bàng hoàng về kết quả thấp của kỳ thi THPT nghiêm túc đầu tiên, thì nhiều gia đình đang nháo nhác lo âu chuyện học phí rục rịch tăng. Hai việc như cộng hưởng để gây bức xúc lớn: chất lượng thấp đi đôi với học phí ngày càng cao, thật khó thông cảm. Tuy ai cũng biết những khó khăn của ngành giáo dục, nhưng có lẽ cơ quan quản lý giáo dục cũng cần hiểu rõ hơn những khó khăn của dân, nhất là vào lúc đời sống còn nhiều mặt bất an như mấy tháng gần đây.

Qua báo chí có thể thấy rõ phản ứng không mấy thuận lợi của số đông người dân đối với chủ trương tăng học phí. Số là từ mấy năm nay, theo quan điểm “thị trường là tất cả”, lý luận “giáo dục là hàng hóa” đã du nhập vào nước ta và được sử dụng để biện minh cho chủ trương “xã hội hóa” mà nội dung được hiểu rất tùy tiện, như GS Bùi Trọng Liễu đã phân tích trong bài [1]. Lý do đưa ra để tăng học phí là vì kinh phí nhà nước cấp cho giáo dục quá thấp, lương thầy cô giáo không đủ sống, nếu cứ giữ học phí ở mức hiện nay thì chất lượng giáo dục khó có thể cải thiện. Mới thoát nghe tưởng có lý nhưng suy xét kỹ hơn, đó là cái lý thiếu trách nhiệm muôn thuở của cơ quan quản lý. Không đi sâu vào lý luận có nên xem giáo dục là hàng hóa không, và điều đó hàm nghĩa gì, có hệ lụy gì đến trách nhiệm của Nhà Nước đối với quốc sách hàng đầu này, tôi chỉ xin nêu lên mấy sự việc sau, mong các cơ quan hữu trách cân nhắc để có thái độ thận trọng trước một vấn đề mà ý nghĩa có thể vượt quá tác động trực tiếp của nó đến đời sống người dân.

1. *Phải chăng vì thiếu tiền nên chất lượng giáo dục sút kém, do đó cần tăng học phí để nâng cao chất lượng giáo dục?* Rõ ràng tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích dỏm, làm láo báo cáo hay, học sinh ngồi nhầm lớp, giáo viên đứng nhầm lớp, vi phạm đạo đức nghề thầy, chương trình, sách giáo khoa sai sót nhiều, không ổn định, dạy thêm học thêm tràn lan, chạy trường, chạy lớp, học giả bằng thật, v.v. đều không phải do thiếu tiền. Vừa qua bệnh tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích đã được khắc phục một bước, đâu phải nhờ ngành giáo dục đã được cấp thêm kinh phí? Có ý kiến cho rằng Nhà Nước hiện chỉ cho giáo dục 20% ngân sách, nhưng giả dụ có tăng lên đến 25% thì cũng không chắc giải quyết nổi những vấn đề bức xúc của giáo dục. Đúng vậy, chỉ xin nói thêm: giả dụ có tăng lên 30-40% ngân sách và tăng học phí nhiều, nhiều lần nữa, cũng chẳng có tác dụng gì nhiều nếu không thay đổi phong cách làm giáo dục. Vì sao? Vì chất lượng giáo dục kém hoàn toàn không phải do thiếu tiền. Từ 1998 đến 2007, đầu tư của Nhà Nước cho giáo dục tăng gấp 6 lần (từ 11.754 tỉ lên 67.000 tỉ), chưa kể tiền vay của nước ngoài 1,1 tỉ USD, trong khi đó số lượng học sinh, sinh viên không tăng bao nhiêu. Cho nên không thể viện cớ khung học phí 10 năm nay không thay đổi để biện minh cho đề nghị tăng học phí. Căn bệnh trầm kha của giáo dục không thể chữa trị nếu chỉ lo tăng đầu tư và phần đóng góp của người học.

2. *Phải chăng cần tăng học phí để tăng lương cho giáo viên đủ sống?* Chỉ cần phân tích số liệu thực tế một cách khách quan cũng đủ rút ra kết luận (xem chẳng hạn [2] và [3]): gộp cả phần ngân sách chi cho lương và các khoản thu nhập khác của giáo chức với tiền đóng góp của dân qua học phí đủ loại, thì lương trung bình thầy cô giáo phổ thông phải gấp 3-4 lần lương chính thức. Điều cực kỳ phi lý đó của cơ chế sử dụng tài chính công chính là thủ phạm số một của tệ nạn tham nhũng đang hoành hành trong bộ máy hành chính của chúng ta, và riêng trong ngành giáo dục, nó cũng là thủ phạm số một của mọi sự tiêu cực, khuất tất ở đây. Theo nhận định chung, trên cơ sở các kết quả điều tra thực tế, hiện nay thu nhập của phần đông giáo chức đã đủ sống tương đối, đã có không ít giáo viên ở thành phố có thu nhập trên dưới 10 triệu đồng/tháng, thậm chí cá biệt vài chục triệu đồng/tháng. Vậy vấn đề cấp bách không phải ở chỗ lương thấp mà ở chỗ: lương chỉ là một phần nhỏ thu nhập, mà thu nhập này thì không phụ thuộc nhiệm vụ chính, lại được phân phối khá tùy tiện, gây ra nhiều bất công, và hơn nữa, khiến quan chức ngày càng quan liêu, còn thầy cô giáo thì luôn đầu tắt mặt tối để làm những việc ngoài trách nhiệm trực tiếp. Sao không tìm cách xóa bỏ cái nghịch lý trớ trêu đó trên cơ sở chấn chỉnh cơ chế tài chính cho minh bạch, công bằng, và giảm thiểu tối đa những chi tiêu lãng phí đang làm thất thoát biết bao tài sản? Đó mới thật là giải pháp căn cơ để tiến đến đồng lương công bằng cho giáo viên, tuy giải pháp này khó thực hiện, song không khó vì bản chất bất khả thi mà chỉ khó vì đụng chạm tới lợi ích của những nhóm người đã quen được ưu đãi bởi cơ chế tài chính thiếu công bằng và thiếu minh bạch đã tồn tại lâu nay.

3. *Phải chăng chỉ cần có chính sách học bổng thích hợp thì tăng học phí vẫn bảo đảm cho người nghèo đi học được?* Trước hết cấp học phổ cập phải hoàn toàn miễn phí, còn các cấp học khác, nếu bắt buộc phải tăng học phí thì tối thiểu cũng cần có chính sách học bổng cho người nghèo, đồng thời học phí không thể đồng loạt, mà cần có phân biệt theo vùng, miền. Lý thuyết thì vậy, song khi nhìn vào thực trạng bộ máy hành chính mà tình trạng quan liêu, tham nhũng từ nhiều năm rồi chưa được cải thiện nhiều, ai dám chắc sẽ không xảy ra điều trái ngược: người giàu hay có quyền chức lại chạy được học bổng, hoặc trả học phí thấp, còn người nghèo không trả nổi học phí, có khi đành bỏ học. Có thể những trường hợp oái oăm như thế không đến nỗi là đa số, nhưng ai dám khẳng định không nhiều, không phổ biến, và dù cho chỉ là số ít thì Nhà Nước có thể dừng dừng được chăng?

Thật ra kinh nghiệm thực tế không cho phép ta hy vọng quá nhiều ở chính sách học bổng. Mặc dù chính sách ấy đã có từ lâu, song mấy năm gần đây số học sinh tiểu học giảm (từ 9,7 triệu năm 2000 còn 7,8 triệu năm 2004) trong khi dân số vẫn tăng có thể là do có nhiều học sinh bỏ học. Học phí chưa tăng mà còn như thế thì tới đây nếu học phí tăng lên tình hình sẽ ra sao? Theo tính toán của TS Vũ Quang Việt [3] có thể dự đoán bức tranh rất ảm đạm nếu học phí đồ đồng tăng từ 66 nghìn lên 200 nghìn/tháng. Đến mức đó người dân sẽ tự hỏi mục tiêu của chính sách giáo dục là vì ai? Nếu chúng ta nhớ rằng ngoài học phí, còn có bao nhiêu khoản phí khác về sách vở, về học thêm, nếu không chi thì

cơ hội học được trường tốt, và lọt được vào cấp học cao hơn rất mong manh, thì mới thấy hết sự bất công còn tồn tại trong nền giáo dục của chúng ta.

4. *Phải chăng do Nhà nước không thể bao cấp hết cho giáo dục, nên phải đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục trong đó có việc tăng học phí?* Ngay ở các nước giàu OECD, phần đóng góp của dân cho giáo dục cũng chỉ quanh quẩn 20%, trong khi ở nước ta tỉ lệ ấy đã vượt 40%, thế vẫn chưa đủ sao? Có người còn cho rằng quan niệm giáo dục là hàng hóa đã chiếm ưu thế trên thế giới, ta không nên né tránh thị trường giáo dục, mà phải trả giáo dục về cho xã hội. Trong thực tiễn quản lý giáo dục điều đó thường dẫn đến giảm thiểu trách nhiệm của Nhà Nước và trút hết gánh nặng tài chính về giáo dục cho dân. Thật là trớ trêu, trong lúc hàng trăm doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ gây nên những món nợ khổng lồ không biết bao giờ mới thanh toán nổi, mà các tổng giám đốc vẫn điềm nhiên hưởng lương mấy chục triệu đồng/tháng, thì ngành giáo dục lại đang bàn tính chuyện tăng học phí, cổ phần hóa đại học công, khuyến khích tư nhân góp vốn kinh doanh giáo dục lấy lãi, lấy có hội nhập xu thế quốc tế. Trong khi đó, ở các nước văn minh, những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ phải đóng cửa, và tuyệt đại đa số đại học tư đều vô vị lợi, thắng hoặc có vài cái vị lợi thì chẳng có chút uy tín gì.

Tuy nhiên điều quan trọng nhất không phải ở đó. Không sa vào tranh cãi lý thuyết, tôi chỉ suy nghĩ đơn giản thế này: tham nhũng, lãng phí, quan liêu từ hàng chục năm nay chưa giảm, thậm chí còn có mặt trầm trọng hơn, đời sống người dân đang còn bao chuyện bất an như tai nạn giao thông luôn rình rập, thực phẩm thiếu an toàn, y tế nhiều sự cố, vật giá leo thang chóng mặt, dịch bệnh gia súc phát triển, mà chính lúc này lại tăng học phí, lấy có Nhà Nước không đủ tiền lo cho giáo dục, thì quả tình không ổn, lòng dân thêm bất an.

Nói cho cùng, một chính quyền vì dân nhiều hay ít chủ yếu phải thể hiện ở mấy mặt: 1) trong sạch, ít tham nhũng; 2) thân thiện với dân, không hành dân; 3) bảo đảm cho dân các quyền dân chủ trong đó có quyền được học hành. Xin kiến nghị Chính Phủ mới và Quốc Hội mới cho tạm dừng đề án tăng học phí, để giảm bớt lo lắng cho các gia đình lao động.

### **Các tài liệu đã dẫn:**

1. Bùi Trọng Liễu: Những kỳ dị đằng sau cụm từ “xã hội hóa giáo dục”

[www.vietnamnet.vn/giaoduc/vande/2007/07/7211](http://www.vietnamnet.vn/giaoduc/vande/2007/07/7211)

2. Vũ Quang Việt: Chi tiêu cho giáo dục: những con số giật mình

[www.vietnamnet.vn/giaoduc/vande/2007/07/718033](http://www.vietnamnet.vn/giaoduc/vande/2007/07/718033)

3. Vũ Quang Việt: Tăng học phí: bao nhiêu học sinh bỏ học?



## Học phí và đổi mới giáo dục<sup>[38]</sup>

Từ vài tháng nay đề tài học phí sôi nổi khác thường. Điều đó chứng tỏ tuy đời sống nói chung được nâng cao song đa số dân vẫn còn rất nghèo và học phí đối với họ vẫn là mối lo lớn khi cho con đi học. Nhất là cộng với học phí còn có biết bao khoản phí khác cũng chờ dựa vào học phí để tăng theo vô tội vạ. Trong một xã hội mà từ ngàn xưa việc nuôi con ăn học sao cho nên người được coi là nghĩa vụ hàng đầu của các bậc cha mẹ, thì vấn đề học phí lại càng nhạy cảm.

Tôi hoàn toàn thông cảm với ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: một bên thì những khó khăn lớn để lại từ trước, khiến cho không tăng học phí sẽ rất khó bảo đảm chất lượng giáo dục, một bên thì người dân chưa sẵn sàng chấp nhận học phí cao. Cho nên những ý kiến đóng góp sau đây đều trên tinh thần xây dựng và thông cảm đó, chỉ để mong giúp chúng ta gỡ các khó khăn một cách hợp lý nhất.

Trong vài dịp được phát biểu trên báo (báo *Người lao động* ngày 14/8/07, báo *Tuổi trẻ* ngày 12/9/07, và báo *Lao động* ngày 24/9/07) tôi chủ yếu nói về học phí ở cấp phổ thông, và đề nghị ngay trong năm học này, giữa lúc tham nhũng chưa bị đẩy lùi, kiểm toán Nhà nước vừa phanh phui bao chuyện thất thoát công quỹ, hơn nữa, đời sống người dân đang rộn lên bao chuyện bất an (tai nạn giao thông, an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường, vật giá leo thang, v.v.), thì đặt vấn đề tăng học phí chưa ổn. Còn về lâu dài, muốn chấn hưng giáo dục thật sự đạt kết quả, Chính phủ và Quốc hội cần quyết liệt hơn nữa chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, và riêng trong ngành giáo dục cần chấn chỉnh quản lý trong nội bộ ngành, rà soát lại mọi chế độ, quy định, tổ chức, để sử dụng đầu tư của Nhà nước và nhân dân có hiệu quả hơn. Tôi tin rằng ngân sách ngành Giáo dục và Đào tạo được cấp, cộng thêm phần đóng góp trực tiếp của dân (bằng 2/3 ngân sách) hoàn toàn đủ cho nhu cầu giáo dục phổ thông mà không cần tăng học phí. Vì sao có thể tin như vậy? Ở Hà Nội và một vài nơi khác có những trường phổ thông tư thục đạt chất lượng tốt, với mức học phí không cao hơn bao nhiêu so chi phí học ở trường công, mà họ vẫn trả lương cao cho giáo viên lại thu được lợi nhuận lớn, chứng tỏ chất lượng ở trường công thấp hoàn toàn không phải do thiếu tiền mà do quản lý kém và cách làm giáo dục chưa tốt.

Riêng đại học thì có khác vì dù thế nào ở đây Nhà nước vẫn cần đầu tư thêm. Tuy nhiên khoản đầu tư này cũng phải chủ yếu từ công quỹ, và đi đôi với chấn chỉnh quản lý để sử dụng có hiệu quả. Ở đây nên đặc biệt lưu ý tình hình là trong khi nhiều trường Phổ thông tư thục đạt chất lượng khá mà vẫn lãi cao, thì phần lớn các đại học tư thu lợi nhuận cao đều đạt chất lượng rất thấp so với chất lượng đã chẳng cao gì của đại học công. Nếu không lo chấn chỉnh thì rồi đây nhiều trường nước ngoài chất lượng rất xoàng nhưng học phí đắt có thể ồ ạt nhảy vào và vẫn cạnh tranh tốt với các trường trong nước, làm cho giáo dục đại học thêm xuống cấp và tăng thêm lãng phí của xã hội. Mới đây tôi rất sững sốt đọc một tin trên báo cho biết một đại học công ở Hà Nội, có thời kỳ chỉ trong vòng 3 năm mà lãi đến 27 tỉ đồng, số lãi đó từ nguồn nào nếu không phải từ nguồn học phí, đặc biệt là học phí thu ở

những lớp “liên kết đào tạo” với các địa phương khác, mà chất lượng ai cũng biết cực kỳ thấp? Đó như thế mà nay tăng học phí nữa thì những trường đó sẽ lãi đến bao nhiêu, thật khó chấp nhận.

Có một số vấn đề nguyên tắc phải tôn trọng nếu thật sự ta muốn xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ. Thứ nhất, cấp phổ cập phải tuyệt đối miễn phí, hơn nữa phải tiến đến chỗ sách giáo khoa cũng được cấp hoặc cho mượn. Thứ hai, trên cấp phổ cập (từ cấp 3 phổ thông trở lên) thì trong giai đoạn nào đó trường công lập có thể thu học phí nhưng học phí phải khác nhau tùy vùng giàu, nghèo, và phải đi đôi với chính sách học bổng thực sự hữu hiệu, đồng thời về lâu dài vẫn cần tiến đến chỗ miễn phí, hoặc thu phí rất thấp chỉ để nhắc nhở trách nhiệm cho người học, hoặc Nhà nước cho vay tiền để đi học như Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa có chủ trương rất đúng đắn.

Thật ra, hợp lý nhất là nên như ở các nước tiên tiến, sự công bằng được thực hiện chủ yếu qua chính sách thuế: thu nhập càng cao thì thuế càng cao, thu nhập thấp thì thuế thấp hoặc được miễn thuế. Sau khi công bằng được thực hiện qua mức thuế như vậy thì chính sách học phí và học bổng ở trường công không cần quá lo lắng phân biệt giữa người giàu hay nghèo, mà chủ yếu chỉ phân biệt ở phẩm chất và tài năng (merit): càng có phẩm chất, tài năng thì càng được tạo điều kiện để phát triển tài năng. Theo quan điểm này, Nhà nước nên đầu tư xây dựng những trường chất lượng đặc biệt, cao hơn hẳn các trường bình thường, nhưng học phí ở các trường đó không cao hơn ở các trường bình thường, thậm chí nên thấp hơn, và tiêu chuẩn tuyển sinh chỉ dựa vào phẩm chất, năng lực, ai giỏi thì được vào học. Không thể lấy cớ Nhà nước đầu tư vào các trường đó nhiều thì phải thu học phí cao, và làm như vậy là dùng tiền đóng thuế của toàn dân nhưng chỉ phục vụ được người có thu nhập cao, rõ ràng là sự bất công cần tránh<sup>[39]</sup>.

Vậy giải quyết thế nào khi ngân sách (tiền đóng thuế của dân) không đủ để vừa thực hiện công bằng theo cách nói trên, vừa thỏa mãn nhu cầu chính đáng của những gia đình có thu nhập cao muốn chi trả cao để con em được hưởng dịch vụ giáo dục chất lượng tốt? Chính vì chỗ này mà cần khuyến khích mở những trường tư thục không vì lợi, kiểu như các đại học tư thục ở Mỹ hay các nước tiên tiến khác. Những đại học này không lấy tiền công quỹ để hoạt động nên có thể lấy học phí cao tùy theo chất lượng, ai có khả năng chi trả thì vào học. Tuy vậy, với mục đích không phải kiếm lời mà nhằm phục vụ cộng đồng, nên trên thực tế tiêu chuẩn tuyển sinh vào các trường đó cũng dựa vào phẩm chất tài năng là chính. Đồng thời đối với các trường tư thục như thế Nhà nước có thể hỗ trợ tài chính, dưới hình thức học bổng, cho những sinh viên học giỏi mà nghèo, không có khả năng trả học phí cao.

Không nên đặt vấn đề trường công mà học phí lại tùy khả năng chi trả của gia đình để cho có công bằng. Tốt hơn, như trên đã nói, công bằng phải được thực hiện khi đóng thuế, còn khi dùng công quỹ để cung cấp dịch vụ thì mọi công dân nên được hưởng bình đẳng, chỉ ưu đãi đối với tài năng. Ở nước ta, việc thu thuế chưa thực hiện công bằng do chưa kiểm soát đúng thu nhập của mọi công dân cho nên

nhiều người thường xem là đương nhiên việc Nhà nước cần đầu tư mở các trường có chất lượng cao thu học phí cao, để đáp ứng nhu cầu của các gia đình có khả năng chi trả cao. Theo tôi, đó là sai lầm. Chỉ nên để những trường tư thục, do tư nhân đầu tư mới thu học phí cao tương ứng với chất lượng, còn trường công chất lượng cao mà thu học phí cao thì chỉ con em có khả năng chi trả cao mới vào học được trái với nguyên tắc tiền đóng thuế của dân không thể sử dụng để ưu tiên phục vụ người có thu nhập cao.

Nhân đây cũng xin đề nghị Chính phủ xem xét lại chủ trương cổ phần hóa trường công và hỗ trợ tài chính (kể cả đất đai) cho cả các trường tư nhằm mục đích lợi nhuận. Như thế không phải là “xã hội hóa” theo hướng đúng. Nhìn xa hơn, sự nghiệp giáo dục có phát triển tốt hay không là tùy ở thành công của chúng ta trong công cuộc chống tham nhũng và lãng phí. Mấu chốt ở đây là chế độ lương đối với cán bộ, công chức (kể cả cán bộ, nhân viên ở các đoàn thể), bất công, thiếu minh bạch, kéo dài từ mấy thập kỷ nay, tạo ra tình hình ai cũng lương thấp mà thật ra nhiều người thu nhập rất cao, trốn được thuế, và hơn nữa lối quản lý đó tạo kẽ hở cho tham nhũng phát triển tràn lan mọi ngành, mọi địa phương, mọi cấp chính quyền, như kết quả hai đợt kiểm toán vừa qua đó cho thấy. Chừng nào còn lỗi hệ thống đó thì tham nhũng chưa thể diệt được và đổi mới giáo dục còn dừng ở mức khẩu hiệu, phong trào, chưa đủ khả năng đi vào đời sống thật sự như chúng ta mong muốn.

## **Khủng hoảng giáo dục:**

### **Nguyên nhân và lối ra trước thách thức toàn cầu hóa<sup>[40]</sup>**

#### **1. Khủng hoảng hay thành tựu?**

Mặc dù tín hiệu báo động đỏ đã phát ra từ lâu, và nguyên Thủ Tướng Phan Văn Khải khi từ nhiệm đã thừa nhận chính thức sự không thành công của giáo dục, đến nay thực trạng nghiêm trọng của giáo dục Việt Nam vẫn chưa được đánh giá đúng mức. Nhiều người có trách nhiệm vẫn tự ru ngủ mình với những thành tựu to lớn, thực và ảo, của giáo dục.

Đương nhiên, nếu cô lập Việt Nam với thế giới thì không đến nỗi quá lo lắng. Song nếu đặt giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhìn tình hình một cách khách quan và có trách nhiệm, thì không thể nhắm mắt trước sự tụt hậu ngày càng xa của giáo dục Việt Nam so với các nước xung quanh, và so với yêu cầu phát triển của xã hội. Thực tế, đất nước nghìn năm văn hiến này đang trả giá nặng nề cho sự suy thoái trầm trọng của giáo dục kéo dài suốt ba mươi năm qua.

Giáo dục là một hệ thống phức tạp được đặc trưng bởi mục tiêu, cấu trúc, tổ chức (bao gồm các phần tử và các hệ thống con), phương thức vận hành và hiệu quả hoạt động. Nếu mỗi yếu tố ấy đều có quá nhiều trục trặc nghiêm trọng kéo dài hàng thập kỷ mà không khắc phục được, khiến mọi sự điều chỉnh cục bộ theo cơ chế phản hồi đều không cứu vãn nổi, thì tình trạng ấy phải được xem là sự khủng hoảng toàn diện.

Nhìn lại hệ thống giáo dục Việt Nam, những dấu hiệu khủng hoảng đã lộ rõ từ lâu và ngày càng đậm nét.

Từ chỗ trước đây dù sao cũng là sự nghiệp toàn dân, là “bông hoa của chế độ”, nay giáo dục đã dần dần mất phương hướng, không còn rõ giáo dục cho ai, vì ai, để làm gì. Trách nhiệm của Nhà nước đối với giáo dục có nguy cơ sút giảm để dần dần nhường chỗ cho quan niệm tư nhân hóa cực đoan, phủ nhận giáo dục với tư cách lợi ích công cộng biến nó thành một thứ hàng hóa thuần túy, thuận mua vừa bán theo cung cầu của một thứ thị trường vô tâm. Giữa mục tiêu lý thuyết và thực tiễn thực hiện tồn tại khoảng cách ngày càng gia tăng, có nguy cơ đẩy giáo dục xa rời lý tưởng công bằng, dân chủ, văn minh mà xã hội đang muốn hướng tới.

Cơ cấu tổ chức và hoạt động giáo dục mất cân đối, rối loạn trầm trọng giữa giáo dục phổ thông, dạy nghề, cao đẳng, đại học, giữa trường tư, trường công, giữa chuyên tu, tại chức, đào tạo liên kết, v.v. tất cả làm thành một hệ thống tạp nham, rối ren không đồng bộ, thiếu nhất quán, hoạt động phân tán, rời rạc, mà mỗi đơn vị tuân theo lợi ích cục bộ, thiển cận, nhiều hơn là quan tâm đến lợi ích cơ bản và lâu dài của cộng đồng (gần đây nhất, giữa lúc Chính Phủ kêu gọi mọi ngành ngành giảm bớt giá thì ngành giáo dục tăng giá sách giáo khoa 10%).

Nội dung và phương pháp giáo dục thể hiện xu hướng hư học cổ lỗ, dành nhiều thời gian học những kiến thức lạc hậu vô bổ (sau nhiều lần bàn cãi cũng chỉ mới giảm được thời lượng bắt buộc). Mặt khác lại quá thực dụng thiên cận, thiên về triết lý mì ăn liền mà coi nhẹ những vấn đề có ý nghĩa cơ bản suốt đời cho mỗi người như: hình thành nhân cách, rèn luyện năng lực tư duy, khả năng cảm thụ. Coi nhẹ kỹ năng lao động, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, đức tính trung thực, năng lực sáng tạo, trí tưởng tượng, là những đức tính thời nào cũng cần nhưng đặc biệt thời nay càng cần hơn bao giờ hết. Bằng cách đặt nặng quá mức bằng cấp và thi cử, nhà trường đã vô tình tuôn ra xã hội mọi thứ rác rưởi độc hại: bằng giả, bằng dỏm, học giả, v.v.

Chất lượng giáo dục sa sút một thời gian dài, nhất là ở đại học, cao đẳng và dạy nghề, khiến nhân lực đào tạo ra còn rất xa mới đáp ứng được đòi hỏi thực tế về cả chất lượng và số lượng, do đó đang trở thành nhân tố cản trở nghiêm trọng sự phát triển kinh tế. Dân trí thấp - hệ quả tất nhiên của giáo dục yếu kém - tác động tiêu cực đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, an toàn giao thông, và hàng loạt vấn nạn khác. Thêm vào đó, chất lượng giáo dục quá thấp là nguyên nhân quan trọng gây ra nạn chảy máu chất xám đang làm xã hội mất đi những nguồn lực trí tuệ quý giá.

Trong khi chất lượng giáo dục sa sút thì chi phí giáo dục tăng liên tục, trở thành gánh nặng phi lý không chỉ cho ngân sách quốc gia, mà còn cho mọi gia đình vì phần đóng góp trực tiếp của dân ngoài thuế lên đến hơn 40% tổng chi phí giáo dục.

Bấy nhiêu vấn nạn kéo dài hàng chục năm mặc cho mọi cố gắng khắc phục chứng tỏ đây chủ yếu là sự khủng hoảng từ bên trong hệ thống giáo dục.

Tuy nhiên, còn may là vượt lên trên tình hình chung không mấy sáng sủa đó vẫn có những điểm sáng nhất định (lác đác trong từng cấp học đều có những đơn vị khá thành công), chứng tỏ tiềm năng phát triển giáo dục ở đất nước này còn nhiều. Hai năm gần đây đã có một số chuyển biến tích cực nhưng vì chưa động tới các vấn đề cốt lõi - nơi sức ỳ đã bám rễ trong nhiều năm - nên chưa tạo đủ xung lực cho một cuộc lột xác của giáo dục hiện đang là đòi hỏi cấp bách của xã hội.

## **2. Nguyên nhân khủng hoảng**

Điều gì đã khiến nền giáo dục của một đất nước vốn có truyền thống hiếu học lâu đời rơi vào suy thoái trầm trọng vào đúng thời điểm mà lẽ ra nó phải là bệ phóng cho kinh tế cất cánh?

Hoàn toàn không phải do nghèo, vì công sức, tiền của lãng phí, thất thoát hàng năm vô cùng lớn. Nguyên nhân khủng hoảng phải thẳng thắn nhìn nhận là do quản lý, lãnh đạo dưới tầm. Từ quan niệm, tư duy cơ bản (triết lý giáo dục, theo cách nói gần đây) cho đến thiết kế hệ thống và quản lý, điều hành, mọi khâu đều có những bất cập, sai lầm nghiêm trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ hệ thống.

Cái gốc của phần lớn sai lầm ấy là quan niệm, tư duy xơ cứng về giáo dục, quá cũ kỹ mà qua hai

thập kỷ hầu như không thay đổi. Vẫn cách suy nghĩ thiên cận, vẫn những quan điểm giáo điều thời bao cấp, được biến tấu ít nhiều để thích nghi với những xu hướng phiêu lưu du nhập từ bên ngoài phù hợp với từng nhóm lợi ích chi phối các hoạt động giáo dục.

Mọi người đều biết thời nào, chế độ nào thì một nền giáo dục chân chính cũng có sứ mạng cao cả giống nhau về giáo dục con người. Đồng thời trên cái nền chung đó mỗi thời, mỗi xã hội đặt những nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể khác nhau cho giáo dục. Không thấy hai mặt đó mà chỉ thiên một mặt này hay mặt kia, thậm chí để hai mặt đó xung đột, sẽ dẫn đến một nền giáo dục hoặc thoát ly thực tế hoặc thực dụng thiên cận, hoặc vừa có cả hai tính chất đó. Chẳng hạn, thời nào thì con người sống trong xã hội lành mạnh cũng cần trung thực, và muốn đóng góp vào sự phát triển của xã hội cũng phải ít nhiều có đầu óc sáng tạo, nhưng chưa bao giờ hai đức tính đó thiết yếu như bây giờ trong thế giới toàn cầu hóa và kinh tế tri thức. Điều đó tiếc thay đã không được chú ý trong suốt quá trình xây dựng giáo dục ở Việt Nam. Trong khi xã hội và môi trường quốc tế đã biến đổi cực kỳ sâu sắc mà từ mẫu giáo đến đại học, nhà trường vẫn dựa vào kinh nghiệm giáo dục tư tưởng chính trị thời đấu tranh giành độc lập và xây dựng chủ nghĩa xã hội để rèn luyện nhân cách, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, thì với sự vênh đó giữa lý thuyết và đời sống, cộng thêm sự xuống cấp nhanh đạo đức xã hội, làm sao có thể giáo dục trung thực và sáng tạo có hiệu quả? Đó là nguyên nhân sâu xa khiến sự giả dối và nạn giáo điều lan tràn, từ tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích, bệnh thi đua hình thức, cho đến nạn sao chép, dạy mẫu, học thuộc lòng, cứ tồn tại dai dẳng bất chấp sự lên án của dư luận xã hội.

Gần đây, những cuộc tranh cãi xung quanh đề án tăng học phí, nạn học sinh bỏ học, ngồi nhầm lớp, v.v. cho thấy rõ một nguyên nhân căn bản của nhiều vấn nạn ấy là do nhận thức về công bằng, dân chủ trong giáo dục còn quá hời hợt và thô sơ. Chỉ mới chú ý yêu cầu sơ đẳng bảo đảm quyền học tập (nói chính xác là quyền bình đẳng về cơ hội học tập), mà ngay việc này cũng chưa được hiểu đúng và làm tốt. Trong khi đó, với chế độ học tập như hiện nay, buộc học sinh phải học thêm ngoài giờ rất nhiều (kể cả làm bài tập ở nhà và học thêm ngoài giờ có trả học phí), thì con em các gia đình nghèo làm sao có được cơ hội học tập thành công bình đẳng với con em các gia đình khá giả. Cho nên được đi học mới chỉ là bình đẳng một phần. Bình đẳng về cơ hội học tập không thôi chưa đủ mà phải bình đẳng về cơ hội học tập thành công. Không phải không có lý do mà ở nhiều nước, để bảo đảm công bằng về cơ hội thành công trong học tập, để giúp con em nhà nghèo không bỏ học giữa chừng, học sinh tiểu học và trung học không phải làm bài tập ở nhà mà đều làm hết ở trường, trong những giờ tự học có thầy giám sát. Ở các nước ấy cũng không có chuyện phải học thêm ngoài giờ ở lớp và không có học sinh phải bỏ học chỉ vì chương trình nặng, học không nổi hay sách giáo khoa quá đắt, không có tiền mua. Vì vậy hiện tượng học sinh bỏ học nhiều cần được nhìn nhận là dấu hiệu đáng lo ngại của một nền giáo dục thiếu công bằng.

Vào những năm 80 thế kỷ trước, khi kinh tế bế tắc, hệ thống giáo dục cũ gần như tan rã. Sai lầm cơ bản khi ấy là đã không xuất phát từ gốc để cải tạo hệ thống giáo dục mà chỉ cải sửa tùy tiện từng phần của nó trong khi vẫn khư khư giữ nền móng tư duy lạc hậu cũ. Rốt cuộc đã đẻ ra một hệ thống giáo dục dị dạng, đầu Ngô mình Sở, thường xuyên gặp khó khăn, đòi hỏi phải liên tục cải sửa, song càng sửa càng rối, càng bất cập.

Như trên đã nói, khủng hoảng giáo dục là từ bên trong, tức là chủ yếu do hậu quả của hàng loạt sai hệ thống. Trong đó đáng nêu nhất có một số sai căn bản như sau.

Sai đầu tiên tai hại nhất là về chính sách đối với người thầy, xuất phát từ quan niệm lệch lạc về sứ mạng và vai trò người thầy trong nền giáo dục hiện đại. Phản ứng lại tư duy lạc hậu trong nhà trường cũ, gán cho thầy quyền uy tuyệt đối theo quan niệm “không thầy đố mày làm nên”, biến giáo dục thành quá trình truyền đạt và tiếp thu hoàn toàn thụ động, đã xuất hiện tư duy cực đoan ngược lại, phủ nhận vai trò then chốt của thầy đối với chất lượng giáo dục. Với cách hiểu giáo dục thô sơ nặng về cảm tính, khi thì nhấn mạnh một chiều “học sinh là trung tâm”, khi khác tôn chương trình, sách giáo khoa lên địa vị “linh hồn giáo dục”, nhận định chất lượng đại học thấp “không phải do thầy mà do chương trình”, v.v. dẫn đến hoàn toàn xem thường việc xây dựng đội ngũ thầy giáo theo chuẩn mực giáo dục hiện đại.

Trong mọi khâu từ tuyển chọn đến sử dụng và bồi dưỡng người thầy, khâu nào cũng phạm sai lầm lớn. Đặc biệt tệ hại là chính sách lương. Ngay từ đầu đã bỏ qua kinh nghiệm muôn thuở “có thực mới vực được đạo”, trả lương cho thầy cô giáo dưới mức sống hợp lý, lấy cơ ngân sách eo hẹp (thật ra chỉ là sử dụng ngân sách không hợp lý), bỏ mặc các thầy cô “tự cứu” kiếm thêm thu nhập bằng mọi cách (dạy thêm, làm thêm, đến nỗi không hiếm giảng viên đại học dạy trên 30 giờ/tuần). Rốt cuộc phần thu nhập thêm đó cũng từ ngân sách hoặc tiền đóng góp của dân mà ra, nhưng cái giá phải trả cho cái nghịch lý lương/thu nhập đó là chất lượng giáo dục bị hy sinh, đạo lý xuống cấp, cần kiệm liêm chính mất dần, gây ra tình trạng hỗn loạn rất khó đảo ngược để lập lại trật tự, dân chủ, văn minh trong giáo dục.

Sai lớn thứ hai là chú trọng thi hơn học, quá nhiều kỳ thi “quốc gia”, mà thi theo cách học thuộc lòng, sao chép bài mẫu, lại thiếu nghiêm túc, sinh ra hội chứng thi rất đặc biệt của giáo dục Việt Nam, tái diễn cảnh lều chõng xa xưa ngay giữa thời toàn cầu hóa và kinh tế tri thức (với tâm lý rớt thi đặc trưng “đau quá đòn ghen, rát hơn lửa bỏng, ho bút ho nghiên, hổ lều hổ chõng”). Có thể nói không ngoa, muốn hiểu thực chất việc học ở Việt Nam như thế nào chỉ cần quan sát xã hội Việt Nam trong mùa thi. Thực học hay hư học, học để biết, để làm, để sống cuộc sống hữu ích, hay học để làm gì, tất cả đều phơi bày ra hết ở mùa thi. Trên thì Bộ Giáo dục và Đào tạo có cả một bộ máy đồ sộ để nghiên cứu nghĩ ra cách tổ chức thi, ra đề thi, chấm thi, thanh tra, giám sát thi, mỗi năm một kiểu, dưới thì các

lò luyện thi các lớp học thêm, dạy thêm, các máy sao chụp đua nhau hoạt động phục vụ học sinh đi thi. Suốt mấy năm trời hết ba chung rồi hai chung, hết tự luận rồi trắc nghiệm, thảo luận không dứt, nhưng không hề bắn khoăn: có cần thiết bấy nhiêu kỳ thi và thi căng thẳng như vậy không? Mặc dù đã có nhiều ý kiến đề nghị bỏ bớt các kỳ thi và thay đổi cách thi, nhưng với sức ì cố hữu của cơ quan quản lý, phải mất tám năm mới bỏ được cách thi kỳ quặc dựa theo bộ đề thi có sẵn, sau đó nhiều năm mới bỏ được thi tiểu học, thi THCS. Còn lại hai kỳ thi căng thẳng tốn kém nhất là thi THPT và thi tuyển sinh đại học, dự kiến sẽ kết hợp lại làm một, cũng là một tiến bộ dù chỉ mới nửa vời. Ở đại học, do đào tạo theo niên chế nên “thi tốt nghiệp” theo cách nặng nề, hình thức mà ít hiệu quả. Từ cách thi nhiều khế để ra làm dịch vụ ăn theo kỳ lạ ở mọi cấp: kỹ nghệ “phao” thi, thi thuê, viết luận án thuê, làm bằng giả, bằng thật nhưng học giả, v.v. Cho nên chừng nào còn thi kiểu này, còn học chỉ để thi, thì học còn phát triển, gây lãng phí lớn cho Nhà nước và cả xã hội. Nếu tính hết mọi khoản chi trực tiếp và gián tiếp phục vụ cho các kỳ thi thì tốn kém lên tới con số khủng khiếp khó có thể chấp nhận.

Sai lớn thứ ba là chạy theo số lượng, hy sinh chất lượng, bất chấp mọi chuẩn mực, thông lệ và kinh nghiệm quốc tế, khiến việc hội nhập khó khăn và không cạnh tranh nổi ngay với giáo dục các nước trong khu vực. Điều này rõ nhất, nghiêm trọng nhất ở cấp đại học và cao học (đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ). Thật ra, từ giữa thế kỷ XX mâu thuẫn gay gắt giữa số lượng và chất lượng đã xuất hiện phổ biến trong phát triển giáo dục ở hầu hết các nước trên thế giới. Việt Nam càng không phải là ngoại lệ, nhưng Việt Nam đi sau, có thể học hỏi kinh nghiệm của các nước để tránh sai lầm. Tiếc rằng nhiều kinh nghiệm tốt ở các nước đã không được áp dụng, hoặc áp dụng không thành công, chủ yếu vì thiếu nghiên cứu cho thấu đáo và không có cách nhìn hệ thống (đào tạo nghề, đại học đại cương là những ví dụ). Trong thời đại toàn cầu hóa, muốn hội nhập thành công, phải hiểu biết và tôn trọng luật chơi, trước hết là các quy tắc, chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Thế nhưng từ các chuẩn mực thông thường xây dựng một đại học về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy, cho đến việc tuyển chọn, đánh giá GS, PGS, tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ, đánh giá công trình nghiên cứu khoa học, đánh giá các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ, đánh giá các đại học v.v. phần lớn đều không theo những chuẩn mực quốc tế mà dựa vào những tiêu chí tự sáng tác, nặng về cảm tính thô sơ, rất thấp và rất khác so với quốc tế, thiếu khách quan, thiếu căn cứ khoa học, thiếu minh bạch dễ bị lợi dụng mưu lợi ích riêng cho từng nhóm thay vì phục vụ sự nghiệp chung. Với cách quản lý xô bồ đó, số phế phẩm tuôn ra xã hội ngày càng đông, tài năng làng nhàng chiếm ưu thế, rồi phế phẩm thế hệ 1 sản xuất ra phế phẩm thế hệ 2, cứ thế thành cái vòng xoáy tròn ốc nhả chìm chìm giáo dục trong một mớ bong bóng, không vỡ ra được (tình hình lộn xộn về các bằng cấp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và các chức danh GS, PGS hay các danh vị khác đã khiến các sản phẩm giáo dục Việt Nam mất giá thảm hại trên quốc tế).

Sau cùng, mà có thể là nguyên nhân quan trọng nhất, tuy khó khắc phục nhất, là năng lực yếu kém của bộ máy tham mưu, quản lý và điều hành. Xây dựng giáo dục để hội nhập thành công trong thời toàn

cầu hóa và kinh tế tri thức đòi hỏi một trình độ chuyên nghiệp cao và một tinh thần trách nhiệm lớn. Đó là khâu đầu tiên phải giải quyết đúng, phải “thắng”, thì mới bảo đảm thành công. Cho nên khi giáo dục lâm vào khủng hoảng toàn diện thì nguyên nhân thất bại đầu tiên phải tìm ngay trong khâu mấu chốt đó. Không thể đổ cho thiếu tiền, vì tuy một số lĩnh vực như đại học cần thật sự được tăng đầu tư, nhưng nhìn chung, quản lý tài chính trong toàn ngành yếu kém, thiếu minh bạch, không tạo được niềm tin tăng đầu tư cho giáo dục sẽ tăng chất lượng tương ứng. Một ví dụ: một đề án 6 năm để phát triển giáo dục đại học được đầu tư 115 triệu USD (trong đó vay của Ngân hàng Thế giới - WB 85 triệu), mới thực hiện được vài năm đã bị WB dọa đình chỉ vì quản lý quá kém, thế nhưng sau đề án đó lại tiếp tục một đề án khác 70,5 triệu USD trong đó khoảng gần 5 triệu USD chỉ để... nâng cao năng lực quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chỉ một thông tin như thế đủ cho thấy trình độ chuyên nghiệp của bộ máy quản lý yếu kém đến mức nào. Mà đó chỉ là một đề án. Xung quanh Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiều vụ, viện với biên chế rất lớn, từng có thời gian dài có bộ phận biên chế đến 500 người mà năng suất rất thấp, mặc dù đã tốn hàng nghìn chuyến đi nước ngoài với danh nghĩa học tập kinh nghiệm... viết sách giáo khoa. Hằng năm khoản chi để “bồi dưỡng năng lực quản lý” theo kiểu đó đã ngốn một phần công quỹ lớn thì còn đâu ngân sách trả lương hàng tháng cho thầy cô giáo! Ở Trung ương đã vậy thì ở các địa phương cũng lặp lại mô hình đó, sự thiếu chuyên nghiệp, cộng với thiếu công tâm, là đặc trưng nổi bật của bộ máy quản lý, đẻ ra một kiểu quản lý tập trung quan liêu, thiếu trách nhiệm và kém hiệu quả.

Bên cạnh Bộ Giáo dục và Đào tạo thiếu chuyên nghiệp mà rất cồng kềnh, còn có một Hội đồng Quốc gia Giáo dục với nhiệm vụ giúp sự chỉ đạo của Chính phủ và một Hội đồng Chức danh GS, PGS lo việc xem xét công nhận các chức danh này. Thành phần chủ chốt của cả hai hội đồng đều có nhiều người chỉ hiểu biết hời hợt về giáo dục hiện đại, nhất là đại học, cho nên có thể nói ảnh hưởng khá tiêu cực đối với sự phát triển giáo dục. Tình trạng sa sút của giáo dục đại học vừa qua có một phần trách nhiệm rất quan trọng của chính hai hội đồng này. Với một bộ máy quản lý vừa thiếu chuyên nghiệp vừa quan liêu như thế, không lạ gì chủ trương coi giáo dục cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu đã gần như bị vô hiệu hóa hoàn toàn, và hơn mười năm sau khi đề ra chủ trương đó nhiệm vụ chấn hưng giáo dục và khoa học đặt ra càng gay gắt hơn bao giờ hết.

### **3. Lối ra nào?**

Trước tình hình khủng hoảng của giáo dục, năm 2004 đã có một bản kiến nghị của 24 tri thức, chuyên gia trong nước và Việt kiều kêu gọi cải cách giáo dục toàn diện và mạnh mẽ. Cách đây gần một năm, trong một bài viết đầy tâm huyết, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhắc lại và nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện những biến đổi có tính cách mạng để chấn hưng giáo dục. Rồi cách đây vài tháng, một nhóm 11 chuyên gia Việt kiều và trong nước cũng đã có một đề án mới về cải cách giáo dục. Gần

đây nhất nhóm nghiên cứu về giáo dục do nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình chủ trì lại đưa ra một kiến nghị nữa về cải cách giáo dục. Đủ thấy tình hình thật sự nước sôi lửa bỏng trên mặt trận giáo dục. Chưa bao giờ xã hội có mối quan tâm lo lắng nhiều như hiện nay đối với việc học của con em.

Thật ra không phải chỉ mấy năm qua khủng hoảng giáo dục mới được nhận dạng, mà ngay từ năm 1995, trong một hội nghị lớn do Thủ tướng Võ Văn Kiệt hội ý triệu tập và chủ trì đã có ý kiến thẳng thắn nêu lên thực trạng nguy kịch của giáo dục và lên tiếng kêu cứu cho ngành này. Nhiều nhận định và kiến nghị tâm huyết đề xuất trong hội nghị đó và một loạt hội thảo tiếp theo đã được tiếp thu và ghi nhận trong nghị quyết Trung ương II khóa 8, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong nhận thức và tư duy lãnh đạo đối với giáo dục. Nhưng từ đó đến nay giáo dục vẫn ỉ ạch, chưa có dấu hiệu bứt ra được khỏi thế trì trệ triền miên. Thật đáng buồn khi giờ ra xem lại báo chí thời đó, hóa ra những nhận định và đánh giá 15 năm trước bây giờ vẫn còn nguyên tính thời sự. Thế mà trong 15 năm ấy thế giới đã đổi thay biết bao, ngày càng phẳng và trí tuệ hơn, có biết bao cơ hội mới đã mở ra, đồng thời biết bao thách thức lớn ở phía trước! Điều gì sẽ xảy ra cho đất nước 15 năm nữa nếu vẫn sức ỉ này chi phối giáo dục?

Trong thực tế, dù bảo thủ đến đâu, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như bất cứ ai đều không thể làm ngơ trước nhiều vấn nạn giáo dục đã và đang làm đau đầu cả xã hội. Chỉ có điều, để khắc phục các vấn nạn ấy, ngành giáo dục thực hiện những sửa đổi vụn vặt, chấp vá, chậm chạp, thiếu nhất quán, nên tác dụng và hiệu quả thấp, dẫn đến tình trạng các vấn nạn kéo dài triền miên hết năm này qua năm khác ngày càng trở nên phức tạp vượt quá tầm kiểm soát.

Sức ỉ và tinh thần ngại thay đổi, cộng với tính thiếu chuyên nghiệp biểu hiện rõ nhất trong vấn đề thi cử và phân ban. Suốt hơn hai chục năm trời, những cải cách về thi cử chỉ đạt được kết quả là bỏ thi theo bộ đề thi (mất 8 năm), bỏ thi tiểu học, thi THCS (mới cách đây vài năm), kết hợp thi THPT với thi tuyển sinh đại học làm một (giải pháp nửa vời chưa tốt lắm), nhưng chưa bỏ được mà còn tăng cường thi tốt nghiệp ở đại học. Về việc chương trình THPT có nên phân ban hay không, và phân ban như thế nào, thì loay hoay mãi 15 năm trời, thí điểm đi thí điểm lại các phương án phân ban kiểu cũ (theo hướng chuyên môn hóa dứt điểm từ lớp 10 hay 11), sau thất bại nhiều lần đến năm 2006 mới bắt đầu sửa theo kinh nghiệm các nước tiên tiến, nhưng cũng chỉ sửa nửa vời vì vẫn tiếc rẻ chương trình, sách giáo khoa đã trót soạn và in theo tinh thần phân ban cũ từ mấy năm trước. Trong cả hai chuyện (thi cử và phân ban), sở dĩ mò mẫm mãi và cải cách chỉ đến nửa vời là vì xuất phát từ tư duy giáo dục cũ kỹ: coi nhẹ văn hóa phổ quát, muốn chuyên môn hóa dứt điểm rất sớm, do đó phổ thông thì phân ban, đại học thì học theo niên chế (đào tạo theo chuyên môn hẹp), cả phổ thông và đại học đều phải thi tốt nghiệp. Trong khi đó nếu xuất phát từ quan điểm coi học chứ không phải thi là chính, trọng văn hóa

phổ quát, không chuyên môn hóa dứt điểm quá sớm, nhằm tạo điều kiện cho người học có khả năng hợp tác liên ngành và khả năng thích nghi với môi trường ngành nghề thường xuyên biến động trong thời kinh tế tri thức, do đó học theo chế độ tín chỉ, thi theo từng học phần dứt điểm, không có thi tốt nghiệp mà cứ hội đủ số tín chỉ theo yêu cầu thi tốt nghiệp. Như vậy, thích hợp hơn với các điều kiện làm việc thực tế hiện đại, không bị áp lực thi cử quá nặng nề, giảm bớt stress học tập cho giới trẻ (không ai biết stress này ảnh hưởng bao nhiêu đến tình trạng bạo lực gia tăng trong xã hội).

Hai vấn đề lớn khác là chế độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, và chế độ xét duyệt, công nhận chức danh GS, PGS. Đây là hai lĩnh vực công tác có nhiều sai lầm nghiêm trọng tác động tiêu cực đến toàn bộ hệ thống giáo dục nhưng trong suốt ba mươi năm vẫn được duy trì hầu như không thay đổi. Nhiều kiến nghị liên tục của chuyên gia trong nước và Việt kiều, kêu gọi chấn chỉnh hai công tác này đều bị xếp xó. Mãi đến mấy năm gần đây một số kiến nghị ấy mới bắt đầu được nghiên cứu và chấp nhận một phần nhưng khi thực hiện lại cũng trì hoãn thêm một số năm nữa, không ai hiểu vì lý do gì. Sự ngập ngừng tiến vài bước rồi lại lùi, có khi quay ngược 180 độ biểu hiện tư duy lẩn tránh, chưa thông suốt, chưa sẵn sàng đổi mới, ngay cả khi sự cấp thiết phải thay đổi đã quá rõ và đã được chính thức thừa nhận.

Bấy nhiêu kinh nghiệm thất bại là những bài học cho thấy không thể chấn hưng giáo dục bằng những cải cách nửa vời, chậm chạp, tùy tiện, như ngành giáo dục đã làm hơn hai mươi hăm qua. Ngay những biện pháp tích cực hai năm gần đây, tuy rất cần thiết và đáng hoan nghênh, cũng chỉ mới có tác dụng sửa sang bề ngoài bộ mặt nhà trường cho dễ coi, chứ thật sự chưa động tới cốt lõi. Chẳng hạn, chống tiêu cực trong thi cử chỉ mới làm cho quang cảnh thi cử sạch sẽ hơn chứ chưa động tới cái gốc của hội chứng thi; chống hành vi xâm phạm nhân phẩm học sinh của một bộ phận thầy giáo chỉ mới cải thiện chút ít hình ảnh người thầy chứ chưa động tới các nguyên tắc giáo dục trong nhà trường hiện đại (thầy chẳng những không được đánh đập, mà cũng không được quở mắng, làm nhục học sinh trước lớp, dù chỉ với ý tốt để răn dạy các em). Quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm tràn lan, giải quyết vấn nạn bỏ học, ngồi nhầm lớp chưa hề động tới nguyên tắc công bằng trong giáo dục; kế hoạch đào tạo hai vạn tiến sĩ chưa động tới cốt lõi vấn đề tuyển chọn, sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đại học.

Trong khi những đề nghị cải cách nhằm tới một nền giáo dục hiện đại, công bằng, dân chủ, văn minh, đều rất khó được tiếp thu thì ngược lại nhiều ý tưởng về tự do hóa và thị trường hóa giáo dục lại được hưởng ứng với một nhiệt tình mù quáng, tưởng như đó là chiếc đũa thần để chữa mọi căn bệnh trầm kha của giáo dục Việt Nam. Đặc biệt, chưa nghiên cứu kỹ để hiểu đúng tinh thần cuộc cải cách quản lý đại học gần đây ở các nước phát triển đã vội vã đề ra chủ trương phiêu lưu cổ phần hóa đại học công và phát triển đại học tư vì lợi nhuận mạnh hơn cả ở các nước ấy, gây lo lắng cho nhiều tầng lớp xã hội trước sự buông lơi trách nhiệm của Nhà nước đối với giáo dục.

Như chúng tôi đã phát biểu trong bản kiến nghị năm 2004, trước tình hình khủng hoảng kéo dài của giáo dục, chỉ có một lối ra tiết kiệm và nhanh chóng là thực hiện một cuộc cải cách giáo dục toàn diện, triệt để, nhằm xây dựng lại hệ thống giáo dục từ gốc, tiến tới một nền giáo dục thật sự hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới, và tạo tiền đề cho đất nước hội nhập quốc tế thành công.

Đây thật sự là mệnh lệnh cuộc sống, nếu chúng ta không muốn bị đẩy ra ngoài lề thế giới văn minh ngày nay. Tốt nhất Chính phủ nên thành lập một tổ đặc nhiệm, độc lập với Bộ Giáo dục và Đào tạo, chịu trách nhiệm xây dựng trong thời hạn 12 tháng một đề án cải cách giáo dục toàn diện kèm theo một lộ trình thực hiện đề án đó sau khi được Chính phủ đồng ý để trình Quốc hội thông qua. Tổ đặc nhiệm này cần có một nòng cốt gồm một số không nhiều (dưới 5) những chuyên gia thật sự có năng lực và thật sự am hiểu giáo dục hiện đại, làm việc toàn thời gian, và bên cạnh đó một hội đồng rộng hơn, làm việc bán thời gian, gồm có đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà khoa học, nhà văn hóa, và doanh nhân.

Trong thời gian chuẩn bị đề án cải cách căn cơ, nên gác lại việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục 2008-2020 (cần rút kinh nghiệm việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục 2000-2010 trước đây không thành công như thế nào). Đồng thời, để tạo cơ sở và mở đường chuyển sang cải cách toàn diện cần tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về những lỗi hệ thống trầm trọng đã nêu ở trên: 1) chính sách đối với thầy cô giáo, đặc biệt là giải tỏa nghịch lý lương/thu nhập hiện nay; 2) cải cách thi cử gắn liền với phân ban ở THPT và đào tạo theo chế độ tín chỉ ở đại học; 3) chấn chỉnh việc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và xét duyệt, bổ nhiệm GS, PGS theo hướng áp dụng chuẩn mực và thông lệ quốc tế; 4) cải tổ quản lý tài chính gắn liền với chống tham nhũng, lãng phí, cải tổ bộ máy quản lý bao gồm cả Hội đồng chức danh GS, PGS và Hội đồng Quốc gia Giáo dục, khắc phục bệnh tập trung quan liêu, tăng tính chuyên nghiệp và tính trách nhiệm.

Trên thực tế, từ hai năm nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có nhiều cố gắng để kéo cỗ xe giáo dục ra khỏi sa lầy, vực giáo dục lên nhằm đáp ứng các yêu cầu bức thiết hội nhập và phát triển kinh tế và nguyện vọng chính đáng của người dân được hưởng một nền giáo dục công bằng, dân chủ, hiện đại. Giờ đây cả nước, từng gia đình, không ai không thấm thía những hậu quả của khủng hoảng giáo dục. Mong rằng trong họa này cũng có cái may, và đây chính là cơ hội lịch sử để nền giáo dục tự ý thức đầy đủ sự yếu kém của mình, tìm thấy trở lại động lực mạnh mẽ để phát huy tiềm năng và vươn lên hoàn thành sứ mạng cao cả trong giai đoạn đầy trách nhiệm đối với tương lai đất nước.

## Để có lớp trí thức xứng đáng<sup>[41]</sup>

*Thời thế tạo anh hùng thì cũng thời thế, cơ chế tạo ra phẩm chất người trí thức. Nói rõ hơn là hoàn cảnh chính trị xã hội, là bản lĩnh, tài năng các nhà lãnh đạo quốc gia, và một phần chính yếu, là môi trường giáo dục đương thời. Cho nên tôi rất tán thành hãy bắt đầu bằng vấn đề giáo dục để bàn chuyện xây dựng lớp trí thức mới.*

### Về triết lý giáo dục

Sau nhiều năm Phần Lan nổi lên với những thành tựu kinh tế, khoa học, công nghệ làm cả thế giới khâm phục, người ta phát hiện ra cái gốc của sự thịnh vượng ấy là giáo dục. Ba phần tư thế kỷ qua, nước Mỹ đã chiếm vị trí số một trên hầu hết mọi lĩnh vực khoa học, công nghệ then chốt. Nếu nói trí thức là nói tài năng thì không đâu tài năng nở rộ nhiều như ở Mỹ. Nhiều người chúng ta bất bình, phần nộ chính đáng với một số chính sách nước lớn có khi quá tàn bạo của giới cầm quyền Mỹ, song vẫn chưa bao giờ hết ngưỡng mộ trí tuệ và tài năng của trí thức Mỹ mà những mầm mống thịnh vượng đã nảy nở từ những đại học đầu tiên khi Mỹ mới lập quốc. Đọc thư của Tổng thống Pháp gửi các nhà giáo Pháp, đọc bài diễn văn nhậm chức của bà Chủ tịch ĐH Harvard, càng thấy rõ vấn đề trí thức nói cho cùng là vấn đề giáo dục. Nước Pháp muốn khôi phục truyền thống văn hóa rạng rỡ của mình từ Thế kỷ Ánh sáng, nước Mỹ muốn tiếp tục dẫn đầu trong thế kỷ văn minh trí tuệ, đều thấy cần dựa vào trụ cột giáo dục. Mà trong giáo dục thì quan trọng trước hết là tư duy cơ bản về giáo dục, tức là triết lý giáo dục, đường lối giáo dục.

Nhìn lại lịch sử hình thành lớp trí thức VN qua các thế hệ, tôi vẫn băn khoăn một câu hỏi lớn: tại sao trong hơn 80 năm qua, hình như chưa có thế hệ trí thức nào vượt qua được về tài năng, trí tuệ và cả phẩm chất nhân cách, thế hệ trí thức những năm 30-45 thế kỷ trước— thời kỳ Tự lực Văn đoàn, trào lưu Thơ mới, có các nhạc sĩ Văn Cao, Đặng Thế Phong, có các nhà khoa học, giáo dục hiện đại Đặng Thai Mai, Hoàng Xuân Hãn, Tạ Quang Bửu, Lê Văn Thiêm, Tôn Thất Tùng, Hồ Đắc Di, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Văn Huyền, Trần Đức Thảo, có những nhà hoạt động chính trị Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phan Thanh... Hầu hết những trí thức này đều học trường Pháp ra, mà sao tinh thần dân tộc rất cao và năm 1945 tuyệt đại bộ phận họ đều đi theo cách mạng để chống lại thực dân Pháp. Điều đó tựa hồ mâu thuẫn với quan niệm phổ biến xưa nay là nhà trường thực dân chỉ cốt đào tạo ra những người làm tay sai cho thực dân.

Trong khi đó, các thế hệ trí thức được đào tạo sau này ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa cũ một cách bài bản, lớn lên trong nền giáo dục thấm nhuần lý tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp, hằng ngày được gián tiếp hay trực tiếp bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, ghét bóc lột, xả thân vì dân vì nước... mà sao có vẻ như phẩm chất không được như ta kỳ vọng. Đường như

có cái gì không thật, có cái gì chưa ổn lắm, cho nên gặp hoàn cảnh không thuận lợi thì bộc lộ nhiều nhược điểm. Chúng ta có biết bao tiến sĩ, giáo sư và gần đây rộ lên cả mấy tá viện sĩ (chức danh này chưa có ở VN, nhưng nếu muốn trưng ra thì cả nước hiện nay cũng có thể trưng ra cả nghìn viện sĩ kiểu này chứ không ít), rồi lại có cả những “bộ óc vĩ đại thế kỷ 21”, nhiều nhân vật trí thức xuất chúng đến nỗi đang có kế hoạch phải dành 25 hecta đất vào thời buổi đất quý hơn vàng, để xây một Văn Miếu hiện đại mới đủ chỗ vinh danh bấy nhiêu bậc đại trí. Thế nhưng có ai dám chắc cái gia tài trí thức lớn ấy sau này sẽ được con cháu hoan nghênh khi đất nước đến hồi hưng thịnh?

Đó là cái nghịch lý cần phân tích và lý giải khi bàn về giáo dục và đào tạo.

*Riêng tôi nghĩ rằng nền giáo dục, văn hóa Pháp mà thế hệ trí thức tiền bối 30-45 đã được hưởng thật sự là một nền giáo dục tiên tiến thời đó. Cái phần thực dân trong nền giáo dục ấy chỉ là cái vỏ ngoài do bọn thực dân áp đặt ở thuộc địa mà cũng chỉ có tác dụng rất hạn chế, còn cái phần nhân văn, cái phần văn hóa cơ bản, cái phần thật sự là tinh túy trong triết lý giáo dục của nó thời đó thì ai tiếp thu được điều tốt cho họ, cho đất nước họ, cho nhân dân họ, không cứ là cho người Pháp, cho nước Pháp. Có lẽ chính vì nhìn thấy điều ấy mà Phan Chu Trinh đã sáng suốt đề ra: hưng dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh. Giờ đây khi mà văn hóa, giáo dục đã lệch pha quá xa với kinh tế, đã đến lúc chúng ta phải suy nghĩ nghiêm túc về đường lối, triết lý giáo dục, chứ không phải chỉ bàn chuyện nay hai không, mai năm không, v.v. Những việc này cũng cần làm để khởi động đạo đầu cho công cuộc cải cách, nhưng sa đà vào đó mà quên đi cái cốt lõi sẽ có tác dụng ngược lại.*

Không thể máy móc vơ đũa cả nắm, nhưng có một sự thật là dường như phần lớn những cán bộ được đào tạo ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đều thiếu căn bản về văn hóa phổ quát. Tư duy của họ chỉ phát triển theo một đường ray mà hễ ai trật ra là nguy hiểm. Cho nên trừ những trường hợp hãn hữu, họ thường chỉ là những chuyên viên kỹ thuật được trang bị một số vốn kiến thức kỹ thuật, chuyên môn hẹp nào đó, ở thời đó, và cũng rất mau lạc hậu, nhưng thiếu một nhãn quan rộng, thiếu một tầm nhìn ra ngoài ngành nghề hẹp của mình, cho nên bị hạn chế ngay trong việc phát triển chuyên môn, và càng bị hạn chế đứng trước những vấn đề xã hội, văn hóa không thuộc phạm vi chuyên môn hẹp của mình. Mỗi người chỉ biết việc của mình, chỉ lo cho mình, ít khả năng và cũng không thích thú hợp tác với bạn bè đồng nghiệp. Dễ bị lâm vào thế ếch ngồi đáy giếng, dễ mắc bệnh vĩ cuồng, không hòa nhập vào dòng chảy văn minh của thời đại, không chấp nhận luật chơi quốc tế, rồi ngày càng tụt hậu mà vẫn tự ru ngủ mình, tự đánh lừa mình, và đánh lừa nhân dân mình với những thành tích không có thật. *Chạy theo danh hão, chạy theo quyền lực, chạy theo chức tước, là căn bệnh thời đại của trí thức VN.* Chưa bao giờ trong xã hội ta có nhiều Xuân Tóc Đỏ như bây giờ. Tôi nói có vẻ bi quan, nhưng thà nhìn khất khe một chút để biết người biết ta, còn hơn nhắm mắt chủ quan một cách lố bịch.

## Những sai lầm làm tha hóa giáo dục

Trở lại vấn đề giáo dục hiện nay của ta, điều tôi lo lắng nhất là sự tha hóa trầm trọng của nó. Nói khùng hoảng nhưng nét chính của khùng hoảng ấy là sự tha hóa, biến chất. Giáo dục có nguy cơ trở thành phản giáo dục. Có nhiều nguyên nhân nhưng trực tiếp làm tha hóa giáo dục có ba sai lầm lớn mà tôi gọi là *sai lầm hệ thống* trong quản lý giáo dục.

1. *Chính sách đối với người thầy*. Đó là sai lầm đầu tiên và tai hại nhất do quan niệm lệch lạc về sứ mạng và vai trò người thầy trong nền giáo dục hiện đại. Phản ứng lại tư duy lạc hậu trong nhà trường cũ, gán cho thầy quyền uy tuyệt đối, biến giáo dục thành quá trình truyền đạt và tiếp thu hoàn toàn thụ động, là đúng. Nhưng từ đó đã xuất hiện tư duy cực đoan ngược lại, phủ nhận vai trò then chốt của thầy đối với chất lượng giáo dục. Với cách hiểu giáo dục thô sơ nặng về cảm tính, khi thì nhấn mạnh một chiều “học sinh là trung tâm”, khi khác tôn chương trình, sách giáo khoa lên địa vị “linh hồn giáo dục”, nhận định chất lượng đại học thấp “không phải do thầy mà do chương trình”, v.v. dẫn đến hoàn toàn xem thường việc xây dựng đội ngũ thầy giáo theo chuẩn mực chuyên môn và đạo đức hiện đại. Trong mọi khâu từ tuyển chọn đến sử dụng và bồi dưỡng người thầy, khâu nào cũng phạm sai lầm lớn. Đặc biệt tệ hại là chính sách lương. Ngay từ đầu đã bỏ qua kinh nghiệm muôn thuở “có thực mới vực được đạo”, trả lương cho thầy cô giáo dưới mức sống hợp lý, lấy cớ ngân sách eo hẹp (thật ra chỉ là do tham nhũng và sử dụng ngân sách không hợp lý), bỏ mặc các thầy cô “tự cứu” kiếm thêm thu nhập bằng mọi cách (dạy thêm, làm thêm, đến nỗi không hiếm giảng viên đại học dạy sô trên 30 giờ/tuần). Có thể nói không quá đáng tất cả những căn bệnh trầm trọng: gian dối, tiêu cực, dối trá, lãng phí, quan liêu... hiện đã đi vào xương tủy của giáo dục mà không một phong trào “nói không” nào có thể chữa trị được đều có nguồn gốc sâu xa liên quan tới cái lỗi hệ thống cơ bản này.

2. *Tập trung tất cả việc dạy và học vào thi cử*, nói rõ hơn là thay vì thi, kiểm tra thường xuyên nghiêm túc từng học phần để bảo đảm kết quả học tập vững chắc và thực chất thì dồn hết cố gắng vào các kỳ thi tốt nghiệp, thi “quốc gia” nặng nề, căng thẳng, rất hình thức mà thiếu nghiêm túc, sinh ra *hội chứng thi* rất đặc biệt của giáo dục VN: gần thi mới lo học, học đối phó, học nhồi nhét chỉ cốt để thi, thi cái gì học cái nấy, thi thế nào học thế ấy, chủ yếu là học thuộc lòng các loại bài mẫu, các đáp án mẫu. Trước đây thi theo bộ đề thi cho sẵn, nay bộ đề thi biến tướng thành các bảng “cấu trúc đề thi”. Nghĩa là tư duy có thay đổi gì đâu, hai mươi năm trời, tốn bao công nghiên cứu, cuối cùng trở lại gần như điểm xuất phát, dưới một hình thức có vẻ mới để che dấu một phương pháp cổ lỗ. Lại còn chuyện thi trắc nghiệm, thi tự luận. Người ta thi trắc nghiệm với một mục đích khác, ta không nghiên cứu kỹ, đưa ra áp dụng đại trà vào thi tốt nghiệp THPT trong khi trình độ chuyên nghiệp về kiểu thi này còn chưa bảo đảm, cho nên gây tốn kém và làm khổ cả học sinh lẫn thầy giáo. Rồi dùng một cái cấm các trường không được áp dụng hình thức trắc nghiệm khi thi học kỳ, làm cả thầy và trò hoang mang, không

hiểu giáo dục là cái gì mà có thể quản lý tùy tiện như thế. *Đem việc học phụ thuộc vào việc thi, khiến thi chứ không phải học trở thành hoạt động giáo dục chủ yếu, đến mức muốn hiểu thực chất giáo dục VN như thế nào chỉ cần quan sát hoạt động của nhà trường và xã hội trong mùa thi.* Từ kiểu thi nhiều kẻ đẻ ra những dịch vụ kỳ lạ hiếm thấy: kỹ nghệ “phao” thi, thi thuê, viết luận án thuê, làm bằng giả, bằng thật nhưng học giả, v.v. Cho nên chừng nào còn duy trì kiểu học và thi này thì xã hội còn phải trả giá nặng nề cho sự tụt hậu của giáo dục. Chưa kể nếu tính hết mọi khoản chi trực tiếp và gián tiếp phục vụ cho các kỳ thi thì lãng phí lên tới con số khủng khiếp, bình thường đã khó chấp nhận, với tình hình kinh tế khó khăn như lúc này càng khó chấp nhận hơn. Nhiều nước như Trung Quốc hay Hàn Quốc, thi còn nhẹ nhàng hơn ta mà họ đã phê phán cái “địa ngục thi cử” của họ, còn thi cử như ta không biết phải gọi là cái địa ngục gì.

3. *Chạy theo số lượng, hy sinh chất lượng, bất chấp mọi chuẩn mực, thông lệ và kinh nghiệm quốc tế, khiến việc hội nhập khó khăn và không cạnh tranh nổi ngay với các nước trong khu vực.* Đây chính là bệnh thành tích, chứ không là gì khác. Phát triển số lượng thì dễ, nhất là khi người dân còn khát học tập như trong xã hội ta. Chỉ đảm bảo chất lượng mới khó, vậy nên cứ chọn cái dễ mà làm, dễ gây ấn tượng, dễ báo cáo thành tích. Trên đã vậy thì làm sao chống được bệnh thành tích ở dưới. Trong hoàn cảnh ấy mà có người còn bênh vực bệnh thành tích, viện lẽ chỉ nhấn mạnh chất lượng lúc này là xa xỉ (!), thì thật không hiểu nổi ta muốn phát triển giáo dục và khoa học theo kiểu nào. Nguy hại là căn bệnh này nghiêm trọng nhất ở cấp đại học và đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, tuyển chọn, công nhận GS, PGS. Trong thời đại toàn cầu hóa, muốn hội nhập thành công, phải hiểu biết và tôn trọng luật chơi, trước hết là các quy tắc, chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Thế nhưng *từ các chuẩn mực thông thường nhất về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy, cho đến việc tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ, đánh giá công trình nghiên cứu khoa học, đánh giá các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ, tuyển chọn, đánh giá GS, PGS, đánh giá các đại học... phần lớn đều không theo những chuẩn mực quốc tế mà dựa vào những tiêu chí tự sáng tác, nặng về cảm tính thô sơ, rất thấp và rất khác so với quốc tế, thiếu khách quan, thiếu căn cứ khoa học, thiếu minh bạch, dễ bị lợi dụng mưu lợi ích riêng cho từng nhóm thay vì phục vụ sự nghiệp chung.* Sự thiếu hiểu biết và coi thường các chuẩn mực quốc tế thể hiện trong mọi chủ trương xây dựng đại học, cho đến gần đây nhất vẫn rất chủ quan. “Điếc không sợ súng” đó là căn bệnh cố hữu của ngành giáo dục.

Tất cả các sai lầm hệ thống nêu trên khiến giáo dục dần dần biến chất, xuống cấp, xa rời tất cả những giá trị cao quý còn sót lại từ quá khứ. Xu hướng tha hóa ấy phát triển có nguy cơ đẻ ra một nền giáo dục phản giáo dục.

# Kiến nghị - 2009

## Cải cách, hiện đại hóa giáo dục

Sau hai thập kỷ tăng trưởng kinh tế ấn tượng dựa chủ yếu vào vốn đầu tư, lao động giá rẻ và tài nguyên thiên nhiên, đã đến lúc muốn tiếp tục đi lên một cách bền vững đất nước cần mau chóng chuyển sang hình thái phát triển mới, dựa chủ yếu vào trí tuệ và tài năng. Do đó chưa bao giờ chấn hưng giáo dục trở thành nhiệm vụ bức thiết như lúc này. Mười ba năm trước Trung ương đã có nghị quyết xác định phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu. Nghị quyết rất đúng đắn, tiếc rằng việc triển khai thực hiện bất cập nên sau gần mười năm, Thủ tướng Phan Văn Khải đã phải thừa nhận chúng ta không thành công trong giáo dục và khoa học.

Với ý thức trách nhiệm công dân, năm 2004 một nhóm 24 nhà giáo dục, khoa học và văn hóa đã gửi lên Trung ương một bản điều trần kêu gọi cải cách, hiện đại hóa giáo dục. Bản điều trần này đã được nhiều tầng lớp xã hội hưởng ứng rộng rãi. Từ đó đến nay, tuy tình hình đã có nhiều thay đổi lớn, song những vấn đề được đề cập trong bản điều trần về cơ bản vẫn còn nóng hổi tính thời sự và vẫn tiếp tục là mối quan tâm hàng đầu của bất cứ ai lo lắng đến tương lai con em và tiền đồ dân tộc. Vì vậy, chúng tôi khẩn thiết kiến nghị Trung ương một lần nữa xem xét nghiêm túc các vấn đề nêu trong bản điều trần để kịp thời lựa chọn quyết sách chấn hưng giáo dục.

Để giúp thêm Trung ương có cơ sở lựa chọn quyết sách, dưới đây chúng tôi xin bổ sung và phát triển bản điều trần ở mấy phần chính: 1) Nhận diện tình thế khủng hoảng của giáo dục; 2) Những sai lầm chủ yếu làm tha hóa giáo dục; 3) Các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng của giáo dục; 4) Chấn hưng, cải cách giáo dục là mệnh lệnh cuộc sống; 5) Một số việc cấp bách cần làm trong khi chưa cải cách.

### 1. Nhận diện tình thế khủng hoảng của giáo dục

Bản điều trần năm 2004 đã nêu vấn đề thực trạng nghiêm trọng của giáo dục cho đến thời điểm ấy. Bốn năm qua, những căn bệnh chủ yếu của giáo dục chưa hề thuyên giảm. Mặc cho những khoản đầu tư tăng liên tục và những cố gắng tích cực chấn chỉnh quản lý hai năm gần đây, chúng ta vẫn tiếp tục tụt hậu so với khu vực và thế giới. Theo báo cáo giám sát toàn cầu về giáo dục của UNESCO năm 2008 vừa mới công bố, Việt Nam tiếp tục mất điểm về chỉ số phát triển giáo dục cho mọi người (EDI) và tụt 9 bậc trong bảng xếp hạng EDI trong 5 năm từ 2004 đến 2008, đứng dưới cả Malaysia, Indonesia, Trung Quốc là những nước trước đây thua kém Việt Nam về EDI. Về đại học, nhiều số liệu đáng tin cậy cho thấy sự tụt hậu rất xa của các đại học của ta so với ngay cả các đại học của Thái Lan hay

Malaysia về nghiên cứu khoa học - tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng đại học.<sup>[42]</sup> Theo đánh giá của WEF (Diễn đàn Kinh tế Thế giới) đào tạo và giáo dục đại học là một trong ba lĩnh vực yếu nhất, đáng lo ngại nhất, của Việt Nam. Sự yếu kém giáo dục cũng được phản ánh rõ trong việc năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam năm 2008 tụt thêm hai bậc, sau khi đã tụt bốn bậc năm 2007.

Giáo dục là một hệ thống phức tạp được đặc trưng bởi mục tiêu, cấu trúc tổ chức (bao gồm các phần tử và các hệ thống con), phương thức vận hành và hiệu quả hoạt động. Nếu về mỗi yếu tố ấy đều có quá nhiều trục trặc nghiêm trọng kéo dài hàng thập kỷ mà không khắc phục được, khiến mọi sự điều chỉnh cục bộ theo cơ chế sai-sửa-sai như lâu nay đã thực hiện đều không cứu vãn nổi, thì tình trạng ấy phải được nhận diện là sự **khủng hoảng**.

Nhìn lại hệ thống giáo dục Việt Nam, nhưng dấu hiệu khủng hoảng đã lộ rõ từ lâu và hiện đã vượt quá xa giới hạn báo động.

Từ chỗ trước đây là sự nghiệp toàn dân, nay giáo dục đã dần dần **mất phương hướng**, không còn rõ giáo dục cho ai, vì ai, để làm gì. Học sinh bỏ học nhiều, cơ hội được đi học đối với con em các gia đình nghèo còn khó, mà cơ hội học được đến nơi đến chốn càng khó hơn, do nhiều vấn nạn về học phí, sách giáo khoa, học thêm, thi cử, học xong rồi làm gì, v.v. Trách nhiệm của Nhà nước đối với giáo dục có xu hướng sút giảm dần, nhường chỗ cho quan niệm tư nhân hóa cực đoan đang gia tăng theo chiều hướng phủ nhận giáo dục với tính chất là lợi ích công, muốn biến nó thành một thứ hàng hóa thuần túy, thuận mua vừa bán theo luật cung cầu của thị trường. Khoảng cách giữa mục tiêu lý thuyết và thực tiễn được thực hiện ngày một rộng thêm, đang có nguy cơ đẩy giáo dục xa rời lý tưởng công bằng, dân chủ, văn minh mà xã hội đang muốn hướng tới.

Cơ cấu tổ chức và hoạt động giáo dục **mất cân đối, rối loạn trầm trọng** giữa giáo dục phổ thông, dạy nghề, cao đẳng, đại học, giữa công lập và tư thục, giữa chuyên tu, tại chức, đào tạo liên kết, v.v. tất cả làm thành một hệ thống rời rạc không đồng bộ, thiếu nhất quán, hoạt động phân tán, rời rạc, mà mỗi đơn vị tuân theo lợi ích cục bộ, thiên cận, hơn là quan tâm đến lợi ích cơ bản và lâu dài của cộng đồng. **Một hệ thống mấy trăm đại học, cao đẳng, với chất lượng rất thấp, bên cạnh một hệ thống dạy nghề què quặt, trên nền một hệ thống giáo dục phổ thông cũ kỹ lạc hậu, hơn hai thập kỷ loay hoay triển miên với những thí nghiệm tốn kém không hiệu quả, đó là bức tranh tổng thể của hệ thống giáo dục Việt Nam ở thời điểm này.**

Nội dung và phương pháp giáo dục thể hiện xu hướng **hư học cổ lỗ**, dành nhiều thời gian học thuộc lòng những điều lạc hậu vô bổ, mặt khác lại quá thực dụng thiên cận, thiên về ăn xổi mà coi nhẹ những vấn đề có ý nghĩa cơ bản cho cả xã hội và cho từng cá nhân như: hình thành nhân cách, rèn luyện năng lực tư duy, khả năng cảm thụ. Coi nhẹ kỹ năng lao động, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, đức tính trung thực, năng lực sáng tạo, năng lực tưởng tượng - những đức tính và năng lực thời nào cũng cần nhưng

đặc biệt thời nay càng cần hơn bao giờ hết. Trong khi đó *coi trọng bằng cấp và thi cử hơn học*, khiến thi cử và chạy theo bằng cấp lôi cuốn toàn xã hội, gây ra nhiều lãng phí lớn, và nhiều tiêu cực như bằng giả, bằng dỏm, học giả, v.v, ảnh hưởng rất xấu đến môi trường văn hóa tinh thần.

***Chất lượng đào tạo sút kém một thời gian dài***, đặc biệt ở đại học, cao đẳng và dạy nghề, khiến nhân lực đào tạo ra còn xa mới đáp ứng được đòi hỏi thực tế về cả ngành nghề, chất lượng và số lượng. *Dân trí thấp* - hệ quả tất nhiên của giáo dục yếu kém - tác động tiêu cực đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, an toàn giao thông, gây ra hàng loạt vấn nạn trên mọi phương diện của đời sống. Tuy có một số thành công bước đầu rất hạn chế qua các lớp phổ thông chuyên, và các lớp cử nhân “tài năng”, kỹ sư “tài năng” mới ra đời mấy năm gần đây, nói chung ***việc bồi dưỡng và sử dụng nhân tài còn ở trình độ cực kỳ sơ khai***, lại thiếu môi trường và chính sách thích hợp, nên không những không thu hút được nhân tài từ nước ngoài mà cũng không giữ chân được số ít ỏi nhân tài đã may mắn gây dựng được trong nước. Nạn chảy máu chất xám tuy đã được báo động từ lâu song chưa được ngăn chặn hữu hiệu, mà chỉ nặng về lặp đi lặp lại những lời hô hào và hứa hẹn.

Trong khi chất lượng giáo dục sa sút thì *lãng phí và tham nhũng khiến chi phí cho giáo dục tăng cao một cách phi lý*, trở thành gánh nặng không chỉ cho ngân sách quốc gia, mà cho mọi gia đình vì phần đóng góp trực tiếp của dân ước tính lên đến hơn 40% tổng chi cho giáo dục. Điều đáng lo hơn cả là sự lãng phí đó, dù rất lớn vẫn chưa đáng kể so với sự ***lãng phí chất xám*** gây ra bởi chính sách đào tạo và sử dụng nhân tài hẹp hòi thiển cận.

Bấy nhiêu vấn nạn tích lũy hàng chục năm, ngày một trầm trọng hơn và đến nay vẫn chưa thuyên giảm, mặc cho mọi cố gắng khắc phục, là bằng chứng của sự ***khủng hoảng giáo dục từ bên trong*** hệ thống. Không phải chỉ đơn thuần là sự khủng hoảng về quy mô, số lượng, mà nghiêm trọng hơn, là sự ***khủng hoảng về đường lối (triết lý), về chất, tiềm ẩn nguy cơ tha hóa không thể coi thường***.

Điều may mắn là vượt lên trên tình hình chung không mấy sáng sủa vẫn có những điểm sáng nhất định, và trong từng cấp học và từng địa phương đều tự phát có những đơn vị khá thành công, vẫn còn những con người tràn đầy nhiệt huyết và quyết tâm chứng tỏ tiềm năng phát triển giáo dục của đất nước còn lớn.

## 2. Những sai lầm chủ yếu làm tha hóa giáo dục

Sự khủng hoảng giáo dục trước hết là khủng hoảng về chất, điều đó cũng có nghĩa là giáo dục không chỉ *tụt hậu* mà đã đi *lạc hướng*, trở thành lạc lõng, trong trào lưu chung của thế giới hiện đại. Đó là hậu quả của nhiều năm phạm những *sai lầm quản lý có tính hệ thống làm tha hóa giáo dục*.

Sai lầm đầu tiên tai hại nhất, dẫn đến suy thoái trầm trọng đạo đức trong nhà trường, là ***chính sách đối với người thầy*** dựa trên quan niệm lệch lạc về sứ mạng và vai trò người thầy trong nền giáo dục

hiện đại. Từ chỗ phê phán đúng đắn tư duy lạc hậu trong nhà trường cũ gán cho thầy quyền uy tuyệt đối, biến giáo dục thành quá trình truyền đạt và tiếp thu hoàn toàn thụ động, đã dần dần xuất hiện tư duy cực đoan ngược lại, phủ nhận vai trò then chốt của người thầy đối với chất lượng giáo dục. Với cách hiểu giáo dục thô sơ, khi thì nhấn mạnh một chiều “học sinh là trung tâm” để hạ thấp vai trò người thầy, khi khác tôn chương trình, sách giáo khoa lên địa vị “linh hồn giáo dục”, nhận định chất lượng đại học thấp “không phải do thầy mà do chương trình”, v.v. dẫn đến hoàn toàn xem thường việc xây dựng đội ngũ thầy giáo theo chuẩn mực chuyên môn và đạo đức hiện đại. Trong mọi khâu từ tuyển chọn đến sử dụng và bồi dưỡng người thầy, khâu nào cũng phạm sai lầm lớn. Đặc biệt tệ hại là **chính sách lương**: trả lương cho thầy, cô giáo dưới mức sống hợp lý, lấy cơ ngân sách eo hẹp (ban đầu do khó khăn có thật, về sau chỉ là do tham nhũng và sử dụng ngân sách không hợp lý), buộc thầy, cô phải xoay xở kiếm thêm thu nhập bằng mọi cách (dạy thêm, làm thêm ngoài giờ, bằng tay trái, đến nỗi hiện tại cũng không hiếm giảng viên đại học dạy sô trên 30 giờ/tuần). Có thể nói không quá đáng tất cả những căn bệnh trầm trọng về đạo đức nghề nghiệp: gian dối, tiêu cực, lãng phí, quan liêu... đã tàn phá giáo dục trong nhiều năm đều có nguồn gốc sâu xa liên quan tới cái lỗi hệ thống cơ bản này.[\[43\]](#)

Sai lầm thứ hai, biến học tập thành một thứ khổ dịch, là **tập trung tất cả việc dạy và học vào thi cử**, nói rõ hơn là thay vì thi, kiểm tra thường xuyên nghiêm túc từng học phần để bảo đảm kết quả học tập vững chắc thì dồn hết cố gắng vào các kỳ thi tốt nghiệp thi “quốc gia” nặng nề, căng thẳng, rất hình thức mà một thời gian dài thiếu nghiêm túc, sinh ra **hội chứng thi** rất đặc biệt của giáo dục Việt Nam: gần thi mới lo học, học đôi phó, học nhồi nhét chỉ cốt để thi, thi cái gì học cái nấy, thi thế nào học thế ấy, chủ yếu là học thuộc lòng các loại bài mẫu, các đáp án mẫu. Trước đây thi theo bộ đề thi cho sẵn, nay, sau nhiều năm đã bỏ, bộ đề thi biến tướng thành các bảng “cấu trúc đề thi”. Dem việc học phụ thuộc vào việc thi, khiến thi chứ không phải học trở thành hoạt động giáo dục chủ yếu, đó là tàn tích lạc hậu của lối học từ chương khoa cử, một thời đã bị lên án nhưng dần dần được khôi phục lại. Trên thi Bộ Giáo dục và Đào tạo có cả một cơ quan đông đúc (nay là Cục Khảo thí) chuyên nghiên cứu quy chế thi, ra đề thi, tổ chức chấm thi, thanh tra, giám sát thi, mỗi năm một kiểu (năm 2009 càng rắc rối phức tạp hơn mọi năm trước), dưới thì các lò luyện thi, các lớp học thêm, dạy thêm, các máy sao chụp hoạt động hết công suất để phục vụ học sinh đi thi. Từ đó đề ra những dịch vụ kỳ quái hiếm thấy trên thế giới: sản xuất “phao” thi, thi thuê, viết luận án thuê, làm bằng giả, mua bằng thật nhưng học giả, v.v. Cho nên chừng nào còn duy trì cái khổ dịch thi cử này thì kinh tế còn phải trả giá nặng nề cho sự tụt hậu của giáo dục. Nếu tính hết mọi khoản chi trực tiếp và gián tiếp phục vụ cho các kỳ thi và mọi thiệt hại (kể cả về tâm lý) phát sinh do thi cử kiểu này, thì hậu quả xấu rất lớn (riêng về tiền có thể đến cả chục nghìn tỉ đồng mỗi mùa thi), bình thường đã khó chấp nhận mà trong bối cảnh khó khăn kinh tế càng không thể hiểu nổi. Trung Quốc hay Hàn Quốc, thi còn nhẹ nhàng hơn ta mà họ đã phê phán cái “địa ngục thi cử” của họ, còn thi cử như ta không biết phải gọi là cái địa ngục gì.

Sai lầm thứ ba, dẫn đến rối loạn vượt quá tầm kiểm soát, là ***chạy theo số lượng, hy sinh chất lượng bất chấp mọi chuẩn mực, thông lệ và kinh nghiệm quốc tế***. Đặc biệt trong lĩnh vực quản lý đại học (đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, công nhận GS, PGS, phát triển đại học) tình trạng phát triển bừa bãi, đối trá, diễn ra hết sức nghiêm trọng và kéo dài gần hai thập kỷ. Trong thời đại toàn cầu hóa, muốn không bị loại khỏi cuộc cạnh tranh, ít nhất phải hiểu biết và tôn trọng luật chơi, trước hết là các quy tắc, chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Thế nhưng từ các chuẩn mực thông thường nhất về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, cho đến việc tuyển chọn, đánh giá GS, PGS, tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ, đánh giá công trình nghiên cứu khoa học, đánh giá các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ, v.v. phần lớn đều không theo những chuẩn mực quốc tế mà dựa vào những tiêu chí tự sáng tác, rất thấp và khác so với quốc tế, thiếu khách quan, thiếu căn cứ khoa học, thiếu minh bạch, dễ bị lợi dụng mưu lợi ích riêng cho từng nhóm ích kỷ. Do đó trong một thời gian ngắn đã xuất hiện hàng vạn tiến sĩ và hàng nghìn GS, PGS, trong đó một tỉ lệ khá lớn (không dưới 2/3) dưới chuẩn, thậm chí hữu danh vô thực. Đáng lo nhất là với phòng trào đại học hóa ồ ạt, chỉ trong vòng vài năm đã ra đời hàng trăm đại học, cao đẳng, mà nhiều trường trong số đó chẳng có lấy một giảng viên đúng chuẩn. Gần đây, do yêu cầu bức bách hội nhập quốc tế và cạnh tranh đã nảy sinh nhu cầu xây dựng những đại học đẳng cấp quốc tế. Tuy đây là nhu cầu hoàn toàn hợp lý, nhiều người vẫn lo rằng nếu không cảnh giác với bệnh thành tích cố hữu thì cái tâm lý nôn nóng có thể dẫn tới một lần nữa chạy theo số lượng và danh hão, tiêu phí nhiều tiền để mua “danh” nhiều hơn là cầu “thực.”<sup>[44]</sup> Sự lo lắng không phải không có cơ sở khi được biết Chính phủ đã chấp thuận cho Bộ Giáo dục và Đào tạo vay 400 triệu USD từ Ngân hàng Thế giới để xây dựng 4 trường đại học chất lượng cao đến năm 2020 thuộc top 200 đại học tốt nhất thế giới - trong khi đó quan niệm thế nào là đại học đẳng cấp quốc tế hãy còn rất mơ hồ và bất cập.

Hậu quả tổng hợp của các sai lầm nêu trên là một bộ phận giáo dục dần dần *biến chất, tha hóa* xa rời những giá trị cao quý còn sót lại từ quá khứ. Cái *chất* thực sự, cái *phẩm chất* giáo dục, chẳng còn mấy trong nhiều nhà trường - nơi đạo đức băng hoại, nơi học tập trở thành khổ dịch, nơi chẳng còn phép tắc, trật tự. Trường không ra trường, thầy không ra thầy, lời buộc tội nặng nề đó tuy chỉ đúng với một bộ phận của giáo dục, nhưng cũng đủ để gióng lên hồi chuông báo động đỏ cho toàn ngành.

### 3. Các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng của giáo dục

Tại sao một dân tộc vốn có truyền thống hiếu học lâu đời mà giáo dục lại rơi vào suy thoái trầm trọng vào đúng lúc nó phải là bệ phóng cho sự phát triển của đất nước?

Hoàn toàn không phải do nghèo, vì công sức tiền của lãng phí, thất thoát ngay trong ngành giáo dục rất lớn. Nguyên nhân khủng hoảng phải trung thực nhìn nhận chủ yếu là *do lãnh đạo bất cập, trước hết là lãnh đạo của Trung ương*.

Trong thời gian dài lãnh đạo các cấp đều ***chưa nhận thức đúng mức*** tầm quan trọng của giáo dục

trong sự nghiệp phát triển của đất nước nên đã **thiếu quyết tâm và thiếu trách nhiệm** đối với công tác này. Sau khi nghị quyết Hội nghị Trung ương II khóa 8 ra đời, người dân đã trông chờ những chuyển biến mạnh mẽ trong các chính sách và hành động cụ thể để chấn hưng giáo dục. Nhưng từ khâu phân bổ và quản lý ngân sách cho đến quan trọng nhất là khâu tổ chức, bố trí nhân sự lãnh đạo giáo dục ở các cấp, xây dựng bộ máy tham mưu, quản lý và điều hành giáo dục ở Trung ương, tất cả đều theo nếp cũ. Lẽ ra chủ trương lấy phát triển giáo dục làm quốc sách hàng đầu phải biến thành ý chí chính trị của toàn xã hội và được quán triệt trong toàn hệ thống chính quyền, thì ngay các bộ và ban ngành xung quanh Trung ương và lãnh đạo các địa phương cũng chưa thật sự thông suốt với chủ trương đó. Rất nhiều chính sách, quy định cụ thể về cán bộ, về tài chính, v.v. đều tỏ rõ giáo dục, khoa học trên thực tế vẫn được đối xử như những lĩnh vực ưu tiên cuối cùng.<sup>[45]</sup> Trong nhiều năm, sự quan tâm của Trung ương đối với hai lĩnh vực này chỉ thu gọn lại là đảm bảo tỉ lệ ngân sách phân bổ theo đúng nghị quyết. Một số ít chính sách có thể hiện ít nhiều sự quan tâm thì cũng chỉ mang tính chấp vá, tùy tiện, đối phó miễn cưỡng, hơn là thật sự chăm lo cho giáo dục, khoa học vì sự nghiệp phát triển của đất nước. Rốt cuộc, tuy đầu tư cho giáo dục có tăng, kể cả ngân sách và vốn vay quốc tế, nhưng tổ chức quản lý không hiệu quả nên năm này qua năm khác giáo dục vẫn thuộc loại đề tài bức xúc nhất của xã hội. Đối mặt với sự cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt nhưng cách suy nghĩ thiên cận khá phổ biến của nhiều quan chức vẫn thiên về so sánh ta với ta để dễ dàng tự thỏa mãn với những tiến bộ chậm chạp đạt được mà không thấy trong khi đó các nước xung quanh ta và trên thế giới tiến nhanh hơn ta gấp bao nhiêu lần. **Tụt mà không nhận thức được sự tụt hậu** cho đến nay vẫn là trở ngại tư tưởng lớn nhất về phía lãnh đạo. Căn bệnh **chủ quan, thiếu trung thực** trước những thách thức của tình hình đã ru ngủ chúng ta quá lâu, giờ đây hình như đang biến tướng thành bệnh thoát ly thực tế, chạy theo những mục tiêu nặng về phô trương chính trị nhiều hơn là thiết thực.

Nghị quyết Trung ương II khóa 8 chỉ mới xác định vị trí quan trọng của công tác giáo dục và phê phán những tàn tích của lối học từ chương khoa cử lạc hậu, chứ *chưa nêu rõ những nguyên lý cơ bản của đường lối giáo dục (triết lý giáo dục) mới*, thay thế cho đường lối giáo dục cũ không còn thích hợp nữa. Những điều ghi lại trong các văn kiện, nghị quyết, kể cả trong luật giáo dục đã hai lần chỉnh sửa, đều chưa đủ và có nhiều điểm chưa đúng, dễ dàng bị sử dụng làm căn cứ biện hộ cho những quan điểm lỗi thời.<sup>[46]</sup> Vì thế, trong suốt thời gian dài, tuy các quan chức phụ trách giáo dục mỗi lần báo cáo đều thừa nhận “chậm đổi mới tư duy”, song đổi mới như thế nào thì không rõ và dĩ nhiên tình hình mập mờ ấy hậu thuẫn cho tư duy lạc hậu, cũ kỹ, cứ tiếp tục phát triển, vẫn các quan điểm xơ cứng về xây dựng giáo dục từ thời bao cấp trước đây, chỉ có khác là loay hoay tìm cách thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó dẫn đến mâu thuẫn nghiêm trọng giữa lời nói và việc làm, mà hậu quả là sự giả dối lan tràn khắp mọi lĩnh vực, mọi khâu, mọi góc ngách đời sống học đường. Lẽ ra là nơi gìn giữ sự trung thực và khuyến khích sáng tạo, là nơi hình thành nhân cách và phát

triển trí tuệ, thì nhiều nhà trường đã trở thành nơi dung túng dối trá, nơi tập cho con em nói theo, nghĩ theo, làm theo, động viên con em chỉ học để thi cho đỗ và ra đời... làm quan hoặc kiếm được nhiều tiền. Nấp dưới lý luận ngây thơ về thị trường hóa giáo dục đã xuất hiện những chủ trương xã hội hóa giáo dục vô nguyên tắc, cổ súy cho thương mại hóa giáo dục không lành mạnh, gây nhiều hậu quả tiêu cực ảnh hưởng nặng nề đến chất lượng giáo dục đại học vốn đã quá thấp (thậm chí quy chế trường ngoài công lập đã ban hành chỉ thừa nhận loại trường hoạt động vì lợi nhuận!).

Trong thời toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, giáo dục muốn cạnh tranh và hội nhập thành công cần một triết lý giáo dục đúng đắn, sáng suốt, cập nhật thời đại, một tầm nhìn chiến lược dựa trên triết lý đó và một bộ máy quản lý điều hành năng động, có trình độ chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao. Thế nhưng suốt một phần tư thế kỷ qua vẫn một *tầm nhìn hạn hẹp, nông cạn, cùng với một bộ máy quản lý điều hành thiếu chuyên nghiệp, cả tâm và tầm đều dưới xa yêu cầu*. Trong điều kiện đất nước còn nghèo, việc quản lý tốt các nguồn lực, nhất là các phương tiện tài chính, đặc biệt quan trọng, nhưng đây lại là lĩnh vực có quá nhiều bất cập, thiếu minh bạch, khiến nhiều người nghi ngờ tăng đầu tư cho giáo dục sẽ tăng chất lượng tương ứng. Một phần khá lớn ngân sách được chi không hiệu quả, đặc biệt là trong khuôn khổ các dự án và trong loại việc mang tên “nâng cao năng lực quản lý” mà thực chất là gì không minh bạch (gần đây nhất, một dự án 70,5 triệu USD để nâng cấp đại học phải dành tới gần 5 triệu USD để nâng cao năng lực quản lý của Bộ). Nhiều việc trong nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan quản lý lại trở thành những “đề tài nghiên cứu khoa học”, có khi là đề tài cấp Nhà nước, với kinh phí vượt nhiều lần kinh phí cấp cho các đề tài nghiên cứu khoa học thật sự. Nào là soạn thảo chiến lược giáo dục, soạn thảo cơ chế tài chính, nào là xây dựng công tác kiểm định, xếp hạng các đại học, nghiên cứu chương trình học các cấp, làm thí điểm các chương trình mới, v.v. Bấy nhiêu nghiên cứu kéo dài năm này qua năm nọ, thiếu chuyên nghiệp, sửa đi sửa lại nhiều lần, tốn phí nhiều mà hiệu quả thấp, có lẽ cái lợi duy nhất dễ thấy là bảo đảm nguồn thu nhập thường xuyên đáng kể cho các quan chức và cán bộ. Do quản lý tập trung quan liêu và thiếu chuyên nghiệp, chi phí quản lý tăng cao (ước tính chi phí quản lý có thể hơn gấp đôi tổng chi cho lương của giáo viên)<sup>[47]</sup>. Một tình trạng tuy đã bị phê phán từ lâu nhưng đến nay chưa có tiến bộ đáng kể là Bộ ôm quá nhiều việc của cấp dưới nên làm không xuể, trong khi đó lại bê trễ, bỏ trống hoặc làm tắc trách nhiều việc trong nhiệm vụ của chính mình. Hậu quả hiển nhiên của lối quản lý tập trung quan liêu đó là lãng phí và tham nhũng phát triển. Song đáng nói hơn là trong khi hai căn bệnh này ngày càng trầm trọng thì Bộ Giáo dục và Đào tạo mới đây vẫn công khai tuyên bố trong ngành không có lãng phí, tham nhũng.

#### **4. Chấn hưng, cải cách giáo dục là mệnh lệnh cuộc sống**

Trước tình hình khủng hoảng của giáo dục, bản điều trần 2004 đã kiến nghị xây dựng lại giáo dục từ gốc, trên cơ sở một triết lý giáo dục mới, phù hợp với xu thế chung của thời đại và yêu cầu phát

triển của đất nước. Nội dung cơ bản của triết lý này đã được trình bày rõ trong bản điều trần (toàn bộ phần II của bản điều trần), xin không nhắc lại ở đây.

Vài năm nay, nhận thấy giáo dục vẫn tiếp tục sa lầy trong suy thoái, nhiều nhà giáo, nhà khoa học, nhiều thức giả trong và ngoài nước cũng đã góp thêm tiếng nói tâm huyết kêu gọi cải cách giáo dục. Đặc biệt Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã bày tỏ lo lắng sâu sắc trước sự suy thoái của giáo dục. *Chưa bao giờ xã hội Việt Nam có sự đồng thuận cao như hiện nay về sự cần thiết phải cải cách giáo dục.*

Thật ra không phải chỉ gần đây khủng hoảng giáo dục mới được báo động, mà ngay từ năm 1995, trong một hội nghị ba ngày do Thủ tướng Võ Văn Kiệt hội ý triệu tập và chủ trì đã có ý kiến thẳng thắn nêu lên thực trạng nguy kịch của giáo dục và lên tiếng kêu cứu cho ngành này. Nghị quyết Trung ương II khóa 8 đã đúc kết những nhận định và kiến nghị tâm huyết đề xuất trong hội nghị đó và trong một số hội thảo tiếp theo. Tiếc rằng từ bấy đến nay đã 13 năm giáo dục vẫn ì ạch, chưa có dấu hiệu bứt ra được khỏi thế trì trệ triền miên. Trong thời gian ấy biết bao cơ hội đã mở ra, và cũng có biết bao thách thức xuất hiện ở phía trước! Nếu tới đây sức ì này vẫn tiếp tục chi phối giáo dục thì mục tiêu Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 rất ít hy vọng có thể thực hiện được.

Hiển nhiên, cũng như bất cứ ai có ý thức trách nhiệm với đất nước, các nhà quản lý giáo dục không phải không nhận ra những vấn nạn đã gây bức xúc thường xuyên trong xã hội. Nhưng do tư duy cũ kỹ và trình độ hạn chế nên trong suốt hai mươi năm trời từ khi công cuộc đổi mới bắt đầu, ngành giáo dục đã loay hoay không tìm được hướng đổi mới đúng đắn, chỉ cải sửa từng phần vụn vặt, chắp vá, gắp đầu sửa đó. Kết quả của những cải cách vụn vặt liên miên đó là đã đẻ ra một hệ thống giáo dục dị dạng đầu Ngô mình Sở, đi lạc hướng so với thế giới văn minh, thường xuyên gặp khó khăn, đòi hỏi phải liên tục cải sửa, song càng sửa càng rối, càng bất cập.

Chính hoàn cảnh ấy đã thôi thúc một nhóm trí thức viết bản điều trần 2004. Cần ghi nhận rằng bản điều trần đã được Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo khi ấy tiếp nhận tương đối thuận lợi, với một thái độ thực sự cầu thị. Nhờ đó một số mặt công tác bắt đầu có chuyển biến theo chiều hướng tốt, như một số đổi mới bước đầu trong chương trình phân ban của THPT, trong xây dựng quy chế đào tạo tiến sĩ, quy chế công nhận các chức danh GS, PGS,... Tiếc rằng do sức ì của bộ máy quá lớn nên những thay đổi chỉ mới nửa vời, chậm chạp, vấp vả, trầy trật, và còn xa yêu cầu. Tình trạng chung là dùng dằng nửa thấy cần đổi mới nửa còn luyến tiếc lối cũ, phần vì trình độ, vì quán tính, phần vì không muốn quyền lực (kèm theo lợi ích) bị chia sẻ. Trong khi đó, mấy năm gần đây lãnh đạo của Bộ ngày càng nghiêng về xu hướng phiêu lưu muốn lái giáo dục theo chiều hướng tự do hóa cực đoan như thể hiện trong đề án “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006-2020” đã trình lên Chính phủ thông qua hai năm trước. Sức ì và tinh thần ngại thay đổi lớn (đòi hỏi đầu tư cao về trí tuệ),

tiến vài bước lùi vài bước, có khi quay ngược 180 độ, chứng tỏ ***lãnh đạo của giáo dục còn rất lẩn cẩn, chưa thông suốt, chưa sẵn sàng đổi mới***, ngay cả khi đổi mới giáo dục đã là đòi hỏi bức thiết của cả xã hội.

Hơn một năm nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo bắt tay xây dựng “Chiến lược phát triển giáo dục 2008-2020”. Xin lưu ý rằng trước đây đề án “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006-2020” đã được thông qua trong lúc bản “Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2000-2010” trên nguyên tắc còn 4 năm nữa mới hết hiệu lực. Bây giờ, trong lúc vừa mới thông qua đề án “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006-2020” được hai năm, và “Chiến lược phát triển giáo dục 2000-2010” còn hiệu lực hai năm nữa thì đã có “Chiến lược phát triển giáo dục 2008-2020”, rồi 2009-2020. Mỗi bản dự thảo chiến lược là công trình cả năm trời hay hơn của một viện hàng mấy trăm người, sửa đi sửa lại nhiều lần (bản này sửa đến lần thứ 14), sau mỗi lần sửa, bản dự thảo lại được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi trong các cuộc hội thảo mà nhiều vị tham gia thiếu sự nghiên cứu nghiêm túc thấu đáo cũng mạnh dạn phát biểu về “đại học đẳng cấp quốc tế”, “đại học top 200”, v.v. Thật ít thấy cách làm việc nào tùy tiện, thiếu nghiêm túc, thiếu khoa học, thiếu chuyên nghiệp hơn mà lại tốn kém như vậy, trong lúc Chính phủ đang kêu gọi tiết kiệm, chống lãng phí, để góp phần khắc phục các khó khăn kinh tế nghiêm trọng. Khác với hai văn bản trước, dự thảo “Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2009-2010” xuất phát từ ý tốt muốn mau chóng thay đổi cục diện giáo dục của đất nước ngay trong nhiệm kỳ 10 năm, nhưng chủ quan, không thực tế. Phần quan trọng của dự thảo nói về thực trạng giáo dục của ta và bối cảnh trong nước và quốc tế chưa phân tích được sự không thành công của giáo dục như nhận định trước đây của nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải, mà thiên về chứng minh điều ngược lại. Hai phần tiếp theo nói về các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục và các mục tiêu chiến lược, thể hiện một triết lý giáo dục tuy có được một số yếu tố cấp tiến trên lý thuyết, nhưng về căn bản vẫn chưa thoát ra khỏi tư duy giáo điều trước đây, lại được bổ sung thêm những yếu tố mở đường cho quan điểm thị trường cực đoan phiêu lưu sai lầm (quan điểm 5, phần III)[\[48\]](#) mà nếu thực hiện sẽ có tác dụng đẩy giáo dục càng suy thoái xa hơn. Phần V, trên thực tế mới là phần trọng yếu, thực ra chỉ là một bản kế hoạch dài hạn 12 năm, xây dựng duy ý chí theo tư duy và phương pháp kế hoạch hóa tập trung quan liêu thời bao cấp đã phá sản từ những năm đầu 80 thế kỷ trước. Chúng ta đang sống trong thời đại đầy biến động khó lường, năng lực dự báo kinh tế của ta lại rất yếu, dự báo ngắn hạn đã khó, huống hồ dự báo cho 12 năm tới. Mà khi đã không có dự báo kinh tế tin cậy được thì căn cứ vào đâu có thể tính toán chi tiết các chỉ tiêu phát triển giáo dục trong 12 năm tới như trong bản dự thảo?[\[49\]](#) Có chăng đây chỉ là một bảng ước muốn tốt đẹp của lãnh đạo, thể hiện phần nào tâm huyết đối với giáo dục, nhưng không thể coi là đã có tính toán cân đối khả năng, nguồn lực và yêu cầu. Hơn nữa, các chỉ tiêu, biện pháp chỉ nặng về phát triển quy mô dễ gây ấn tượng mà không tính hết các khó khăn và thách thức, ***xem nhẹ chuyển biến về chất, trong khi cuộc khủng hoảng giáo dục hiện nay***

*trước hết là khủng hoảng về đường lối, triết lý, khủng hoảng về chất.*

Cần ghi nhận những tiến bộ hai năm qua đã tạo được một số chuyển biến tích cực, bước đầu kéo giáo dục ra khỏi một số điểm trì trệ lâu ngày. Nhưng đồng thời cũng cần thấy rằng những tiến bộ ấy chỉ mới ở ngoại biên, chưa động tới chiều sâu các vấn đề cốt lõi. Chẳng hạn, tiêu cực trong thi cử chỉ là một mảng nhỏ, thậm chí chỉ là thứ yếu, mà cái gốc là bệnh giả dối thâm căn cố đế của giáo dục, làm sao chỉ bằng phong trào “hai không” mà khắc phục được. Ngay trong thi cử thì cái tiêu cực nhất không chỉ là chuyện quay cốp, gian lận, mà ở chứng bệnh hư học và những lãng phí to lớn nó gây ra cho xã hội. Còn bệnh thành tích thì không chỉ ở thói xấu báo cáo không trung thực kết quả các kỳ thi, mà như đã phân tích ở trên nghiêm trọng nhất là xu hướng từ trên xuống dưới chạy theo số lượng, bất chấp chất lượng, bất chấp chuẩn mực, đặc biệt là chuẩn mực quốc tế, chạy theo những hoạt động phô trương tốn kém, những thành tích giả tạo. Do đó, còn chưa động tới những vấn đề cốt lõi đó thì chưa thể nói có chuyển biến gì đáng kể về chất.<sup>[50]</sup> Khác nào con bệnh đang đau nhức bên trong các nội tạng mà chỉ được bôi xức ngoài da hay cho uống thuốc giảm sốt, giảm đau, những việc này tuy cần thiết trong một giai đoạn nhưng không chữa được bệnh, hơn nữa nếu kéo dài lâu quá còn có thể làm bệnh trầm trọng thêm.

Tóm lại, bài học kinh nghiệm hai chục năm qua là *không thể chấn hưng giáo dục chỉ bằng những cải cách nửa vời, chấp vá, tùy tiện, hay những giải pháp cục bộ, bề nổi, có tính phong trào*. Đó không chỉ là ý kiến lẻ tẻ của các nhà giáo dục, khoa học trong nước mà còn là ý kiến chung, kiên trì, kết quả nhiều năm suy nghĩ trăn trở của rất đông các nhà khoa học, giáo dục trong nước, Việt kiều và nước ngoài đã từng quan tâm, tìm hiểu và gắn bó sâu sắc với nền giáo dục của đất nước ta trong suốt thời kỳ đổi mới.

Vì những lẽ trên, một lần nữa chúng tôi xin nhắc lại lời thỉnh cầu khẩn thiết: đã đến lúc cần thực hiện, một cuộc cải cách giáo dục toàn diện, triệt để, nhằm xây dựng lại hệ thống giáo dục từ gốc, tiến tới một nền giáo dục thật sự hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới, và tạo tiền đề cho đất nước hội nhập quốc tế thành công.

Đây thật sự là mệnh lệnh cuộc sống, không thể chần chừ. Người dân đã quá mệt mỏi với những vắn nạn kinh niên về học phí, thi cử, sách giáo khoa, chương trình quá tải, v.v., năm nào cũng bấy nhiêu chuyện lặp đi lặp lại mà đến nay vẫn chưa thấy lối ra có thể tin tưởng được. Nhiều nước tuy giáo dục đang phát triển tốt vẫn thấy cần cải cách để đáp ứng các đòi hỏi mới của thời đại, huống chi chúng ta đã không thành công trong một phần tư thế kỷ qua.

Tuy nhiên, như đã nói rõ trong bản điều trần, cải cách giáo dục là công việc hệ trọng, không thể làm vội vã tùy tiện mà cần phải được chuẩn bị chu đáo, nghiên cứu cẩn trọng để thực hiện từng bước, từng bộ phận, theo một kế hoạch được Quốc hội thông qua nghiêm túc.

Sau một thời gian dài im lặng trước mọi đề nghị cải cách, nay Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo *Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành vấn đề cải cách hệ thống giáo dục quốc dân trong quý 1/2009 để xóa đi tất cả những yếu kém, bất cập trong hệ thống*”.[51] Đây là một tin vui, cho biết vấn đề cải cách giáo dục cuối cùng đã được đặt chính thức lên bàn nghị sự của Chính phủ. Song những tin tức cụ thể kèm theo bản dự thảo chiến lược phát triển giáo dục 2009-2020 khiến dư luận chưa thể yên lòng. Chúng ta có Hiến pháp, có Quốc hội, thiết tưởng một công cuộc có tầm quan trọng lớn lao đối với quốc dân như cải cách giáo dục cần phải được nghiên cứu cẩn trọng và thông qua Quốc hội.

Trong tình hình hiện nay, tốt nhất xin đề nghị Chính phủ thành lập một tổ đặc nhiệm, độc lập với Bộ Giáo dục và Đào tạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ xây dựng trong thời hạn tối đa 12 tháng một đề án cải cách giáo dục toàn diện kèm theo một kế hoạch và lộ trình cụ thể để đưa ra lấy ý kiến đóng góp rộng rãi trong nhân dân trước khi trình Chính phủ và Quốc hội.

Để công việc thuận lợi và có hiệu quả thiết thực, Tổ đặc nhiệm cần có một nòng cốt gồm một số không nhiều những chuyên gia thật sự có năng lực và thật sự am hiểu giáo dục hiện đại, làm việc toàn thời gian. Bên cạnh đó có một hội đồng rộng hơn, làm việc nửa thời gian, gồm có đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà khoa học, nhà văn hóa, và doanh nhân, do Thủ tướng Chính phủ chỉ định, để hỗ trợ Tổ đặc nhiệm trong quá trình soạn thảo đề án. Thành bại của sự nghiệp cải cách giáo dục phụ thuộc phần lớn ở sự lựa chọn đúng đắn thành phần tổ đặc nhiệm và hội đồng này.

## **5. Một số việc cấp bách cần làm trong khi chưa cải cách**

Việc chuẩn bị cải cách có thể mất một vài năm. Trong thời gian đó, cần chú ý một số vấn đề cấp bách cần giải quyết để tạo cơ sở và mở đường chuyển dần sang cải cách một cách thuận lợi. Chúng tôi kiến nghị tạm dừng việc thông qua Chiến lược phát triển Giáo dục 2009-2020 và một số Dự án, Đề án khác có liên quan. Bản điều trần 2004 có đề nghị 3 vấn đề về giáo dục phổ thông và 7 vấn đề về giáo dục đại học. Gần bốn năm qua, tuy các vấn đề này có tiến triển ít nhiều, nhưng đến nay hầu hết vẫn chưa được thật sự giải quyết, do đó vẫn cần được tiếp tục quan tâm. Mặt khác, tình hình kinh tế khó khăn với nhiều thách thức trước mắt đòi hỏi ngành giáo dục cần có ***những nỗ lực đặc biệt góp phần cùng toàn xã hội vượt qua thách thức, khó khăn, biến thách thức thành cơ hội tạo chuyển biến mạnh mẽ chuẩn bị cho công cuộc chấn hưng giáo dục về lâu dài.***

Trên tinh thần ấy chúng tôi xin kiến nghị ba giải pháp lớn sau đây, vừa để ngăn chặn xu hướng tha hóa, bước đầu khôi phục lại phẩm chất giáo dục trên ba mặt: đạo đức, thực học, chuẩn mực, vừa để góp phần tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư trong giáo dục.

**5.1 Cải thiện cơ bản chính sách đối với người thầy, giải tỏa nghịch lý lương/thu nhập, để nhà giáo ở mọi cấp an tâm làm việc, toàn tâm toàn ý với trách nhiệm cao cả của mình**

Sự thật, phần lớn giáo viên nay đã có mức sống không đến nỗi khó khăn như cách đây mấy năm, thậm chí một bộ phận còn có thu nhập khá. Song cái nghịch lý lương/thu nhập vẫn còn y nguyên, mà nguồn thu nhập bù lương vẫn là nguyên nhân gây nhiều tiêu cực nhức nhối, cần giải quyết vấn đề này một cách minh bạch, qua việc chấn chỉnh quản lý tài chính ngay trong nội bộ ngành giáo dục, rà soát lại để kiên quyết bỏ hay giảm bớt mọi khoản chi tiêu không hiệu quả, trên cơ sở đó tăng lương, bảo đảm lương đủ sống và là thu nhập chính của mỗi người, từ đó lập lại kỷ cương, đạo đức trong giáo dục. ***Trong các tính toán kế hoạch, hãy đặt vấn đề trước hết bảo đảm đồng lương hợp lý cho giáo viên và công nhân, viên chức trong ngành, sau đó mới xét đến các khoản chi tiêu khác.*** Nếu ngân sách được cấp cộng các khoản thu khác (do đóng góp của dân, hay do viện trợ, vay mượn quốc tế) không đủ thì mới xin bổ sung ở mức tối thiểu cần thiết nhất. Làm như vậy không cần đợi giải pháp chung cho tất cả các ngành, mà nhân đó còn có thể chống tham nhũng và lãng phí một cách thiết thực hơn. Theo tính toán sơ bộ<sup>[52]</sup>, nếu bỏ đi những khoản chi vớ vẩn hoặc không thật sự cần thiết (hội họp, thi đua hình thức, thi dạy giỏi các kiểu, các khoản chi “nâng cao năng lực quản lý” v.v.) thì hoàn toàn có thể trả lương đáng hoàng cho thầy cô giáo để họ sống được bằng tiền lương. Nếu cần Nhà nước chi phụ thêm thì cũng chỉ cần phụ thêm một khoản hoàn toàn trong khả năng hiện thực. Ai cũng hiểu đây là việc rất khó, vì tuy khả thi về điều kiện vật chất khách quan nhưng chắc chắn sẽ vấp trở ngại tư tưởng rất lớn vì đụng chạm đến những thói quen, kể cả lãng phí và tham nhũng, đã hình thành và cắm rễ quá lâu trong thời gian qua. Song không làm bây giờ thì sẽ ngày càng khó hơn và có thể chẳng bao giờ có hy vọng trả lại được lòng tự trọng cho giáo dục.

Dù thế nào, trong khi chính sách đối với người thầy còn quá bất cập, nếu chưa làm được gì để cho thầy, cô giáo an tâm thì không nên đưa ra sớm quá những chủ trương gây thêm bất ổn lòng người, như cái tin vừa mới loan báo trong bản dự thảo chiến lược: “xóa bỏ biên chế, chuyển sang hợp đồng trong đội ngũ giáo viên”. Nếu đây chỉ là thực hiện một nghị định đã có của Chính phủ thì không nên đưa ra như một sáng kiến của ngành, mà ngay trong trường hợp này cũng nên nghiên cứu cách thực hiện như thế nào cho thích hợp với các đặc thù của giáo dục. Trong khi tiêu cực, tham nhũng còn nặng, mà đồng lương của giáo viên lại quá thấp, việc xóa biên chế khó tạo nên được cạnh tranh lành mạnh mà còn có thể gây thêm bất ổn, có hại nhiều hơn lợi. Ở một số nước phát triển, mọi điều kiện đều thuận lợi hơn ta nhiều, mà chính sách này cũng chỉ mới được đưa ra mấy năm gần đây đối với giảng viên đại học công lập (và cũng không phải áp dụng đồng loạt cho mọi người) vì trong giáo dục và khoa học không phải kiểu cạnh tranh nào cũng tốt cả. Trong giáo dục phổ thông càng nên thận trọng, vận dụng máy móc cơ chế thị trường vào đây có thể đưa đến thảm họa. Sự cạnh tranh lành mạnh ở đây nên được thực hiện chủ yếu qua khâu tuyển dụng, còn sau khi tuyển dụng thì điều cần thiết là tạo điều kiện, môi trường, để giáo viên an tâm phục vụ, vì khác với ở đại học, ngoài việc dạy chữ họ còn phải quan tâm đến nhiều việc mà thiếu an tâm thì không thể làm tốt. Cũng như vậy, trong điều kiện quản lý và sử dụng cán bộ

như hiện nay, chủ trương để hiệu trưởng quyết định lương của giáo viên là một việc phiêu lưu, có thể đẻ ra nhiều bất ổn, tiêu cực mới. Trước hết chúng ta hãy nên khiêm tốn làm những điều bình thường nhất mà ở mọi nước văn minh đều đã thành nề nếp (ví dụ: bỏ độc quyền của Bộ về sách giáo khoa), đồng thời cải cách và tăng cường hệ thống đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, để giúp cho giáo viên không những đủ năng lực truyền thụ kiến thức mà còn có khả năng rèn luyện cho học sinh tư duy phê phán, đầu óc sáng tạo và những kỹ năng mềm cần thiết trong đời sống hiện đại.

## **5.2. Đổi mới căn bản việc học và thi ở THPT khắc phục giáo dục đồng loạt và xóa bỏ khổ dịch thi cử**

Hiện nay từ mẫu giáo đến THCS đã có hệ thống thực nghiệm giáo dục được xây dựng từ gần ba mươi năm nay trên cơ sở những nghiên cứu khoa học nghiêm túc, và đã hoạt động có hiệu quả trên nhiều vùng đất nước. Đã đến lúc cần chính thức mở rộng thực hiện hệ thống đó trong cả nước. Đồng thời để dần dần khôi phục lại thực học trong toàn bộ hệ thống giáo dục, cần một giải pháp đột phá cho việc học và thi ở THPT. Có những lý do sau đây để chọn THPT: 1) THPT là cấp cuối của giáo dục phổ thông, chất lượng ở đây thể hiện chất lượng toàn cấp, đồng thời là chất lượng đầu vào cho ĐH, CĐ trong nước và du học ở nước ngoài; điều này rất quan trọng đối với việc đào tạo đại học, cả trong nước và ngoài nước; 2) việc học và thi ở THPT căng thẳng nhất trong cả hệ thống giáo dục, do hai kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH-CĐ quá tốn kém bất hợp lý, giải quyết tốt khâu này chẳng những nâng cao thiết thực chất lượng học tập mà còn xóa được một nguồn lãng phí lớn về nhân, tài, vật lực; 3) trong cả đời người, tuổi 15-18 là giai đoạn dò dẫm con đường phát triển về cả sinh lý, tâm lý, tình cảm, trí tuệ, là tuổi bắt đầu suy nghĩ về tương lai nghề nghiệp, hình thành xu hướng, sở thích, ước mơ, hoài bão..., cho nên giáo dục THPT không tốt sẽ để lại cho từng cá nhân cũng như cho cả xã hội dấu ấn nặng nề.

Hệ thống giáo dục THPT hiện tại có hai lãng phí lớn. Lãng phí thứ nhất là hằng năm có một số lớn thanh niên tốt nghiệp THPT không lọt qua cánh cửa ĐH, CĐ, phải bước vào thị trường lao động, chịu bằng lòng với một việc làm đơn giản (không cần tay nghề), dù đã tốn 12 năm đèn sách, hoặc phải chấp nhận vào học nghề ở một trường trung cấp kỹ thuật vốn chỉ đòi hỏi trình độ THCS. Trong khi đó nếu tổ chức tốt hơn hệ thống giáo dục thì chỉ cần 12 năm học tập, thêm một thời gian 6-12 tháng tập việc, cũng hoàn toàn đủ để có được một văn hóa cơ bản và việc làm có nghề. Tình trạng đó vừa gây ra lãng phí lớn cho xã hội vừa tạo tâm lý bất ổn cho thanh niên. Lãng phí lớn thứ hai, khó thấy hơn, nhưng nghiêm trọng hơn, là cách học và thi quá lạc hậu ở THPT gắn liền với nạn hư học cổ lỗ, hoàn toàn không chú ý các đặc điểm và đòi hỏi của lứa tuổi, làm phí sức học sinh một cách vô ích, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tâm lý, đến tương lai nghề nghiệp của một số khá đông lại rất tốn kém cho gia đình và xã hội. [53] Ngoài ra chương trình và nội dung từng môn học quá cũ kỹ, chưa giúp rèn luyện cho

học sinh khả năng tự học, tự tìm kiếm kiến thức và sáng tạo.

Để khắc phục những bất hợp lý trên cần cải cách việc học và thi trên cơ sở tổ chức lại hệ thống giáo dục để sau THCS có hai nhánh rẽ: trung học nghề hay trung học phổ thông, học xong nếu không học lên cao hơn (cao đẳng hay đại học) được thì đều có thể đi ngay vào thị trường lao động tìm một việc làm có nghề. Theo hướng đó nên cấu trúc lại chương trình và cách học ở THPT để “tạo nhiều cơ hội lựa chọn cho thế hệ trẻ trên cơ sở bảo đảm một mặt bằng văn hóa chung thích hợp, đồng thời đủ mềm dẻo để cho phép điều chỉnh những sự lựa chọn chưa phù hợp” (bản điều trần 2004). Cụ thể là bãi bỏ cách phân ban cứng nhắc như hiện nay?[\[54\]](#) để tổ chức lại việc học ở THPT như ở nhiều nước tiên tiến, về mỗi môn học đều có một chương trình bình thường và một hoặc nhiều chương trình nâng cao, theo nhiều mức độ nâng cao khác nhau, cho phép học sinh được tự do lựa chọn chương trình nào hợp sức và hợp sở thích, đồng thời dễ dàng điều chỉnh sự lựa chọn khi thấy cần thiết. Chỉ với cách học đó học sinh mới không bị quá tải, vì được học sâu những môn ưa thích và không phải học quá kỹ nhiều thứ mà sau này sẽ chẳng bao giờ cần đến (như chương trình toán THPT hiện nay có quá nhiều phần hoàn toàn không cần thiết sau này cho đại đa số học sinh). Hơn nữa về những môn hợp xu hướng sở thích thì có cơ hội được học đủ sâu để đến khi tốt nghiệp THPT có đủ hiểu biết để tìm được việc làm có nghề, và nếu xuất sắc thì khi học tiếp lên ĐH hay CĐ có thể học vượt lớp, tiết kiệm thời gian. Tuổi 15-18 là tuổi vàng, nhiệm vụ của nhà trường là tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển đến mức tối đa của mình, chứ không phải chỉ nhằm bảo đảm cho mọi cá nhân một mức tối thiểu đồng loạt như cách dạy hiện nay ở THPT.

Đồng thời với cách học, thì cách thi cử và đánh giá cũng phải thay đổi. Trong một nhà máy làm ra một sản phẩm gồm nhiều bộ phận riêng rẽ (môđun) ghép lắp lại, người ta phải kiểm tra kỹ chất lượng khi sản xuất từng bộ phận, đến khi lắp ráp chỉ kiểm tra chất lượng lắp ráp. Việc học và thi trong nhà trường cũng vậy: mỗi môn, mỗi học phần như một môđun, học môn nào, học phần nào phải kiểm tra, thi nghiêm túc môn đó, phần đó, đến cuối cấp không thi lại nữa, mà chỉ phải làm một tiểu luận hoặc qua một kỳ thi nhẹ nhàng, với mục đích kiểm tra trình độ văn hóa phổ quát thu nhận được (giống như chất lượng lắp ráp các môđun). Hơn nữa, kỳ thi nhẹ nhàng này cũng có thể không bắt buộc cho mọi người mà có thể coi như một kỳ thi sơ tuyển (ST) vào ĐH, CĐ chỉ bắt buộc đối với những ai muốn vào học ĐH CĐ. Còn việc tuyển sinh vào ĐH, CĐ thì cần trả lại cho từng trường. Mỗi trường tuyển sinh căn cứ vào kết quả thi (ST) và học bạ hoặc qua một kỳ thi tuyển nếu trường nào có yêu cầu đào tạo đặc biệt.

Với cách học và thi ở THPT được tổ chức lại hợp lý, sẽ bỏ được kỳ thi THPT tốn kém (tiết kiệm ít ra hàng nghìn tỉ đồng cho một kỳ thi), đồng thời việc tuyển sinh cũng được hợp lý hóa để giảm bớt chi phí và đỡ căng thẳng cho thí sinh. Chất lượng đầu vào cho ĐH, CĐ trong nước hay chất lượng học

sinh Việt Nam gửi đi du học các nước ngoài sẽ nhờ đó được nâng cao đáng kể.

### **5.3. Xây dựng *mới* một hay hai đại học đa ngành hiện đại, đạt các chuẩn mực quốc tế về mọi mặt, làm hoa tiêu thúc đẩy toàn ngành đại học hội nhập với thế giới**

Mối nguy hại của việc phát triển giáo dục bừa bãi bất chấp chuẩn mực đã quá rõ khi hội nhập, buộc chúng ta phải thay đổi nhận thức và tìm mọi cách khắc phục tình trạng đó. Song cái khó là vì đã bỏ qua chuẩn mực một thời gian quá lâu, không chỉ trong giáo dục mà cả trong khoa học, nên chúng ta rất thiếu những nhà quản lý thật sự am hiểu các chuẩn mực phát triển giáo dục, khoa học hiện đại. Thời gian qua cho thấy nhận thức của phần đông các nhà quản lý ở lĩnh vực này có nhiều mặt phiến diện, xa thực tế, nói chung rất chủ quan trong hàng loạt vấn đề quan trọng liên quan việc đào tạo tiến sĩ, công nhận các chức vụ GS, PGS, đánh giá các công trình khoa học, đánh giá chất lượng đại học nói chung. Chỉ xem trong vấn đề đại học đẳng cấp quốc tế, đại học thuộc top 200, cũng đủ thấy rõ sự hiểu biết của cơ quan quản lý của chúng ta về giáo dục đại học hiện đại trên thế giới còn quá thô sơ, quá xa thực tế. Trong tình hình đó, khó có thể khắc phục tình trạng phát triển bừa bãi và khó khôi phục được trật tự, chuẩn mực chỉ bằng công tác kiểm định và xếp hạng. Bằng chứng là trong ba năm 2005-2008 đã tiêu tốn một số tiền không nhỏ (gần 1,5 triệu Euro) cho dự án đảm bảo chất lượng đại học, nhưng đến nay công tác này vẫn rất lúng túng chưa có kết quả gì rõ ràng. Cùng với những khoản chi tiêu về khảo thí, các khoản chi tiêu về kiểm định và xếp hạng đã ngốn hết bao nhiêu phần ngân sách và đã đưa lại những kết quả gì thiết thực giải quyết vấn đề chất lượng đại học Việt Nam, có lẽ đây là lúc cần nhìn lại tỉnh táo hơn trước khi lao vào những dự án đầu tư mới.

Tốt hơn nên tập trung cố gắng xây dựng cho mỗi bậc học, ở mỗi địa phương, một số đơn vị thật sự đáp ứng các chuẩn mực, lấy đó làm hoa tiêu, cung cấp kinh nghiệm phổ biến rộng dần ra. Về giáo dục phổ thông, từ mẫu giáo đến THCS đã có hệ thống thực nghiệm giáo dục, còn THPT thì sắp tới nên xúc tiến từng bước đổi mới như trên đã nói. Riêng về đại học, vấn đề phức tạp hơn, phải mất nhiều năm mới chấn chỉnh được tình trạng rối ren hiện nay. Một mặt cần nâng cấp một số đại học lớn sẵn có, việc này đòi hỏi phải có thời gian, vì nếu làm tốt cũng phải mất không ít hơn mười lăm năm mới có thể nâng được một đại học hiện có lên đẳng cấp quốc tế (kinh nghiệm ĐH Quốc gia Hà Nội thành lập đã mười mấy năm rồi nhưng còn kém xa các đại học loại tốt trong khu vực). Mặt khác cần bắt tay xây dựng *mới* một hai *đại học đa ngành thật hiện đại*, theo các chuẩn mực quốc tế, có tính chất làm “hoa tiêu” cho toàn bộ công cuộc hiện đại hóa đại học. Ý kiến này đã được đề xuất trong bản điều trần 2004, và đã được Thủ tướng Phan Văn Khải chấp thuận, nhưng đến nay chưa làm được bao nhiêu. Ngay đến quan niệm cơ bản về mục tiêu “đại học đẳng cấp quốc tế” hay “đại học lọt vào top 200 trên thế giới” hiện cũng còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng, chưa xác định, chưa ổn. Với tác phong làm việc lè mề như vậy, chúng ta dễ dễ vượt hết mọi cơ hội.

Để hiểu rõ những việc cần làm, và làm như thế nào, điều đầu tiên là cần xác định đúng đắn yêu cầu, chuẩn mực của một đại học “đẳng cấp quốc tế”. Còn chuyện đại học thuộc top 200 thì xin đề nghị tạm gác lại, vì mục tiêu quá mơ hồ hoặc không thực tế, dễ đánh lạc hướng cố gắng của chúng ta, làm chúng ta sao nhãng những nhiệm vụ cần kíp, thiết thực khác.

Cũng giống như khái niệm “chuyên gia tầm cỡ quốc tế” khái niệm “đại học đẳng cấp quốc tế” tuy không thể định nghĩa hoàn toàn chặt chẽ, chính xác nhưng cũng không phải quá mập mờ, tùy tiện. Điều không may là chúng ta không có nhiều chuyên gia tầm cỡ quốc tế, cho nên khái niệm đại học đẳng cấp quốc tế dễ bị dung tục hóa. Với tình hình đó, dễ có quan niệm quá đơn giản về chuẩn mực một đại học đẳng cấp quốc tế, nên dễ coi thường các khó khăn và dễ đặt mục tiêu xa vời, thiếu thực tế. Cần xác định rõ một đại học đẳng cấp quốc tế là một đại học đạt các chuẩn mực vào loại trung bình ở các nước phát triển về các phương diện chủ yếu: cơ sở hạ tầng (khuôn viên, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, sân vận động, ký túc xá,...), tỉ lệ giảng viên/sinh viên, trình độ khoa học của tập thể giảng viên[55], trình độ sinh viên nhập học, trình độ sinh viên tốt nghiệp và thành tựu trong công tác của họ khi vào đời, thành tựu khoa học của từng cá nhân và của cả tập thể giảng viên trong mười năm gần đây nhất, mức độ hợp tác quốc tế, mức độ tham gia của tập thể giảng viên vào các hoạt động học thuật quốc tế (tạp chí quốc tế, hội thảo quốc tế,...). Hơn nữa, về mỗi chuyên ngành ***phải có ra 3-4 chuyên gia tầm cỡ quốc tế làm nòng cốt***[56]. Như vậy ngay một lúc không thể xây dựng hết tất cả các khoa (chuyên ngành) mà lúc đầu chỉ nên mở một số ít chuyên ngành lựa chọn rồi sau mở rộng dần. Điều quan trọng là mở ngành nào nhất thiết đều phải hội đủ tiêu chuẩn quốc tế một cách nghiêm túc. Ban đầu có thể chỉ có cấp thạc sĩ, tiến sĩ, sau đó dần dần có cả cấp cử nhân, kỹ sư. Quy mô ban đầu có thể chỉ cần mấy trăm sinh viên, rồi tăng dần đến khoảng 10 nghìn. Chỉ nên tập trung khả năng và phương tiện xây dựng một hai đại học đẳng cấp quốc tế từ nay đến 2020. Không nên tham vì nếu thất bại một lần thì không chỉ lãng phí tiền của mà còn gây khó khăn về sau.

\*

Từ sau Nghị quyết Trung ương II khóa 8 toàn dân đang mong đợi từng ngày những chuyển biến cách mạng trong giáo dục, như lời Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã phát biểu, để đáp ứng nguyện vọng học tập thiết tha của mỗi gia đình và yêu cầu bức thiết của công cuộc phát triển đất nước.

Chúng ta đang bước vào một thế giới và một thời đại đầy thách thức đối với trí tuệ và tài năng của các dân tộc. Lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm chứng tỏ tiềm năng trí tuệ và tài năng của dân tộc ta không thiếu. Song muốn đánh thức tiềm năng đó rất cần một nền giáo dục hiện đại dựa trên một triết lý giáo dục tiên tiến, nhằm trước hết hoàn thiện con người như một chủ thể chứ không phải một phương tiện. Rất mong chúng ta sẽ không trả giá quá đắt để học bài học đó từ các nước đi *trước* và có quyết sách đúng đắn, kịp thời, chấn hưng giáo dục để chấn hưng đất nước, tranh thủ thời cơ mau

chóng vuron lên đuồi kịp thế giới, thực hiện trách nhiệm đối với các thế hệ hiện nay và mai sau, và đối với di sản quý báu của các thế hệ tiền bối.

## **Giáo dục:** **Xin cho tôi nói thẳng<sup>[57]</sup>**

### **1. Giáo dục sa sút không phải vì thiếu tiền mà vì quản lý kém.**

Sau một mùa thi THPT và ĐH-CD nặng nề, căng thẳng giả tạo và lãng phí vô lối, không có ở đâu ngoài Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ 21, trường học chưa kịp nghỉ ngơi cho lại sức đã bước vào khai giảng năm học mới, khởi động một chu kỳ khổ dịch đầy lo âu cho cả thầy lẫn trò. Giữa lúc đời sống trăm mối tơ vò mà trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng đầy rẫy những bản tin chữ to nào là học phí cao, tiền trường leo thang, tiểu học công lập có nơi thu học phí 70-80 nghìn đồng/tháng, THCS, THPT vừa đầu năm học phụ huynh phải ẽ cổ đóng góp cả chục khoản tiền “tự nguyện” bắt buộc. Trong khi đó chương trình học đã nhiều năm bị phê phán quá tải vẫn chưa hề giảm tải, sách giáo khoa sai sót đến mức đính chính không xuể vẫn cứ phải dùng, chương trình phân ban THPT bộc lộ bất cập ngay khi mới đưa ra thực hiện nhưng vẫn sẽ giữ nguyên cho đến 2015. Khẩu hiệu “trường học thân thiện, học sinh tích cực” nghe thì hay, nhưng bản khoản lớn là làm thế nào trong hai năm tới chấm dứt được nạn “đọc, chép” trong khi mọi thứ khác, từ chương trình, sách giáo khoa, tổ chức học tập cho đến thi cử và nhiều chuyện cốt lõi khác về tư duy giáo dục vẫn căn bản gần y nguyên như nửa thế kỷ trước. Thật xót xa khi học sinh được khuyên “học làm người trước khi học chữ” mà có nơi nhân danh chuẩn hóa giáo viên người ta buộc các thầy cô chưa đạt chuẩn phải đeo trước ngực tấm biển “giáo viên chưa đạt chuẩn” khi vào lớp. Quản lý thiếu nhân tính như thế tránh sao được những chuyện đau lòng như thầy bắt trò liếm ghế, trò tạt a-xit thầy, học sinh lớp 11-12 đâm chém nhau ngay trước cổng trường, v.v. Nói chống bệnh thành tích mà trước kia tỉ lệ tốt nghiệp phổ thông đạt trên 90%, nay sau hai năm thi cử nghiêm túc hơn, tỉ lệ đó cũng đã dần dần trở lại xấp xỉ... 90%, không biết phép lạ nào đã nâng cao chất lượng học tập nhanh chóng như vậy. Giáo dục phổ thông đã thế, giáo dục đại học, cao đẳng còn nhiều chuyện ly kỳ hơn: khắp nước, kể cả đại học quốc gia, tràn lan và bát nháo “đào tạo liên kết”, môn học một học kỳ chỉ cần 3-4 ngày xong hết cả học và thi, nên ai cũng học được, trường trung cấp cũng đào tạo thạc sĩ là chuyện hi hữu trên thế giới. Hóa ra ta hiểu đại chúng hóa, thi trường hóa đại học là thế. Chẳng lạ gì chỉ trong vài năm đã xuất hiện hàng mấy trăm đại học mới, lại sắp có cả Văn miếu hiện đại xây dựng trên 25 ha đất cho đủ chỗ vinh danh hết tiến sĩ thời nay. Lại nhất là đề án tiến sĩ hóa, thạc sĩ hóa 100% cán bộ công chức của Thủ đô để “đột phá tư duy lãnh đạo” (may mà kế hoạch này đã tạm rút lại sau khi bị phản đối kịch liệt). Cái nào trạng sình bằng cấp và thói hư học thâm căn cố đế bị lợi dụng triệt để, biến kinh doanh chữ nghĩa thành một nghề phát đạt chưa từng thấy: trường công chiêu sinh “ngoài ngân sách” một số lượng lớn sinh viên với học phí gấp mấy lần bình thường, rồi nay mai theo xu hướng đó sẽ tiến lên cổ phần hóa theo chiến lược đổi mới đại học của Bộ GD-ĐT; trường tư được tự do chạy theo lợi nhuận, bất kể chất lượng nào chỉ cần trung bình

“đại học quốc tế...” tha hồ đặt ra những khoản thu kỳ dị bóc lột người học. Gần 4 trăm đại học chỉ mới thỏa mãn được chưa đến 20% yêu cầu, trong lúc đó trường nghề tuy rất ít vẫn sống ngặt nghèo vì ai cũng chỉ muốn làm thầy, hoặc làm công bộc của dân, không ai thích làm thợ. Có nơi như ở Dung Quất nhà máy cần rất nhiều thợ hàn, mở lớp đào tạo được một khóa 160 người đã đóng cửa, dù đời sống người dân địa phương vẫn rất lam lũ do không có nghề sau khi nhường đất xây dựng khu công nghiệp. Các quan chức giáo dục bảo những hiện tượng không hay chỉ là riêng lẻ, và để cho công bằng phải nhắc đến biết bao gương tốt hàng ngày vẫn âm thầm diễn ra. Đúng thế thật, song tiếc thay điều đó chỉ càng nói lên khoảng cách lớn giữa tiềm năng với thực tế - một khoảng cách không thể chấp nhận được mà nguyên nhân, như Chính Phủ đã chỉ rõ gần đây, là do quản lý bất cập. Có nghĩa sự sa sút của giáo dục không thể đổ cho khách quan, do đất nước nghèo, đầu tư không đủ, do trình độ non yếu của thầy cô giáo, do ý thức người dân lạc hậu, do phụ huynh cũng là “đồng tác giả” của nhiều sai lầm yếu kém của giáo dục, v.v. Đương nhiên tất cả những nguyên nhân này đều đúng. Song muốn lay chuyển tình hình phải thừa nhận nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân của mọi nguyên nhân, đó là lãnh đạo, quản lý bất cập, bất cập cả tâm lẫn tầm và từ trên xuống dưới.

## **2. Cần cải cách có hệ thống, chứ không phải đổi mới vụn vặt**

Nói cho đúng, thực trạng giáo dục như thế nào đã rõ như ban ngày, chẳng qua chúng ta mê ngủ nên chưa thấy, hoặc có thấy nhưng vì những ràng buộc, áp lực nào đó nên cứ phải bịt mắt, giả mê để tự dối mình, dối người khác và yên vị.

Giờ là lúc cần trung thực nhìn thẳng vào sự thật. Đó là lương tâm, là trách nhiệm chẳng những đối với xã hội hiện tại mà còn đối với lịch sử, đối với nhiều thế hệ mai sau. Những ai thường hô hào học sinh trung thực xin trước hết hãy tỏ rõ sự trung thực ở đây, trong việc này.

Xin cảnh báo: tình hình giáo dục hiện nay cũng tương tự như tình hình kinh tế xã hội của đất nước giữa những năm 80 thế kỷ trước. Thử tưởng tượng lúc đó nếu chúng ta cứ một mực nhắm mắt trước thực tế đời sống bi đát của người dân mà không đổi mới thì đất nước có tồn tại được đến ngày nay không? Rõ ràng chỉ nhờ nhìn thẳng vào khủng hoảng kinh tế xã hội chúng ta mới thấy được giải pháp, mới có đầy đủ quyết tâm thoát ra bế tắc, cứu đất nước khỏi sự sụp đổ.

Thật đáng tiếc ngành giáo dục chưa học được bao nhiêu bài học đắt giá đó. Hai mươi năm qua, hết đời bộ trưởng này đến đời bộ trưởng khác vẫn tiếp tục ca cái điệp khúc “thành tựu giáo dục là vĩ đại, bên cạnh đó còn nhiều bất cập”. Căn nhà giáo dục đã cũ nát thảm hại nhưng cứ loay hoay nay coi nói chỗ này, mai sửa chữa chỗ kia, rốt cuộc thành ra căn nhà dị dạng chẳng ai muốn ở. Gia đình nào có khả năng đều tìm cách gửi con em ra nước ngoài để chạy trốn giáo dục trong nước. Chẳng thế mà có người nói vui nhưng thật cay đắng: nên có luật cấm quan chức cấp cao gửi con em du học nước ngoài thì may ra giáo dục mới có cơ hội được chấn hưng.

Điều rất lạ là các nghị quyết của Đại Hội Đảng và các Hội Nghị Trung Ương III, VII, IX đều đòi hỏi phải tiến hành cải cách giáo dục như một yêu cầu bức thiết của xã hội, nhưng những vị nhận lãnh trách nhiệm trực tiếp thì lại chẳng hề quan tâm thực hiện các nghị quyết ấy, thậm chí còn nói ngược lại. Chiến lược giáo dục dự thảo đến lần thứ 15 vẫn chỉ thấy lặp lại những quan niệm, tư duy cũ rích, tuy ngôn từ và số liệu có thay đổi cho hợp thời trang (như từ “đổi mới” xuất hiện với tần số kỷ lục). Bên cạnh đó, có những mục tiêu nghe thật hoành tráng, nào là từ nay đến 2020 (tức trong 11 năm tới) đào tạo 20000 tiến sĩ, xây dựng 4 trường đại học đẳng cấp quốc tế, 1 trường vào top 200 thế giới, v.v.... Song người dân vẫn phân vân: 3 năm qua ta đã làm được gì mà có thể đặt kỳ vọng cao như thế cho 11 năm tới? hay là ta đang mơ mộng thiếu thực tế, thiếu trách nhiệm, và căn bệnh thành tích từ ngoài da đã đi vào xương tủy?

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng nhiều lần đòi hỏi phải thực hiện những biến đổi có tính cách mạng để chấn hưng giáo dục. Trong một bài viết đăng trên báo *Tiền Phong* số 25 ngày 18-6-2006, cố GS Lê Văn Giăng, một cự lĩnh đạo có uy tín của ngành đại học, cũng đã phát biểu: “Đã đến lúc phải chuẩn bị tiến hành một cuộc cải cách giáo dục thực sự nghiêm túc và thực sự khoa học *để ra khỏi tình hình khủng hoảng triền miên của giáo dục 20 năm vừa rồi*, để bước vào thời kỳ chấn hưng giáo dục như Nghị quyết của Đại Hội Đảng X vừa yêu cầu”. Đó là chưa kể nhiều kiến nghị tương tự của nhiều bậc thức giả trong nước và Việt kiều, đặc biệt bản điều trần của 24 trí thức năm 2004 và bản kiến nghị đầu năm 2009 của Viện Nghiên cứu Phát triển IDS (nay đã giải thể). Thiết nghĩ chỉ những ai điếc không sợ súng hoặc quá vô tâm với đất nước mới có thể yên lòng trước tình hình giáo dục hiện nay.

Có ý kiến biện bạch rằng hàng loạt cải tiến, đổi mới lớn nhỏ mà ngành giáo dục đang thực hiện cũng là cải cách. Phải công nhận hai chữ “đổi mới” nhan nhản trong hầu hết các đề án công tác của ngành giáo dục, nào là đổi mới nội dung, phương pháp và quy trình đào tạo, đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới cơ chế tài chính, đổi mới phương thức triển khai hoạt động khoa học công nghệ, v.v. Chỉ có điều đổi mới thế nào thì chẳng ai giải thích nổi, chẳng ai biết rõ, cho nên cứ đổi mới tùy hứng, tùy tiện, tùy nghi, theo kiểu đầu Ngô mình Sở. Vả chẳng cần thấy rằng cái cày chia vôi dù có cải tiến giỏi đến đâu vẫn không thể biến thành cái máy cày hiện đại được; căn nhà tập thể thời bao cấp dù sửa chữa tân tạo hết mức vẫn không thể thành một chung cư tiện nghi hiện đại. Những “đổi mới” như thế kia giỏi lắm cũng chỉ cho ta một nền giáo dục tốt theo chuẩn mực... nửa thế kỷ 20, chứ không thể biến nó thành một nền giáo dục hiện đại ở thế kỷ 21. Cứ xem bản chiến lược giáo dục 2009-2020 thì rõ: ví thử chiến lược này được thực hiện đầy đủ (điều khó thể), thì đến 2020 Việt Nam cũng chỉ có một nền giáo dục kiểu 1950, lạc hậu, còn xa mới hòa nhập được vào nền văn minh thời đại.

### **3. Giáo dục không phải là phòng thí nghiệm, càng không thể là nơi để học việc lãnh đạo.**[\[58\]](#)

Từ lâu ngành giáo dục đã có thói quen xem học sinh như những con chuột bạch để làm thí nghiệm

thoải mái, mà điển hình là mười mấy năm liền thí nghiệm các chương trình phân ban trung học phổ thông. Thí nghiệm đi thí nghiệm lại không biết bao nhiêu lần, tốn kém bạc tỉ và không tính được hết thiệt hại cho các thế hệ học sinh nạn nhân thí nghiệm. Rất khó hiểu tại sao lợi ích của học sinh bị xem thường đến vậy. Thử nghĩ có hãng hàng không nào dám mạo hiểm đưa máy bay mới ra chỉ để thí điểm xem chở khách có an toàn không? Vậy tại sao Bộ GD-ĐT có quyền thực hiện thí điểm các chương trình phân ban cho hàng nghìn, thậm chí hàng vạn học sinh trong cả hơn chục năm trời? Mỗi lần thí điểm đều kết luận chưa thành công, kết quả chưa tốt, thế mà người ta vẫn vô tư tiếp tục thí điểm.

Quan điểm coi thường lợi ích của xã hội thể hiện trong nhiều chủ trương giáo dục mà nếu mô tả là “ngao cổ” có lẽ cũng không sai lắm. Về hàng loạt vấn đề quan trọng như quy chế công nhận, bổ nhiệm GS, PGS, quy chế tổ chức Hội Đồng Giáo Dục Quốc Gia, chuyên biên soạn, xuất bản và phát hành sách giáo khoa, chuyện thi cử, đào tạo Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, v.v... đã có biết bao đề xuất hợp lý bị bỏ ngoài tai, phải chờ đợi đến cả chục năm trời hay hơn mới được nghiên cứu để tiếp thu. Có người khen Bộ GD-ĐT “trơ như đá, vững như đồng”, nhưng dù bậc trí lực cao siêu cũng không thể luôn luôn sáng suốt. Huống chi, nhìn vào bảng chi tiêu của ngành giáo dục thấy quá nhiều khoản chi lớn để “nâng cấp năng lực quản lý”, cử cán bộ đi tham quan, học tập kinh nghiệm ở các nước, chứng tỏ điều ngược lại có lẽ đúng hơn.

Như đã nói trên, nguyên nhân sa sút của giáo dục là quản lý yếu kém, song cần nói cụ thể hơn là quản lý yếu kém như thế nào. Trong chiến tranh chống Pháp rồi chống Mỹ, giữa muôn vàn khó khăn, giáo dục nói chung và đại học nói riêng vẫn phát triển tốt là nhờ có được những vị tư lệnh hiểu biết sâu sắc giáo dục, có tầm nhìn xa, có uy tín cao trong ngành về cả đức độ và tài năng. Sau này chúng ta thường xuyên gặp khó khăn cũng chính là vì tâm và tầm của cơ quan quản lý giáo dục. Nếu xem giáo dục là quốc sách hàng đầu thì phải hết sức coi trọng nhiệm vụ lãnh đạo giáo dục. Người được giao phó nhiệm vụ này chẳng những phải hiểu biết sâu sắc giáo dục hiện đại mà còn phải có điều kiện tập trung toàn tâm toàn ý cho nhiệm vụ ấy. Không thể xem giáo dục là nơi học việc lãnh đạo, không thể giao những nhiệm vụ quan trọng trong quản lý giáo dục cho những người chưa biết việc, chưa thạo việc. Còn nếu ai chưa thạo việc, chưa biết việc thì hãy để họ học việc thành thạo rồi hãy giao việc.

Đáng lo là ở nước ta có quá nhiều vị được giao nhiệm vụ rồi mới học việc, có khi học việc chưa xong chỗ này đã chuyển sang học việc chỗ khác quan trọng hơn, rồi cuộc biến mỗi ngành công tác thành một phòng thí nghiệm đồ sộ, một nơi thực tập, học việc cực kỳ tốn kém cho xã hội.

Có những câu hỏi thật khó trả lời: tại sao sau ba mươi năm mà các quy chế đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, hay công nhận, bổ nhiệm GS, PGS của ta vẫn còn nhiều điểm ấu trĩ so với ngay cả một số nước trong khu vực? Tại sao nhiều quy định sai lầm đến buồn cười trong các quy chế ấy vẫn tồn tại dai dẳng thời gian dài trước đây và có nhiều cái tồn tại mãi đến tận hôm nay? Có người bảo rằng ta không thể máy

móc sao chép cách làm của nước ngoài cho nên phải sáng tác cách làm riêng phù hợp với điều kiện của ta. Nghe rất có lý, nhưng phải xét hậu quả thực tế là với cách quản lý ấy ta đã đào tạo ra hàng ngàn tiến sĩ giấy và xây dựng được một đội ngũ PGS, GS với trình độ, chất lượng ra sao ai cũng biết. Ngay gần đây tôi được biết chúng ta có cả những cơ sở đào tạo tiến sĩ về quản lý giáo dục. Cái tin ấy thật sự làm tôi ngỡ ngàng: rồi đây số tiến sĩ ấy đương nhiên sẽ đóng góp vào con số 20000 tiến sĩ ta dự định đào tạo trong 11 năm tới.

Trong giáo dục, khoa học có những vấn đề mà tranh luận cả ngày cũng không kết luận nổi, nếu vốn hiểu biết và vốn văn hóa phổ quát quá khác nhau. Cho nên cần, rất cần chờ đợi và lắng nghe nhau, song trước hết phải được thẳng thắn trao đổi ý kiến.

## **Gian, dỏm - chẳng phải chuyện nhỏ!**[\[59\]](#)

Gần đây rộ lên chuyện một số cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh mua bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ từ các đại học dỏm ở nước ngoài. Thật ra đây không phải là chuyện mới, mà đã xảy ra ít nhất từ mười lăm năm nay, và không phải chỉ có mua bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ mà cả những chức danh cao hơn như: Viện sĩ, Giáo sư danh dự, chuyên gia lỗi lạc, danh nhân thế giới, v.v... Chỉ có khi lộ liễu quá và vì sự ngẫu nhiên nào đó (rủi cho đương sự) thì sự việc mới bị xới tung lên, còn thường thì chuyện mua bán này vẫn xuôi chèo mát mái. Ở xứ ta, bằng cấp chưa cần biết thật hay dỏm từ lâu vốn đã được ưa chuộng quá mức, bằng cấp càng cao càng danh giá và có thể là bàn đạp để thăng tiến nhanh trên quan trường. Từ thời cụ Nguyễn Khuyến đã có Tiến sĩ giấy, từ thời Vũ Trọng Phụng đã có những Xuân Tóc Đỏ, hướng bây giờ toàn cầu hóa, hội nhập, kinh tế tri thức.

Đáng lo hơn là sự sản xuất hàng loạt Thạc sĩ, Tiến sĩ kém, dỏm, do các đại học lớn của ta liên kết đào tạo với những đại học nước ngoài chất lượng không bảo đảm, kiểu như Đại học Irvine, Đại học Southern Pacific và các đại học trong danh sách đã được công khai gần đây, có khi còn tệ hơn nữa. Có thể lãnh đạo các đại học của ta bị choáng ngợp bởi những quảng cáo lừa mị, nhưng cũng có thể vì những động cơ khác, không loại trừ chạy theo lợi nhuận bất chấp chất lượng.

Mấy ngày qua công luận đã có những ý kiến phê phán rất xác đáng. Tuy nhiên đây chỉ mới là phần nổi của tảng băng. Cần phải đi sâu hơn, phân tích kỹ hơn để nhận dạng đầy đủ căn nguyên cái tệ nạn đáng hổ thẹn này nó là con vi rút ẩn mình đang gây ra những căn bệnh hiểm nghèo tàn phá dữ dội cơ thể xã hội ta nếu không lo chữa chạy. Bởi cũng chính con vi rút gian, dỏm đó chứ không gì khác đã gây ra khối u ác tính “tham nhũng” đang tàn phá dữ dội cơ thể xã hội ta.

Nói cho đúng, cái bằng Tiến sĩ của ông Phó Bí thư Yên Bái hay ông Giám đốc Sở Thông tin Du lịch Phú Thọ cũng là bằng thật, đâu phải bằng giả, được cấp bởi một đại học hoạt động công khai, đúng pháp luật của nước sở tại. Điều kiện trả tiền để được cấp bằng thì họ cũng chẳng giấu giếm, không thể bảo họ lừa đảo. Mà ngẫm cho kỹ, các bằng ấy có gì khác các bằng Tiến sĩ thật, do một số đại học kém chất lượng của ta cấp những năm qua. Ai dám chắc trình độ các Tiến sĩ giấy khá hơn các tiến sĩ “dỏm”? Đi xa hơn, hàng loạt Giáo sư, Phó giáo sư trong số đã được Nhà nước long trọng công nhận trước sự chứng giám của các bậc hiền tài Quốc Tử Giám đã chắc gì không phải là Giáo sư “giấy”, Giáo sư “dỏm”, ngay cả theo tiêu chí quốc tế thấp nhất. Một trang mạng gần đây được nhiều người đọc đã liệt kê một danh sách rất dài những giáo sư, phó giáo sư về kinh tế và khoa học tự nhiên chưa có hoặc chỉ có vài công trình khoa học nghiêm túc công bố trên quốc tế mà đã hoặc đang giữ những chức vụ lãnh đạo cao nhất trong giáo dục, khoa học. Chỉ ngần ấy thông tin cũng đủ làm giật mình những ai quan tâm đến nền học vấn nước nhà. Ngoài ra còn mấy tá Viện sĩ mua được hay chạy được từ các nước ngoài nữa. Dĩ nhiên ở đây tôi không gộp những Viện sĩ thứ thiệt do các viện hàn lâm nghiêm

chính bầu chọn, nhưng số này rất ít, và họ thường ít xưng danh vì thừa hiểu “hữu xạ tự nhiên hương”. Kể ra thì ngay cả các chức danh Viện sĩ mua được hay chạy được cũng đều là “thật” cả vì đều có giấy chứng nhận hẳn hoi là thành viên (member) của những tổ chức mang tên Viện hàn lâm, Viện tiểu sử danh nhân, hoạt động đảng hoàng ở Mỹ, Anh, Nga,... Các viện này rao bán các chức danh chẳng khác gì các đại học bán bằng cấp với giá rẻ, có khi chỉ cần vài ba trăm USD cũng đã có chức danh “thành viên” (member) của Viện hàn lâm này nọ (mà thành viên Viện hàn lâm thì lập tức được dịch ra là Viện sĩ), hay “danh nhân thế giới” (có tên trong tập sách Who’s Who của họ), “chuyên gia quốc tế hàng đầu”, “bộ óc vĩ đại”, v.v. Cũng có khi chẳng phải trả đồng nào gặp lúc họ khuyến mãi. Một số các viện đó (kiểu như Viện Hàn lâm New York của Mỹ, hay Viện Hàn lâm Khoa học Tự nhiên của Nga) thật ra là những Hiệp hội khoa học, kết nạp hội viên rất rộng rãi (có khi đến hàng mấy vạn hội viên), chỉ cần đóng một khoản tiền hay nộp niên liễm một lần là được cấp giấy chứng nhận hội viên (dịch ra tiếng Việt thành Viện sĩ - thành viên của một Viện hàn lâm). Ở các nước phát triển, chẳng mấy ai coi trọng các chức danh dỏm đó. Của đáng tội, thỉnh thoảng cũng có vài bạn Việt kiều về nước mang những thứ đó ra khoe, gây thêm nhiễu vào một môi trường đã rối ren.

Vậy xét cho cùng việc mua bằng Tiến sĩ của hai ông Ngọc và Ân (Phó Bí thư tỉnh và Giám đốc Sở) cũng không sai trái gì ghê gớm hơn việc tương tự của nhiều vị Viện sĩ, danh nhân thế giới, bộ óc vĩ đại, v.v. Cái sai đáng chê trách nhất là từ phía cơ quan đã khuyến khích họ mua bằng Tiến sĩ hay Thạc sĩ để thăng chức. Còn nếu ai đó xưng danh rõ ràng tiến sĩ Đại học Irvine, tiến sĩ Đại học Southern Pacific, hay Viện sĩ Viện Hàn lâm New York, thì đó cũng là quyền tự do của mỗi người. Cái sai lớn nhất ở chỗ chỉ lập lờ “tiến sĩ, viện sĩ,” không cho ai biết là Tiến sĩ Viện sĩ để diện chơi hay Tiến sĩ, Viện sĩ danh giá thứ thiệt. Càng sai hơn nữa nếu người phụ trách công tác xét chức danh Giáo sư, Phó giáo sư mà lại đi tự phong một chức danh Nhà nước chưa đặt ra. Muốn chính danh, muốn hợp pháp, xin hãy ghi rõ Viện sĩ Viện hàn lâm nào. Dù cho là Viện hàn lâm thứ thiệt thì vẫn có khoảng cách lớn giữa Viện hàn lâm Khoa học Pháp, hay Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ với Viện hàn lâm một nước chậm phát triển. Ở các xứ văn minh người ta đều làm như vậy. Phải chăng vì chỉ số IQ ta quá cao nên mới có bấy nhiêu chuyện rắc rối cần bàn.

Đáng trách nhất là sự quản lý bất cập của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Khoa học và Công nghệ, nơi lẽ ra phải cầm cân nảy mực nhưng lại để xảy ra nhiều chuyện không hay ngay trong ngành, trong cơ quan mình. Cách đây mấy năm đã từng có chuyện một người trước học ở Liên Xô cũ, chẳng có thành tích gì đặc biệt, nhưng nhờ tiền làm ra được vào thời buổi nhá nhem khi Liên Xô sụp đổ nên kiếm được chân thành viên của một số tổ chức mệnh danh học thuật nào đó, thế là được giới thiệu về nước với chức danh viện sĩ 5 viện hàn lâm ở châu Âu, rồi được cử vào ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc, và giữ những chức vụ quan trọng ở một đại học lớn (về sau cái ông 5 lần viện sĩ ấy được công nhận PGS, thành ra cái chức danh lố bịch PGS viện sĩ!). Thật là nổi nhục cho một đất nước nghìn năm

văn hiển.

Có phải các cơ quan Nhà nước vì thiếu hiểu biết mà để xảy ra những chuyện bi hài như vậy không? Tôi xin được phép nghi ngờ đây không phải chỉ vấn đề năng lực, trình độ, mà còn là vấn đề đạo đức.

Vấn đề năng lực, vì những người chưa từng có một công trình khoa học nghiêm túc nào hay chỉ có một vài công trình mà đã lâu xa rời công tác giảng dạy và nghiên cứu lại được giao trách nhiệm chủ trì các Hội đồng phong các chức danh khoa học thì làm sao không phạm sai lầm?

Vấn đề đạo đức, vì nếu những người bản thân thiếu trung thực, thiếu công tâm được giao trách nhiệm quản lý một đơn vị hay lãnh đạo một công tác đòi hỏi cao tính trung thực, sáng tạo thì làm sao tránh được đạo đức giả? Khi mà cấp trên (trong bộ máy công quyền) không đảng hoàng thì làm sao giáo dục được cấp dưới đảng hoàng? Có lần ngồi trên một chuyến xe buýt du lịch từ Tp. Hồ Chí Minh đến Mũi Né, tôi vô tình được nghe hướng dẫn viên du lịch trên chuyến xe đó kể chuyện qua micro cho tất cả khách trên xe (đều là cán bộ giáo dục) cùng nghe về sự đạo đức giả của một quan chức giáo dục siêu cao luôn luôn khuyên nhủ học sinh, sinh viên phải trung thực nhưng chính mình không làm gương.

Trước đây mấy năm, trong một hội nghị bàn về giáo dục, tôi đã có lần thưa thật với Thủ tướng lúc đó: nhà nước ta chưa bao giờ nghiêm với các vụ chạy chức, chạy quyền, bằng giả, học giả bằng thật. Từ đó đến nay tình hình vẫn vậy, có phần sa sút hơn vì chưa bao giờ bệnh thành tích phát triển mạnh như vài năm qua. Sự giả dối, sự gian trá, bệnh thành tích đạt đến siêu cao khi chính người lên án sự giả dối, gian trá, chống bệnh thành tích, là kẻ giả dối chạy theo thành tích chẳng kém ai.

Trong một nước mà bằng cấp, chức tước đều có thể mua bán và nạn đạo văn, đạo nhạc, v.v. lan tràn hầu như ở đâu cũng có thì bộ máy hành chính quan liêu tham nhũng cực độ chẳng có gì lạ. Tất cả là do sự giả dối, sự gian trá nấp dưới vỏ ngoài đạo đức giả đã trở thành một thứ nghệ thuật xảo trá đến ma quái. Kinh nghiệm các nước đều cho thấy, khi thiếu trung thực bắt đầu từ những chuyện tưởng là nhỏ trong đời sống xã hội bị bỏ qua thì cuối cùng tất yếu sẽ dung túng tham nhũng, làm ăn dối trá chụp giật, không khuyến khích sáng tạo, chỉ cần bắt chước, ăn cắp, khôn ranh, như vậy sẽ chẳng có hy vọng gì cạnh tranh nổi để tồn tại, chưa nói để phát triển bình thường, càng khó trở thành con rồng, con hổ gì trong thế giới này. Thử nghĩ xem: với kiểu tăng trưởng như ta, dù có tăng trưởng đến 15% năm thì bao nhiêu năm nữa mới đuổi kịp Thái Lan, Malaysia? Huống chi tăng trưởng 10% thì phải trừ đi ít nhất 5 - 6% do môi trường hủy hoại, do ăn vào tương lai con cháu, do làm kém chất lượng, làm hư hỏng phải làm đi làm lại (nhớ rằng mỗi lần làm lại vẫn được tính vào tăng trưởng!).

Cho nên là người Việt xin đừng ai nghĩ gian, dỏm chỉ là chuyện nhỏ, chuyện vặt, không đáng lo. Cách đây mười lăm năm, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng kêu gọi: ngôi nhà chúng ta đã quá bẩn, phải kiên quyết quét sạch rác rưởi, dọn sạch ngôi nhà, đó là nhiệm vụ khẩn cấp số một. Từ bấy đến

nay rác rưởi vẫn đầy nhà. Tiếp lời kêu gọi của nhà lãnh đạo cách mạng quá cố, xin hãy gióng lên hồi chuông báo động đỏ trước khi quá muộn.

## Tái cấu trúc và sửa lỗi hệ thống<sup>[60]</sup>

Mấy năm nay trong xã hội ta thường nghe nói đến các *lỗi hệ thống*. Và trong năm 2011 cụm từ *tái cấu trúc* được nhắc đi nhắc lại với tần số kỷ lục trong các giải pháp vượt qua khó khăn kinh tế gay gắt hiện nay. Không hẹn mà gặp, các từ này đã trở thành những *từ khóa* trong phần lớn các nghiên cứu về quản lý kinh tế xã hội trong cả năm 2011. Cho nên có lẽ cũng là tự nhiên nếu câu chuyện đầu năm xoay quanh tái cấu trúc và lỗi hệ thống.

Một hệ thống phức tạp được đặc trưng bởi mục tiêu, thành phần, cơ chế hoạt động và cấu trúc các mối quan hệ giữa các thành phần của nó với nhau và với môi trường bên ngoài.

Trong quá trình hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu của nó, một hệ thống phức tạp, dù là một doanh nghiệp, một ngành kinh tế, văn hóa, xã hội hay những hệ thống lớn hơn, đều không tránh khỏi lúc này lúc khác có trục trặc. Nếu chỉ là trục trặc trong vận hành bình thường thì có thể dựa theo cơ chế phản hồi để phát hiện và điều chỉnh. Nhưng nếu trục trặc lớn, kéo dài thời gian lâu, thì thường có thể do mục tiêu sai, hoặc cấu trúc của hệ thống có vấn đề, có khuyết tật cơ bản, hoặc cả mục tiêu lẫn cấu trúc đều có chuyện. Khi đó, nếu chỉ xử lý cục bộ, chắp vá, vụn vặt, theo phương thức sai đâu sửa đó, thì không những không giảm bớt được trục trặc, mà có khi còn làm phát sinh thêm những rối ren, phức tạp mới, làm bất ổn gia tăng, đến mức có thể vượt khỏi tầm kiểm soát. Giải pháp đúng đắn trong tình huống đó chỉ có thể là dựa trên phân tích hệ thống, xét lại toàn bộ tổ chức, từ mục tiêu đến cơ chế hoạt động và các mối quan hệ trong nội bộ hệ thống với nhau và với môi trường, để thấy rõ và tìm cách sửa chữa những khuyết tật cơ bản của hệ thống, tức là các lỗi hệ thống, theo cách nói quen thuộc gần đây.

Đó là ý nghĩa các phạm trù “lỗi hệ thống” và “tái cấu trúc” mà gần đây đã được sử dụng khá phổ biến trong các câu chuyện chính trị và kinh tế, xã hội.

Thực tế xây dựng đất nước hơn ba mươi năm qua đã dạy chúng ta một bài học đắt giá: chỉ trong vòng mười năm sau ngày thống nhất Tổ quốc, đất nước đã đứng trên bờ vực sụp đổ, buộc chúng ta phải tỉnh giấc, nhìn thẳng vào những thất bại gây nên do những lỗi lầm hệ thống tích lũy trong quản lý kinh tế xã hội, từ đó mới có công cuộc đổi mới mà nhờ đó đất nước đã vượt qua khủng hoảng để hồi sinh kỳ diệu trong thập kỷ 1990.

Ngày nay, éo le lịch sử lại đặt thế hệ chúng ta đứng trước tình huống tương tự như 25 năm trước. Bên cạnh những thành tựu bắt nguồn từ đổi mới, trong thời gian 5-7 năm gần đây đã xuất hiện nhiều sai lầm, thất bại đưa đất nước đến những khó khăn hết sức nghiêm trọng. Những gì tích cực mà đổi mới có thể đem lại đều đã đạt tới giới hạn. Nhiều lỗi hệ thống ở tầng sâu trước đây còn khuất nay bắt đầu lộ diện, khiến chúng ta đứng trước sự lựa chọn mới: hoặc tiếp tục làm ngơ với các lỗi hệ thống đó, chấp nhận đối mặt với nguy cơ trì trệ, thậm chí lụn bại và chuốc lấy nguyên rủa của đời sau, hoặc chịu đau

giải phẫu và cắt bỏ những mầm bệnh mà thật ra đã ủ sẵn trong cơ thể từ nhiều thế hệ trước, và dùng cảm thay đổi tư duy một lần nữa, mở ra một thời kỳ khai sáng mới, xứng đáng với truyền thống cách mạng của các thế hệ tiền bối và không thẹn với những hy sinh mất mát to lớn của cả dân tộc qua mấy chục năm chiến tranh tàn khốc.

Trước hết, về đời sống chính trị. Có thể nói hầu hết những gì khó khăn, bê bối, trì trệ, suy thoái, hư hỏng, kéo dài trong mấy chục năm qua, suy cho cùng, có nguồn gốc liên quan tới những khuyết tật hệ thống của thể chế chính trị, cho nên sẽ khó có hy vọng khắc phục triệt để nếu không loại bỏ những lỗi hệ thống đó.

Điều nguy hiểm đáng lo, như Tổng Bí Thư đã nhận định trong Hội nghị TƯ vừa qua, là suy thoái biến chất đã diễn ra ở một bộ phận không nhỏ đảng viên giữ vị trí cao trong bộ máy quyền lực, ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của dân. Nói như dân gian: nhà dột từ nóc. Sở dĩ như vậy là do quyền lực tập trung quá đáng mà không có cơ chế kiểm soát hữu hiệu, tiếng là thể chế dân chủ nhưng nặng về dân chủ hình thức, luật pháp không nghiêm minh, khiến tham nhũng, tội phạm có điều kiện hoành hành cả ở những nơi lẽ ra phải gương mẫu và trong sạch nhất. Bộ máy hành chính qua nhiều lần “cải cách” ngày càng đồ sộ mà vẫn quan liêu, xa dân, hành dân là chính. Nhiều quan lớn trong bộ máy không ngót rao giảng đạo đức mà thật ra lối sống đồi trụy, chỉ chăm chăm lợi dụng chức quyền mưu lợi vinh thân phì gia. Với một nền quốc trị như thế, trách sao văn hóa, đạo đức xã hội không ngày một suy đồi, các bản tin hàng ngày dày đặc những vụ lừa đảo, trộm cắp, chém giết nhau mất hết tính người.

Thật đau xót khi nghĩ tới một xã hội cách đây chưa lâu từng được ca ngợi nghèo nhưng vẫn giữ được phẩm cách, nay đầy rẫy những cảnh xa xỉ lố lăng, gian dối, xảo trá, không chút tự trọng. Cho nên sửa đổi hiến pháp đi đôi với chỉnh đốn Đảng, chỉnh đốn bộ máy chính quyền, tái cấu trúc ở tầng sâu chính trị nhằm sửa sai hệ thống là yêu cầu khẩn thiết hiện nay cần thực hiện bằng được mới mong có thể lấy lại niềm tin đang mất dần của dân.

Thứ hai, về đời sống kinh tế. Trong mấy thập kỷ mải mê phát triển kinh tế dựa vào tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ, lấy doanh nghiệp Nhà nước làm chủ đạo, xây dựng các tập đoàn chủ chốt dựa trên độc quyền và sự ưu ái của Nhà nước chứ không dựa trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, trong khi đó lơ là văn hóa, giáo dục, khoa học khiến các lĩnh vực này sa sút nghiêm trọng – nay đã rõ mô hình đó không thể tiếp tục. Tai hại là đường lối phát triển kinh tế thiển cận đó được thực thi trên nền một thể chế lỏng lẻo bị thao túng bởi các nhóm lợi ích, khiến tham nhũng, lộng quyền, thiếu dân chủ đã trở thành những căn bệnh đặc trưng của xã hội Việt Nam hiện nay. Nếu không đủ quyết tâm trừ diệt tận gốc mà cứ để những căn bệnh này ăn sâu vào xương tủy xã hội thì không mong gì những kế hoạch tái cấu trúc kinh tế có thể thực hiện có hiệu quả.

Sau cùng, nhưng xét về lâu dài lại là căn bản nhất, là đời sống văn hóa, giáo dục, xã hội. Không

phải không có cơ sở mà ngay trong chế độ thực dân hà khắc, Phan Châu Trinh đã khởi xướng cứu nước bằng đường lối “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Sự xuống cấp ở đây thấm thía từng ngày, chưa bao giờ người dân bình thường cảm thấy cuộc sống bất an như lúc này. Đường sá, phương tiện giao thông thiếu an toàn (gần đây càng trầm trọng do các vụ cháy xe liên tiếp vì xăng kém phẩm chất), bệnh viện quá tải thê thảm, thực phẩm độc hại tràn lan, trường học cũng không yên tĩnh, đành rằng tất cả đều có phần hệ quả trực tiếp của những sai lầm hệ thống nói trên về chính trị, kinh tế. Tuy nhiên, ở đây cũng cần nhận rõ những sai lầm hệ thống ngay trong văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế, xã hội nữa.

Về giáo dục, những yếu kém, bất cập, hư hỏng lưu niên đến nay chưa dứt chứng tỏ đường lối đổi mới cục bộ, chấp vá, vụn vặt, lảng nhãng, từng thực thi qua ba đời bộ trưởng đã hoàn toàn phá sản. Từ lâu, cải cách giáo dục toàn diện, triệt để, đã được cuộc sống cảm nhận bức thiết và TƯ Đảng, Chính Phủ cũng đã có những nghị quyết trình trọng khởi xướng từ 6-7 năm nay. Sai lầm hệ thống lớn nhất trong lĩnh vực giáo dục là đã đi lạc ra ngoài con đường chung của thế giới, kìm hãm thế hệ trẻ trong nền cử nghiệp hư học mà ngay từ thời phong kiến, vua Minh Mạng triều Nguyễn đã từng nghiêm khắc lên án nó là nguyên nhân khiến “nhân tài trong nước ngày một kém đi” (*Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, trang 463). Trong đó cái chính sách lương không ra lương, ban đầu còn có lý do bào chữa là do khó khăn kinh tế, kỳ thật là một chính sách thiển cận tai hại, đương nhiên chủ yếu do chịu vòng cương tỏa của chính sách chung về lương công chức của Nhà nước, nhưng trong đó cũng có một phần không nhỏ là trách nhiệm của bản thân ngành giáo dục. Vì cái chính sách lương kỳ quặc này, không giống bất cứ ai trên thế giới, nên mới có tình trạng cũng không giống ai trên thế giới là thầy giáo không tập trung vào công việc mình được trả lương mà phải đầu tắt mặt tối kiếm thêm thu nhập từ những công việc khác. Nghịch lý lạ lùng là không đâu người thầy bị rẻ rúng, coi thường như ở xứ này, nơi mà từ xa xưa đã có truyền thống tôn kính thầy và nay vẫn luôn nhắc tới bốn chữ tôn sư trọng đạo. Vì vậy, tuy lúc này mới bắt tay cải cách giáo dục cũng đã quá muộn, nhưng lại có thể có thuận lợi cơ bản nếu được làm đồng bộ với cải cách chính trị và cải cách kinh tế như trên đã bàn.

Còn nhớ khi mới bắt đầu đổi mới, vào cuối thập kỷ 80, đã có lúc, do nghe theo đề xuất của một số cán bộ nghiên cứu thiếu hiểu biết, khái niệm *hộp đen* trong khoa học hệ thống đã được vận dụng khá bừa bãi trong quản lý kinh tế. Kỳ quặc đến nỗi danh từ *hộp đen* dùng để chỉ các xí nghiệp đã trở thành thời thượng trong các phát biểu của lãnh đạo, trên các báo lớn nhất ở trung ương, và cả một thời gian dài cái áo khoa học sang trọng khoác lên danh từ đó từng là yếu tố kích thích, tạo hứng cho hoạt động của các câu lạc bộ giám đốc xí nghiệp. Thậm chí nhiều người, cả ở cấp lãnh đạo cao, cũng tin tưởng ngây thơ chỉ việc “quay” các *hộp đen* cho giỏi thì sản xuất sẽ phát triển. Còn “quay” như thế nào thì tùy nghi, ai muốn hiểu cách nào cũng được, tha hồ cho trí tưởng tượng mặc sức vẽ vời. Đó là thời kỳ ấu trĩ, tuy cũng là một cách giải tỏa bớt tâm lý bế tắc chung vào lúc nhìn đâu cũng thấy khó khăn, nhưng cái hại lớn là tạo ra thói quen say sưa bàn thảo những chuyện vu vơ, chẳng ăn nhập gì với cuộc

sống đang nước sôi lửa bỏng hàng ngày. Mong rằng lần này chúng ta không lặp lại sai lầm đó, dù ở trình độ cao hơn.

Tái cơ cấu là để sửa các lỗi hệ thống, cho nên trước hết phải nhận định đúng các lỗi hệ thống, mới biết nên tái cơ cấu như thế nào và sau đó phải có đủ quyết tâm mới thực hiện được đến nơi đến chốn. Toàn bộ công việc đụng chạm đến các nhóm lợi ích mà một số nhóm này gắn chặt với các lỗi hệ thống, cho nên sẽ rất gay go, gian khổ. Từ hai mươi năm nay đây là thử thách lớn nhất, cầu mong hồn thiêng sông núi giúp đất nước vượt qua được thử thách này.

### **Năm 2012: Khi cải cách giáo dục là mệnh lệnh cuộc sống**[\[61\]](#)

Năm 2011, GS. Hoàng Tụy nhận được giải thưởng đầu tiên của Đại hội Toán học quốc tế về tối ưu toàn cục. Đó là niềm vinh dự của Việt Nam nhưng với ông, vẫn còn nhiều điều băn khoăn, trăn trở dù đã ở tuổi 84. Ông vẫn đau đầu lo cho nền giáo dục nước nhà, nếu không kịp thời đổi mới thì sẽ “chìm sâu” vào lạc hậu. Nhưng ông cũng đã bắt đầu khắp khởi mừng trước những quyết sách mà ngành giáo dục đã và đang thực hiện. Trước thềm năm mới Nhâm Thìn, Báo điện tử Tổ quốc gửi tới độc giả những quan tâm của vị giáo sư toán học hàng đầu Việt Nam đối với nền giáo dục nước nhà.

**PV: Là người có nhiều tâm huyết với giáo dục nước nhà, Giáo sư nhận định thế nào thời cơ và thách thức của Việt Nam trong năm mới?**

- **GS Hoàng Tụy:** Thời cơ và thách thức đối với đất nước là đề tài quá rộng đã được bàn luận nhiều ở nơi khác. Ở đây tôi chỉ trả lời hạn chế trong phạm vi giáo dục.

Trước hết nói về thời cơ. Hiện nay, giáo dục đang là nỗi bức xúc lớn của người dân, như đã thể hiện rõ trong các phiên họp Quốc Hội và trên các phương tiện truyền thông. Càng ngày cuộc sống càng đòi hỏi gắt gao giáo dục phải đổi mới toàn diện, triệt để, nếu không muốn đất nước chìm đắm mãi trong vòng lạc hậu. Bởi lẽ, không có gì cản trở sự nghiệp phát triển của đất nước hơn là một nền giáo dục yếu kém. Những sai lầm, thất bại, những bất cập, hư hỏng của giáo dục kéo dài trong hàng chục năm qua là điều thật không may cho đất nước, vào đúng lúc thế giới bước vào giai đoạn toàn cầu hóa và kinh tế tri thức. Những bất cập, hư hỏng đã tích lũy đến giới hạn tột cùng rồi, không còn có thể chịu đựng được nữa, cho nên việc cải cách giáo dục toàn diện, triệt để từ nhiều năm nay đã trở thành mệnh lệnh của cuộc sống. Trong ý nghĩa đó, đây là thời cơ để giáo dục lột xác. Đòi hỏi thực tế bức thiết là động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy giáo dục phải thay đổi. Có thể nói chưa bao giờ trong xã hội có sự đồng thuận cao như bây giờ về yêu cầu cải cách giáo dục.

Mặt khác, điều kiện then chốt bảo đảm chất lượng giáo dục là đội ngũ thầy cô giáo các cấp và đặc biệt là đội ngũ những nhà khoa học tài năng cho đại học. Từ hàng chục năm nay, những chính sách bất cập tệ hại trong việc đào tạo, quy tụ, sử dụng nhân tài đã là nguyên nhân quan trọng đưa đến sự khủng

hoảng trăm trọng nhân tài trong mọi lĩnh vực, đặc biệt trong giáo dục và khoa học. Rất may, những năm gần đây, bên cạnh những thông tin kinh tế không mấy phần khởi, đã có một số tin vui xuất hiện những nhân tài người Việt tầm cỡ thế giới. Đặc biệt, sự kiện Ngô Bảo Châu đã tạo một niềm hứng khởi lớn cho giới khoa học, giáo dục cả nước. Điều này chứng tỏ tiềm năng to lớn của trí tuệ Việt Nam, cho phép chúng ta đặt niềm tin và hy vọng vào tương lai, nếu biết khai thác đúng tiềm năng đó.

Tóm lại, khi giáo dục tụt xuống quá mức chịu đựng được, thì cũng chính là lúc thức tỉnh cả xã hội, từ người dân cho đến lãnh đạo cao nhất. Tôi được biết, sang năm 2012, sẽ có Hội nghị TƯ bàn kỹ và ra Nghị quyết về cải cách giáo dục. Đây là cơ hội lớn để các nhà lãnh đạo giáo dục suy nghĩ lại, nhanh chóng thoát ra tư duy bảo thủ, giáo điều, để lắng nghe và tiếp thu những tiếng nói xây dựng đầy tâm huyết của các bậc thức giả trong xã hội. Một nền giáo dục khai sáng chỉ có thể bắt đầu với tinh thần dân chủ thật sự và quyết tâm cao xây dựng một xã hội trong sạch, công bằng, văn minh trong giới lãnh đạo.

**- PV: Thế còn thách thức, thưa Giáo sư?**

**- GS.Hoàng Tụy:** Dĩ nhiên có nhiều thách thức đang “đợi” chúng ta. Một là sự lạc hậu trì trệ quá lâu. Mục tiêu, tổ chức và phương pháp giáo dục quá cũ kỹ, hoàn toàn không thích hợp với thời đại ngày nay. Nhu cầu hội nhập quốc tế rất bức thiết, nhưng giáo dục, khoa học của chúng ta lại quá kém khả năng hội nhập. Giáo dục là một hệ thống phức tạp, khi nó sa lầy trong khủng hoảng tức là có những lỗi hệ thống trầm trọng, không cách nào chữa khỏi bằng biện pháp chắp vá, sai đâu sửa đó. Như kinh nghiệm đã cho thấy từ nhiều năm nay, nếu không có tư duy hệ thống thì sửa đâu sai đó, càng sửa càng rối.

Thứ hai là tình hình kinh tế khó khăn đặt ra cho giáo dục những áp lực, những hạn chế khắc nghiệt. Chẳng hạn như việc đầu tiên cần làm để chấn hưng giáo dục là giải tỏa cái nghịch lý lương/thu nhập tồn tại từ hàng chục năm nay và chính nó là cái nguyên nhân chủ yếu làm suy đồi giáo dục. Thế nhưng thật tình tôi chưa thấy việc ấy có thể giải quyết như thế nào, trong tình hình kinh tế bị lũng đoạn bởi các nhóm lợi ích như hiện nay.

Tuy nhiên, những thách thức vừa nói dù sao vẫn chưa phải là đáng lo nhất. Mà đáng lo hơn nhiều là về mặt tư duy, tư tưởng, ý thức hệ, chưa sẵn sàng thực hiện cải cách giáo dục nghiêm chỉnh. Điều đáng nói ở đây là sự khác biệt đến trái ngược nhau giữa hai cách đánh giá thực trạng giáo dục của xã hội và cơ quan lãnh đạo: một bên bức xúc, lo lắng về sự xuống cấp, suy đồi, một bên không ngớt tự khen những thành tích “đặc biệt xuất sắc”. Như vậy rất có thể sẽ lặp lại tình hình trước đây: Nghị quyết rất đúng coi giáo dục, khoa học, công nghệ thuộc quốc sách hàng đầu, nhưng không thực hiện nghiêm chỉnh, cuối cùng đâu vẫn hoàn đó.

- **PV:** Hiện nay, Bộ GD-ĐT đang thực hiện nhiều đổi mới, Giáo sư có dự báo gì cho vấn đề này không?

- **GS.Hoàng Tụy:** Có một số thay đổi tôi thấy đúng và hoan nghênh. Như giao quyền tự chủ rộng rãi hơn cho các đại học lớn, đặc biệt trong việc đào tạo sau đại học. Tuy nhiên vẫn chưa đủ, còn phải làm nhiều nữa, như việc công nhận chức danh GS, PGS lâu nay rất nhiều khô, từ tiêu chuẩn cho đến quy định về bổ nhiệm, nhưng vẫn giữ gần như y nguyên. Với những hệ lụy tiêu cực mà ai cũng biết. Trong thi cử cũng bắt đầu có thay đổi theo hướng đúng, như giảm nhẹ kỳ thi THPT. Tôi hoan nghênh chủ trương này, với điều kiện coi đây là bước quá độ để tiến dần đến bỏ hẳn thi tốt nghiệp THPT và thay vào đó, học lớp nào, học kỳ nào, học phần nào phải kiểm tra, thi nghiêm túc ngay khi ấy. Giống như trong nhà máy, phải kiểm tra chất lượng từng chi tiết, bộ phận ngay khi làm ra ở các phân xưởng, chứ không ai đợi đến khi lắp ráp thành thành phẩm thì mới lấy từng chi tiết, từng bộ phận ra để kiểm tra chất lượng. Mặt khác việc học và thi như thế nào cho có hiệu quả là vấn đề phải giải quyết có hệ thống. Với cách tổ chức trung học phổ thông như hiện nay thì dù thi cử có cải tiến thế nào cũng vẫn bất cập vì hàng năm vẫn có hàng chục vạn thanh niên nam nữ sau 12 năm đèn sách, ra đời tay không, không có nghề, chỉ biết làm lao động đơn giản.

Còn một vấn đề hết sức quan trọng khác là các trường tư thục. Tình trạng rối loạn hiện nay là trách nhiệm của Bộ GD-ĐT, từ 4-5 năm nay đã lợi dụng việc xã hội hóa giáo dục để thực thi bừa bãi quan điểm giáo dục là hàng hóa. Cũng may chưa kịp cổ phần hóa các trường công lập, chứ không thì kết quả nếu không có tư duy hệ thống còn tệ hại nữa. Với chính sách đó, chỉ loại trường tư thục vì lợi nhuận được khuyến khích, còn trường phi lợi nhuận thì gặp vô vàn khó khăn.

- **PV:** Xin cảm ơn Giáo sư!

**HOÀNG CHÂU BÌNH thực hiện**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>  
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :  
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>  
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# Chú thích:

[1] Anh trai của ông nội.

[2] Bài đăng ở báo *Khoa học đời sống* ngày 14/10/1996. Bài này nguyên là bài phát biểu trong Hội nghị về Giáo dục do Thủ tướng Võ Văn Kiệt lúc ấy triệu tập trọng 3 ngày, mở đầu cho một loạt hội thảo lớn nhỏ về giáo dục và khoa học, chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương II, khóa 8 họp và ra một nghị quyết lịch sử về giáo dục và khoa học mà nhiều điều trong đó đến nay vẫn chưa thực hiện được đầy đủ.

[3] Vừa qua có Đại biểu Quốc hội đề nghị nên thành lập Ban điều tra về chất lượng giáo dục, có lẽ cũng là ý kiến tốt.

[4] Đã bớt nhiều, nhưng vẫn còn nhiều lớp chọn biến tướng.

[5] Đã bỏ được bộ đề thi, nhưng từ 2002 mới thật sự bớt được những đề thi theo kiểu đánh đố. Ba năm nay lại biến tướng thành “cấu trúc đề thi”.

[6] Nhưng đánh giá thế nào là chuyên gia giỏi thì lại dựa vào những tiêu chuẩn phiến diện rất lệch lạc.

[7] Kiến nghị này đã được chấp thuận, nhưng thực hiện không đúng, nên Hội đồng không làm được chức năng tư vấn mà biến thành một tổ chức quan liêu mới bổ sung vào bộ máy vốn đã quan liêu nặng.

[8] Năm 1996, theo lời khuyên của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng tôi đã gặp và trình bày trực tiếp ý kiến này với các vị lãnh đạo Đảng, Chính phủ và Quốc hội lúc đó (các ông Lê Khả Phiêu, Phan Văn Khải, Nông Đức Mạnh). Các vị đều hoan nghênh, và Nghị quyết Đại hội Đảng IX đã ghi rõ: cần giải quyết vấn đề lương một cách CƠ BẢN. Thế mà rồi, cho đến nay (2011) vấn đề vẫn còn nguyên, mà nguyên nhân chủ yếu theo tôi là vì tham nhũng chưa được đẩy lùi, có phần nghiêm trọng hơn.

[9] Bài đăng trên tạp chí *Tia sáng*, tháng 3/1999.

[10] Gần đây có tin hãng IBM, các đại học MIT, Berkeley, Oxford,... đã thành công trong việc chế tạo những máy tính đầu tiên dựa trên cơ sở cơ học lượng tử, với bộ xử lý làm bằng các nguyên tử H và Cl. Mặc dù trước mắt còn nhiều khó khăn lớn phải vượt qua, nhưng người ta đã nói đến triển vọng không xa thời đại những máy tính lượng tử với tốc độ gấp nghìn hay triệu lần tốc độ các siêu máy tính hiện nay. Một tin chấn động khác liên quan việc này là một nhà toán học (R Shor, giải thưởng Nevanlinna 1998) đã nghĩ ra được một thuật toán chạy trên máy tính lượng tử có thể giải mã dễ dàng các mật mã an toàn nhất hiện đang dùng (do đó khi máy tính lượng tử trở thành hiện thực trong thập kỷ tới thì tất cả các mật mã ấy sẽ trở thành vô dụng!).

[11] Bài đăng ở báo *Sài Gòn giải phóng* năm 2000.

[12] Sự lúng túng này mấy năm qua đã thể hiện rõ ở việc cho phép mở đại học và cao đẳng tràn lan, và nhất là chạy theo xu hướng thương mại hóa giáo dục vô nguyên tắc.

[13] Mãi đến nay (2011) tình trạng này vẫn còn nặng. Điển hình là gần đây chuyện Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra quy định quản lý cả các du học sinh tự túc, hay cả các phôi bằng đại học, v.v.

[14] Bài đăng ở báo *Văn nghệ* số 41 (13/10/2001).

[15] Trả lời phỏng vấn báo *Nông thôn ngày nay* - nguyệt san tháng 6 năm 2002.

[16] Bài đăng trên tạp chí *Tia sáng* tháng 2 năm 2003.

[17] Bài đăng trên tạp chí *Vietnamnet* ngày 20/05/2003.

[18] Chính vì vậy nên hội đồng xét duyệt phải chọn trong số chuyên gia giỏi, đủ thẩm quyền chuyên môn, chứ không phải theo nguyên tắc “cơ cấu”, cứ mỗi cơ sở (khoa, viện) đều được dành một số ghế nhất định tùy theo số lượng thầy giáo hay nhà khoa học mọi trình độ trong cơ sở đó, như chúng ta đã và đang làm từ mấy thập kỷ nay. Nếu ngành nào không đủ chuyên gia giỏi thì có thể lấy thêm ý kiến của chuyên gia nước ngoài.

[19] Bài đăng trên *Thời báo kinh tế Sài Gòn* ngày 1/1/2004.

[20] Tham luận tại hội thảo: “Làm thế nào nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo” (báo *Nhân dân* và Bộ Giáo dục và Đào tạo), ngày 23/12/2003, đăng trên tạp chí *Tia sáng* số 24, tháng 1/2004.

[21] Hồi đó chính tôi làm “Trưởng ban trừ bị cải cách giáo dục phổ thông” và chủ trì việc biên soạn chương trình và sách giáo khoa cho hệ thống phổ thông 10 năm.

[22] Bài đăng trên *Vietsciences*.

[23] John Hattie (s.1950): Giáo sư Giáo dục, Giám đốc Viện Nghiên cứu Giáo dục Melbourne thuộc đại học Melbourne, Australia. Nghiên cứu được nói tới bài là: Hattie, John A. (1992). *Measuring the Effects of Schooling*, Australia Journal of Education, Vol. 36, p. 5-13.

[24] R. Batliner, sổ tay phương pháp luận dạy học của chương trình hỗ trợ LNXH, *Swisscontact*, 2002, tr. A3.

[25] Bài đăng trên báo *Người lao động* ngày 14 và 18/2/2005.

[26] Muốn biết rõ xin xem bài của TS. Vũ Quang Việt, trên <http://vast.ac.vn/hvgsd>.

[27] Bài đăng trên tạp chí *Tia sáng* tháng 5/2005.

[28] Mặc dù đã được nói đến từ lâu nhưng đến nay chuyện phân cấp quản lý và quyền tự chủ của

các đại học lớn vẫn còn rất khó khăn, chưa thực hiện được thông suốt.

[29] Bài đăng trên báo *Khoa học và Phát triển*, Xuân Ất Dậu 2005; và *Tia sáng* 2/2005.

[30] Có khi họ dùng những từ trong nước hay hiểu nhầm, như “academy” để chỉ một hội khoa học rồi trong nước dịch là “viện hàn lâm”, hay “academic” để chỉ một người giảng dạy và nghiên cứu ở đại học, rồi trong nước dịch là “viện sĩ”.

[31] Một nhà toán học Việt Nam, 32 tuổi vừa nhận được một giải thưởng quốc tế cao năm 2004, nhờ một thành tựu toán học xuất sắc; hiện là giáo sư Đại học Paris 11 (năm 2005).

[32] Kiến nghị “Chấn hưng, cải cách, hiện đại hóa giáo dục” của một nhóm 24 trí thức gửi Trung ương và Chính phủ, tháng 7, 2004.

[33] Trần Trọng Kim: *Việt Nam Sử lược*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 1999, trang 463.

[34] Bài đăng trên báo *Người đô thị* tháng 6/2006 với tựa đề “Ngượng cho đất nước là nổi day dứt”.

[35] Bài đăng trên tạp chí *Tia sáng* tháng 5/2006.

[36] Bài đăng trên báo *Người lao động* 7/2006, báo mạng *Nhân dân* đăng lại ngày 10/7/2006.

[37] Bài đăng trên báo *Người lao động* ngày 14/8/2007 và trên tạp chí *Tia sáng* ngày 24/8/2007.

[38] Bài đăng trên *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, 4-10-2007.

[39] Có người nghĩ rằng vẫn có thể thu học phí cao ở các trường này, đồng thời miễn giảm học phí tùy theo mức thu nhập của gia đình. Lý thuyết tưởng thế là công bằng, nhưng thực hiện sẽ vấp phải vấn đề nan giải là xác định đúng thu nhập thực tế của các gia đình - một việc mà với cách quản lý hiện thời đang rất phức tạp khó khăn, dễ sinh mất công bằng trầm trọng, còn sau này khi làm được thì khâu đóng thuế đã có công bằng, không cần phân biệt giàu nghèo ở đây nữa.

[40] Bài đăng trên tạp chí *Tia sáng*, ngày 20/6/2008.

[41] Bài đăng trên tạp chí *Tia sáng*, tháng 12/2008.

[42] Phạm Duy Hiên: “Đại học hàng đầu ở Thái Lan và Việt Nam”, tạp chí *Tia sáng*, số 2, 20/1/2007.

[43] Nói thế không có nghĩa chỉ cần giải tỏa cái nghịch lý lương/thu nhập thì mọi việc sẽ ổn, mà chỉ có nghĩa: không làm việc này thì không khắc phục được những tiêu cực khác, làm việc này là điều kiện cần, *sine qua non*, nhưng đương nhiên không đủ. Sự thật là cái nghịch lý này đã kéo theo nhiều cái tiêu cực khác, rồi đến lượt các tiêu cực này dần dần có con đường phát triển riêng, có phần phụ thuộc có phần độc lập cái nghịch lý kia, vì đã trở thành thói quen khó bỏ. Đó là chưa kể ảnh hưởng của nhiều

tiêu cực trong hệ thống lớn (xã hội). Cho nên, phải sửa chữa nhiều lỗi trong hệ thống lớn (xã hội) nữa, và đi đôi với phá, phải có xây thì dần dần mới ổn. Tuy nhiên, trong phạm vi giáo dục, đây đúng là một lỗi hệ thống cơ bản.

[44] Theo trình bày của Bộ GD-ĐT (<http://www.vietnamnet.vn/giaoduc/2008/12/818314/>), đến năm 2020 mỗi đại học ấy sẽ có 50% giảng viên trở lên có bằng tiến sĩ, mỗi cán bộ có ít nhất 2 công bố trên tạp chí quốc tế uy tín,... Nếu chỉ vậy chưa thể coi là “đẳng cấp quốc tế”, càng không thể thuộc top 200 trên thế giới, mà mới chỉ là loại kém đối với một nước, chưa nói đến quốc tế. Chúng ta đã phạm sai lầm lớn hạ thấp chuẩn mực để có hàng vạn tiến sĩ hàng nghìn PGS, GS, với hậu quả như thế nào mọi người đã biết. Giờ đây lại hạ thấp chuẩn mực để chóng có nhiều đại học đẳng cấp quốc tế và đại học lọt vào top 200 trên thế giới? Đương nhiên phấn đấu để ta sớm có đại học đẳng cấp quốc tế là cần thiết, nhưng phải thực chất, còn nếu chạy theo một mục tiêu chính đáng, nhưng chỉ chú trọng hình thức, số lượng, thì sẽ vung phí tiền của mà sẽ xao lãng những việc cần kíp khác. Các bảng xếp hạng tung ra trên thế giới mấy năm gần đây chỉ mới có tính chất thương mại, quảng cáo, nên theo dõi để tham khảo, nhưng lọt vào top 200 trong các bảng ấy chẳng để làm gì. Từng có một đại học của một nước được xếp hạng cao bất ngờ, hỏi ra chỉ là do... “quan hệ” giỏi, liệu ta có định “chạy” để len vào top 200 theo kiểu đó? Còn nếu lọt vào top 200 một cách xứng đáng thì mục tiêu ấy không hiện thực, đến 2020 khó có thể đạt được.

[45] Theo quy định của Bộ Tài chính, không gian và phương tiện làm việc của những giáo sư và nhà khoa học hàng đầu của đất nước cũng kém hơn trưởng, phó phòng. Chi cho xây dựng trụ sở, trang thiết bị phòng làm việc, phương tiện làm việc của các quan chức thì thoải mái, nhiều hơn cả ở các nước giàu, nhưng chi cho xây dựng thư viện, chỗ làm việc của giáo sư, giáo viên rất khó khăn. Trong thang lương do Bộ Nội vụ xây dựng, bậc cao nhất của giáo sư (và nhà khoa học) thấp hơn bậc thấp nhất của “chuyên gia cao cấp”, thù lao giờ dạy cũng tính theo chức vụ hành chính: bộ, thứ trưởng cao nhất rồi mới đến giáo sư, phó giáo sư, v.v. Những ví dụ này thường được cho là chi tiết lật vật không đáng quan tâm, nhưng thật ra thể hiện cách nhìn của lãnh đạo đối với giáo dục, thật hơn mọi nghị quyết.

[46] Chẳng hạn mục tiêu “đào tạo con người yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội...” có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, và muốn an toàn nhiều người thường chọn cách giải thích y hệt 50-60 năm trước, thời đấu tranh giai cấp “ai thắng ai”, “tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội”. Khi nhìn nhận rằng tư duy chậm đổi mới thì cũng chỉ nhấn mạnh chậm ở chỗ chưa thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà nhận định này lại cũng chỉ được dùng để biện minh cho xu hướng tự do hóa giáo dục cực đoan, phát triển ồ ạt trường tư thục kinh doanh giáo dục kiếm lời đơn thuần vô trách nhiệm.

[47] Xem “Đề án cải cách giáo dục: Phân tích và đề nghị của nhóm nghiên cứu giáo dục Việt Nam”

(Hồ Tú Bảo, Trần Nam Bình, Trần Hữu Dũng, Ngô Vĩnh Long, Trần Hữu Quang, Hồng Lê Thọ, Trần Văn Thọ, Hà Dương Tường, Vũ Quang Việt, Nguyễn Xuân Xanh, Võ Tòng Xuân).

[48] Một số biện pháp quản lý doanh nghiệp trong cơ thể thị trường có thể vận dụng vào quản lý các đại học để nâng cao hiệu quả hoạt động, nhưng phần lớn các biện pháp đó cũng đòi hỏi một môi trường giáo dục lành mạnh mà ta chưa có và chưa thể có trong mấy năm tới. Quan điểm 5 này quá ngây thơ.

[49] Ví dụ có thông tin dự báo chính xác thì do nguồn lực có hạn, các chỉ tiêu đều phụ thuộc lẫn nhau, không dễ gì tính toán khoa học được một kế hoạch khả thi theo dự báo đó. Còn nếu chỉ bám độn để tính toán thì càng xa thực tế.

[50] “Bệnh thành tích và tiêu cực trong thi cử” sau hai năm chống có kết quả bước đầu, nay đang có chiều hướng quay trở lại, như đã thấy rõ qua kết quả tổng kết các kỳ thi 2008.

[51] Theo tin <http://www.vietnamnet.vn/giaoduc/2008/12/818768/>

[52] Theo “Đề án cải cách giáo dục” của nhóm nghiên cứu giáo dục Việt Nam, đã dẫn.

[53] Sinh viên ta du học ở các nước ngoài thường học giỏi những năm đầu, nhưng những năm sau, khi đòi hỏi sáng tạo và chủ động nhiều hơn thì mau đuối sức. Nguyên do là lối học nhồi nhét ở THPT trong nước đã làm họ mệt mỏi, không bền sức, kém chủ động, sáng tạo khi lên học đại học. Trong nước, có hiện tượng nhiều sinh viên khi lên đại học không chăm chỉ, say sưa học tập như lúc ở THPT một phần do cách dạy ở đại học nhưng phần khác cũng do những năm ở THPT đã phải cố gắng quá sức.

[54] Cách phân ban từ 2007 đến nay tuy có mềm dẻo hơn trước (nhờ có ban cơ bản) nhưng vẫn còn rất cứng nhắc đối với hai ban KHTN và KHXH và không hiệu quả đối với ban cơ bản.

[55] Đề tham khảo có thể lấy ví dụ về chuyên ngành toán: nói chung (không kể ngoại lệ) trợ giảng phải là tiến sĩ giỏi, có ít nhất 5-7 công trình công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín trong chuyên ngành, PGS đã từng là trợ giảng giỏi khoảng 5 năm, có ít nhất 15-20 công trình, GS đã từng là PGS giỏi, có khoảng 30-40 công trình. Đó là nói về định lượng còn phải xét định tính từng trường hợp cụ thể, dựa trên sự thẩm định khách quan của các chuyên gia giỏi trong chuyên ngành.

[56] Chuyên gia tầm cỡ quốc tế được hiểu là người có uy tín quốc tế trong chuyên ngành của mình. Trái với quan niệm phổ biến hiện nay, ta hiện chưa có nhiều chuyên gia như vậy trong từng chuyên ngành. Nhiều nhà khoa học trong nước rất nổi tiếng rồi được coi như chuyên gia tầm cỡ quốc tế, nhưng tên tuổi trên quốc tế lại ít được biết đến. Dù không có tiêu chí thật chính xác, nhưng một chuyên gia tầm cỡ quốc tế phải có những thành tựu khoa học được biết đến rộng rãi trong cộng đồng quốc tế về

chuyên ngành đó, thể hiện ở mức độ được trích dẫn trên các tạp chí quốc tế.

[57] Bài đăng trên tạp chí *Tia sáng* ngày 15/10/2009.

[58] Đoạn này khi đăng có sửa đôi chỗ.

[59] Bài đăng trên tạp chí *Tia sáng* ngày 15/8/2010.

[60] Đăng trên *viet-studies* ngày 5/1/2012.

[61] Đăng trên báo điện tử Tổ quốc, ngày 17/1/2012.